From Intellect to Intuition



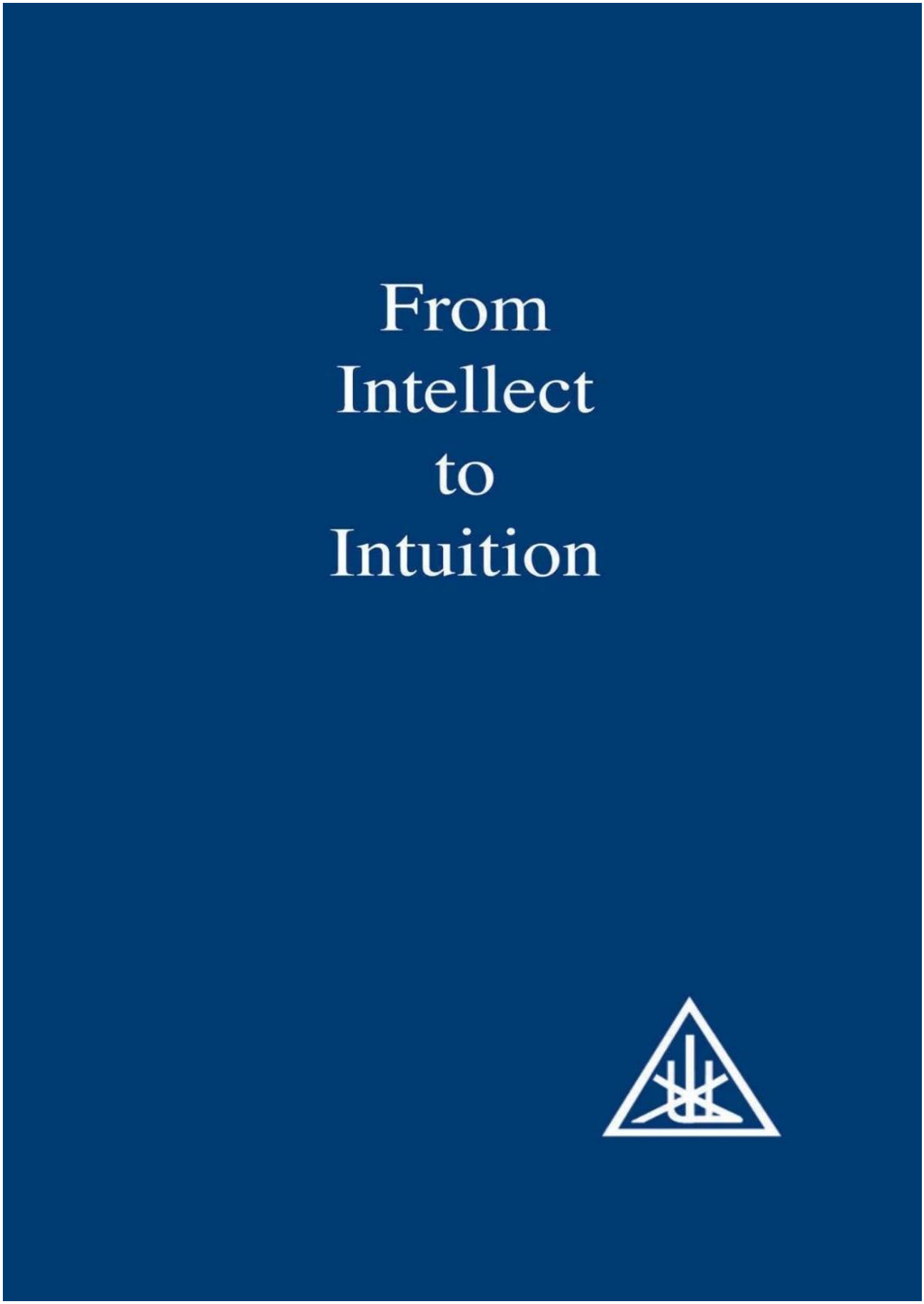


Table of Contents

Title

Contents
THE GREAT INVOCATION
CHAPTER ONE - INTRODUCTORY THOUGHTS
CHAPTER TWO - THE PURPOSE OF EDUCATION
CHAPTER THREE - THE NATURE OF THE SOUL
CHAPTER FOUR - THE OBJECTIVES IN MEDITATION
CHAPTER FIVE - STAGES IN MEDITATlON
CHAPTER SIX - STAGES IN MEDITATION (Continued)
CHAPTER SEVEN - INTUITION AND ILLUMINATION
CHAPTER EIGHT - THE UNIVERSALITY OF MEDITATION
CHAPTER NINE - THE PRACTICE OF MEDITATION
CHAPTER TEN - THE NEED FOR CARE IN MEDITATION
CONCLUSION
ARCANE SCHOOL TRAINING
INDEX

FROM INTELLECT TO INTUITION

ALICE A. BAILEY

Index Edition

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

The Soul and its Mechanism

From Intellect to Intuition

A Treatise on White Magic

From Bethlehem to Calvary

Discipleship in the New Age–Vol. I

Discipleship in the New Age–Vol. II

Problems of Humanity

The Reappearance of the Christ

The Destiny of the Nations

Glamour: A World Problem

Telepathy and the Etheric Vehicle

The Unfinished Autobiography

Education in the New Age

The Externalisation of the Hierarchy

A Treatise on the Seven Rays:

Vol. I–Esoteric Psychology

Vol. II–Esoteric Psychology

Vol. III–Esoteric Astrology

Vol. IV–Esoteric Healing

Vol. V–The Rays and the Initiations

THE GREAT INVOCATION

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
“The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	“Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through *humanity* itself can the Divine Plan work out."

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

Alice A. Bailey

CHAPTER ONE - INTRODUCTORY THOUGHTS

NHỮNG SUY NGHĨ MỞ ĐẦU

"The scientific method — apart from a narrowly agnostic and pragmatist point of view — is therefore by itself incomplete and insufficient: it demands in order to make contact with reality the complement of some metaphysic or other."

JOSEPH MARÉCHAL, S.J.

[3]

The present widespread interest in the subject of Meditation is an evidence of a world need which requires clear understanding. Where we find a popular trend in any particular direction, which is one-pointed and steady, it may be safe to assume that out of it will emerge that which the race needs in its onward march. That meditation is regarded, by those who define loosely, as a "mode of prayer" is, unfortunately, true. But it can be demonstrated that in the right understanding of the meditation process and in its right adaptation to the needs of our modern civilization will be found the solution of the present educational impasse and the method whereby the fact of the soul may be ascertained — that living something which we call the "Soul" for lack of a better term.

The purpose of this book is to deal with the nature and true significance of meditation, and with its use on a large scale in the West. It is suggested that it may eventually supplant the present methods of memory training, and prove a potent factor in modern educational procedure. It is a

"Do đó, phương pháp khoa học — tách rời khỏi quan điểm bất khả tri và thực dụng hạn hẹp — tự nó là không hoàn chỉnh và không đầy đủ: để tiếp xúc với thực tại, nó đòi hỏi phần bổ sung của một nền siêu hình học nào đó."

JOSEPH MARÉCHAL, S.J.

[3]

Mối quan tâm rộng rãi hiện nay đối với chủ đề Tham thiền là bằng chứng cho một nhu cầu của thế giới đòi hỏi sự thấu hiểu rõ ràng. Bất cứ nơi nào chúng ta tìm thấy một xu hướng phổ biến theo bất kỳ phương hướng cụ thể nào, mà xu hướng đó nhất tâm và vững chắc, thì có thể an toàn khi cho rằng từ đó sẽ xuất hiện điều mà nhân loại cần trong cuộc hành trình tiến lên của mình. Thật không may, đúng là tham thiền được xem, bởi những người định nghĩa lỏng lẻo, như một "phương thức cầu nguyện". Nhưng có thể chứng minh rằng trong sự thấu hiểu đúng đắn về quy trình tham thiền và trong sự thích ứng đúng đắn của nó với các nhu cầu của nền văn minh hiện đại chúng ta, sẽ tìm thấy giải pháp cho sự bế tắc giáo dục hiện tại và phương pháp nhờ đó sự thật về linh hồn có thể được xác định — cái thực thể sống động nào đó mà chúng ta gọi là "Linh hồn" vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn.

Mục đích của cuốn sách này là bàn về bản chất và thâm nghĩa thực sự của tham thiền, và về việc sử dụng nó trên quy mô lớn ở phương Tây. Có ý kiến cho rằng cuối cùng nó có thể thay thế các phương pháp rèn luyện trí nhớ hiện tại, và chứng tỏ là một yếu tố mạnh mẽ trong quy trình giáo dục hiện đại.

subject that has engrossed the attention of thinkers in the East [4] and in the West for thousands of years, and this uniformity of interest is in itself of importance. The next developments which will carry the race forward along the path of its unfolding consciousness must surely lie in the direction of synthesis. The growth of human knowledge must be brought about by the fusion of the Eastern and the Western techniques of mental training. This has already proceeded apace and thinkers in both hemispheres are realizing that this fusion is leading towards some most significant realization. Edward Carpenter says that:

Đó là một chủ đề đã thu hút sự chú ý của các nhà tư tưởng ở phương Đông [4] và phương Tây trong hàng ngàn năm, và sự thống nhất về mối quan tâm này tự thân nó đã rất quan trọng. Những phát triển tiếp theo sẽ đưa nhân loại tiến lên dọc theo con đường mở rộng tâm thức của mình chắc chắn phải nằm ở hướng của sự tổng hợp. Sự phát triển kiến thức của con người phải được mang lại bởi sự dung hợp các kỹ thuật rèn luyện trí tuệ của phương Đông và phương Tây. Điều này đã tiến triển nhanh chóng và các nhà tư tưởng ở cả hai bán cầu đang nhận ra rằng sự dung hợp này đang dẫn đến một sự nhận thức hết sức quan trọng. Edward Carpenter nói rằng:

"We seem to be arriving at a time when, with the circling of our knowledge of the globe, a great synthesis of all human thought...is quite naturally and inevitably taking place.... Out of this meeting of elements is already arising the dim outline of a philosophy which must surely dominate human thought for a long period."

"Chúng ta dường như đang đi đến một thời điểm mà, với tri thức của chúng ta bao quát toàn địa cầu, một sự tổng hợp vĩ đại của mọi tư tưởng con người... đang diễn ra hoàn toàn tự nhiên và tất yếu.... Từ sự gặp gỡ của các yếu tố này đã trỗi lên phác thảo lờ mờ của một triết lý chắc chắn sẽ chi phối tư tưởng con người trong một thời gian dài."

Carpenter, Edward, "The Art of Creation", p. 7.

Carpenter, Edward, "The Art of Creation" (Nghệ thuật sáng tạo), tr. 7.

Herein lies the glory and hope of the race and the outstanding triumph of science. We are now one people. The heritage of any race lies open to another; the best thought of the centuries is available for all; and ancient techniques and modern methods must meet and interchange. Each will have to modify its mode of presentation and each will have to make an effort to understand the underlying spirit which has produced a peculiar phraseology and imagery, but when these concessions are made, a structure of truth will be found to emerge which will embody the spirit of the New Age. Modern

Ở đây nằm vinh quang và hy vọng của nhân loại và chiến thắng nổi bật của khoa học. Giờ đây chúng ta là một dân tộc. Di sản của bất kỳ giống dân nào cũng mở ra cho giống dân khác; tư tưởng tốt nhất của các thế kỷ đều sẵn có cho tất cả; và các kỹ thuật cổ xưa cùng các phương pháp hiện đại phải gặp gỡ và trao đổi. Mỗi bên sẽ phải sửa đổi phương thức trình bày của mình và mỗi bên sẽ phải nỗ lực để thấu hiểu tinh thần tiềm ẩn vốn đã tạo ra một cách diễn đạt và hình tượng đặc thù, nhưng khi những nhượng bộ này được thực hiện, một cấu trúc chân lý sẽ được tìm thấy xuất hiện, thể hiện tinh thần của Kỷ Nguyên

thinkers are realizing this and Dr. Overstreet points out that: [5]

"Eastern philosophy, one suspects, has had small effect upon western thought chiefly because of its manner. But there is every reason to believe that as the influence of western thinking — particularly its experimental hard-headedness — is felt in the East, a new philosophic manner will be adopted, and the profound spirituality of eastern thought will be expressed in ways more acceptable to the western mind."

OVERSTREET, H. A., "THE ENDURING QUEST", P. 271.

Both schools have hitherto tended to antagonize each other, yet the quest for truth has been one; the interest in that which is, and that which can be, is not confined to either group; and the factors with which each has had to work have been the same. Though the mind of the eastern thinker may run to creative imagery and that of the western worker to creative scientific achievement, yet the world into which they enter is curiously the same; the instrument of thought which they employ is called the "mind" in the West and "mind-stuff" (chitta) in the East; both use the language of symbology to express their conclusions and both reach the point where words prove futile to embody the intuited possibilities.

Dr. Jung, one of the people who is seeking to bring these hitherto discordant elements together, touches on this in the following extract from his Commentary on an ancient Chinese writing. He says

Mới. Các nhà tư tưởng hiện đại đang nhận ra điều này và Tiến sĩ Overstreet chỉ ra rằng: [5]

"Người ta có thể cho rằng triết học phương Đông đã có ít ảnh hưởng đến tư tưởng phương Tây chủ yếu là do cách thức của nó. Nhưng có mọi lý do để tin rằng khi ảnh hưởng của tư duy phương Tây — đặc biệt là tính thực tế mang tính thực nghiệm của nó — được cảm nhận ở phương Đông, một phong cách triết học mới sẽ được áp dụng, và tính chất tinh thần sâu sắc của tư tưởng phương Đông sẽ được diễn đạt theo những cách dễ chấp nhận hơn đối với trí tuệ phương Tây."

OVERSTREET, H. A., "THE ENDURING QUEST" (CUỘC TÌM KIẾM BỀN BỈ), TR. 271.

Cả hai trường phái cho đến nay đều có khuynh hướng đối kháng nhau, tuy nhiên cuộc tìm kiếm chân lý vẫn là một; mối quan tâm đến cái đang là, và cái có thể là, không giới hạn ở nhóm nào; và các yếu tố mà mỗi nhóm phải làm việc cùng đều giống nhau. Mặc dù trí tuệ của nhà tư tưởng phương Đông có thể thiên về hình tượng sáng tạo và trí tuệ của người làm việc phương Tây thiên về thành tựu khoa học sáng tạo, nhưng thế giới mà họ bước vào lạ lùng thay lại giống nhau; công cụ tư duy mà họ sử dụng được gọi là "trí tuệ" (mind) ở phương Tây và "chất liệu trí tuệ" (chitta) ở phương Đông; cả hai đều sử dụng ngôn ngữ biểu tượng để diễn đạt các kết luận của mình và cả hai đều đạt đến điểm mà ngôn từ trở nên vô ích để thể hiện các khả năng được trực giác nhận biết.

Tiến sĩ Jung, một trong những người đang tìm cách đưa các yếu tố cho đến nay vẫn bất hòa này lại với nhau, đề cập đến điều này trong đoạn trích sau đây từ Bình luận của ông về một văn bản cổ Trung Hoa. Ông nói:

"Western consciousness is by no means consciousness in general, but rather a historically conditioned, and geographically limited, factor, representative of only one part of humanity. The widening of our own consciousness ought [6] not to proceed at the expense of other kinds of consciousness, but ought to take place through the development of those elements of our psyche which are analogous to those of a foreign psyche, just as the East cannot do without our technique, science and industry. The European invasion of the East was a deed of violence on a great scale, and it has left us the duty — *noblesse oblige* — of understanding the mind of the East. This is perhaps more necessary than we realize at present."

"Tâm thức phương Tây hoàn toàn không phải là tâm thức nói chung, mà đúng hơn là một yếu tố bị quy định về mặt lịch sử, và bị giới hạn về mặt địa lý, chỉ đại diện cho một phần của nhân loại. Việc mở rộng tâm thức của chính chúng ta không nên [6] tiến hành bằng cái giá của các loại tâm thức khác, mà nên diễn ra thông qua sự phát triển của những yếu tố trong tâm hồn chúng ta vốn tương đồng với những yếu tố của một tâm hồn xa lạ, cũng giống như phương Đông không thể thiếu kỹ thuật, khoa học và công nghiệp của chúng ta. Cuộc xâm lăng của châu Âu vào phương Đông là một hành động bạo lực trên quy mô lớn, và nó đã để lại cho chúng ta nhiệm vụ — *noblesse oblige* (trách nhiệm của vị thế cao) — là phải thấu hiểu tâm trí của phương Đông. Điều này có lẽ cần thiết hơn chúng ta nhận thấy hiện nay."

Wilhelm, Richard, and Jung, Dr. C. G., "The Secret of the Golden Flower", p. 136.

Wilhelm, Richard, và Jung, Dr. C. G., "The Secret of the Golden Flower" (Bí mật của hoa vàng), tr. 136.

Dr. Hocking of Harvard also brings us the same idea when he says:

Tiến sĩ Hocking của Đại học Harvard cũng mang đến cho chúng ta cùng một ý tưởng khi ông nói:

"There seems reason to hope for a better physical future of the race by the aid of a sound mental hygiene. After the era of the charlatans has gone by, and to some extent by their aid, there appears a possibility of steadily enlarging self-mastery, as the spiritual sense of such discipline as the Yoga joins with the sober elements of Western psychology and a sane system of ethics. No one of these is worth much without the others."

"Dường như có lý do để hy vọng vào một tương lai vật lý tốt đẹp hơn của nhân loại nhờ sự hỗ trợ của một nền vệ sinh tinh thần lành mạnh. Sau khi kỷ nguyên của những kẻ bịp bợm đã qua đi, và ở một mức độ nào đó nhờ sự hỗ trợ của họ, xuất hiện khả năng mở rộng đều đặn sự tự làm chủ, khi ý nghĩa tinh thần của phép rèn luyện như Yoga kết hợp với các yếu tố nghiêm túc của tâm lý học phương Tây và một hệ thống đạo đức lành mạnh. Không yếu tố nào trong số này có nhiều giá trị nếu thiếu những yếu tố khác."

Hocking, Wm. E., Self, "Its Body and Freedom", p. 75.

Hocking, Wm. E., Self, "Its Body and Freedom" (Bản ngã, thân thể của nó và sự tự do), tr. 75.

Those who have studied in both schools tell us that the mystical imagery of the East (and also of our Western mystical exponents) is only a veil behind which those gifted with intuitive perception have always been able to penetrate. The science of the West, with its emphasis upon the nature of the form, has also led us into the realm of the intuition and it would seem as if the two ways could blend and that it should be possible for each — discarding the non-essentials — to arrive at a basis of understanding. [7] Thus they work out a new approach to the central mystery of man founded on old and demonstrated truths. Dr. Jung again takes this up as follows:

Những người đã nghiên cứu cả hai trường phái cho chúng ta biết rằng hình ảnh thần bí của phương Đông (và cả của các đại diện thần bí phương Tây của chúng ta) chỉ là một bức màn mà đằng sau đó những người được thiên phú khả năng nhận thức trực giác luôn có thể thâm nhập vào. Khoa học phương Tây, với sự nhấn mạnh vào bản chất của hình tướng, cũng đã dẫn chúng ta vào cõi của trực giác và dường như hai con đường có thể hòa quyện và mỗi bên có thể — bằng cách loại bỏ những điều không cốt yếu — có thể đi đến một cơ sở của sự thấu hiểu. [7] Do đó, họ vạch ra một cách tiếp cận mới đối với bí nhiệm trung tâm của con người dựa trên những chân lý cũ và đã được chứng minh. Tiến sĩ Jung một lần nữa đề cập đến điều này như sau:

"Science is the best tool of the Western mind and with it more doors can be opened than with bare hands. Thus it is part and parcel of our understanding and only clouds our insight when it lays claim to being the one and only way of comprehending. But it is the East that has taught us another, wider, more profound, and a higher understanding, that is, understanding through life. We know this way only vaguely, as a mere shadowy sentiment culled from religious terminology, and therefore we gladly dispose of Eastern 'wisdom' in quotation marks, and push it away into the obscure territory of faith and superstition. But in this way Eastern 'realism' is completely misunderstood. It does not consist of sentimental, exaggeratedly mystical, intuitions bordering on the pathological and emanating from ascetic recluses and cranks; the wisdom of the East is based on practical knowledge...which we have not the slightest justification for undervaluing."

"Khoa học là công cụ tốt nhất của trí tuệ phương Tây và với nó, nhiều cánh cửa có thể được mở ra hơn là với đôi tay trần. Vì vậy, nó là một phần không thể thiếu trong sự thấu hiểu của chúng ta và chỉ làm lu mờ cái nhìn sâu sắc của chúng ta khi nó tuyên bố là cách thức duy nhất để thấu hiểu. Nhưng chính phương Đông đã dạy chúng ta một sự thấu hiểu khác, rộng hơn, sâu sắc hơn và cao hơn, đó là sự thấu hiểu thông qua cuộc sống. Chúng ta chỉ biết mơ hồ về con đường này, như một cảm nghĩ mơ hồ được lượm lặt từ thuật ngữ tôn giáo, và do đó chúng ta vui vẻ vứt bỏ 'minh triết' phương Đông trong dấu ngoặc kép, và đẩy nó vào vùng lãnh thổ tối tăm của đức tin và mê tín. Nhưng theo cách này, 'chủ nghĩa hiện thực' phương Đông hoàn toàn bị hiểu sai. Nó không bao gồm những trực giác ủy mị, thần bí thái quá tiếp giáp với bệnh hoạn và phát xuất từ những ẩn sĩ khổ hạnh và những kẻ lập dị; minh triết của phương Đông dựa trên kiến thức thực tế... mà chúng ta không có biện minh nhỏ nhất nào để đánh giá thấp."

Wilhelm, Richard, and Jung, Dr. C. G., "The Secret of the Golden Flower", p. 78.

It is in the training of the mind that the crux of the situation lies. The human mind is apparently an instrument which we are able to use in two directions. One direction is outward. The mind, in this mode of functioning, registers our contacts with the physical and mental worlds in which we live, and recognizes emotional and sensory conditions. It is the recorder and correlator of our sensations, of our reactions, and of all that is conveyed to it via the five senses and the brain. This is a field of knowledge [8] that has been extensively studied, and much headway has been made by psychologists in understanding the processes of mentation. "Thinking," Dr. Jung tells us, "is one of the four basic psychological functions. It is that psychological function which, in accordance with its own laws, brings given presentations into conceptual connection. It is an apperceptive activity — both active and passive. Active thinking is an act of the will; passive thinking is an occurrence." (*Dibblee, George Binney, "Instinct and Intuition", p. 85.)*

wilhelm, richard, và jung, dr. c. g., "the secret of the golden flower" (bí mật của hoa vàng), tr. 78.

Chính trong sự rèn luyện trí tuệ mà mấu chốt của tình hình nằm ở đó. Trí tuệ con người dường như là một công cụ mà chúng ta có thể sử dụng theo hai hướng. Một hướng là hướng ngoại. Trí tuệ, trong phương thức hoạt động này, ghi nhận các tiếp xúc của chúng ta với thế giới vật lý và thế giới trí tuệ mà chúng ta đang sống, và nhận biết các điều kiện cảm xúc và giác quan. Nó là bộ phận ghi nhận và liên kết các cảm giác của chúng ta, các phản ứng của chúng ta, và tất cả những gì được truyền đến nó thông qua năm giác quan và bộ não. Đây là một lĩnh vực kiến thức [8] đã được nghiên cứu sâu rộng, và các nhà tâm lý học đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc thấu hiểu các quá trình hoạt động trí tuệ. Tiến sĩ Jung nói với chúng ta: "Tư duy là một trong bốn chức năng tâm lý cơ bản. Đó là chức năng tâm lý mà, phù hợp với các quy luật của riêng nó, đưa các biểu hiện đã cho vào mối liên hệ khái niệm. Đó là một hoạt động tổng giác — vừa chủ động vừa thụ động. Tư duy chủ động là một hành động của ý chí; tư duy thụ động là một sự kiện xảy ra." (*Dibblee, George Binney, "Instinct and Intuition" (Bản năng và Trực giác), tr. 85.)*

As we shall see later, it is the thought apparatus which is involved in Meditation and which must be trained to add to this first function of the mind an ability to turn in another direction, and to register with equal facility the inner or intangible world. This ability to re-orient itself will enable the mind to register the world of subjective realities, of intuitive perception and of abstract ideas. This is the high heritage of the mystic, but seems as yet not to be within the grasp of the average man.

Như chúng ta sẽ thấy sau này, chính bộ máy tư duy là cái tham gia vào Tham thiền và phải được rèn luyện để thêm vào chức năng đầu tiên này của trí tuệ một khả năng xoay sang hướng khác, và ghi nhận thế giới bên trong hay thế giới vô hình với sự dễ dàng tương đương. Khả năng tự tái định hướng này sẽ cho phép trí tuệ ghi nhận thế giới của các thực tại nội giới, của nhận thức trực giác và của các ý tưởng trừu tượng. Đây là di sản cao quý của nhà thần bí, nhưng dường như chưa nằm trong tầm tay của người bình thường.

The problem facing the human family today in the realms both of science and of religion results from the fact that the follower of both schools finds he is standing at the portal of a metaphysical world. A cycle of development has come to an end. Man, as a thinking, feeling entity, seems now to have arrived at a fair measure of understanding the instrument with which he has to work. He is asking himself: What use is he to make of it? Where is the mind, [9] which he is slowly learning to master, going to lead him?

Vấn đề đối mặt với gia đình nhân loại ngày nay trong cả lĩnh vực khoa học và tôn giáo bắt nguồn từ thực tế là người theo mỗi trường phái đều thấy mình đang đứng trước cổng của một thế giới siêu hình. Một chu kỳ phát triển đã kết thúc. Con người, với tư cách là một thực thể biết suy nghĩ, biết cảm nhận, dường như giờ đây đã đạt đến một mức độ thấu hiểu khá tốt về công cụ mà y phải làm việc với nó. Y đang tự hỏi mình: Y sẽ sử dụng nó để làm gì? Trí tuệ, [9] cái mà y đang dần học cách làm chủ, sẽ dẫn y đi về đâu?

What does the future hold for man? Something, we feel, of greater beauty and certainty than anything we have hitherto known. Perhaps it will be a universal arrival at that knowledge which the individual mystic has had. Our ears are deafened by the din of our modern civilization and yet at times we catch those overtones which testify to a world which is immaterial. Our eyes are blinded by the fog and the smoke of our immediate foreground, yet there do come flashes of clear vision which reveal a subtler state of being, and which lift the fog, letting in “the glory which never was on sea or land.” Dr. Bennett of Yale expresses these ideas in very beautiful terms. He says:

Tương lai nắm giữ điều gì cho con người? Chúng ta cảm thấy, một cái gì đó có vẻ đẹp và sự chắc chắn lớn hơn bất cứ điều gì chúng ta từng biết cho đến nay. Có lẽ đó sẽ là một sự đạt đến phổ quát kiến thức mà nhà thần bí cá nhân đã có. Tai chúng ta bị làm điếc bởi tiếng ồn của nền văn minh hiện đại và tuy nhiên đôi khi chúng ta bắt được những bồi âm chứng thực cho một thế giới phi vật chất. Mắt chúng ta bị làm mù bởi sương mù và khói của tiền cảnh ngay trước mắt, tuy nhiên vẫn có những tia chớp của tầm nhìn rõ ràng tiết lộ một trạng thái tồn tại vi tế hơn, và làm tan sương mù, để cho “vinh quang chưa từng có trên biển hay trên đất liền” tràn vào. Tiến sĩ Bennett của Đại học

Yale diễn đạt những ý tưởng này bằng những thuật ngữ rất đẹp. Ông nói:

"A film falls from the eyes and the world appears in a new light. Things are no longer ordinary. There comes the certainty that *this* is the real world whose true character human blindness has until now concealed.

"Một lớp màng rơi khỏi mắt và thế giới hiện ra trong một ánh sáng mới. Mọi vật không còn bình thường nữa. Xuất hiện sự chắc chắn rằng *đây* là thế giới thực mà bản chất chân thực của nó đã bị sự mù quáng của con người che giấu cho đến tận bây giờ.

Not where the wheeling systems darken

Chẳng phải nơi các hệ thống đang xoay vần trở nên tối tăm

And our benumbed conceiving soars; —

Và nhận thức tê liệt của chúng ta bay vút lên; —

The drift of pinions, would we harken,

Mà tiếng đập của những đôi cánh, nếu chúng ta lắng nghe,

Beats at our own clay-shuttered doors.

Đang đập vào những cánh cửa bằng đất sét đóng kín của chính chúng ta.

The angels keep their ancient places;

Các thiên thần vẫn giữ những vị trí xưa cũ của họ;

Turn but a stone and start a wing!

Chỉ cần lật một hòn đá và làm giật mình một đôi cánh!

'Tis ye, 'tis your estrangèd faces

Chính các bạn, chính những khuôn mặt lạ lẫm của các bạn

That miss the many-splendoured thing.

Đã bỏ lỡ điều huy hoàng rực rỡ.

"The experience is at first tantalizing, alluring. There is a rumor of a new world and the spirit is eager for the voyage upon strange seas. The familiar world must be left behind. The great adventure of religion begins.... [10]

"Trải nghiệm thoạt đầu thật trêu ngươi, quyến rũ. Có tin đồn về một thế giới mới và tinh thần háo hức cho chuyến hành trình trên những vùng biển lạ. Thế giới quen thuộc phải được để lại phía sau. Cuộc phiêu lưu vĩ đại của tôn giáo bắt đầu.... [10]

"There must somewhere be a point of certainty. A growing universe may provide

"Đâu đó phải có một điểm chắc chắn. Một vũ trụ đang phát triển có thể cung cấp những

for open futures, but whoso declares that the universe is growing states an unalterable fact about its structure, which fact is the eternal guarantee of the possibility and validity of experiment....

"Man is a bridge. Even the superman, once we perceive that he is only the symbol of the strenuous ideal, turns out to be a bridge too. Our only assurance is that the gates of the future are always open."

BENNETT, CHARLES A., "A PHILOSOPHICAL STUDY OF MYSTICISM", PP. 23, 117, 130.

Perhaps the problem consists in this: that the gates of the future seem to open upon an immaterial world, and upon a realm that is intangible, metaphysical, supersensuous. We have well-nigh exhausted the resources of the material world, but we have not yet learned to function in a non-material one. We even deny its existence at times. We face the inevitable experience, which we call death, and yet take no rational steps to ascertain whether there really is a life beyond. The progress of evolution has produced a wonderful race, equipped with a sensitive response apparatus and a reasoning mind. We possess the rudiments of a sense which we call the intuition and, with this equipment, we stand before the gates of the future and ask the question: "To what purpose shall we put this composite, complex mechanism which we call a human being?" Have we reached our full development? Are there shades of meaning to life which have hitherto escaped our attention, and have they escaped our attention because we have latent powers and capacities as yet [11] unrealized? Is it possible that we are blind to a vast world of

tương lai mở, nhưng bất cứ ai tuyên bố rằng vũ trụ đang phát triển đều nêu lên một sự thật không thể thay đổi về cấu trúc của nó, sự thật đó là sự bảo đảm vĩnh cửu cho khả năng và tính hợp lệ của thử nghiệm....

"Con người là một cây cầu. Ngay cả siêu nhân, một khi chúng ta nhận thấy rằng y chỉ là biểu tượng của lý tưởng đòi hỏi nỗ lực mãnh liệt, cũng hóa ra là một cây cầu. Sự bảo đảm duy nhất của chúng ta là những cánh cổng của tương lai luôn rộng mở."

BENNETT, CHARLES A., "A PHILOSOPHICAL STUDY OF MYSTICISM" (MỘT NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC VỀ CHỦ NGHĨA THẦN BÍ), TR. 23, 117, 130.

Có lẽ vấn đề nằm ở chỗ này: rằng các cánh cổng của tương lai dường như mở ra một thế giới phi vật chất, và một vương quốc vô hình, siêu hình, siêu cảm giác. Chúng ta gần như đã cạn kiệt các nguồn lực của thế giới vật chất, nhưng chúng ta vẫn chưa học cách hoạt động trong một thế giới phi vật chất. Thậm chí đôi khi chúng ta phủ nhận sự tồn tại của nó. Chúng ta đối mặt với trải nghiệm tất yếu, mà chúng ta gọi là cái chết, nhưng lại không thực hiện các bước hợp lý nào để xác định xem liệu có thực sự có một cuộc sống ở bên kia hay không. Tiến trình tiến hóa đã tạo ra một giống dân tuyệt vời, được trang bị một bộ máy phản ứng nhạy bén và một trí tuệ biết suy luận. Chúng ta sở hữu những mầm mống của một giác quan mà chúng ta gọi là trực giác và, với trang thiết bị này, chúng ta đứng trước những cánh cổng của tương lai và đặt câu hỏi: "Chúng ta sẽ sử dụng cơ chế phức hợp, phức tạp mà chúng ta gọi là con người này vào mục đích gì?" Chúng ta đã đạt đến sự phát triển đầy đủ của mình chưa? Có những sắc thái ý nghĩa nào của cuộc sống đã trốn thoát sự chú ý của chúng ta cho đến nay, và liệu chúng trốn thoát sự chú ý của chúng ta vì chúng ta có

life and of beauty, with its own appropriate laws and phenomena? Mystics, seers and thinkers of all ages and in both hemispheres have said such a world exists.

những quyền năng và năng lực tiềm ẩn vẫn chưa [11] được nhận ra? Có thể nào chúng ta đang mù quáng trước một thế giới rộng lớn của sự sống và vẻ đẹp, với những quy luật và hiện tượng thích hợp của riêng nó? Các nhà thần bí, các nhà thông nhãn và các nhà tư tưởng của mọi thời đại và ở cả hai bán cầu đều đã nói rằng một thế giới như vậy tồn tại.

With this equipment, which we might call the personality, man stands with the past behind him, in a present that is full of chaos, and before a future into which he cannot look. He cannot stand still. He must go forward, and the vast educational, scientific, philosophic and religious organizations are all doing their utmost to tell him which way to go and to present to him a solution of his problem.

Với trang thiết bị này, cái mà chúng ta có thể gọi là phàm ngã, con người đứng với quá khứ sau lưng, trong một hiện tại đầy hỗn loạn, và trước một tương lai mà y không thể nhìn vào. Y không thể đứng yên. Y phải đi tới, và các tổ chức giáo dục, khoa học, triết học và tôn giáo rộng lớn đều đang làm hết sức mình để nói cho y biết phải đi đường nào và trình bày cho y một giải pháp cho vấn đề của y.

That which is static and crystallized eventually falls to pieces and, where there is arrested growth, abnormalities will occur and retrogression be found. Someone has said that the danger which we must avoid is that of a “disintegrating personality.” If humanity is not potential, if man has reached his zenith and can go no further, then he should recognize this fact and make his decline and fall as easy and as beautiful as possible. It is encouraging to note how in 1850 the dim outlines of that portal into the New Age were vaguely seen and how much concern thinkers then evinced that man should not fail to learn his lesson and go forward. Read the words of Carlyle and note how appropriate they are to the present time.

Cái gì tĩnh tại và kết tinh cuối cùng sẽ vỡ vụn và, nơi nào có sự ngưng trệ tăng trưởng, các sự bất thường sẽ xảy ra và sự thoái trào sẽ được tìm thấy. Có người đã nói rằng mối nguy hiểm mà chúng ta phải tránh là mối nguy hiểm của một “phàm ngã đang tan rã”. Nếu nhân loại không tiềm tàng khả năng, nếu con người đã đạt đến đỉnh cao phát triển của mình và không thể đi xa hơn nữa, thì y nên nhận ra thực tế này và làm cho sự suy tàn và sụp đổ của mình trở nên dễ dàng và đẹp đẽ nhất có thể. Thật khích lệ khi ghi nhận vào năm 1850, những phác thảo lờ mờ của cánh cổng dẫn vào Kỷ Nguyên Mới đã được nhìn thấy một cách mơ hồ như thế nào và các nhà tư tưởng khi đó đã tỏ ra lo lắng bao nhiêu rằng con người không nên thất bại trong việc học bài học của mình và đi tới. Hãy đọc những lời của Carlyle và lưu ý chúng thích hợp như thế nào với thời điểm hiện tại.

“In the days that are passing over us, even fools are arrested to ask the meaning of them; few of the generations of men have

“Trong những ngày đang trôi qua trên chúng ta, ngay cả những kẻ ngu cũng phải dừng lại để hỏi ý nghĩa của chúng; ít thế hệ

seen more impressive days. Days of endless [12] calamity, disruption, dislocation, confusion worse confounded....It is not a small hope that will suffice us, the ruin being clearly...universal. There must be a new world if there is to be a world at all. That human beings in Europe can ever return to the old sorry routine, and proceed with any steadiness or continuance therein, — this small hope is not now a tenable one. These days of universal death must be days of universal rebirth, if the ruin is not to be total and final. It is a time to make the dullest man consider whence he came and whither he is bound."

con người nào đã nhìn thấy những ngày ấn tượng hơn. Những ngày của [12] tai ương, sự phá vỡ, sự xáo trộn, sự hỗn loạn vô tận còn tồi tệ hơn cả sự bối rối.... Không phải là một hy vọng nhỏ nhoi sẽ đủ cho chúng ta, khi sự hủy hoại rõ ràng là... phổ quát. Phải có một thế giới mới nếu muốn có một thế giới. Rằng con người ở châu Âu có thể quay trở lại thói quen cũ kỹ đáng buồn, và tiếp tục với bất kỳ sự ổn định hay liên tục nào trong đó, — hy vọng nhỏ nhoi này giờ đây không phải là một hy vọng có thể biện hộ được. Những ngày chết chóc phổ quát này phải là những ngày tái sinh phổ quát, nếu sự hủy hoại không phải là toàn diện và cuối cùng. Đó là thời gian để làm cho người đần độn nhất cũng phải xem xét y đến từ đâu và y đang đi về đâu."

JACKS, L. P., "RELIGIOUS PERPLEXITIES", P. 46.

JACKS, L. P., "RELIGIOUS PERPLEXITIES" (NHỮNG RỐI RẮM TÔN GIÁO), TR. 46.

Looking back over the seventy or more years that have elapsed since Carlyle wrote these words, we know that mankind did not fail to go forward. The electrical age was inaugurated and the wonders of the scientific achievements of our time are known by us all. With optimism, therefore, in a time of fresh crisis, we can go forward with true courage, for the portals into the New Age are far more clearly seen. Perhaps it is true also that man is only now attaining his majority and is about to enter upon his inheritance and to discover within himself powers and capacities, faculties and tendencies which are the guarantee of a vital and useful manhood, and of eternal existence. We are completing the stage wherein the emphasis has been laid upon the mechanism, upon the sum-total of cells, which constitute the body and the brain, with their automatic reaction to pleasure, to pain and to thought. We know much about

Nhìn lại hơn bảy mươi năm đã trôi qua kể từ khi Carlyle viết những lời này, chúng ta biết rằng nhân loại đã không thất bại trong việc đi tới. Kỷ nguyên điện khí hóa đã được khai mạc và những kỳ quan của các thành tựu khoa học trong thời đại chúng ta được tất cả chúng ta biết đến. Vì vậy, với sự lạc quan, trong thời điểm khủng hoảng mới, chúng ta có thể đi tới với lòng can đảm thực sự, vì các cánh cổng dẫn vào Kỷ Nguyên Mới được nhìn thấy rõ ràng hơn nhiều. Có lẽ cũng đúng rằng con người chỉ mới bây giờ đạt đến tuổi trưởng thành của mình và sắp sửa bước vào di sản của mình và khám phá bên trong bản thân các quyền năng và năng lực, các quan năng và xu hướng vốn là sự bảo đảm cho một nhân tính đầy sức sống và hữu ích, và cho sự tồn tại vĩnh cửu. Chúng ta đang hoàn tất giai đoạn trong đó sự nhấn mạnh được đặt vào cơ chế, vào tổng số các tế bào, cấu thành nên thân thể và bộ não, với phản ứng tự động của chúng đối với khoái cảm,

Man, the machine. The mechanistic school of psychologists have placed us deeply in their debt [13] with their discoveries about the apparatus whereby a human being comes into contact with his environment. But there are *men* among us, men who are not mere machines. We have the right to measure our ultimate capacities and our potential greatness by the achievements of the best among us; these great ones are not "freak" products of divine caprice or of blind evolutionary urge, but are themselves the guarantee of the ultimate achievement of the whole.

đau đớn và suy nghĩ. Chúng ta biết nhiều về Con người, cỗ máy. Trường phái cơ giới của các nhà tâm lý học đã khiến chúng ta mang nợ họ sâu sắc [13] với những khám phá của họ về bộ máy mà nhờ đó một con người tiếp xúc với môi trường của mình. Nhưng có những *con người* giữa chúng ta, những người không chỉ là những cỗ máy đơn thuần. Chúng ta có quyền đo lường các năng lực tối hậu và sự vĩ đại tiềm tàng của chúng ta bằng những thành tựu của những người giỏi nhất trong chúng ta; những con người vĩ đại này không phải là những sản phẩm "quái dị" của sự thất thường thiêng liêng hay của sự thúc đẩy tiến hóa mù quáng, mà chính họ là sự bảo đảm cho thành tựu tối hậu của toàn thể.

Irving Babbitt remarks, that there is a something in man's nature "that sets him apart simply as man, from other animals, and that something Cicero defines as a 'sense of order and decorum and measure in deeds and words'." Babbitt adds (and this is the point to note) that "the world would have been a better place if more persons had made sure they were human before setting out to be superhuman." (*Babbitt, Irving, "Humanism: An Essay at Definition"*.) There is, perhaps, an intermediate stage wherein we function as men, sustain our human relations, and discharge our just obligations, thus fulfilling our temporary destiny. The question arises here as to whether such a stage is even yet generally possible when we remember that there are millions of illiterate persons on our planet at this time!

Irving Babbitt nhận xét rằng, có một cái gì đó trong bản chất con người "khiến y tách biệt đơn giản là con người, khỏi các loài động vật khác, và cái gì đó Cicero định nghĩa là một 'ý thức về trật tự và sự đúng mực và chừng mực trong hành động và lời nói'." Babbitt nói thêm (và đây là điểm cần lưu ý) rằng "thế giới sẽ là một nơi tốt đẹp hơn nếu nhiều người chắc chắn rằng họ là con người trước khi bắt đầu trở thành siêu nhân." (*Babbitt, Irving, "Humanism: An Essay at Definition" (Chủ nghĩa nhân văn: Một tiểu luận về định nghĩa).*) Có lẽ, có một giai đoạn trung gian trong đó chúng ta hoạt động như những con người, duy trì các mối quan hệ con người của mình, và thực hiện các nghĩa vụ chính đáng của mình, do đó hoàn thành vận mệnh tạm thời của chúng ta. Câu hỏi nảy sinh ở đây là liệu một giai đoạn như vậy thậm chí có thể thực hiện được một cách phổ biến hay không khi chúng ta nhớ rằng có hàng triệu người mù chữ trên hành tinh của chúng ta vào lúc này!

But, along with this tendency toward pure humanity and the drift away from the standardization of the human unit, there

Nhưng, cùng với xu hướng hướng tới nhân tính thuần túy và sự trôi dạt khỏi sự chuẩn hóa của đơn vị con người, xuất hiện một

emerges a group to whom we give the name of mystics. They testify to another world of experience and contacts. They bear witness [14] to a personal realization and to a phenomenal manifestation and satisfaction of which the average man knows nothing. As Dr. Bennett says "the mystics themselves have described their attainment as a seeing into the meaning of the universe, a seeing of how all things belong together. They have found the clue." *(Bennett, Charles A., "A Philosophical Study of Mysticism", p. 81.)* Down the ages they have come forth and said in unison: there is another kingdom in nature. This kingdom has its own laws, its own phenomena and its own intimate relationships. It is the kingdom of the spirit. We have found it and you too can ascertain its nature. These witnesses fall into two groups; the purely mystical and emotional quester who sees the vision and falls down in an illuminated rapture before the beauty that he has sensed, and secondly, the knowers, who have added to the emotional rapture an intellectual achievement (an orientation of the mind) which enables them to do more than sense and enjoy. They understand; they know, and have become identified with that new world of being towards which the pure mystic reaches. The line of demarcation between these knowers of divine things and those who sense the vision is very slight.

There is, however, a no-man's ground between the two groups on which a great transition takes place. There is an interlude in experience and in development which changes the visionary mystic into the practical knower. There is a process and a technique to which the mystic can subject himself which coordinates him and develops in him a new and subtle [15]

nhóm mà chúng ta đặt tên là những nhà thần bí. Họ làm chứng cho một thế giới trải nghiệm và tiếp xúc khác. Họ làm chứng [14] cho một sự chứng nghiệm cá nhân và cho một biểu hiện và sự thỏa mãn phi thường mà người bình thường không biết gì cả. Như Tiến sĩ Bennett nói "chính các nhà thần bí đã mô tả sự đạt được của họ như một sự nhìn vào ý nghĩa của vũ trụ, một sự nhìn thấy cách tất cả mọi thứ thuộc về nhau. Họ đã tìm thấy manh mối." *(Bennett, Charles A., "A Philosophical Study of Mysticism" (Một nghiên cứu triết học về chủ nghĩa thần bí), tr. 81.)* Trải qua các thời đại, họ đã bước ra và đồng thanh nói: có một giới khác trong tự nhiên. Giới này có các quy luật riêng, các hiện tượng riêng và các mối quan hệ mật thiết riêng của nó. Đó là giới của tinh thần. Chúng tôi đã tìm thấy nó và bạn cũng có thể xác định bản chất của nó. Những nhân chứng này rơi vào hai nhóm; người tìm kiếm thuần túy thần bí và cảm xúc, người nhìn thấy linh ảnh và ngã xuống trong một niềm hân hoan được soi sáng trước vẻ đẹp mà y đã cảm nhận, và thứ hai, những thức giả, những người đã thêm vào niềm hân hoan cảm xúc một thành tựu trí tuệ (một sự định hướng của tâm trí) cho phép họ làm nhiều hơn là cảm nhận và tận hưởng. Họ thấu hiểu; họ biết, và đã trở nên đồng nhất với thế giới bản thể mới đó mà nhà thần bí thuần túy vươn tới. Ranh giới phân chia giữa những người biết về những điều thiêng liêng này và những người cảm nhận linh ảnh là rất mong manh.

Tuy nhiên, có một vùng đất vô chủ giữa hai nhóm trên đó một sự chuyển tiếp lớn diễn ra. Có một khoảng thời gian trong trải nghiệm và trong sự phát triển làm thay đổi nhà thần bí nhìn thấy linh ảnh thành thức giả thực tế. Có một quy trình và một kỹ thuật mà nhà thần bí có thể tự đặt mình vào đó, cái phối hợp y và phát triển trong y một bộ máy mới và vi tế [15], nhờ đó y không còn

apparatus, by means of which he no longer *sees* the vision of divine reality but knows himself to be that reality itself. It is with this transitional process and with this work of educating the mystic, that the meditation technique has to do. It is this with which we deal in this book.

nhìn thấy linh ảnh của thực tại thiêng liêng nữa mà biết bản thân mình chính là thực tại đó. Chính với quy trình chuyển tiếp này và với công việc giáo dục nhà thần bí này, mà kỹ thuật tham thiền có liên quan. Đây chính là điều mà chúng tôi đề cập đến trong cuốn sách này.

The problem of leading man into his heritage as a human being is the function of the educators and of the psychologists. They must lead him up to the door of the mystical world. Paradoxical as it may sound, the work of leading him into his spiritual heritage is the work of religion and of science. Dr. Pupin tells us that "science and religion supplement each other, they are the two pillars of the portal through which the human soul enters into the world where divinity resides." *(Pupin, Michael, "The New Reformation", p. 217.)*

Vấn đề dẫn dắt con người vào di sản của mình như một con người là chức năng của các nhà giáo dục và các nhà tâm lý học. Họ phải dẫn y đến trước cửa của thế giới thần bí. Dù nghe có vẻ nghịch lý, công việc dẫn dắt y vào di sản tinh thần của mình là công việc của tôn giáo và của khoa học. Tiến sĩ Pupin nói với chúng ta rằng "khoa học và tôn giáo bổ sung cho nhau, chúng là hai trụ cột của cánh cổng qua đó linh hồn con người bước vào thế giới nơi thiên tính cư ngụ." *(Pupin, Michael, "The New Reformation" (Cuộc Cải cách Mới), tr. 217.)*

Let us give the word "spiritual" a wide connotation! I do not here speak of religious truths; the formulations of the theologians and the churchmen in all the big religious organizations, both Eastern and Western, may, or may not, be true. Let us use the word "spiritual" to signify the world of light and beauty, of order and of purpose, about which the world Scriptures speak, which is the object of the attentive research of the scientists, and into which the pioneers of the human family have always penetrated, returning to tell us of their experiences. Let us regard all manifestations of life as spiritual, and so widen the usual meaning of this word to signify [16] the energies and potencies which lie back of every form in nature and which give to each of them their essential distinguishing characteristics and qualities. For thousands of years all over the planet, the mystics and knowers have borne witness to experiences in subtler worlds

Chúng ta hãy mang lại cho từ "tinh thần" một ý nghĩa rộng! Tôi không nói ở đây về các chân lý tôn giáo; các cách trình bày giáo lý của các nhà thần học và các giáo sĩ trong tất cả các tổ chức tôn giáo lớn, cả phương Đông và phương Tây, có thể đúng, hoặc có thể không. Chúng ta hãy sử dụng từ "tinh thần" để biểu thị thế giới của ánh sáng và vẻ đẹp, của trật tự và của mục đích, mà các Kinh sách thế giới nói đến, vốn là đối tượng nghiên cứu chăm chú của các nhà khoa học, và là nơi những người tiên phong của gia đình nhân loại luôn thâm nhập vào, trở về để kể cho chúng ta về những trải nghiệm của họ. Chúng ta hãy xem tất cả các biểu hiện của sự sống là tinh thần, và do đó mở rộng ý nghĩa thông thường của từ này để biểu thị [16] các năng lượng và tiềm năng nằm đằng sau mọi hình tướng trong tự nhiên và mang lại cho mỗi hình tướng những đặc điểm và phẩm tính phân biệt thiết yếu của chúng. Trong hàng ngàn năm trên khắp hành tinh,

where they have been brought into contact with forces and phenomena which are not of this physical world. They speak of meeting with angelic hosts; they refer to the great cloud of witnesses; they commune with the elder brothers of the race who work in other dimensions and who demonstrate powers about which ordinary human beings know nothing; they speak of a light and of a glory; of a direct knowledge of truth and of a world of phenomena which is uniform to the mystics of all races. That much of the testimony can be discarded on the grounds of hallucination may be true; that many of the saints of old were psychopathic cases and neurotics may be equally true; but there still remains a residue of testimony and a sufficient number of reputable witnesses, substantiating this testimony, to force our belief in its verity. These witnesses to the unseen world spoke with words of power and gave forth messages which have moulded the thoughts of men, and directed the lives of millions. They claimed there was a science of spiritual knowledge and a technique of development whereby men could attain to the mystical experience and whereby they could know God.

các nhà thần bí và thức giả đã làm chứng cho những trải nghiệm trong các thế giới vi tế hơn, nơi họ đã được tiếp xúc với các mãnh lực và hiện tượng không thuộc về thế giới vật lý này. Họ nói về việc gặp gỡ với các thiên thần; họ đề cập đến đám mây nhân chứng vĩ đại; họ giao tiếp với các huynh trưởng của nhân loại, những người làm việc trong các chiều đo khác và thể hiện các quyền năng mà con người bình thường không biết gì cả; họ nói về một ánh sáng và một vinh quang; về một sự hiểu biết trực tiếp chân lý và về một thế giới hiện tượng thống nhất đối với các nhà thần bí của tất cả các giống dân. Việc nhiều lời chứng có thể bị loại bỏ vì lý do ảo giác có thể là đúng; việc nhiều vị thánh ngày xưa là những trường hợp bệnh hoạn và loạn thần kinh chức năng cũng có thể đúng; nhưng vẫn còn lại một phần lời chứng và một số lượng đủ các nhân chứng có uy tín, chứng minh cho lời chứng này, buộc chúng ta tin vào sự thật của nó. Những nhân chứng cho thế giới vô hình này đã nói với những lời quyền năng và đưa ra những thông điệp đã hun đúc tư tưởng của con người, và định hướng cuộc sống của hàng triệu người. Họ tuyên bố có một khoa học về kiến thức tinh thần và một kỹ thuật phát triển nhờ đó con người có thể đạt tới trải nghiệm thần bí và nhờ đó họ có thể biết Thượng đế.

It is this science which we will study in this book, [17] and this technique which we will seek to unfold. It deals with the right use of the mind, whereby the world of souls reveals itself and that secret door is found and opened which leads from darkness to light, from death to immortality and from the unreal to the Real.

Chính khoa học này chúng ta sẽ nghiên cứu trong cuốn sách này, [17] và kỹ thuật này chúng ta sẽ tìm cách trình bày. Nó đề cập đến việc sử dụng đúng đắn trí tuệ, nhờ đó thế giới của các linh hồn tự tiết lộ và cánh cửa bí mật đó được tìm thấy và mở ra, dẫn từ bóng tối đến ánh sáng, từ cái chết đến sự bất tử và từ cái không thực đến Thực Tại.

The ultimate solution of our world problem lies in our arrival at this knowledge — a knowledge that is neither eastern nor western, but which is known to both. When

Giải pháp tối hậu cho vấn đề thế giới của chúng ta nằm ở việc chúng ta đạt đến kiến thức này — một kiến thức không phải là phương Đông cũng không phải là phương

we have joined hands with the Orient and when we have united the best thoughts of the East with those of the West, we shall have a synthetic and balanced teaching which will liberate the coming generations. It must begin in the educational field and with the young.

Tây, mà được biết đến bởi cả hai. Khi chúng ta đã bắt tay với phương Đông và khi chúng ta đã hợp nhất những tư tưởng tốt nhất của phương Đông với những tư tưởng của phương Tây, chúng ta sẽ có một giáo lý tổng hợp và cân bằng sẽ giải phóng các thế hệ tương lai. Nó phải bắt đầu trong lĩnh vực giáo dục và với giới trẻ.

In the West, consciousness has been focused upon the material aspects of living, and all of our mental power has been concentrated upon the control and utilization of material things, the perfecting of physical comforts, and the accumulation of possessions. In the East, where the spiritual realities have been more uniformly held, mental power has been used in concentration and meditation and in deep philosophical and metaphysical study, but the masses of the people, not capable of these activities, have been left in peculiar and strikingly terrible conditions, from the standpoint of physical living. Through the blending of the achievements of the two civilizations (now going on with increasing rapidity) a balance is being struck by means of which the race [18] as a whole will be able to demonstrate its full potency. Both the East and the West are gradually learning to take from each other to mutual advantage, and work in this field is one of the fundamental and necessary things of the present cycle.

Ở phương Tây, tâm thức đã tập trung vào các phương diện vật chất của cuộc sống, và tất cả sức mạnh trí tuệ của chúng ta đã được tập trung vào việc kiểm soát và sử dụng những sự vật vật chất, hoàn thiện các tiện nghi vật lý, và tích lũy của cải. Ở phương Đông, nơi các thực tại tinh thần được nắm giữ đồng nhất hơn, sức mạnh trí tuệ đã được sử dụng trong sự tập trung và tham thiền và trong nghiên cứu triết học và siêu hình sâu sắc, nhưng quần chúng nhân dân, không có khả năng cho các hoạt động này, đã bị bỏ lại trong các điều kiện đặc biệt và khủng khiếp một cách nổi bật, từ quan điểm sống vật lý. Thông qua sự hòa trộn các thành tựu của hai nền văn minh (hiện đang diễn ra với tốc độ ngày càng tăng), một sự cân bằng đang được thiết lập nhờ đó nhân loại [18] nói chung sẽ có thể thể hiện tiềm năng đầy đủ của mình. Cả phương Đông và phương Tây đang dần học cách nhận lấy từ nhau vì lợi ích chung, và công việc trong lĩnh vực này là một trong những điều cơ bản và cần thiết của chu kỳ hiện tại.

CHAPTER TWO - THE PURPOSE OF EDUCATION—MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC

"...education is undergoing important transformations. From a relatively external process of pouring in facts, it is increasingly becoming a process of evoking the deeper, generative possibilities that lie within the individual."

H. A. Overstreet

[21]

One of the many factors which have brought humanity to its present point of development has been the growth and perfecting of its educational methods and systems. At first this was in the hands of the organized religions, but now it is practically divorced from the control of the religious bodies, and lies in the hands of the state. In the past, education was largely colored by theology and its methods were dictated by the churchmen and the priests. Now the vast body of teachers are trained by the state; any religious bias is ignored on account of the many differentiated religious bodies, and the trend of the teaching is almost entirely materialistic and scientific. In the past, both in the East and in the West, we have had the education of the more highly evolved members of the human family. Today we have mass education. In approaching any understanding of the future and (we believe) higher education, these two facts must be borne in mind for it will be in a synthesis of these two methods — individual and mass education — religious and scientific — that the way out will be found.

"...giáo dục đang trải qua những biến đổi quan trọng. Từ một quy trình tương đối bên ngoài của việc nhồi nhét các sự kiện, nó ngày càng trở thành một quy trình gợi lên những khả năng tạo tác sâu sắc hơn nằm bên trong cá nhân."

H. A. OVERSTREET

[21]

Một trong nhiều yếu tố đã đưa nhân loại đến điểm phát triển hiện tại của mình là sự tăng trưởng và hoàn thiện các phương pháp và hệ thống giáo dục. Lúc đầu việc này nằm trong tay các tôn giáo có tổ chức, nhưng bây giờ nó thực tế đã tách khỏi sự kiểm soát của các cơ quan tôn giáo, và nằm trong tay nhà nước. Trong quá khứ, giáo dục phần lớn bị tô màu bởi thần học và các phương pháp của nó bị sai khiến bởi các giáo sĩ và linh mục. Bây giờ đội ngũ giáo viên đông đảo được đào tạo bởi nhà nước; bất kỳ thiên kiến tôn giáo nào cũng bị lờ đi vì có nhiều cơ quan tôn giáo khác biệt, và xu hướng của việc giảng dạy gần như hoàn toàn mang tính duy vật và khoa học. Trong quá khứ, cả ở phương Đông và phương Tây, chúng ta đã có sự giáo dục dành cho các thành viên tiến hóa cao hơn của gia đình nhân loại. Ngày nay chúng ta có giáo dục đại chúng. Khi tiếp cận bất kỳ sự thấu hiểu nào về tương lai và (chúng tôi tin rằng) một nền giáo dục cao hơn, hai thực tế này phải được ghi nhớ vì chính trong sự tổng hợp của hai phương pháp này — giáo dục cá nhân và giáo dục đại chúng — tôn giáo và khoa học — mà lối thoát sẽ được tìm thấy.

Like everything else in this transitional period, our educational systems are in a state of flux and [22] of change. A general feeling that much has been done to raise the level of the human mind is everywhere to be found, coupled with a deep undercurrent of dissatisfaction with the results. We are questioning whether our educational systems *are* achieving the widest good. We appreciate the enormous advance that has been made during the past two hundred years, and yet we wonder whether we are, after all, getting as much out of life as should be possible to people with an adequate system of training. We are smugly satisfied with our growth in knowledge, our accumulation of information, and our control of the forces of nature, and yet we hold collegiate debates as to whether we have any true culture. We teach our children to memorize an enormous array of facts, and to assimilate a vast amount of widely diversified detail, and yet we question sometimes whether we are teaching them to live more satisfactorily. We use billions of dollars to build and endow universities and colleges and yet our most far-sighted educators are gravely concerned as to whether this organized education is really meeting the needs of the average citizen. It certainly seems to fail in its mission with the unusual child and with the gifted man or woman. Our mode of training our youth is standing decidedly before the bar of judgment. Only the future can settle whether some way out will not have to be found whereby the culture of the individual can proceed alongside the civilizing, through education, of the masses.

Giống như mọi thứ khác trong giai đoạn chuyển tiếp này, các hệ thống giáo dục của chúng ta đang trong tình trạng biến động và [22] thay đổi. Một cảm giác chung rằng nhiều điều đã được thực hiện để nâng cao trình độ của trí tuệ con người được tìm thấy ở khắp mọi nơi, đi đôi với một dòng ngầm sâu sắc của sự không hài lòng với các kết quả. Chúng ta đang đặt câu hỏi liệu các hệ thống giáo dục của chúng ta *có đang* đạt được lợi ích rộng lớn nhất hay không. Chúng ta đánh giá cao sự tiến bộ to lớn đã đạt được trong hai trăm năm qua, nhưng chúng ta tự hỏi liệu rốt cuộc chúng ta có nhận được nhiều từ cuộc sống như lẽ ra phải có đối với những người có một hệ thống đào tạo đầy đủ hay không. Chúng ta tự mãn với sự tăng trưởng về kiến thức, sự tích lũy thông tin, và sự kiểm soát các lực của tự nhiên, nhưng chúng ta lại tổ chức các cuộc tranh luận đại học về việc liệu chúng ta có bất kỳ nền văn hóa đích thực nào hay không. Chúng ta dạy con cái mình ghi nhớ một loạt dữ kiện khổng lồ, và đồng hóa một lượng lớn chi tiết đa dạng, nhưng đôi khi chúng ta đặt câu hỏi liệu chúng ta có đang dạy chúng sống thỏa đáng hơn hay không. Chúng ta sử dụng hàng tỷ đô la để xây dựng và tài trợ cho các trường đại học và cao đẳng nhưng các nhà giáo dục nhìn xa trông rộng nhất của chúng ta lại lo ngại sâu sắc về việc liệu nền giáo dục có tổ chức này có thực sự đáp ứng nhu cầu của công dân bình thường hay không. Nó chắc chắn dường như thất bại trong sứ mệnh của mình đối với đứa trẻ khác thường và đối với người đàn ông hay phụ nữ có năng khiếu. Phương thức đào tạo giới trẻ của chúng ta chắc chắn đang đứng trước tòa án phán xét. Chỉ có tương lai mới có thể giải quyết liệu một lối thoát nào đó sẽ không phải được tìm thấy nhờ đó sự tu dưỡng cá nhân có thể tiến hành song song với việc khai hóa, thông qua giáo dục, cho quần chúng.

In an age of scientific achievement and of a synthesis [23] of thought in every department of human knowledge, one of our educators, Dr. Rufus M. Jones says:

"But, alas, none of these achievements makes us better men. There is no equation between bank accounts and goodness of heart. Knowledge is by no means the same thing as wisdom or nobility of spirit....The world has never seen before such an immense army of educators at work on the youth of the country, nor has there ever been before in the history of the world, such a generous outlay of money for education both lower and higher. The total effect, however, is disappointing, and misses the central point. Our institutions of learning produce some good scholars and give a body of scientific facts to a great number. But there is a pitiable failure in the main business of education which is, or should be, the formation of character, the culture of the spirit, the building of the soul."

JONES, RUFUS M., "THE NEED FOR A SPIRITUAL ELEMENT IN EDUCATION". WORLD UNITY MAGAZINE, OCTOBER, 1928.

Old Mother Asia and Europe, up to the eighteenth century, trained and cultured the individual. An intensified training was given to the so-called upper classes, and to the man who showed a marked aptitude for spiritual culture. Under the Brahmanical system in the East, and in the monasteries in the West, a specialized culture was imparted to those who could profit by it, and rare individuals were produced, who, to this day, set their mark upon human thought. For this our modern Occidental world has substituted mass education. For the first

Trong một thời đại của thành tựu khoa học và của sự tổng hợp [23] tư tưởng trong mọi bộ phận của kiến thức nhân loại, một trong những nhà giáo dục của chúng ta, Tiến sĩ Rufus M. Jones nói:

"Nhưng, than ôi, không thành tựu nào trong số này làm cho chúng ta trở thành những người tốt hơn. Không có sự ngang bằng giữa tài khoản ngân hàng và lòng tốt. Kiến thức hoàn toàn không giống như sự minh triết hay sự cao thượng của tinh thần.... Thế giới chưa bao giờ thấy trước đây một đội quân các nhà giáo dục khổng lồ như vậy làm việc trên giới trẻ của đất nước, cũng chưa bao giờ có trước đây trong lịch sử thế giới, một khoản chi tiêu hào phóng như vậy cho giáo dục cả thấp và cao. Tuy nhiên, hiệu quả tổng thể lại đáng thất vọng, và bỏ lỡ điểm trọng tâm. Các tổ chức học tập của chúng ta tạo ra một số học giả giỏi và cung cấp một khối lượng sự kiện khoa học cho một số lượng lớn. Nhưng có một sự thất bại đáng thương trong công việc chính của giáo dục, đó là, hoặc nên là, sự hình thành tính cách, sự tu dưỡng tinh thần, sự xây dựng linh hồn."

JONES, RUFUS M., "THE NEED FOR A SPIRITUAL ELEMENT IN EDUCATION" (NHU CẦU VỀ MỘT YẾU TỐ TINH THẦN TRONG GIÁO DỤC). TẠP CHÍ WORLD UNITY, THÁNG 10 NĂM 1928.

Châu Á, người Mẹ lâu đời, và Châu Âu, cho đến thế kỷ mười tám, đã đào tạo và tu dưỡng cá nhân. Một sự đào tạo tăng cường đã được trao cho các tầng lớp được gọi là thượng lưu, và cho người thể hiện năng khiếu rõ rệt về sự tu dưỡng tinh thần. Dưới hệ thống Bà-la-môn ở phương Đông, và trong các tu viện ở phương Tây, một sự tu dưỡng chuyên biệt đã được truyền đạt cho những người có thể hưởng lợi từ nó, và những cá nhân hiếm hoi đã được tạo ra, những người, cho đến ngày nay, vẫn đặt dấu ấn của họ lên tư tưởng nhân loại. Thế giới phương Tây hiện đại của

time, men in their thousands are being taught to use their minds; they are beginning to assert their own individualities, [24] and to formulate their own ideas. The freedom of human thought, liberation from the control of theologies (religious or scientific) are the war cries of the present, and much has thereby been gained. The masses are beginning to do their own thinking. But it is largely mass thinking, and haphazard public opinion now moulds thought just as much as theologies formerly did. The pioneering individual has still as much difficulty in making himself felt in the present world of thought and of endeavor, as of old.

chúng ta đã thay thế cách giáo dục này bằng giáo dục đại chúng. Lần đầu tiên, hàng ngàn người đang được dạy sử dụng trí tuệ của mình; họ bắt đầu khẳng định cá tính riêng của mình, [24] và hình thành các ý tưởng của riêng mình. Sự tự do của tư tưởng con người, sự giải phóng khỏi sự kiểm soát của các thần học (tôn giáo hoặc khoa học) là những tiếng gọi xung trận của hiện tại, và nhiều điều đã đạt được nhờ đó. Quần chúng đang bắt đầu tự mình suy nghĩ. Nhưng đó phần lớn là tư duy đám đông, và công luận ngẫu nhiên giờ đây nhào nặn tư tưởng cũng nhiều như các thần học trước kia đã làm. Cá nhân tiên phong vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc làm cho mình được cảm nhận trong thế giới tư tưởng và nỗ lực hiện tại, cũng như ngày xưa.

Perhaps in the turning of the great wheel of life, we are due again to revert to the ancient method of specialized training for the special individual-—a reversion which will not involve a discarding of mass education. In this way, we may ultimately unify the methods of the past and of the East with those of the present and of the West.

Có lẽ trong sự quay vòng của bánh xe vĩ đại của cuộc sống, chúng ta lại đến lúc quay trở lại phương pháp cổ xưa về đào tạo chuyên biệt cho cá nhân đặc biệt — một sự quay trở lại sẽ không liên quan đến việc loại bỏ giáo dục đại chúng. Theo cách này, cuối cùng chúng ta có thể thống nhất các phương pháp của quá khứ và của phương Đông với các phương pháp của hiện tại và của phương Tây.

Before considering these two methods let us attempt to define education, to express to ourselves its goal and so clarify our ideas as to the objectives ahead of all our endeavor.

Trước khi xem xét hai phương pháp này, chúng ta hãy cố gắng định nghĩa giáo dục, để diễn đạt cho chính mình mục tiêu của nó và làm sáng tỏ các ý tưởng của chúng ta về những mục tiêu phía trước của tất cả nỗ lực của chúng ta.

This is no easy thing to do. Viewed from its most uninteresting aspect, education can briefly be defined as the imparting of knowledge to a student, and usually to an unwilling student, who receives a mass of information that does not interest him in the least. A note of dryness and of aridity is

Đây không phải là điều dễ làm. Nhìn từ khía cạnh kém thú vị nhất của nó, giáo dục có thể được định nghĩa ngắn gọn là việc truyền đạt kiến thức cho một học sinh, và thường là cho một học sinh không tự nguyện, người nhận một khối lượng thông tin không làm y quan tâm chút nào. Một nốt nhạc khô khan và cằn

struck; we feel that this presentation deals primarily with memory training, with the impartation of so-called facts, and with giving the student a little information [25] on a vast number of unrelated subjects. The literal meaning of the word, however, is "to lead out of," or "to draw out," and this is most instructive. The thought latent in this idea is that we should draw out the inherent instincts and potentialities of the child in order to lead him out of one state of consciousness into another and wider one. In this way we lead children, for instance, who are simply conscious of being alive, into a state of self-consciousness; they become aware of themselves and of their group relationships; they are taught to develop powers and capacities, especially through vocational training, in order that they may be economically independent, and thus self-supporting members of society. We exploit their instinct of self-preservation in order to lead them on along the path of knowledge. Could it be said that we begin with the utilization of their instinctive apparatus to lead them on to the way of the intellect? Perhaps this may be true, but I question whether, having brought them thus far we carry on the good work and teach them the real meaning of intellection as a training whereby the intuition is released. We teach them to utilize their instincts and intellect as part of the apparatus of self-preservation in the external world of human affairs, but the use of pure reason and the eventual control of the mind by the intuition in the work of self-preservation and of continuity of consciousness in the subjective and real worlds, is as yet but the privileged knowledge of a few pioneers.

[26]

cỗi được gióng lên; chúng ta cảm thấy rằng cách trình bày này chủ yếu đề cập đến việc rèn luyện trí nhớ, với việc truyền đạt cái gọi là sự kiện, và với việc cung cấp cho học sinh một chút thông tin [25] về vô số chủ đề không liên quan. Tuy nhiên, nghĩa đen của từ này (education) là "dẫn ra khỏi", hoặc "kéo ra", và điều này rất bổ ích. Tư tưởng tiềm ẩn trong ý tưởng này là chúng ta nên kéo ra những bản năng và tiềm năng vốn có của đứa trẻ để dẫn nó ra khỏi một trạng thái tâm thức này vào một trạng thái tâm thức khác và rộng hơn. Theo cách này, ví dụ, chúng ta dẫn dắt những đứa trẻ, vốn chỉ đơn giản ý thức về việc đang sống, vào một trạng thái ngã thức; chúng trở nên nhận biết về bản thân và về các mối quan hệ nhóm của mình; chúng được dạy phát triển các quyền năng và năng lực, đặc biệt thông qua đào tạo nghề nghiệp, để chúng có thể độc lập về kinh tế, và do đó là những thành viên tự lực của xã hội. Chúng ta khai thác bản năng tự bảo tồn của chúng để dẫn chúng đi tiếp dọc theo con đường kiến thức. Có thể nói rằng chúng ta bắt đầu với việc sử dụng bộ máy bản năng của chúng để dẫn chúng vào con đường của trí năng không? Có lẽ điều này là đúng, nhưng tôi đặt câu hỏi liệu, sau khi đã đưa chúng đi xa đến thế, chúng ta có tiếp tục công việc tốt đẹp đó và dạy chúng ý nghĩa thực sự của hoạt động trí tuệ như một sự rèn luyện nhờ đó trực giác được giải phóng hay không. Chúng ta dạy chúng sử dụng bản năng và trí năng như một phần của bộ máy tự bảo tồn trong thế giới bên ngoài của các công việc con người, nhưng việc sử dụng lý tính thuần khiết và sự kiểm soát cuối cùng của trí tuệ bởi trực giác trong công việc tự bảo tồn và sự liên tục của tâm thức trong các thế giới nội giới và thực tại, cho đến nay vẫn chỉ là kiến thức đặc quyền của một vài người tiên phong.

[26]

If Professor H. Wildon Carr is right, in his definition of the intuition, then our educational methods do not tend to its development. He defines it as "the apprehension by the mind of reality directly as it is, and not under the form of a perception or a conception, nor as an idea or object of the reason, all of which by contrast are intellectual apprehension." *(Carr, H. Wildon, "Philosophy of Change", p. 21.)*

Nếu Giáo sư H. Wildon Carr đúng, trong định nghĩa của ông về trực giác, thì các phương pháp giáo dục của chúng ta không có xu hướng phát triển nó. Ông định nghĩa nó là "sự lĩnh hội của tâm trí về thực tại trực tiếp như nó là, và không phải dưới hình thức của một tri giác hay một khái niệm, cũng không phải như một ý tưởng hay đối tượng của lý trí, tất cả những thứ đó ngược lại đều là sự lĩnh hội của trí năng." *(Carr, H. Wildon, "Philosophy of Change" (Triết lý của sự Thay đổi), tr. 21.)*

We rate the science of the mind or the modifications of the thinking principle (as the Hindu calls it) as strictly human, relegating man's instinctual reactions to qualities he shares in common with the animals. May it not be possible that the science of the intuition, the art of clear synthetic vision, may some day stand to the intellect as it, in its turn, stands to the instinctual faculty.

Chúng ta đánh giá khoa học của tâm trí hay những biến đổi của nguyên khí tư duy (như người Hindu gọi nó) là hoàn toàn thuộc về con người, quy các phản ứng bản năng của con người vào các phẩm chất mà y chia sẻ chung với động vật. Có thể nào khoa học của trực giác, nghệ thuật của tầm nhìn tổng hợp rõ ràng, một ngày nào đó sẽ có quan hệ với trí năng tương tự như quan hệ của trí năng với năng lực bản năng.

Dr. Dibblee of Oxford makes the following interesting comments upon instinct and intuition, which have their place here on account of our plea in this book for the recognition of an educational technique which would lead to the development of a faculty of a higher awareness. He says:

Tiến sĩ Dibblee của Oxford đưa ra những bình luận thú vị sau đây về bản năng và trực giác, những bình luận có chỗ đứng ở đây vì lời kêu gọi của chúng ta trong cuốn sách này về sự công nhận một kỹ thuật giáo dục sẽ dẫn đến sự phát triển của một quan năng nhận thức cao hơn. Ông nói:

"...both instinct and intuition begin within the extra-conscious parts of ourselves, to speak in a local figure, and emerge equally unexpectedly into the light of every day consciousness....The impulses of instinct and the promptings of intuition are engendered in total secrecy. When they do appear, they are necessarily almost complete, and their advent into our consciousness is sudden."

"...cả bản năng và trực giác đều bắt đầu bên trong các phần ngoại-ý thức của chúng ta, nói bằng một hình ảnh về vị trí, và xuất hiện cũng bất ngờ như nhau vào ánh sáng của tâm thức hàng ngày.... Các xung lực của bản năng và sự nhắc nhở của trực giác được sinh ra trong sự bí mật hoàn toàn. Khi chúng xuất hiện, chúng nhất thiết gần như hoàn chỉnh, và sự hiện diện của chúng trong tâm thức của chúng ta là đột ngột."

Dibblee, George Binney, "Instinct and Intuition", p. 128.

[27]

And he adds in another place that intuition lies on the other side of reason to instinct. We have, therefore, this interesting triplicity — instinct, intellect and intuition — with instinct lying below the threshold of consciousness, so to speak, with the intellect holding the first place in the recognition of man, as human, and with the intuition lying beyond both of them, and only occasionally making its presence felt in the sudden illuminations and apprehensions of truth which are the gift of our greatest thinkers.

Surely there must be something more to the educational process than just fitting a man to cope with external facts and with his arbitrary environment? Humanity must be led out and into a deeper and wider future and realization. It must be equipped to meet and handle whatever may come, so as to get the highest and the best results. Men's powers should be drawn out to their fullest constructive expression. There must be no standardized limit of achievement, the attainment of which will leave them complacent, self-satisfied and, therefore, static. They must always be led from lower to higher states of realization, and the faculty of awareness must be steadily expanded. Expansion and growth is the law of life and while the mass of men must be lifted by a system of education, fitted to bring the greatest good to the greatest number, the individual must be given his full heritage, and special culture provided which will foster and strengthen the finest and the best amongst us, for in their achievement lies the [28] promise of the

Dibblee, George Binney, "Instinct and Intuition" (Bản năng và trực giác), tr. 128.

[27]

Và ông nói thêm ở một nơi khác rằng trực giác nằm ở phía bên kia của lý trí đối với bản năng. Do đó, chúng ta có bộ ba thú vị này — bản năng, trí năng và trực giác — với bản năng nằm dưới ngưỡng của tâm thức, có thể nói như vậy, với trí năng giữ vị trí đầu tiên trong sự nhận biết của con người, với tư cách là con người, và với trực giác nằm bên kia cả hai, và chỉ thỉnh thoảng làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy trong những sự soi sáng và lĩnh hội chân lý đột ngột vốn là món quà của những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của chúng ta.

Chắc chắn phải có điều gì đó hơn cho quy trình giáo dục so với việc chỉ trang bị cho một người để đối phó với các sự kiện bên ngoài và với môi trường tùy ý của y? Nhân loại phải được dẫn ra và đi vào một tương lai và sự chứng nghiệm sâu hơn và rộng hơn. Nó phải được trang bị để gặp gỡ và xử lý bất cứ điều gì có thể đến, để đạt được kết quả cao nhất và tốt nhất. Các quyền năng của con người nên được kéo ra để đạt tới biểu hiện xây dựng đầy đủ nhất của chúng. Không được có giới hạn chuẩn hóa nào về thành tựu, mà việc đạt được nó sẽ khiến họ tự mãn, tự hài lòng và do đó, tĩnh tại. Họ phải luôn được dẫn dắt từ các trạng thái chứng nghiệm thấp hơn lên cao hơn, và quan năng nhận thức phải được mở rộng đều đặn. Mở rộng và tăng trưởng là quy luật của sự sống và trong khi quần chúng nhân dân phải được nâng lên bằng một hệ thống giáo dục, phù hợp để mang lại lợi ích lớn nhất cho số lượng đông nhất, thì cá nhân phải được trao cho di sản đầy đủ của mình, và sự tu dưỡng đặc biệt được cung cấp sẽ nuôi dưỡng và củng cố những người tốt đẹp nhất và ưu tú nhất

New Age. The inferior and the backward must also have special training in order that they may come up to the high standard which the educators set. But it is of even greater importance that no man, with a special aptitude and equipment, should be held down to the dead level of the mass standard of the educated class.

trong chúng ta, vì trong thành tựu của họ nằm [28] lời hứa của Kỷ Nguyên Mới. Những người thấp kém và chậm tiến cũng phải có sự đào tạo đặc biệt để họ có thể vươn lên tiêu chuẩn cao mà các nhà giáo dục đặt ra. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là không ai, với năng khiếu và trang thiết bị đặc biệt, nên bị kìm hãm ở mức độ đồng loạt trì trệ của tiêu chuẩn đại chúng của tầng lớp có giáo dục.

It is right here that the difficulty of defining education becomes apparent, and the questions arise as to the real goal and the true objectives. Dr. Randall realizes this in an article he wrote, in which he says:

Chính ngay tại đây mà khó khăn trong việc định nghĩa giáo dục trở nên rõ ràng, và các câu hỏi nảy sinh về mục tiêu thực sự và các mục đích chân thực. Tiến sĩ Randall nhận ra điều này trong một bài báo ông viết, trong đó ông nói:

"I would like to recommend the defining of education as a possible exercise for private meditation. Let each one ask himself what he means by 'education'; and if he ponders the question deeply he will discover that in order to answer it he will have to probe down to the innermost meaning of life itself. Thinking earnestly about the meaning of education compels us to face the fundamental questions of life as we never have before....Is the goal of education knowledge? Assuredly yes, but knowledge for what? Is its goal power? Again yes, but power to what end? Is its goal social adjustment? The modern age replies emphatically, yes, but what kind of adjustment shall it be, and determined by what ideals? That education aims not at mere knowledge or mere power of any kind, but at knowledge and power put to right uses is clearly recognized by the most progressive educational thought, though not by the popular opinion of the day....

"Tôi muốn đề nghị việc định nghĩa giáo dục như một bài tập khả thi cho sự tham thiền riêng tư. Hãy để mỗi người tự hỏi mình y có ý gì bởi 'giáo dục'; và nếu y suy ngẫm câu hỏi một cách sâu sắc y sẽ khám phá ra rằng để trả lời nó, y sẽ phải thăm dò xuống tận ý nghĩa sâu xa nhất của chính cuộc sống. Suy nghĩ nghiêm túc về ý nghĩa của giáo dục buộc chúng ta phải đối mặt với những câu hỏi cơ bản của cuộc sống như chúng ta chưa bao giờ làm trước đây.... Mục tiêu của giáo dục có phải là kiến thức không? Chắc chắn là có, nhưng kiến thức để làm gì? Mục tiêu của nó có phải là quyền lực không? Một lần nữa là có, nhưng quyền lực cho mục đích gì? Mục tiêu của nó có phải là sự điều chỉnh xã hội không? Thời đại hiện đại trả lời dứt khoát, có, nhưng sẽ là loại điều chỉnh nào, và được xác định bởi những lý tưởng nào? Rằng giáo dục nhắm không phải ở kiến thức đơn thuần hay quyền lực đơn thuần thuộc bất kỳ loại nào, mà ở kiến thức và quyền lực được đưa vào những sử dụng đúng đắn được tư tưởng giáo dục tiến bộ nhất công nhận rõ ràng, mặc dù không phải bởi ý kiến phổ biến của thời đại....

"The new education has for its great end, therefore, the training and development of the individual for social ends, that is, for the largest service to man....

"We commonly classify education under three heads — primary, secondary and higher. To these three I should like [29] to add a fourth, highest. The highest education is religion but it is also education."

RANDALL, JOHN HERMAN, "EDUCATION AND RELIGION", WORLD UNITY MAGAZINE, OCTOBER, 1928.

It is interesting to note that the same ideas are expressed by Bhagavan Das at the First All-Asia Educational Conference. He says:

"The rules of Religion, i.e., of the larger Science, enable us...to discharge all these wider debts and duties. Religion has been described as the command or revelation of God. This only means, in other words, the laws of God's Nature, as revealed to us by the labours, intellectual, intuitional, inspirational, of the seers and scientists of all religions and all nations....We have heard of the three R's long enough. This fourth R, of genuine Religion, is more important than them all....But it has to be carefully discovered and thought out first. It behooves all sincere educators to help in this work by applying the scientific method of ascertaining agreements amidst differences."

"Do đó, nền giáo dục mới có mục đích vĩ đại của nó là sự đào tạo và phát triển cá nhân cho các mục đích xã hội, tức là, cho sự phụng sự lớn nhất đối với con người....

"Chúng ta thường phân loại giáo dục dưới ba tiêu đề — tiểu học, trung học và đại học. Vào ba tiêu đề này tôi muốn [29] thêm một thứ tư, cao nhất. Giáo dục cao nhất là tôn giáo nhưng nó cũng là giáo dục."

RANDALL, JOHN HERMAN, "EDUCATION AND RELIGION" (GIÁO DỤC VÀ TÔN GIÁO), TẠP CHÍ WORLD UNITY, THÁNG 10 NĂM 1928.

Thật thú vị khi lưu ý rằng những ý tưởng tương tự được Bhagavan Das bày tỏ tại Hội nghị Giáo dục Toàn châu Á lần thứ nhất. Ông nói:

"Các quy luật của Tôn giáo, tức là, của Khoa học lớn hơn, cho phép chúng ta... hoàn trả tất cả các món nợ và nghĩa vụ rộng lớn hơn này. Tôn giáo đã được mô tả như mệnh lệnh hay sự mặc khải của Thượng đế. Điều này chỉ có nghĩa, nói cách khác, là các quy luật của Bản chất Thượng đế, như được tiết lộ cho chúng ta bởi những lao động, trí tuệ, trực giác, đầy cảm hứng, của các nhà tiên tri và nhà khoa học của tất cả các tôn giáo và tất cả các quốc gia.... Chúng ta đã nghe về ba chữ R đủ lâu rồi. Chữ R thứ tư này, của Tôn giáo chân chính, quan trọng hơn tất cả chúng.... Nhưng nó phải được khám phá và suy nghĩ cẩn thận trước tiên. Tất cả các nhà giáo dục chân thành có bổn phận giúp đỡ trong công việc này bằng cách áp dụng phương pháp khoa học để xác định những điểm tương đồng giữa các khác biệt."

Das, Bhagavan, "The Unity of Asiatic Thought, i.e., Of All Religions", p. 12.

Das, Bhagavan, "The Unity of Asiatic Thought, i.e., Of All Religions" (Sự thống nhất của tư tưởng Á châu, tức là, của tất cả tôn giáo), tr. 12.

Both East and West seem to feel that an educational system that does not eventually lead a man out of the world of human affairs into the wider consciousness of spiritual things has failed in its mission and will not measure up to the soaring demand of the human soul. A training that stops short with the intellect, and ignores the faculty to intuit truth which the best minds evidence, lacks much. If it leaves its students with closed and static minds, it has left them without the equipment to touch that intangible and finest "four-fifths of life" which Dr. Wiggam tells us, lies outside the realm of scientific [30] training altogether. *(Wiggam, Albert Edward, "The New Decalogue of Science".)* The door must be opened for those who can go beyond the academic training of the mind with relation to physical plane living.

Cả phương Đông và phương Tây dường như cảm thấy rằng một hệ thống giáo dục không cuối cùng dẫn dắt một con người ra khỏi thế giới của các công việc con người vào tâm thức rộng lớn hơn của những điều thuộc về tinh thần đã thất bại trong sứ mệnh của mình và sẽ không đáp ứng được nhu cầu cao cả của linh hồn con người. Một sự đào tạo dừng lại ở trí năng, và lờ đi quan năng trực nhận chân lý mà những trí tuệ tốt nhất chứng minh, còn thiếu sót nhiều. Nếu nó để lại cho các học sinh của mình những tâm trí đóng kín và tĩnh tại, nó đã để lại cho họ không có trang thiết bị để chạm vào "bốn phần năm cuộc sống" vô hình và tinh tế nhất mà Tiến sĩ Wiggam nói với chúng ta, nằm bên ngoài lĩnh vực đào tạo khoa học [30] hoàn toàn. *(Wiggam, Albert Edward, "The New Decalogue of Science" (Mười Điều Răn Mới của Khoa học).)* Cánh cửa phải được mở ra cho những người có thể đi xa hơn sự đào tạo học thuật của trí tuệ liên quan đến cuộc sống cõi trần.

The success of the future of the race is bound up with the success of those individuals who have the capacity to achieve greater, because more spiritual, things. These units of the human family must be discovered and encouraged to go on and to penetrate into the realm of the intangible. They must be cultured and trained and given an education which will be adapted to the highest and the best that is in them. Such an education requires a proper perception of individual growth and status, and a right understanding of what the next step in any given case should be. It requires insight, sympathy and understanding on the part of the teacher.

Sự thành công của tương lai của nhân loại gắn liền với sự thành công của những cá nhân có khả năng đạt được những điều lớn lao hơn, bởi vì thuộc về tinh thần hơn. Những đơn vị này của gia đình nhân loại phải được khám phá và khuyến khích để đi tiếp và thâm nhập vào vương quốc của cái vô hình. Họ phải được tu dưỡng và đào tạo và được trao một nền giáo dục sẽ thích ứng với những gì cao nhất và tốt nhất có trong họ. Một nền giáo dục như vậy đòi hỏi một sự nhận thức đúng đắn về sự tăng trưởng và địa vị cá nhân, và một sự thấu hiểu đúng đắn về bước tiếp theo trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào nên là gì. Nó đòi hỏi sự sáng suốt, sự

thông cảm và sự thấu hiểu về phía người thầy.

There is an increasing realization among educators of this need to lift the more advanced educational processes and so raise those subjected to their influence out of the realm of the purely analytical critical mind into that of pure reason and intuitive perception. Bertrand Russell points out that "Education should not aim at a passive awareness of dead facts but at an activity directed towards the world that our efforts are to create." But we must remember that creation posits an alive and functioning creator, acting with intention and utilizing the creative imagination. Could it be said that this is the effect of our modern educational systems? Is not the mind standardized and held down by our mass system [31] and by the method of cramming the memory with ill digested facts? If Herbart is right when he says that the "chief business of education is the ethical revelation of the universe" then perhaps Dr. Moran is also right when he points out that "one of the underlying causes, perhaps the greatest, of our materialistic age is the lack of the spiritual element in our formal education."

Ngày càng có sự nhận thức rõ rệt giữa các nhà giáo dục về nhu cầu này để nâng cao các quy trình giáo dục tiến bộ hơn và do đó nâng những người chịu ảnh hưởng của họ ra khỏi lĩnh vực của trí tuệ phân tích phê phán thuần túy vào lĩnh vực của lý tính thuần khiết và nhận thức trực giác. Bertrand Russell chỉ ra rằng "Giáo dục không nên nhắm vào một sự nhận biết thụ động về các sự kiện chết mà vào một hoạt động hướng tới thế giới mà những nỗ lực của chúng ta sẽ tạo ra." Nhưng chúng ta phải nhớ rằng sự sáng tạo giả định một người sáng tạo sống động và đang hoạt động, hành động với ý định và sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo. Có thể nói rằng đây là hiệu quả của các hệ thống giáo dục hiện đại của chúng ta không? Chẳng phải trí tuệ bị chuẩn hóa và bị kìm hãm bởi hệ thống đại chúng của chúng ta [31] và bởi phương pháp nhồi nhét vào trí nhớ những sự kiện chưa được tiêu hóa kỹ hay sao? Nếu Herbart đúng khi ông nói rằng "công việc chính của giáo dục là sự tiết lộ đạo đức của vũ trụ" thì có lẽ Tiến sĩ Moran cũng đúng khi ông chỉ ra rằng "một trong những nguyên nhân cơ bản, có lẽ là lớn nhất, của thời đại duy vật của chúng ta là sự thiếu hụt yếu tố tinh thần trong nền giáo dục chính quy của chúng ta."

Some of us feel also that there exists an even wider goal than an ethical revelation; and that it is possible that humanity is the custodian of an illumination and a glory which will only be realized in its fulness when the masses achieve some of the magnificence which has characterized the World Figures of the past. Is it not in line with evolutionary development that the real goal of education is *to lead humanity out of the fourth or human kingdom into that*

Một số người trong chúng ta cũng cảm thấy rằng tồn tại một mục tiêu thậm chí còn rộng lớn hơn một sự tiết lộ đạo đức; và rằng có khả năng nhân loại là người giám hộ của một sự soi sáng và một vinh quang sẽ chỉ được nhận ra trong sự trọn vẹn của nó khi quần chúng đạt được một số sự tráng lệ đã đặc trưng cho các Nhân vật Thế giới của quá khứ. Chẳng phải là phù hợp với sự phát triển tiến hóa sao khi mục tiêu thực sự của giáo dục là *dẫn dắt nhân loại ra khỏi giới thứ tư*

spiritual realm where the pioneers whom we call Mystics, and the standard-setting Figures of the race live and move and have their being? Thus mankind will be raised out of the objective material world into the realm of spirit, where the truer values are to be found, and wherein that larger Self is contacted which the individual selves exist only to reveal. Keyserling hints at this in the following words:

hay giới nhân loại vào vương quốc tinh thần đó nơi những người tiên phong mà chúng ta gọi là các Nhà Thần bí, và các Nhân vật thiết lập tiêu chuẩn của nhân loại sống và hoạt động và hiện hữu? Do đó, loài người sẽ được nâng lên khỏi thế giới vật chất ngoại giới vào vương quốc của tinh thần, nơi các giá trị chân thực hơn được tìm thấy, và trong đó Chân ngã rộng lớn hơn được tiếp xúc mà các bản ngã cá nhân tồn tại chỉ để tiết lộ. Keyserling gợi ý về điều này trong những lời sau:

"We are aware of the limits of human reason; we understand the significance of our striving; we are the masters of nature. We can simultaneously overlook the inner and the outer world. Since we can scientifically determine what are our real intentions, we need no more become the prey [32] of self-deceptions....From now on, this possibility must become the *conscious* motive of life. Hitherto it has not yet played that part. Yet this precisely is all-important for the centre of consciousness determines the starting-point of man. Wherever he shifts the emphasis within himself, there it actually rests; the whole Being of man is reorganized accordingly...therefore, an education to the synthesis of understanding and action is necessary for a life based on recognition.

"Chúng ta nhận thức được các giới hạn của lý trí con người; chúng ta thấu hiểu ý nghĩa của sự phấn đấu của mình; chúng ta là những người chủ của tự nhiên. Chúng ta có thể đồng thời nhìn bao quát thế giới bên trong và bên ngoài. Vì chúng ta có thể xác định một cách khoa học những ý định thực sự của mình là gì, chúng ta không cần phải trở thành con mồi [32] của những sự tự lừa dối nữa.... Từ giờ trở đi, khả năng này phải trở thành động cơ *có ý thức* của cuộc sống. Cho đến nay nó vẫn chưa đóng vai trò đó. Tuy nhiên, chính điều này là quan trọng nhất vì trung tâm của tâm thức xác định điểm xuất phát của con người. Bất cứ nơi nào y chuyển sự nhấn mạnh bên trong chính mình, ở đó trọng tâm ấy thực sự nằm; toàn bộ Bản thể của con người được tổ chức lại cho phù hợp... do đó, một nền giáo dục hướng tới sự tổng hợp của sự thấu hiểu và hành động là cần thiết cho một cuộc sống dựa trên sự nhận biết.

"All education in the East is purely directed towards Sense-understanding, which...is the only way that can be shown as leading to a raising of the level of essential Being....*The essential thing is not information, but understanding*, and understanding can be attained only by personal creative application....Sense-perception always

"Tất cả giáo dục ở phương Đông hoàn toàn hướng tới Sự thấu hiểu ý nghĩa, vốn... là cách duy nhất có thể được chỉ ra như dẫn đến việc nâng cao trình độ của Bản Thể cốt yếu.... *Điều thiết yếu không phải là thông tin, mà là sự thấu hiểu*, và sự thấu hiểu chỉ có thể đạt được bằng sự ứng dụng sáng tạo cá nhân.... Sự nhận thức ý nghĩa luôn có nghĩa là *mang*

means *giving a thing meaning;* the dimension of Significance lies in the direction from within to the outside. Therefore, knowledge (in the sense of information) and understanding in reality, bear the same relationship to each other as nature and Spirit. Information is gained from without to the inside; understanding is a creative process in the opposite direction. Under these circumstances, there is no direct way leading from one goal to the other. One may know everything without at the same time understanding anything at all. And that is precisely the pass to which our education, that aims at a hoarding of information, has brought the majority."

lại cho một sự vật ý nghĩa; chiều đo của Thâm nghĩa nằm ở hướng từ bên trong ra bên ngoài. Do đó, kiến thức (theo nghĩa thông tin) và sự thấu hiểu trong thực tế, mang mối quan hệ tương tự với nhau như tự nhiên và Tinh thần. Thông tin được thu nhận từ bên ngoài vào bên trong; sự thấu hiểu là một quy trình sáng tạo theo hướng ngược lại. Trong những trường hợp này, không có con đường trực tiếp nào dẫn từ mục tiêu này sang mục tiêu kia. Người ta có thể biết mọi thứ mà không đồng thời thấu hiểu bất cứ điều gì cả. Và đó chính xác là tình trạng mà nền giáo dục của chúng ta, vốn nhắm vào việc tích trữ thông tin, đã đưa đa số đến đó."

KEYSERLING, COUNT HERMANN, "CREATIVE UNDERSTANDING", PP. 257, 216, 217.

KEYSERLING, BÁ TƯỚC HERMANN, "SỰ HIỂU BIẾT SÁNG TẠO", TR. 257, 216, 217.

This book seeks to deal with the method whereby the capacity to function in the larger consciousness can be developed, and man can re-organize his Being towards the wider issues. It concerns itself with the technique by which a specialized training and self-culture can be applied by every individual unit who [33] is capable of desiring this larger goal. If that desire can take a clear and rational form in his mind and can be appreciated as a perfectly legitimate objective, capable of successful achievement, he will eagerly grasp at it. If society can provide the means and opportunity for such advancement, many will gladly seek the way. The method proposed is an individual technique which will enable the student, who has profited by the usual academic educational advantages and the experiences of life, to expand his consciousness until he gradually transcends his present limitations and reorients his mind to wider realizations. He will discover

Cuốn sách này tìm cách đề cập đến phương pháp nhờ đó khả năng hoạt động trong tâm thức rộng lớn hơn có thể được phát triển, và con người có thể tổ chức lại Bản thể của mình hướng tới những vấn đề rộng lớn hơn. Nó quan tâm đến kỹ thuật mà qua đó một sự rèn luyện chuyên biệt và sự tự tu dưỡng có thể được áp dụng bởi mỗi đơn vị cá nhân, người [33] có khả năng khao khát mục tiêu rộng lớn hơn này. Nếu ham muốn đó có thể mang một hình thức rõ ràng và hợp lý trong tâm trí y và có thể được đánh giá như một mục tiêu hoàn toàn chính đáng, có khả năng đạt được thành công, y sẽ hăm hở nắm lấy nó. Nếu xã hội có thể cung cấp các phương tiện và cơ hội cho sự tiến bộ như vậy, nhiều người sẽ vui vẻ tìm kiếm con đường này. Phương pháp được đề xuất là một kỹ thuật cá nhân sẽ cho phép người đạo sinh, người đã hưởng lợi từ những thuận lợi giáo dục hàn lâm thông thường và những trải nghiệm của cuộc sống, mở rộng tâm thức của mình cho đến khi y dần dần vượt qua các giới hạn hiện tại và tái định hướng tâm

the soul as the great Reality, thus gaining direct experience of spiritual things.

trí mình tới những sự chứng nghiệm rộng lớn hơn. Y sẽ khám phá linh hồn như là Thực Tại vĩ đại, do đó đạt được kinh nghiệm trực tiếp về những điều thuộc tinh thần.

Everett Dean Martin defines education for us as a "spiritual revaluation of human life. Its task is to *reorient* the individual, to enable him to take a richer and more significant view of his experiences, to place him above and not within the system of his beliefs and ideals." *(Martin, Everett Dean, "The Meaning of a Liberal Education", p. viii, Preface.)* This definition necessarily opens the door to controversy, for we live, each of us, in a different environment; we have each our special problems and characteristics, based upon our heredity, our physical condition and many other factors. The consequent standard of values will have to be modified for each person, for each generation, country and race. That education is intended to prepare us for "complete living" (as Herbert Spencer [34] says) may be true, but the scope and capacity of each man differs. The lowest and the highest attainable point for men varies infinitely, and a man, moreover, who is equipped to function in one particular sphere might prove ludicrously inadequate in another. Some standard of "complete living" must therefore be worked out if the definition is to be useful. To do this we shall have to ascertain what is the pure type of the rounded out and perfected man, and what is the sum total of his range of contacts. It does not seem possible that we have exhausted the possibilities of man's response apparatus, nor of the environment with which it can put him in touch. What are the limits within which man can function? If there are states of awareness, ranging all the way from that of the Hottentot up to that of our intelligentsia and on to the geniuses and leaders in all fields of human expression, what constitutes the difference between

Everett Dean Martin định nghĩa giáo dục cho chúng ta là một "sự đánh giá lại về mặt tinh thần đối với đời sống con người. Nhiệm vụ của nó là *tái định hướng* cá nhân, cho phép y có một cái nhìn phong phú và ý nghĩa hơn về những trải nghiệm của mình, đặt y lên trên chứ không phải ở bên trong hệ thống niềm tin và lý tưởng của y." *(Martin, Everett Dean, "Ý Nghĩa của một Nền Giáo Dục Khai Phóng", tr. viii, Lời tựa.)* Định nghĩa này nhất thiết mở ra cánh cửa cho sự tranh luận, vì mỗi người chúng ta sống trong một môi trường khác nhau; mỗi người chúng ta có những vấn đề và đặc điểm riêng biệt, dựa trên sự di truyền, thể chất và nhiều yếu tố khác. Tiêu chuẩn giá trị kéo theo đó sẽ phải được điều chỉnh cho từng người, từng thế hệ, quốc gia và chủng tộc. Việc giáo dục đó nhằm chuẩn bị cho chúng ta một "cuộc sống trọn vẹn" (như Herbert Spencer [34] nói) có thể đúng, nhưng phạm vi và năng lực của mỗi người là khác nhau. Điểm thấp nhất và cao nhất có thể đạt được đối với con người thay đổi vô tận, và hơn nữa, một người được trang bị để hoạt động trong một lĩnh vực cụ thể nào đó có thể tỏ ra bất lực một cách nực cười trong một lĩnh vực khác. Do đó, một số tiêu chuẩn về "cuộc sống trọn vẹn" phải được đề ra nếu định nghĩa này muốn trở nên hữu ích. Để làm điều này, chúng ta sẽ phải xác định đâu là loại hình thuần túy của con người toàn diện và hoàn hảo, và tổng số phạm vi tiếp xúc của y là gì. Dường như không thể có chuyện chúng ta đã dùng hết các khả năng của bộ máy đáp ứng của con người, cũng như của môi trường mà nó có thể giúp y tiếp xúc. Đâu là những giới hạn mà trong đó con người có thể hoạt động? Nếu có các trạng thái nhận thức, trải dài từ trạng thái của người Hottentot lên đến trạng thái của giới

them? Why are their fields of perception so widely diverse? Racial development, one will reply; glandular stability, or instability, another will say; the possession, or the lack, of adequate educational advantages, differences in environment and in heritage, other groups of thinkers will decide.

trí thức chúng ta và tiếp đến các thiên tài và các nhà lãnh đạo trong mọi lĩnh vực biểu đạt của con người, thì điều gì tạo nên sự khác biệt giữa họ? Một người sẽ trả lời là do sự phát triển chủng tộc; người khác sẽ nói là do sự ổn định hay bất ổn của tuyến nội tiết; các nhóm tư tưởng gia khác sẽ quyết định rằng đó là do việc sở hữu, hay thiếu thốn, những thuận lợi giáo dục đầy đủ, những khác biệt về môi trường và di truyền.

But out of the welter of opinion emerges the basic fact of the wide range of the human states of awareness, and the wonder of the realization that humanity has produced such marvels of comprehensive understanding, of purity of expression and of perfected world-wide influence as we see evidenced by [35] the Christ, the Buddha, Plato and many others, whose thoughts and words have set their mark upon the minds of men for thousands of years. What has made them what they are? Are they miracles, emerging from the heart of the Infinite, and, hence, can never find their equal? Are they products of the evolutionary process, and so have become potent through vast experience and unfoldment? Or are they the flower of the human race, who added to their equipment and training a specialized culture which enabled them to enter a spiritual world, which is sealed to the majority, and to function in a dimension of which even our most advanced thinkers know nothing? Have our present educational systems brought humanity, as a whole, to a condition where many thousands are ready for this specialized culture, and, therefore, are we facing a crisis in the educational field which has its roots in a success, which, if carried forward along the same lines, will become a detriment instead of a help, — because man is ready for something new? Some of us believe that this is possible, and that it is time that educators

Tuy nhiên, từ mớ hỗn độn của các ý kiến nổi lên một thực tế cơ bản về phạm vi rộng lớn của các trạng thái nhận thức của con người, và sự kỳ diệu của việc nhận ra rằng nhân loại đã sản sinh ra những điều kỳ diệu của sự thấu hiểu bao quát, của sự thuần khiết trong biểu đạt và của ảnh hưởng hoàn hảo trên toàn thế giới như chúng ta thấy được minh chứng bởi [35] Đức Christ, Đức Phật, Plato và nhiều vị khác, những người mà tư tưởng và lời nói đã để lại dấu ấn trong tâm trí con người hàng ngàn năm qua. Điều gì đã tạo nên họ như thế? Phải chăng họ là những phép lạ, xuất hiện từ trái tim của Đấng Vô Hạn, và do đó, không bao giờ có thể tìm thấy người ngang hàng? Phải chăng họ là sản phẩm của quá trình tiến hóa, và vì thế đã trở nên đầy quyền năng nhờ trải nghiệm và sự khai mở to lớn? Hay họ là tinh hoa của nhân loại, những người đã thêm vào trang thiết bị và sự rèn luyện của mình một sự tu dưỡng chuyên biệt cho phép họ bước vào một thế giới tinh thần, vốn bị đóng kín đối với đa số, và hoạt động trong một chiều kích mà ngay cả những tư tưởng gia tiến bộ nhất của chúng ta cũng không biết gì? Phải chăng các hệ thống giáo dục hiện tại của chúng ta đã đưa nhân loại, nói chung, đến một tình trạng mà hàng ngàn người đã sẵn sàng cho sự tu dưỡng chuyên biệt này, và vì vậy, chúng ta đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực giáo dục vốn có gốc rễ từ một thành công, mà nếu được tiếp tục theo các đường lối cũ, sẽ trở thành một trở

should begin to prepare men for the new and divine experience and for that wonderful experiment which will put them everywhere in possession of themselves — a thing hitherto the choice prerogative of the mystics and knowers of the race. These knowers have testified to a wider world than the one revealed to us by the mechanism of the nerves, and investigated by the chemist, the physicist, the biologist and the anthropologist. They have spoken in no uncertain [36] terms of a realm of contacts and of awareness in which the ordinary senses are useless. They claim to have lived and moved in these subtler realms, and the perseverance displayed in the mystical search for reality, and the similarity of their testimony down the ages lead one to believe in the possibility of that intangible world and of a response apparatus, by means of which it can be contacted. The ranks of these "deluded" mystics and intuitional thinkers number tens of thousands of the best minds of the race. They say to us in the words of Walt Whitman: "I and my kind do not convince by argument; we convince by our presence." (*Whitman, Walt, "Leaves of Grass".)*

ngại thay vì là một sự giúp đỡ, — bởi vì con người đã sẵn sàng cho một điều gì đó mới mẻ? Một số người trong chúng tôi tin rằng điều này là có thể, và đã đến lúc các nhà giáo dục nên bắt đầu chuẩn bị con người cho trải nghiệm mới mẻ và thiêng liêng, và cho cuộc thử nghiệm tuyệt vời sẽ đặt họ ở mọi nơi vào vị thế sở hữu chính bản thân mình — một điều cho đến nay vẫn là đặc quyền lựa chọn của các nhà thần bí và các thức giả của nhân loại. Những thức giả này đã làm chứng cho một thế giới rộng lớn hơn thế giới được tiết lộ cho chúng ta bởi cơ chế của các dây thần kinh, và được nghiên cứu bởi nhà hóa học, nhà vật lý, nhà sinh học và nhà nhân chủng học. Họ đã nói bằng những thuật ngữ không hề mơ hồ [36] về một cõi giới của những tiếp xúc và nhận thức nơi mà các giác quan thông thường trở nên vô dụng. Họ tuyên bố đã sống và hoạt động trong những cõi giới vi tế hơn này, và sự kiên trì được thể hiện trong cuộc tìm kiếm thực tại của các nhà thần bí, cùng sự tương đồng trong lời chứng của họ qua các thời đại khiến người ta tin vào khả năng của thế giới vô hình đó và của một bộ máy đáp ứng, mà nhờ đó thế giới ấy có thể được tiếp xúc. Hàng ngũ của những nhà thần bí và những tư tưởng gia trực giác "bị ảo tưởng" này lên tới hàng chục ngàn người thuộc những bộ óc ưu tú nhất của nhân loại. Họ nói với chúng ta bằng những lời của Walt Whitman: "Tôi và đồng loại của tôi không thuyết phục bằng lý lẽ; chúng tôi thuyết phục bằng sự hiện diện của mình." (*Whitman, Walt, "Lá Cỏ".*)

Education has also been expressed as "an adventurous quest for the meaning of life, involving an ability to think things through." Who said this I do not know, but it seems to me a most excellent description of the way of the mystic and the technique of meditation whereby the mystic becomes the fully conscious knower. However much one may seek to explain it away, the fact remains

Giáo dục cũng đã được diễn đạt như là "một cuộc tìm kiếm đầy phiêu lưu về ý nghĩa của cuộc sống, bao hàm khả năng suy nghĩ thấu đáo mọi việc." Tôi không biết ai đã nói điều này, nhưng đối với tôi, nó dường như là một mô tả xuất sắc nhất về con đường của nhà thần bí và kỹ thuật tham thiền nhờ đó nhà thần bí trở thành thức giả hoàn toàn có ý thức. Dù người ta có tìm cách giải thích lấp

that man goes questing through the ages, and his quest leads him far deeper than the concrete externals of the world in which he lives. Dr. Overstreet calls this to our attention in words that carry the true mystical message. He says:

liếm thế nào đi nữa, sự thật vẫn là con người vẫn tiếp tục tìm kiếm qua các thời đại, và cuộc tìm kiếm dẫn y đi sâu hơn nhiều so với những cái bên ngoài cụ thể của thế giới mà y đang sống. Tiến sĩ Overstreet kêu gọi sự chú ý của chúng ta về điều này bằng những lời mang thông điệp thần bí thực sự. Ông nói:

"In the main, we are creatures who see 'things'. We see what we see and usually not beyond what we see. To experience the world as merely a world of things is doubtless to fail of something that is significant. The experience of [37] things, to be sure, is good as far as it goes. It enables us to move about our world and to manipulate the life-factors with some success....It is possible, however, to get a different 'feel' of one's world if one is able to develop another habit of mind. It is, in short, the habit of seeing the invisible in the visible reality; the habit of penetrating surfaces, of seeing through things to their initiating sources."

"Về cơ bản, chúng ta là những sinh vật nhìn thấy 'sự vật'. Chúng ta thấy những gì mình thấy và thường không thấy xa hơn những gì mình thấy. Trải nghiệm thế giới chỉ đơn thuần là một thế giới của các sự vật chắc chắn là đã không nắm bắt được điều gì đó có ý nghĩa. Chắc chắn, trải nghiệm về [37] các sự vật là tốt trong phạm vi của nó. Nó cho phép chúng ta di chuyển trong thế giới của mình và vận dụng các yếu tố cuộc sống với một số thành công.... Tuy nhiên, có thể có được một 'cảm nhận' khác về thế giới của một người nếu người đó có khả năng phát triển một thói quen tâm trí khác. Tóm lại, đó là thói quen nhìn thấy cái vô hình trong thực tại hữu hình; thói quen thâm nhập vào các bề mặt, nhìn xuyên qua sự vật để thấy các nguồn khởi phát của chúng."

OVERSTREET, H. A., "THE ENDURING QUEST", P. 114.

OVERSTREET, H. A., "CUỘC TÌM KIẾM BỀN BỈ", TR. 114.

Men are now perhaps ready to penetrate beneath the surface and to carry their search within the outer form of nature to that which is its cause. We are perhaps, too apt to confuse the religious spirit with the mystic search. All clear thinking about life and about the great laws of nature, if carried forward with persistence and steadfastness, leads eventually into the mystic world, and this the foremost scientists of our day are beginning to realize. Religion starts with the accepted hypothesis of the unseen and the mystical. But science arrives at the same point by working from the seen to the unseen and from the objective to the

Có lẽ giờ đây con người đã sẵn sàng thâm nhập xuống dưới bề mặt và tiến hành cuộc tìm kiếm của mình bên trong hình tướng bên ngoài của tự nhiên để đến với cái là nguyên nhân của nó. Có lẽ chúng ta quá dễ nhầm lẫn tinh thần tôn giáo với cuộc tìm kiếm thần bí. Mọi tư duy rõ ràng về cuộc sống và về các định luật vĩ đại của tự nhiên, nếu được thực hiện với sự kiên trì và kiên định, cuối cùng sẽ dẫn vào thế giới thần bí, và đây là điều mà các nhà khoa học hàng đầu trong thời đại chúng ta đang bắt đầu nhận ra. Tôn giáo bắt đầu với giả thuyết được chấp nhận về cái vô hình và cái thần bí. Nhưng khoa học đi đến cùng một điểm bằng cách

subjective. Thus, as has been said, by the process of investigation and of passing inwards from form to form, the mystic arrives eventually at the glory of the unveiled Self. It seems to be unalterably true that all paths lead to God — viewing God as the ultimate goal, the symbol of man's search for Reality. It is no longer a sign of superstition to believe in a higher dimension and in another world of Being. Even the word "supernatural" has become deeply and profoundly respectable, and it seems possible that some day our [38] educational systems may regard the preparation of the individual to transcend his natural limitations as an entirely legitimate part of its affairs. It is interesting to note what Dr. C. Lloyd Morgan in the Gifford Lectures, delivered in 1923, has to say about this word "supernatural." He says:

làm việc từ cái hữu hình đến cái vô hình và từ ngoại giới đến nội giới. Do đó, như đã nói, bằng quá trình điều tra và đi sâu vào bên trong từ hình tướng này sang hình tướng khác, nhà thần bí cuối cùng đi đến vinh quang của Chân ngã được vén màn. Dường như luôn đúng rằng mọi con đường đều dẫn đến Thượng đế — xem Thượng đế là mục tiêu tối hậu, là biểu tượng cho cuộc tìm kiếm Thực Tại của con người. Tin vào một chiều kích cao hơn và vào một thế giới khác của Bản thể không còn là dấu hiệu của sự mê tín nữa. Ngay cả từ "siêu nhiên" cũng đã trở nên đáng kính trọng một cách sâu sắc và thâm thúy, và dường như có thể một ngày nào đó các hệ thống giáo dục [38] của chúng ta có thể coi việc chuẩn bị cho cá nhân vượt qua các giới hạn tự nhiên của mình là một phần hoàn toàn chính đáng trong công việc của nó. Thật thú vị khi lưu ý những gì Tiến sĩ C. Lloyd Morgan trong các Bài giảng Gifford, được trình bày vào năm 1923, nói về từ "siêu nhiên" này. Ông nói:

"There is, I submit, an intelligible sense in which it may be said that, in the ascending hierarchy of stages of progress, regarded as manifestations of Divine Purpose, each higher stage is in turn *super*natural to that which precedes it. In this sense life is supernatural to the inorganic; reflective comprehension in thought is supernatural to naive unreflective perception; the religious attitude, with acknowledgement of Divine Purpose, is supernatural to the ethical attitude in social affairs. For those who reach this highest stage, as they deem it, the religious attitude affords the supreme exemplar of the supernatural. It is distinctive of the spiritual man."

"Tôi cho rằng, có một ý nghĩa dễ hiểu trong đó có thể nói rằng, trong thang bậc đi lên của các giai đoạn tiến bộ, được xem như những biểu hiện của Thiên Ý, mỗi giai đoạn cao hơn lần lượt là *siêu* nhiên đối với giai đoạn đi trước nó. Theo nghĩa này, sự sống là siêu nhiên đối với cái vô cơ; sự thấu hiểu phản tư trong tư tưởng là siêu nhiên đối với sự nhận thức ngây thơ không phản tư; thái độ tôn giáo, với sự thừa nhận Thiên Ý, là siêu nhiên đối với thái độ đạo đức trong các vấn đề xã hội. Đối với những người đạt đến giai đoạn cao nhất này, như họ coi là vậy, thái độ tôn giáo cung cấp hình mẫu tối cao của cái siêu nhiên. Nó là đặc trưng của con người tinh thần."

MORGAN, C. LLOYD, "LIFE, MIND AND SPIRIT", P. X, PREFACE.

MORGAN, C. LLOYD, "SỰ SỐNG, TRÍ TUỆ VÀ TINH THẦN", TR. X, LỜI TỰA.

and, he adds most beautifully and most appositely, as far as our subject is concerned, that "The stress for us is on a new *attitude*, for it is this that is, as I think, emergent. Hence we may speak of a new 'vision,' and a new 'heart,' capable of a higher and richer form of joy." *(Morgan, C. Lloyd, "Life, Mind and Spirit", p. X, Preface.)*

và, ông nói thêm một cách tuyệt đẹp và thích hợp nhất, liên quan đến chủ đề của chúng ta, rằng "Đối với chúng ta, trọng tâm nằm ở một *thái độ* mới, vì tôi nghĩ rằng chính điều này đang xuất hiện. Do đó, chúng ta có thể nói về một 'tầm nhìn' mới, và một 'trái tim' mới, có khả năng đạt được một hình thức niềm vui cao hơn và phong phú hơn." *(Morgan, C. Lloyd, "Sự Sống, Trí Tuệ và Tinh thần", tr. X, Lời tựa.)*

.

.

In Dr. Hocking's notable book *"Human Nature and Its Remaking"* he points out that education has two functions. It must first of all communicate the type and then provide for growth beyond that type. Education is intended to make man truly human; it must round out and perfect his nature, and so reveal [39] and make possible those deeper potentialities towards which all humanity tends. The evocation of the will-to-know, and, later, of the will-to-be, must follow a natural process of development. It is in this connection that the method of meditation will be seen as a part of the technique of the higher education which the New Age will see developed; it will be found to be the means whereby the rounded out human being can be still further developed, and led forth into a new kingdom in nature. Meditation is primarily a self-initiated process of education, calling forth all the powers of the will, basing itself upon the equipment present, but producing at the end a new type, the soul type, with its own internal apparatus, and holding within itself again the seeds of still greater unfoldment.

Trong cuốn sách đáng chú ý của Tiến sĩ Hocking *"Bản Chất Con Người và Sự Tái Tạo Của Nó"*, ông chỉ ra rằng giáo dục có hai chức năng. Trước hết nó phải truyền đạt mẫu hình và sau đó cung cấp cho sự tăng trưởng vượt ra ngoài mẫu hình đó. Giáo dục nhằm mục đích làm cho con người thực sự là con người; nó phải hoàn thiện và làm trọn vẹn bản chất của y, và do đó tiết lộ [39] và làm cho những tiềm năng sâu xa hơn mà toàn thể nhân loại hướng tới trở nên khả thi. Sự khơi gợi ý chí-muốn-biết, và sau đó là ý chí-muốn-là, phải tuân theo một quá trình phát triển tự nhiên. Chính trong sự liên hệ này mà phương pháp tham thiền sẽ được xem như một phần của kỹ thuật giáo dục cao hơn mà Kỷ Nguyên Mới sẽ thấy phát triển; nó sẽ được nhận thấy là phương tiện nhờ đó con người toàn diện có thể được phát triển xa hơn nữa, và được dẫn dắt vào một giới mới trong tự nhiên. Tham thiền chủ yếu là một quá trình giáo dục tự khởi xướng, huy động tất cả các sức mạnh của ý chí, dựa trên sự trang bị hiện có, nhưng cuối cùng tạo ra một loại hình mới, loại hình linh hồn, với bộ máy bên trong của riêng nó, và chứa đựng trong chính nó những hạt giống của sự khai mở vĩ đại hơn nữa.

From being something imposed from without, the new educational process wells

Từ chỗ là một cái gì đó bị áp đặt từ bên ngoài, quy trình giáo dục mới tuôn trào từ bên

up from within, and becomes that self-imposed mental discipline, which we cover by those much misunderstood words — concentration, meditation, and contemplation. From being a process of memory training, and the development of a quick handling of the response apparatus which puts us in touch with the external world, the educational technique becomes a system of mind-control, leading eventually to an inner awareness of a new state of being. It produces at length a rapid reaction and responsiveness to a world, intangible and unseen, and to a new series of instinctual recognitions which have their seat in a subtler response apparatus. The soul type imposes itself upon the [40] human type, as the human has done upon the animal, and just as the human type is the product of mass training and instinct and has been tremendously unfolded by our modern educational systems, so the soul type is the product of a new method of mental training, imposed on the individual by his soul, and called forth by the urgency of the quest and by the act of his will. This soul is always latent in the human form, but is drawn into demonstrated activity through the practice of meditation.

trong, và trở thành phép rèn luyện trí tuệ tự đặt ra đó, mà chúng ta bao hàm bằng những từ ngữ bị hiểu lầm nhiều nhất — tập trung, tham thiền, và chiêm ngưỡng. Từ chỗ là một quá trình rèn luyện trí nhớ, và sự phát triển khả năng xử lý nhanh chóng của bộ máy đáp ứng giúp chúng ta tiếp xúc với thế giới bên ngoài, kỹ thuật giáo dục trở thành một hệ thống kiểm soát tâm trí, dẫn đến một nhận thức nội tại về một trạng thái hiện hữu mới. Cuối cùng, nó tạo ra một phản ứng và sự đáp ứng nhanh chóng với một thế giới, vô hình và không thể nắm bắt, và với một loạt các nhận biết bản năng mới có chỗ dựa trong một bộ máy đáp ứng vi tế hơn. Loại hình linh hồn áp đặt chính nó lên [40] loại hình con người, cũng như con người đã làm đối với loài vật, và cũng như loại hình con người là sản phẩm của sự rèn luyện đại chúng và bản năng và đã được mở mang to lớn bởi các hệ thống giáo dục hiện đại của chúng ta, thì loại hình linh hồn là sản phẩm của một phương pháp rèn luyện trí tuệ mới, được linh hồn áp đặt lên cá nhân, và được khơi dậy bởi sự cấp bách của cuộc tìm kiếm và bởi hành động của ý chí y. Linh hồn này luôn tiềm tàng trong hình tướng con người, nhưng được lôi kéo vào hoạt động được biểu lộ thông qua việc thực hành tham thiền.

These two methods of rounding out the human being and raising him to a mass standard, and of producing the emergence of the new type, the soul, constitute the main distinction between the western and eastern educational methods.

Hai phương pháp này nhằm hoàn thiện con người và nâng y lên một tiêu chuẩn đại chúng, và nhằm tạo ra sự xuất hiện của loại hình mới, linh hồn, cấu thành sự khác biệt chính giữa các phương pháp giáo dục phương Tây và phương Đông.

The contrast between the two ways of development is most instructive. In the East we have the careful culture of the individual, with the masses left practically without any education. In the West we have mass education, but the individual is left, speaking generally, without any specific

Sự tương phản giữa hai cách phát triển này rất bổ ích. Ở phương Đông, chúng ta có sự tu dưỡng kỹ lưỡng đối với cá nhân, trong khi quần chúng thực tế không được giáo dục gì cả. Ở phương Tây, chúng ta có giáo dục đại chúng, nhưng cá nhân, nói chung, không có bất kỳ sự tu dưỡng cụ thể nào. Hai hệ thống

culturing. These two great and divergent systems have each produced a civilization, expressing its peculiar genius and manifestations, but also its marked defects. The premises upon which the systems are based are widely divergent, and it would be worth our while to consider them, for in understanding them and in the eventual union of the two it is possible that the way out may be found for the new race in the New Age.

lớn và khác biệt này, mỗi hệ thống đã tạo ra một nền văn minh, biểu đạt thiên tài và các biểu hiện đặc thù của nó, nhưng cũng có những khiếm khuyết rõ rệt. Các tiền đề mà các hệ thống này dựa vào là rất khác biệt, và sẽ rất đáng để chúng ta xem xét chúng, vì khi hiểu chúng và trong sự kết hợp cuối cùng của cả hai, có thể tìm ra lối thoát cho giống dân mới trong Kỷ Nguyên Mới.

First: In the eastern system, it is assumed that [41] within every human form dwells an entity, a being, called the self or soul. Second: This self utilizes the form of the human being as its instrument or means of expression, and through the sum total of the mental and emotional states will eventually manifest itself, utilizing the physical body as its functioning mechanism on the physical plane. Finally, the control of these means of expression is brought about under the Law of Rebirth. Through the evolutionary process (carried forward through many lives in a physical body) the self gradually builds a fit instrument through which to manifest, and learns to master it. Thus the self or soul becomes truly creative and self-conscious in the highest sense and active in its environment, manifesting its true nature perfectly. Eventually it gains complete liberation from form, from the thralldom of the desire nature, and the domination of the intellect. This final emancipation, and consequent transfer of the centre of consciousness from the human to the spiritual kingdom, is hastened and nurtured by a specialized education, called the meditation process, which is superimposed upon a mind widely and wisely cultured.

Thứ nhất: Trong hệ thống phương Đông, người ta cho rằng [41] bên trong mỗi hình tướng con người ngự trị một thực thể, một bản thể, được gọi là bản ngã hay linh hồn. Thứ hai: Bản ngã này sử dụng hình tướng của con người làm công cụ hay phương tiện biểu đạt của nó, và thông qua tổng thể các trạng thái trí tuệ và cảm xúc cuối cùng sẽ biểu hiện chính nó, sử dụng thể xác làm cơ chế hoạt động của nó trên cõi hồng trần. Cuối cùng, việc kiểm soát các phương tiện biểu đạt này được thực hiện dưới Định luật Tái sinh. Thông qua quá trình tiến hóa (được tiến hành qua nhiều kiếp sống trong một thể xác), bản ngã dần dần xây dựng một công cụ phù hợp để qua đó biểu hiện, và học cách làm chủ nó. Do đó, bản ngã hay linh hồn trở nên thực sự sáng tạo và tự ý thức theo nghĩa cao nhất và hoạt động trong môi trường của nó, biểu hiện bản chất thực sự của nó một cách hoàn hảo. Cuối cùng, nó đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi hình tướng, khỏi sự nô lệ của bản chất dục vọng, và sự thống trị của trí năng. Sự giải thoát cuối cùng này, và sự chuyển dịch trung tâm tâm thức sau đó từ giới nhân loại sang giới tinh thần, được thúc đẩy và nuôi dưỡng bởi một nền giáo dục chuyên biệt, gọi là quy trình tham thiền, được đặt lên trên một tâm trí đã được tu dưỡng rộng rãi và khôn ngoan.

The result of this intensive and individual training has been spectacular in the extreme. The eastern method is the only one which has produced the Founders of all the world religions, for all are Asiatic in origin. It is responsible for the appearance of those inspired Scriptures of the world which have moulded the thoughts of men, and for the coming [42] forth of all the world Saviours — the Buddha, Zoroaster, Shri Krishna, the Christ, and others. Thus the East has manifested forth, as the result of its particular technique, all the Great Individuals, who have sounded the note for their particular age, given the needed teaching for the unfoldment in the minds of men of the God-Idea, and so led humanity forward along the path of spiritual perception. The exoteric result of their lives is to be seen in the great organized religions.

Kết quả của sự rèn luyện chuyên sâu và cá nhân này cực kỳ ngoạn mục. Phương pháp phương Đông là phương pháp duy nhất đã sản sinh ra Các Đấng Sáng Lập của tất cả các tôn giáo thế giới, vì tất cả đều có nguồn gốc từ châu Á. Nó chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của những Kinh điển được truyền cảm hứng của thế giới vốn đã đúc kết tư tưởng của con người, và cho sự xuất hiện [42] của tất cả các Đấng Cứu Thế — Đức Phật, Zoroaster, Shri Krishna, Đức Christ, và những vị khác. Như vậy, phương Đông đã biểu hiện, như là kết quả của kỹ thuật đặc biệt của nó, tất cả Các Cá Nhân Vĩ Đại, những người đã xướng lên âm thanh cho thời đại cụ thể của họ, đưa ra giáo huấn cần thiết cho sự khai mở Ý Niệm Thượng đế trong tâm trí con người, và do đó dẫn dắt nhân loại tiến lên trên con đường nhận thức tinh thần. Kết quả ngoại môn của cuộc đời các Ngài có thể được thấy trong các tôn giáo có tổ chức lớn.

In the training of the highly developed individuals, however, the masses throughout Asia have been neglected, and the system, consequently, (from the angle of racial development), leaves much to be desired. The defects of the system are the development of visionary and impractical tendencies. The mystic is frequently unable to cope with his environment, and where the emphasis is laid entirely upon the subjective side of life, the physical welfare of the individual and the race is neglected and overlooked. The masses are left to struggle in the mire of ignorance, disease and dirt, and, hence, we have the deplorable conditions found throughout the Orient, alongside the highest spiritual illumination of the favored few.

Tuy nhiên, trong việc rèn luyện các cá nhân phát triển cao, quần chúng khắp châu Á đã bị bỏ bê, và do đó, hệ thống (từ góc độ phát triển chủng tộc), còn nhiều điều chưa đáp ứng được. Những khiếm khuyết của hệ thống là sự phát triển của các khuynh hướng mơ mộng và thiếu thực tế. Nhà thần bí thường không thể đối phó với môi trường của mình, và khi sự nhấn mạnh được đặt hoàn toàn vào phương diện nội giới của cuộc sống, phúc lợi thể chất của cá nhân và chủng tộc bị bỏ bê và xem nhẹ. Quần chúng bị bỏ mặc vật lộn trong vũng lầy của sự ngu dốt, bệnh tật và dơ bẩn, và do đó, chúng ta có những điều kiện tồi tệ được tìm thấy khắp phương Đông, bên cạnh sự soi sáng tinh thần cao nhất của một số ít người được ưu ái.

In the West the emphasis is entirely reversed. The subjective is ignored and regarded as hypothetical, and the premises

Ở phương Tây, sự nhấn mạnh hoàn toàn ngược lại. Nội giới bị lờ đi và được coi là giả thuyết, và các tiền đề mà văn hóa của chúng

upon which our culture is based are as follows: First, there is an entity, called the human being, who possesses a mind, a set of emotions and a response apparatus through which he is [43] brought into contact with his environment. Second, according to the calibre of his apparatus and the condition of his mind, plus the nature of his environing circumstances, so will be his character and disposition. The goal of the educational process, applied wholesale and indiscriminately, is to make him physically fit, mentally alert, to provide a trained memory, controlled reactions, and a character which makes him a social asset and a contributing factor in the body economic. His mind is regarded as a storehouse for imparted facts and the training given every child is intended to make him a useful member of society, self-supporting and decent. The product of these premises is the reverse of the Oriental. We have no specific culture of a kind to produce such world figures as Asia has produced, but we have evolved a mass system of education, and we have developed groups of thinkers. Hence, our universities, colleges and public and private schools. These set their mark upon tens of thousands of men, standardizing them and training them so that we turn out a human product, possessing a certain uniform knowledge, a certain stereotyped store of facts and a smattering of information. This means that there is no such deplorable ignorance as we find in the East, but a fairly high level of general knowledge. It has produced what we call civilization, with its wealth of books, and its many sciences. It has produced the scientific investigation of man, and (on the crest of the wave of human evolution) the great Groups in contradistinction to the great Individuals. [44] The contrasts might be crudely summed up as follows:

ta dựa vào là như sau: Thứ nhất, có một thực thể, được gọi là con người, sở hữu một tâm trí, một bộ cảm xúc và một bộ máy đáp ứng qua đó y được [43] đưa vào tiếp xúc với môi trường của mình. Thứ hai, tùy theo năng lực của bộ máy và tình trạng tâm trí y, cộng với bản chất của hoàn cảnh môi trường, mà tính cách và khuynh hướng của y sẽ được hình thành. Mục tiêu của quy trình giáo dục, được áp dụng đại trà và không phân biệt, là làm cho y khỏe mạnh về thể chất, nhạy bén về trí tuệ, cung cấp một trí nhớ được rèn luyện, các phản ứng được kiểm soát, và một tính cách làm cho y trở thành một tài sản xã hội và một yếu tố đóng góp trong nền kinh tế. Tâm trí y được coi là một kho chứa các sự kiện được truyền đạt và việc rèn luyện cho mọi đứa trẻ nhằm làm cho nó trở thành một thành viên hữu ích của xã hội, tự nuôi sống mình và đàng hoàng. Sản phẩm của các tiền đề này ngược lại với phương Đông. Chúng ta không có sự tu dưỡng cụ thể nào để tạo ra những nhân vật thế giới như châu Á đã sản sinh, nhưng chúng ta đã phát triển một hệ thống giáo dục đại chúng, và chúng ta đã phát triển các nhóm tư tưởng gia. Do đó, chúng ta có các trường đại học, cao đẳng và các trường công lập và tư thục. Những trường này để lại dấu ấn trên hàng chục ngàn người, chuẩn hóa họ và rèn luyện họ để chúng ta tạo ra một sản phẩm con người, sở hữu một kiến thức đồng nhất nhất định, một kho sự kiện rập khuôn nhất định và một chút thông tin. Điều này có nghĩa là không có sự ngu dốt tồi tệ như chúng ta thấy ở phương Đông, mà là một trình độ kiến thức chung khá cao. Nó đã tạo ra cái mà chúng ta gọi là nền văn minh, với sự phong phú của sách vở, và nhiều ngành khoa học của nó. Nó đã tạo ra sự điều tra khoa học về con người, và (trên đỉnh con sóng tiến hóa của nhân loại) các Nhóm lớn trái ngược với các Cá nhân lớn. [44] Các sự tương phản có thể được tóm tắt một cách thô sơ như sau:

WEST EAST	PHƯƠNG TÂY PHƯƠNG ĐÔNG
Groups Individuals	Các Nhóm Các Cá Nhân
Books Bibles	Sách vở Kinh điển
Knowledge Wisdom	Kiến thức Minh triết
Objective Civilization Subjective Culture	Văn minh Ngoại giớiVăn hóa Nội giới
Mechanical Development Mystical Development	Phát triển Cơ khí Phát triển Thần bí
Standardization Uniqueness	Tiêu chuẩn hóa Sự độc đáo
Mass Education Specialized Training	Giáo dục Đại chúng Rèn luyện Chuyên biệt
Science Religion	Khoa học Tôn giáo
Memory Training Meditation	Rèn luyện Trí nhớ Tham thiền
Investigation Reflection	Điều tra Suy ngẫm

Yet the cause is basically one — a method of education. Both are also fundamentally right, yet both are needed to supplement and complement each other. The education of the masses of the Orient will lead to the rectifying of their physical plane problems which call aloud for solution. A wide general system of education reaching down among the illiterate masses of the people in Asia is the outstanding need. The culturing of the individual in the West, and the grafting upon his body of imposed knowledge, of a technique of Soul Culture, as it has come to us from the Orient, will lift and salvage our civilization which is so fast breaking down. The East needs knowledge and the imparting of information. The West needs wisdom and the technique of meditation.

Tuy nhiên, nguyên nhân về cơ bản là một — một phương pháp giáo dục. Cả hai cũng đúng về cơ bản, nhưng cả hai đều cần thiết để bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau. Việc giáo dục quần chúng phương Đông sẽ dẫn đến việc khắc phục các vấn đề trên cõi hồng trần của họ vốn đang kêu gọi giải pháp. Một hệ thống giáo dục chung rộng rãi tiếp cận đến quần chúng mù chữ ở châu Á là nhu cầu nổi bật. Sự tu dưỡng cá nhân ở phương Tây, và việc ghép một kỹ thuật Tu dưỡng Linh hồn vào khối kiến thức đã được truyền cho y, như nó đã đến với chúng ta từ phương Đông, sẽ nâng cao và cứu vãn nền văn minh của chúng ta vốn đang sụp đổ quá nhanh. Phương Đông cần kiến thức và sự truyền đạt thông tin. Phương Tây cần minh triết và kỹ thuật tham thiền.

This scientific and cultural system, when applied to our highly educated human beings, will produce [45] that bridging body of men, who will unify the achievements of the two hemispheres and link the subjective and objective realms. They will act as the pioneers of the New Age, when men will be practical men of affairs with their feet firmly planted on earth and yet, at the same time, be mystics and seers, living also in the world of spirit and carrying inspiration and illumination with them into the life of every day.

Hệ thống khoa học và văn hóa này, khi được áp dụng cho những con người được giáo dục cao của chúng ta, sẽ tạo ra [45] một tập thể những người làm cầu nối, những người sẽ thống nhất những thành tựu của hai bán cầu và liên kết các cõi giới nội giới và ngoại giới. Họ sẽ hành động như những người tiên phong của Kỷ Nguyên Mới, khi con người sẽ là những người thực tế trong công việc với đôi chân đặt vững chắc trên mặt đất nhưng đồng thời, là những nhà thần bí và nhà thông nhãn, cũng sống trong thế giới tinh thần và mang cảm hứng và sự soi sáng cùng với họ vào cuộc sống hàng ngày.

For the bringing about of these conditions and the production of that great group of practical mystics who will eventually save the world, two things are needed: — trained minds with wide general knowledge as a foundation (and this our western system can give), plus a spiritual awareness of the indwelling divinity, the soul, to be achieved through the eastern system of scientific meditation. Our greatest need in the West lies in our failure to recognize the Soul and the faculty of the intuition which in its turn leads to illumination. The late Professor Luzzatti, Prime Minister of Italy, in the Preface to his most valuable and scholarly book *"God and Freedom"* says: "It is everywhere noticed that the growth of the empire of man over himself does not keep step with the growth of the empire of man over nature." *(Luzzatti, Luigi, "God and Freedom".)* It is essential that the western world should perfect its educational systems in such a way as to bring about this conquest of the empire of ourselves.

Để mang lại những điều kiện này và tạo ra nhóm lớn các nhà thần bí thực tế, những người cuối cùng sẽ cứu thế giới, hai điều là cần thiết: — những tâm trí được rèn luyện với kiến thức chung rộng rãi làm nền tảng (và điều này hệ thống phương Tây của chúng ta có thể cung cấp), cộng với một nhận thức tinh thần về thiên tính nội tại, linh hồn, đạt được thông qua hệ thống tham thiền khoa học của phương Đông. Nhu cầu lớn nhất của chúng ta ở phương Tây nằm ở việc chúng ta không nhận ra Linh hồn và năng lực trực giác, cái đến lượt nó dẫn đến sự soi sáng. Cố Giáo sư Luzzatti, Thủ tướng Ý, trong Lời tựa cho cuốn sách giá trị và uyên bác nhất của ông *"Thượng đế và Tự do"* nói: "Ở mọi nơi đều nhận thấy rằng sự gia tăng quyền làm chủ của con người đối với chính mình không theo kịp sự gia tăng quyền làm chủ của con người đối với tự nhiên." *(Luzzatti, Luigi, "Thượng đế và Tự do".)* Điều thiết yếu là thế giới phương Tây nên hoàn thiện các hệ thống giáo dục của mình theo cách mang lại việc làm chủ chính bản thân chúng ta.

CHAPTER THREE - THE NATURE OF THE SOUL—BẢN CHẤT CỦA LINH HỒN

"Philosophers say the Soul is double-faced, her upper face gazes at God all the time and her lower face looks somewhat down, informing the senses; and the upper face, which is the summit of the soul, is in eternity and has nothing to do with time: it knows nothing of time or of body."

MEISTER ECKHART

[49]

In detailing the technique whereby it is claimed the educated intellectual can become the intuitional knower it might be well to state the hypotheses upon which the science of meditation is based. In the process the various aspects (in nature, or of divinity, whichever is preferred) of which man is the expression have to be recognized, but the basic connection which holds him together as an integrated unity must never be forgotten. Man is an integrated being, but existence means more to some men than to others. For some it is purely animal existence; for many it connotes the sum total of emotional and sensory experience; for others, it involves all this, plus a mental awareness which greatly enriches and deepens life. For a few (and those the flower of the human family) Being stands for a recognition of ability to register contacts that are universal and subjective as well as individual and objective. Keyserling says that:

"Các triết gia nói rằng Linh hồn có hai mặt, mặt trên của nó luôn nhìn ngắm Thượng đế và mặt dưới nhìn xuống một chút, thấm nhuần các giác quan; và mặt trên, vốn là đỉnh cao của linh hồn, ở trong vĩnh cửu và không liên quan gì đến thời gian: nó không biết gì về thời gian hay về thân thể."

MEISTER ECKHART

[49]

Khi trình bày chi tiết kỹ thuật mà nhờ đó người ta cho rằng trí thức được giáo dục có thể trở thành thức giả trực giác, có lẽ nên nêu rõ các giả thuyết mà khoa học tham thiền dựa vào. Trong quá trình này, các phương diện khác nhau (trong tự nhiên, hay của thiên tính, tùy theo cách gọi nào được ưa thích hơn) mà con người là biểu hiện phải được công nhận, nhưng mối liên hệ cơ bản giữ y lại với nhau như một đơn vị tích hợp không bao giờ được quên. Con người là một thực thể tích hợp, nhưng sự tồn tại có ý nghĩa đối với một số người nhiều hơn đối với những người khác. Đối với một số người, đó thuần túy là sự tồn tại thú vật; đối với nhiều người, nó bao hàm tổng thể kinh nghiệm cảm xúc và giác quan; đối với những người khác, nó bao gồm tất cả những điều này, cộng với một nhận thức trí tuệ làm phong phú và sâu sắc thêm cuộc sống rất nhiều. Đối với một số ít (và đó là tinh hoa của gia đình nhân loại) Bản thể tượng trưng cho sự công nhận khả năng ghi nhận các tiếp xúc mang tính phổ quát và nội giới cũng như cá nhân và ngoại giới. Keyserling nói rằng:

"When we speak of the Being of a man in contradistinction to his ability, we mean his vital soul; and when we say this Being decides, we mean that all his utterances are penetrated with individual life, that every single expression [50] radiates personality, and that this personality is ultimately responsible."

"Khi chúng ta nói về Bản thể của một người trái ngược với khả năng của y, chúng ta muốn nói đến linh hồn đầy sức sống của y; và khi chúng ta nói Bản thể này quyết định, chúng ta muốn nói rằng tất cả những lời nói của y đều thấm đượm sự sống cá nhân, rằng mọi biểu hiện đơn lẻ [50] đều tỏa ra nhân cách, và rằng nhân cách này cuối cùng chịu trách nhiệm."

KEYSERLING, COUNT HERMANN, "CREATIVE UNDERSTANDING", P. 180.

KEYSERLING, BÁ TƯỚC HERMANN, "SỰ HIỂU BIẾT SÁNG TẠO", TR. 180.

It might be stated here as *sine qua non* that only those people who are responsible thinking beings are ready for the application of those rules and instructions which will enable them to make that transition and to come to that consciousness which is the hallmark of the illuminated mystic and the intuitional knowers. The beautiful lines found in Dr. Winslow Hall's *Illuminanda*, point the goal:

Ở đây có thể khẳng định như một *điều kiện tiên quyết* rằng chỉ những người là những con người biết tư duy và có trách nhiệm mới sẵn sàng cho việc áp dụng các quy luật và hướng dẫn vốn sẽ cho phép họ thực hiện sự chuyển tiếp đó và đi đến tâm thức đó, vốn là dấu hiệu của nhà thần bí được soi sáng và các thức giả trực giác. Những dòng thơ tuyệt đẹp tìm thấy trong tác phẩm *Illuminanda* của Tiến sĩ Winslow Hall, chỉ ra mục tiêu:

"In all men lurks The Light; yet, in how few

"Trong mọi người đều ẩn nấp Ánh Sáng; nhưng, ở thật ít người

Has it blazed forth, as rightfully it ought,

Nó đã bùng lên, như lẽ phải thế,

Illuming, from within, our fleshly lamp,

Soi sáng, từ bên trong, ngọn đèn xác thịt của chúng ta,

And kindling cosmic time in nigh-brought souls!

Và thắp lên thời gian vũ trụ trong những linh hồn cận kề!

Splendour of God, how few! And ours the blame;

Hào quang của Thượng đế, thật ít người! Và lỗi là ở chúng ta;

For, ever, crassly, by routine and wrath,

Vì, luôn luôn, một cách ngu ngốc, bởi thói quen và sự phẫn nộ,

We undiscerningly damp down and choke	Chúng ta dập tắt và làm nghẹt thở một cách không phân biện
The spark of God that glints in every child.	Tia lửa của Thượng đế lấp lánh trong mỗi đứa trẻ.
All children are, by nature, bits of God;	Tất cả trẻ em, về bản chất, là những mảnh nhỏ của Thượng đế;
And God, if they but had their freedom, would	Và Thượng đế, nếu chúng có được sự tự do của mình, sẽ
Unfold himself in them, would burgeon forth	Tự khai mở trong chúng, sẽ đâm chồi nảy lộc
Tinting and moulding, till, as perfect flowers	Tô màu và tạo dáng, cho đến khi, như những đóa hoa hoàn hảo
They bloomed, fulfilled of loveliness unveiled."	Chúng nở rộ, tràn đầy vẻ đẹp được vén màn."
HALL, W. WINSLOW, M.D., "ILLUMINANDA", P.218.	*HALL, W. WINSLOW, M.D., "ILLUMINANDA", TR.218.*

This is the goal of the meditation process — to lead men forth into the Light that is within themselves and enable them, in that light, to see Light. This work of revelation is based on certain definite theories as to the constitution and nature of the human being. The evolution and perfecting of the mind faculty in man, with its keenness and capacity for [51] concentration gives the West at this time the opportunity to put these theories to the test. An intelligent experiment is now naturally in order. "The new synthesis of mind and soul," Keyserling says, "must originate from the mind, on the height of supreme intellectuality, if something decisive is to happen." *(Keyserling, Count Hermann, "Creative Understanding", p. 125.)*

Đây là mục tiêu của quy trình tham thiền — dẫn dắt con người đi vào Ánh Sáng ở bên trong chính họ và cho phép họ, trong ánh sáng đó, thấy Ánh Sáng. Công việc mặc khải này dựa trên những lý thuyết xác định nhất định về cấu tạo và bản chất của con người. Sự tiến hóa và hoàn thiện năng lực tâm trí ở con người, với sự sắc bén và khả năng [51] tập trung của nó mang lại cho phương Tây vào lúc này cơ hội để kiểm chứng những lý thuyết này. Một cuộc thử nghiệm thông minh giờ đây là điều tự nhiên. "Sự tổng hợp mới của tâm trí và linh hồn," Keyserling nói, "phải bắt nguồn từ tâm trí, trên đỉnh cao của trí tuệ tối thượng, nếu muốn một điều gì đó quyết định xảy ra." *(Keyserling, Bá tước Hermann, "Sự Hiểu Biết Sáng Tạo", tr. 125.)*

But to do this, there must be a clear understanding of three points upon which the Oriental position is based, and which, if true, validate the entire contention of the student of the Oriental technique of meditation, never forgetting, however, the proverb of the Chinese which says that, "If the wrong man uses the right means, the right means work in the wrong way." These three premises are:

Nhưng để làm điều này, phải có một sự hiểu biết rõ ràng về ba điểm mà quan điểm phương Đông dựa vào, và nếu đúng, sẽ xác nhận toàn bộ luận điểm của người nghiên cứu kỹ thuật tham thiền phương Đông, tuy nhiên, không bao giờ quên câu ngạn ngữ của người Trung Quốc nói rằng, "Nếu sai người sử dụng đúng phương tiện, phương tiện đúng sẽ hoạt động sai cách." Ba tiền đề này là:

First: There is a soul in every human form, and that soul uses the lower aspects of man simply as vehicles of expression. The objective of the evolutionary process is to enhance and deepen the control of the soul over this instrument. When this is complete, we have a divine incarnation.

Thứ nhất: Có một linh hồn trong mỗi hình tướng con người, và linh hồn đó sử dụng các phương diện thấp của con người chỉ đơn giản như là các vận cụ biểu đạt. Mục tiêu của quá trình tiến hóa là tăng cường và làm sâu sắc thêm sự kiểm soát của linh hồn đối với công cụ này. Khi điều này hoàn tất, chúng ta có một sự nhập thể thiêng liêng.

Secondly: The sum total of these lower aspects, when developed and co-ordinated we call the Personality. This unity is composed of the mental and emotional states of being, the vital energy and the

Thứ hai: Tổng thể của các phương diện thấp này, khi được phát triển và phối hợp, chúng ta gọi là Phàm ngã. Đơn vị này được cấu thành bởi các trạng thái hiện hữu trí tuệ và cảm xúc, năng lượng sinh lực và bộ máy đáp

physical response apparatus, and these "mask" or hide the soul. These aspects develop sequentially and progressively, according to the eastern philosophy, and only on reaching a relatively high state of unfoldment does it become possible for man to [52] coordinate them and later to unify them, in consciousness, with the indwelling soul. Later comes control by the soul, and a steadily increasing expression of the nature of the soul. This is sometimes symbolically expressed as a light in a lamp. At first the lamp gives forth no radiance, but gradually the light makes its presence felt, till the meaning of the words of the Christ becomes clear. He said, "I am the light of the world," and enjoined upon His disciples to "let your light shine that man may see."

ứng vật lý, và những cái này "che mặt" hoặc ẩn giấu linh hồn. Các phương diện này phát triển tuần tự và lũy tiến, theo triết lý phương Đông, và chỉ khi đạt đến một trạng thái khai mở tương đối cao thì con người mới có thể [52] phối hợp chúng và sau đó thống nhất chúng, trong tâm thức, với linh hồn nội tại. Sau đó đến sự kiểm soát bởi linh hồn, và sự biểu đạt ngày càng tăng của bản chất linh hồn. Điều này đôi khi được biểu tượng hóa như ánh sáng trong một ngọn đèn. Lúc đầu cây đèn không tỏa ra ánh sáng nào, nhưng dần dần ánh sáng làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy, cho đến khi ý nghĩa những lời của Đức Christ trở nên rõ ràng. Ngài nói, "Ta là ánh sáng của thế gian," và dạy các môn đồ Ngài hãy "để ánh sáng của các con chiếu sáng để con người có thể thấy."

Thirdly: When the life of the soul, acting under the Law of Rebirth, has brought the personality to such a condition that it is an integrated and coordinated unit, then there is set up between the two a more intensive interaction. This interaction is brought about though the processes of self-discipline, an active will towards spiritual Being, unselfish service (for that is the mode in which the group-conscious soul manifests itself) and meditation. The consummation of the work is the conscious realization of union — called, in Christian terminology, the at-one-ment.

Thứ ba: Khi sự sống của linh hồn, hoạt động dưới Định luật Tái sinh, đã đưa phàm ngã đến một tình trạng mà nó là một đơn vị tích hợp và được phối hợp, thì giữa hai bên được thiết lập một sự tương tác mạnh mẽ hơn. Sự tương tác này được mang lại thông qua các quá trình tự kỷ luật, một ý chí tích cực hướng tới Bản thể tinh thần, sự phụng sự không vị kỷ (vì đó là phương thức mà linh hồn có ý thức nhóm biểu hiện chính nó) và tham thiền. Sự viên mãn của công việc là sự chứng nghiệm có ý thức về sự hợp nhất — được gọi là, theo thuật ngữ Kitô giáo, sự hợp nhất (at-one-ment).

These three hypotheses must be accepted, at any rate, tentatively, if this process of education through meditation is to be rendered effective. In Webster's Dictionary, the soul is defined in line with these theories, and the definition runs as follows:

Ba giả thuyết này phải được chấp nhận, dù sao đi nữa, một cách tạm thời, nếu quá trình giáo dục thông qua tham thiền này muốn trở nên hiệu quả. Trong Từ điển Webster, linh hồn được định nghĩa phù hợp với các lý thuyết này, và định nghĩa đó như sau:

"An entity conceived as the essence, substance, or actuating cause of individual life, especially of life manifested in psychical

"Một thực thể được quan niệm như là tinh chất, chất liệu, hay nguyên nhân tác động của sự sống cá nhân, đặc biệt là của sự sống

activities; the vehicle of individual existence, [53] separate in nature from the body and usually held to be separable in existence."

"Webster's New International Dictionary", Edition of 1923.

Webster adds the following comment which is appropriate in its application to our theme that "some conceptions, such as that of Fechner, that the soul is the whole unitary spiritual process in conjunction with the whole unitary bodily process, appear to stand midway between the idealistic and materialistic views." *("Webster's New International Dictionary", Edition of 1923.)* The strictly Oriental position is given us by Dr. Radhakrishnan, of the University of Calcutta, as follows:

"All organic beings have a principle of self-determination, to which the name of 'soul' is generally given. In the strict sense of the word, 'soul' belongs to every being that has life in it, and the different souls are fundamentally identical in nature. The differences are due to the physical organizations that obscure and thwart are the life of the soul. The nature of the bodies in which the souls are incorporated accounts for their various degrees of obscuration....The ego is the psychological unity of that stream of conscious experiencing which constitutes what we know as the inner life of an empirical self.

biểu hiện trong các hoạt động tâm lý; vận cụ của sự tồn tại cá nhân, [53] tách biệt về bản chất với thân thể và thường được cho là có thể tách rời trong sự tồn tại."

"Từ điển Quốc tế mới của Webster", ấn bản năm 1923.

Webster thêm bình luận sau đây vốn thích hợp trong sự áp dụng của nó vào chủ đề của chúng ta rằng "một số quan niệm, chẳng hạn như quan niệm của Fechner, rằng linh hồn là toàn bộ quá trình tinh thần thống nhất kết hợp với toàn bộ quá trình cơ thể thống nhất, dường như đứng giữa các quan điểm duy tâm và duy vật." *("Từ điển Quốc tế Mới của Webster", Ấn bản năm 1923.)* Quan điểm hoàn toàn phương Đông được Tiến sĩ Radhakrishnan, thuộc Đại học Calcutta, đưa ra cho chúng ta như sau:

"Tất cả các sinh vật hữu cơ đều có một nguyên khí tự quyết, thường được đặt tên là 'linh hồn'. Theo nghĩa chặt chẽ của từ này, 'linh hồn' thuộc về mọi sinh vật có sự sống trong đó, và các linh hồn khác nhau về cơ bản là đồng nhất về bản chất. Những khác biệt là do các tổ chức vật lý che khuất và cản trở sự sống của linh hồn. Bản chất của các thân thể mà trong đó các linh hồn nhập thể giải thích cho các mức độ che khuất khác nhau của chúng.... Bản ngã (ego) là sự thống nhất tâm lý của dòng trải nghiệm có ý thức vốn cấu thành cái mà chúng ta biết là đời sống nội tâm của một bản ngã kinh nghiệm.

"The empirical self is the mixture of free spirit and mechanism, of purusa and prakriti....Every ego possesses within the gross material body, which suffers dissolution at death, a subtle body, formed of the psychical apparatus, including the senses."

"Bản ngã kinh nghiệm là sự pha trộn của tinh thần tự do và cơ chế, của purusa và prakriti.... Mỗi bản ngã sở hữu bên trong thân thể vật chất thô trược, vốn chịu sự giải thể khi chết, một thể vi tế, được hình thành từ bộ máy tâm lý, bao gồm các giác quan."

RADHAKRISHNAN, S., "INDIAN PHILOSOPHY", VOL. II, PP. 279, 283, 285.

RADHAKRISHNAN, S., "TRIẾT HỌC ẤN ĐỘ", TẬP II, TR. 279, 283, 285.

This soul, we are told, is a fragment of the Oversoul, a spark of the one Flame, imprisoned in the body. It is that life aspect which gives to man — as to [54] all forms in manifestation — life, or being and consciousness. It is the vital factor, that integrating coherent something which makes the human being (composite, yet unified, as he is) a thinking, feeling and aspiring entity. The intellect in man is that factor or quality of soul-awareness which enables him to orient himself to his environment during the stages in which his personality is under development, but which later, through proper meditation, enables him to orient himself towards the soul, as detached from the mechanism, and thus, therefore, towards a new state of awareness of being.

Linh hồn này, chúng ta được bảo, là một mảnh của Đại hồn, một tia lửa của Ngọn Lửa duy nhất, bị cầm tù trong thân thể. Nó là phương diện sự sống mang lại cho con người — cũng như cho [54] mọi hình tướng trong biểu hiện — sự sống, hay sự hiện hữu và tâm thức. Nó là yếu tố sự sống, cái gì đó tích hợp và kết dính làm cho con người (vừa hỗn hợp, nhưng cũng thống nhất, như y vốn thế) trở thành một thực thể biết suy nghĩ, cảm nhận và khao khát. Trí năng ở con người là yếu tố hay phẩm tính của nhận thức linh hồn cho phép y định hướng bản thân với môi trường của mình trong các giai đoạn mà phàm ngã của y đang phát triển, nhưng về sau, thông qua tham thiền đúng đắn, cho phép y định hướng bản thân về phía linh hồn, như là tách rời khỏi cơ chế, và do đó, hướng tới một trạng thái nhận thức hiện hữu mới.

The relation of the soul to the Oversoul is that of the part towards the Whole, and it is this relation and its consequent recognitions, which develop into that sense of oneness with all beings and with the supreme Reality to which the mystics have always testified. Its relation to the human being is that of the conscious entity towards its medium of expression; of the one who thinks, towards the instrument of thought; of the one who registers feeling, towards the field of sensuous experience, and of the actor, towards the physical body — the sole

Mối liên hệ của linh hồn với Đại hồn là mối liên hệ của phần tử đối với Toàn thể, và chính mối liên hệ này và những sự nhận biết tiếp theo của nó, phát triển thành ý thức về sự nhất thể với tất cả chúng sinh và với Thực Tại tối thượng mà các nhà thần bí luôn làm chứng. Mối liên hệ của nó với con người là của thực thể có ý thức đối với phương tiện biểu đạt của nó; của người suy nghĩ, đối với công cụ tư duy; của người ghi nhận cảm giác, đối với lĩnh vực trải nghiệm giác quan, và của người hành động, đối với thể xác — phương tiện tiếp xúc duy nhất với lĩnh vực

means of contact with that particular field of activity, the world of physical life. This soul expresses itself through two forms of energy, that which we call the vital principle or fluid, the life aspect, and the energy of pure reason. These energies are focussed during life in the physical body. The life stream centres itself in the heart, utilizing the blood stream, the arteries and the veins, and animating every part of the organism; [55] the other stream, of intellectual energy, centres itself in the brain, and utilizes the nervous apparatus as its medium of expression. In the heart, therefore, is the seat of the life-principle; in the head is the seat of the reasoning mind and of the spiritual consciousness, which latter is attained through a right use of the mind. Dr. C. Lloyd Morgan says in connection with this word, "soul:"

hoạt động cụ thể đó, thế giới của đời sống vật lý. Linh hồn này biểu hiện chính nó qua hai hình thức năng lượng, cái mà chúng ta gọi là nguyên khí sự sống hay chất lưu, phương diện sự sống, và năng lượng của lý trí thuần khiết. Các năng lượng này được tập trung trong suốt cuộc đời trong thể xác. Dòng sự sống tập trung trong tim, sử dụng dòng máu, các động mạch và tĩnh mạch, và làm sinh động mọi phần của cơ thể; [55] dòng kia, dòng năng lượng trí tuệ, tập trung trong não bộ, và sử dụng bộ máy thần kinh làm phương tiện biểu đạt. Do đó, trong tim là chỗ ngự của nguyên khí sự sống; trong đầu là chỗ ngự của tâm trí lý luận và của tâm thức tinh thần, cái sau đạt được thông qua việc sử dụng đúng đắn tâm trí. Tiến sĩ C. Lloyd Morgan nói liên quan đến từ này, "linh hồn:"

"In any case what is currently understood by 'the soul-theory' has its roots in dualism. And what some people mean when they speak of 'a psychology without a soul' is a psychology other than dualistic....There is, however, a sense in which he may, under suitable definition, speak of the soul as distinctive of that level of mental development at which a *concept* of Spirit is within the field of reflective reference."

"Dù sao đi nữa, những gì hiện được hiểu là 'thuyết linh hồn' có gốc rễ trong thuyết nhị nguyên. Và điều mà một số người muốn nói khi họ nói về 'một tâm lý học không có linh hồn' là một tâm lý học khác với nhị nguyên.... Tuy nhiên, có một ý nghĩa mà trong đó y có thể, theo định nghĩa phù hợp, nói về linh hồn như là đặc trưng của cấp độ phát triển tâm trí đó tại đó một *khái niệm* về Tinh thần nằm trong phạm vi của sự tham chiếu phản tư."

MORGAN, C. LLOYD, "LIFE, MIND AND SPIRIT", P. 35.

MORGAN, C. LLOYD, "SỰ SỐNG, TRÍ TUỆ VÀ TINH THẦN", TR. 35.

Earlier in the same book he says that:

Trước đó trong cùng cuốn sách, ông nói rằng:

"Each of us *is* a life, a mind, and Spirit — an instance of life as one expression of world-plan, of mind as a different expression of that world-plan, of Spirit in so far as the Substance of that world-plan is revealed within us. The world-plan, through and

"Mỗi người chúng ta *là* một sự sống, một tâm trí, và Tinh thần — một ví dụ về sự sống như là một biểu hiện của kế hoạch thế giới, về tâm trí như là một biểu hiện khác của kế hoạch thế giới đó, về Tinh thần trong chừng mực Chất liệu của kế hoạch thế giới đó được

through, from its lowest to its highest expression, is manifestation of God; in you and me — in each of us severally — God as Spirit is partially revealed."

tiết lộ bên trong chúng ta. Kế hoạch thế giới, xuyên suốt, từ biểu hiện thấp nhất đến cao nhất của nó, là sự biểu hiện của Thượng đế; trong bạn và tôi — trong mỗi chúng ta một cách riêng biệt — Thượng đế như là Tinh thần được tiết lộ một phần."

MORGAN, C. LLOYD, "LIFE, MIND AND SPIRIT", P. 32.

MORGAN, C. LLOYD, "SỰ SỐNG, TRÍ TUỆ VÀ TINH THẦN", TR. 32.

It is this revelation of Deity that is the goal of the mystical endeavor and the object of the dual activity of mind — God as life in Nature, God as love, subjectively, and as plan and as purpose, and it is this that the unification, which meditation brings about [56] reveals to man. Through its ordered technique, man discovers that unity which is himself. Through it, he later discovers his relation to the universe; he finds that his physical body and his vital energies are part and parcel of Nature itself, which is, in fact, the outer garment of Deity; he finds that his ability to love and to feel makes him aware of the love that pulses at the heart of all creation; and he discovers that his mind can give him the key which unlocks for him the door of understanding and that he can enter into the purposes and the plans which guide the Mind of God Himself. In fact, he arrives at God and discovers God as the central Fact. Knowing himself to be divine, he finds the whole is equally divine. Dr. F. Kirtley Mather of Harvard University has said in a most illuminating article:

Chính sự mặc khải này về Thượng đế là mục tiêu của nỗ lực thần bí và là đối tượng của hoạt động kép của tâm trí — Thượng đế như là sự sống trong Tự nhiên, Thượng đế như là tình thương, ở nội giới, và như là kế hoạch và như là mục đích, và chính điều này mà sự thống nhất, do tham thiền mang lại [56] tiết lộ cho con người. Thông qua kỹ thuật có trật tự của nó, con người khám phá ra sự thống nhất vốn là chính y. Thông qua đó, sau này y khám phá ra mối liên hệ của mình với vũ trụ; y thấy rằng thể xác và các năng lượng sinh lực của mình là một phần không thể tách rời của chính Tự nhiên, vốn thực tế là lớp vỏ bên ngoài của Thượng đế; y thấy rằng khả năng yêu thương và cảm nhận của mình làm cho y nhận thức được tình thương đang đập tại trái tim của mọi tạo vật; và y khám phá ra rằng tâm trí y có thể trao cho y chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa hiểu biết và rằng y có thể đi vào các mục đích và các kế hoạch dẫn dắt Tâm Trí của Chính Thượng đế. Thực tế, y đi đến với Thượng đế và khám phá Thượng đế là Sự Kiện trung tâm. Biết mình là thiêng liêng, y thấy cái toàn thể cũng thiêng liêng như vậy. Tiến sĩ F. Kirtley Mather của Đại học Harvard đã nói trong một bài báo khai sáng nhất:

"That there is an administration of the Universe cannot be denied. Something has determined and continues to determine the functioning of natural law, the orderly transformation of matter and of energy. It may be the 'curvature of the cosmos', or

"Việc có một sự quản trị Vũ trụ là không thể phủ nhận. Một cái gì đó đã xác định và tiếp tục xác định sự vận hành của định luật tự nhiên, sự chuyển đổi có trật tự của vật chất và năng lượng. Nó có thể là 'độ cong của vũ trụ', hay 'sự may rủi mù quáng', hay 'năng

'blind chance', or 'universal energy', or 'an absentee Jehovah', or an 'all-pervading Spirit', but it must be something. From one point of view, the question: Is there a God? is promptly answered in the affirmative."

lượng phổ quát', hay 'một Giê-hô-va vắng mặt', hay 'một Tinh thần bao trùm tất cả', nhưng nó phải là một cái gì đó. Từ một quan điểm, câu hỏi: Có Thượng đế không? được trả lời ngay lập tức là có."

Thus, through finding himself and understanding his own nature, man arrives at that centre within himself which is one with all that is; he finds he is equipped with an apparatus which can put him in touch with the differentiated manifestations through which Deity seeks to express itself. He possesses a [57] vital body, responsive to universal energy, and the vehicle for the two forms of soul energy to which I referred above. The subject of the vital body, its relation to this universal energy, and its seven points of contact with the physical organism are covered in my book, *The Soul and Its Mechanism,* and will not be enlarged upon here, beyond quoting one paragraph.

Do đó, qua việc tìm thấy chính mình và hiểu bản chất của chính mình, con người đi đến trung tâm đó bên trong bản thân vốn hợp nhất với tất cả những gì đang hiện hữu; y thấy mình được trang bị một bộ máy có thể giúp y tiếp xúc với các biểu hiện đã biến phân qua đó Thượng đế tìm cách biểu hiện chính Ngài. Y sở hữu một [57] thể sinh lực, đáp ứng với năng lượng phổ quát, và là vận cụ cho hai hình thức năng lượng linh hồn mà tôi đã đề cập ở trên. Chủ đề về thể sinh lực, mối liên hệ của nó với năng lượng phổ quát này, và bảy điểm tiếp xúc của nó với thân thể vật chất được bao gồm trong cuốn sách của tôi, *Linh Hồn và Cơ Chế của Nó,* và sẽ không được bàn chi tiết ở đây, ngoài việc trích dẫn một đoạn.

"Behind the objective body lies a subjective form constituted of etheric matter, and acting as a conductor of the life principle of energy, or prana. This life principle is the force aspect of the soul, and through the medium of the etheric body the soul animates the form, gives it its peculiar qualities and attributes, impresses upon it its desires and, eventually, directs it through the activity of the mind. Through the medium of the brain the soul galvanizes the body into conscious (directed) activity and through the medium of the heart all parts of the body are pervaded by life".

"Đằng sau thân thể ngoại giới nằm một hình tướng nội giới được cấu tạo bằng vật chất dĩ thái, và hoạt động như một chất dẫn của nguyên khí sự sống của năng lượng, hay prana. Nguyên khí sự sống này là phương diện mãnh lực của linh hồn, và thông qua trung gian của thể dĩ thái linh hồn làm sinh động hình tướng, mang lại cho nó những phẩm tính và thuộc tính đặc biệt, in dấu lên nó những ham muốn của nó và, cuối cùng, chỉ đạo nó thông qua hoạt động của tâm trí. Thông qua trung gian của bộ não linh hồn kích thích thân thể vào hoạt động có ý thức (được chỉ đạo) và thông qua trung gian của trái tim tất cả các phần của thân thể được tràn ngập sự sống".

BAILEY, ALICE A., "THE SOUL AND ITS MECHANISM", P. 62.

BAILEY, ALICE A., "LINH HỒN VÀ CƠ CHẾ CỦA NÓ", TR. 62.

There is also another "body" which is composed of the sum-total of all emotional states, moods and feelings. This body reacts to a man's physical environment in response to information received by the brain through the medium of the five senses, and conveyed to it via the vital body. Thus it is swept into activity of a purely selfish and personal nature; or it can be trained to react primarily to the mind, regarding the mind (as it so seldom is) as the interpreter of the spiritual self, the soul. It is this emotional body, characterized by feeling and desire, that acts most potently, in the majority of cases, upon [58] the physical body. This latter is regarded by the esotericist as a pure automaton, driven into action by the desire nature and energized by the vital energy.

Cũng có một "thể cảm dục" khác được cấu tạo bởi tổng thể của tất cả các trạng thái cảm xúc, tâm trạng và tình cảm. Thể này phản ứng với môi trường vật lý của một người để đáp lại thông tin được bộ não tiếp nhận thông qua trung gian của năm giác quan, và được truyền đến nó qua thể sinh lực. Do đó, nó bị cuốn vào hoạt động mang bản chất hoàn toàn ích kỷ và cá nhân; hoặc nó có thể được rèn luyện để phản ứng chủ yếu với thể trí, xem thể trí (vốn hiếm khi như vậy) là người diễn giải của bản ngã tinh thần, linh hồn. Chính thể cảm dục này, được đặc trưng bởi cảm giác và dục vọng, tác động mạnh mẽ nhất, trong đa số các trường hợp, lên [58] thể xác. Thể xác này được nhà bí truyền học xem như một người máy thuần túy, bị lôi kéo vào hành động bởi bản chất dục vọng và được cung cấp năng lượng bởi năng lượng sinh lực.

As the race progresses, another "body," the mind body, comes into being and activity, and gradually assumes an active and natural control. Like the physical and emotional organisms, this mental mechanism is at first entirely objective in its orientation, and swings into activity through impacts coming to it from the outer world, via the senses. Becoming increasingly positive, it slowly and surely begins to dominate the other phenomenal aspects of man until the personality, in all its four aspects, is completed and unified as a functioning entity on the physical plane. When this happens, a crisis is reached and new developments and unfoldments become possible.

Khi giống dân tiến bộ, một "thể" khác, thể trí, đi vào sự hiện hữu và hoạt động, và dần dần đảm nhận sự kiểm soát tích cực và tự nhiên. Giống như các cơ thể vật lý và cảm xúc, cơ chế trí tuệ này thoạt đầu hoàn toàn hướng về ngoại giới trong sự định hướng của nó, và chuyển sang hoạt động thông qua các tác động đến với nó từ thế giới bên ngoài, qua các giác quan. Trở nên ngày càng dương tính, nó dần dần và chắc chắn bắt đầu thống trị các phương diện hiện tượng khác của con người cho đến khi phàm ngã, trong tất cả bốn phương diện của nó, được hoàn thiện và thống nhất như một thực thể hoạt động trên cõi hồng trần. Khi điều này xảy ra, một cuộc khủng hoảng đạt tới và những sự phát triển và khai mở mới trở nên khả thi.

All this time, the two energies of the soul, life and mind, have been working through the vehicles, without the man being aware of their source or purpose. As a result of their work, he is now an intelligent, active,

Trong suốt thời gian này, hai năng lượng của linh hồn, sự sống và trí tuệ, đã làm việc thông qua các vận cụ, mà con người không nhận thức được nguồn gốc hay mục đích của chúng. Kết quả của công việc của chúng là, y

high-grade human being. But, as Browning puts it: "In completed man begins anew a tendency to God," *(Browning, Robert, "Paracelsus")* and he is driven by a divine unrest towards a conscious awareness of, and a conscious contact with, his soul — the unseen factor which he senses, but of which he remains personally unaware. Now he enters upon a process of self-education and of an intensive investigation into his true nature. [59] His personality, which has been outgoing towards the world of physical, emotional and mental life, with its attention focussed objectively, goes through a process of reorientation, and turns inward towards the Self. Its focus becomes subjective and has for its purpose the emergence into manifestation of that "Deeper Being" about which Keyserling speaks. Conscious union with the soul is sought, and this not only from the emotional and sensuous angle of the devotee and mystic. Direct experience is sought. Knowledge of the divine Self, and mental assurance as to the fact of the indwelling Son of God becomes the goal of all endeavor. This method is not that of the mystical devotee who through the driving love of his emotional nature has sought after God. It is the method of intellectual approach and of the subordination of the entire personality to the drive towards spiritual realities. All purely mental types and all truly coordinated personalities are mystics at heart, and have passed through the mystical stage at some time or other *in some life*. As the intellect takes hold and the mind develops, this may temporarily fade into the background and be relegated for a time to the realm of the subconscious. But the emphasis is eventually and inevitably laid upon the will to know, and the drive of the life (no longer satisfied with the outer and external aspects of manifestation) is towards knowledge of the soul and the use

giờ đây là một con người thông minh, năng động, cao cấp. Nhưng, như Browning diễn đạt: "Ở con người hoàn chỉnh bắt đầu lại một xu hướng hướng tới Thượng đế," *(Browning, Robert, "Paracelsus")* và y bị thúc đẩy bởi một sự bất an thiêng liêng hướng tới một nhận thức có ý thức về, và một sự tiếp xúc có ý thức với, linh hồn của mình — yếu tố vô hình mà y cảm nhận, nhưng y vẫn chưa nhận biết một cách cá nhân. Giờ đây y bước vào một quá trình tự giáo dục và một cuộc điều tra chuyên sâu vào bản chất thực sự của mình. [59] Phàm ngã của y, vốn hướng ngoại về phía thế giới của đời sống vật lý, cảm xúc và trí tuệ, với sự chú ý tập trung vào ngoại giới, trải qua một quá trình tái định hướng, và quay vào trong hướng tới Chân ngã. Tiêu điểm của nó chuyển vào nội giới và có mục đích là sự xuất hiện vào biểu hiện của "Bản thể Sâu sắc hơn" mà Keyserling nói đến. Sự hợp nhất có ý thức với linh hồn được tìm kiếm, và điều này không chỉ từ góc độ cảm xúc và giác quan của người mộ đạo và nhà thần bí. Kinh nghiệm trực tiếp được tìm kiếm. Kiến thức về Chân ngã thiêng liêng, và sự đảm bảo của trí tuệ về thực tế của Người Con nội tại của Thượng đế trở thành mục tiêu của mọi nỗ lực. Phương pháp này không phải là phương pháp của người mộ đạo thần bí, người thông qua tình yêu thúc đẩy của bản chất cảm xúc của mình đã tìm kiếm Thượng đế. Đó là phương pháp tiếp cận trí tuệ và sự phục tùng của toàn bộ phàm ngã đối với sự thúc đẩy hướng tới các thực tại tinh thần. Tất cả các loại hình trí tuệ thuần túy và tất cả các phàm ngã thực sự được phối hợp đều là những nhà thần bí trong thâm tâm, và đã trải qua giai đoạn thần bí vào lúc nào đó hay lúc khác *trong kiếp sống nào đó*. Khi trí năng nắm quyền và tâm trí phát triển, điều này có thể tạm thời mờ đi vào hậu cảnh và bị đẩy lùi trong một thời gian vào lĩnh vực của tiềm thức. Nhưng sự nhấn mạnh cuối cùng và chắc chắn được đặt lên ý chí-muốn-biết, và sự thúc đẩy của sự sống

of the mind in the apprehension of spiritual truth.

(không còn thỏa mãn với các phương diện bên ngoài và ngoại tại của biểu hiện) là hướng tới kiến thức về linh hồn và việc sử dụng tâm trí trong sự lĩnh hội chân lý tinh thần.

.The head and the heart become united in their endeavor. Mind and pure reason are blended with [60] love and devotion in an entire re-adjustment of the personality to a new realm of awareness. New states of consciousness are registered, a new phenomenal world is gradually perceived, and it begins to dawn upon the aspirant that his life-focus and his consciousness can be lifted entirely out of all past fields of endeavor. He finds that he can walk with God, dwell in Heaven, and be aware of a new world lying within the familiar outer forms. He begins to regard himself as a conscious denizen of another kingdom in nature, the spiritual, which is as real and as vital, as ordered and as phenomenal as any we now know. He steadily assumes the attitude of the soul towards his instrument, the human body. He regards himself no longer as a man, controlled by his emotions, impelled by energy, and directed by his mind, but knows himself to be the Self, thinking through the mind, feeling through the emotions, and acting consciously. As this consciousness stabilizes and becomes permanent, the work of evolution in his case is consummated, the great at-one-ment is made, and the union between the Self and its vehicle of expression is established. Thus a divine Son of God consciously incarnates.

.Đầu và tim trở nên thống nhất trong nỗ lực của chúng. Trí tuệ và lý trí thuần khiết được hòa trộn với [60] tình thương và lòng sùng tín trong một sự điều chỉnh lại toàn bộ phàm ngã đối với một lĩnh vực nhận thức mới. Các trạng thái tâm thức mới được ghi nhận, một thế giới hiện tượng mới dần dần được nhận thức, và người chí nguyện bắt đầu nhận ra rằng tiêu điểm cuộc sống và tâm thức của y có thể được nâng hoàn toàn ra khỏi tất cả các lĩnh vực nỗ lực trong quá khứ. Y thấy rằng y có thể bước đi cùng Thượng đế, cư ngụ trên Thiên đàng, và nhận thức được một thế giới mới nằm bên trong các hình tướng bên ngoài quen thuộc. Y bắt đầu coi mình là một cư dân có ý thức của một giới khác trong tự nhiên, giới tinh thần, vốn thực và đầy sức sống, trật tự và thuộc hiện tượng như bất kỳ giới nào chúng ta đang biết. Y dần dần đảm nhận thái độ của linh hồn đối với công cụ của nó, thân thể con người. Y không còn coi mình là một con người, bị kiểm soát bởi cảm xúc, bị thúc đẩy bởi năng lượng, và được chỉ đạo bởi tâm trí, mà biết mình là Chân ngã, suy nghĩ thông qua tâm trí, cảm nhận thông qua cảm xúc, và hành động một cách có ý thức. Khi tâm thức này ổn định và trở nên bền vững, công việc tiến hóa trong trường hợp của y được hoàn tất, sự hợp nhất vĩ đại được thực hiện, và sự hợp nhất giữa Chân ngã và vận cụ biểu đạt của nó được thiết lập. Do đó, một Người Con thiêng liêng của Thượng đế nhập thể một cách có ý thức.

Through the work of education in all its many branches, the co-ordination of the personality has been tremendously hastened. The mentality of the race is

Thông qua công việc giáo dục trong tất cả các nhánh của nó, sự phối hợp của phàm ngã đã được đẩy nhanh mạnh mẽ. Trí tuệ của giống dân đang đều đặn leo lên nấc thang

steadily mounting the ladder of achievement. Humanity, through its vast groups of educated and mentally focussed people is ready for self-determination and soul-direction. Now the intensive culture [61] of the individual, as taught in the Eastern system, can be undertaken. The education and reorientation of the advanced human being must find its place in our mass education. This is the plea of this book and the object of its writing. How can a man find his soul, or ascertain the fact of its existence? How can he re-adjust himself to the conditions of soul life, and begin to function consciously and simultaneously as a soul and as a man? What must he do to bring about that union between the soul and its instrument which is essential if the driving urge of his nature is ever to be satisfied? How can he know, and not just believe and hope and aspire?

thành tựu. Nhân loại, thông qua các nhóm lớn những người được giáo dục và tập trung vào trí tuệ đã sẵn sàng cho sự tự quyết và sự chỉ đạo của linh hồn. Giờ đây sự tu dưỡng chuyên sâu [61] đối với cá nhân, như được dạy trong hệ thống phương Đông, có thể được thực hiện. Sự giáo dục và tái định hướng con người tiến hóa cao phải tìm thấy vị trí của nó trong giáo dục đại chúng của chúng ta. Đây là lời kêu gọi của cuốn sách này và mục đích viết nó. Làm thế nào một người có thể tìm thấy linh hồn mình, hay xác định thực tế sự tồn tại của nó? Làm thế nào y có thể tự điều chỉnh lại với các điều kiện của đời sống linh hồn, và bắt đầu hoạt động một cách có ý thức và đồng thời như một linh hồn và như một con người? Y phải làm gì để mang lại sự hợp nhất đó giữa linh hồn và công cụ của nó vốn là thiết yếu nếu sự thúc đẩy mạnh mẽ trong bản chất của y được thỏa mãn? Làm thế nào y có thể biết, chứ không chỉ tin và hy vọng và khao khát?

The experienced voice of the eastern wisdom comes to us with one word: — Meditation. The question naturally arises: "Is that all?" and the answer is: "Yes." If meditation is rightly followed, and if perseverance is the keynote of the life, then increasingly soul contact is established. The results of that contact work out in self-discipline, in purification, and in the life of aspiration and of service. Meditation in the eastern sense is, as we shall see, a strictly mental process, leading to soul knowledge and illumination. It is a fact in nature that "as a man thinketh so is he."

Tiếng nói đầy kinh nghiệm của minh triết phương Đông đến với chúng ta bằng một từ: — Tham thiền. Câu hỏi tự nhiên nảy sinh: "Chỉ thế thôi sao?" và câu trả lời là: "Đúng vậy." Nếu tham thiền được tuân theo đúng đắn, và nếu sự kiên trì là chủ âm của cuộc sống, thì sự tiếp xúc linh hồn ngày càng được thiết lập. Kết quả của sự tiếp xúc đó thể hiện trong sự tự kỷ luật, trong sự thanh luyện, và trong cuộc sống khát vọng và phụng sự. Tham thiền theo nghĩa phương Đông, như chúng ta sẽ thấy, là một quá trình thuần túy thuộc trí tuệ, dẫn đến kiến thức linh hồn và sự soi sáng. Đó là một sự thật trong tự nhiên rằng "con người nghĩ sao thì y là vậy."

CHAPTER FOUR - THE OBJECTIVES IN MEDITATION—CÁC MỤC TIÊU TRONG THAM THIỀN

"Union is achieved through the subjugation of the psychic nature, and the restraint of the mind-stuff. When this has been accomplished, the Yogi knows himself as he is in reality."

PATANJALI

[65]

Assuming the correctness of the theories outlined in the preceding chapters, it might be of value if we were to state clearly toward what definite goal the educated man aims as he enters on the way of meditation, and in what way meditation differs from what the Christian calls prayer. Clear thinking on both these points is essential if we want to make practical progress, for the task ahead of the investigator is an arduous one; he will need more than a passing enthusiasm and a temporary endeavor if he is to master this science and become proficient in its technique. Let us consider the last point first, and contrast the two methods of prayer and of meditation. Prayer can perhaps be best expressed by certain lines, by J. Montgomery, well known to all of us.

Prayer is the soul's sincere desire

Uttered or unexpressed,

The motion of a hidden fire,

"Sự hợp nhất đạt được thông qua việc chế ngự bản chất thông linh, và sự kiềm chế chất liệu tâm trí. Khi điều này đã được hoàn thành, nhà Yogi biết chính mình như y thực sự là."

PATANJALI

[65]

Giả sử tính đúng đắn của các lý thuyết được phác thảo trong các chương trước, sẽ có giá trị nếu chúng ta nêu rõ người có giáo dục nhắm tới mục tiêu xác định nào khi y bước vào con đường tham thiền, và tham thiền khác với cái mà người Kitô giáo gọi là cầu nguyện theo cách nào. Tư duy rõ ràng về cả hai điểm này là thiết yếu nếu chúng ta muốn đạt được tiến bộ thực tế, vì nhiệm vụ phía trước của người điều tra là một nhiệm vụ gian khổ; y sẽ cần nhiều hơn là một sự nhiệt tình thoáng qua và một nỗ lực tạm thời nếu y muốn làm chủ khoa học này và trở nên thành thạo trong kỹ thuật của nó. Chúng ta hãy xem xét điểm cuối cùng trước, và đối chiếu hai phương pháp cầu nguyện và tham thiền. Cầu nguyện có lẽ có thể được diễn đạt tốt nhất bằng những dòng nhất định, của J. Montgomery, vốn rất quen thuộc với tất cả chúng ta.

Cầu nguyện là niềm khao khát chân thành của linh hồn

Được thốt ra hay không diễn tả,

Sự chuyển động của một ngọn lửa ẩn giấu,

That trembles in the breast.

Run rẩy trong lồng ngực.

The thought held is that of desire, and of request; and the source of the desire is the heart. But it must be borne in mind that the heart's desire may be either for the acquisition of those possessions [66] which the personality desires, or for those heavenly and transcendental possessions which the soul craves. Whichever it may be, the basic idea is demanding what is wanted, and the anticipation factor enters in; also something is eventually acquired, should the faith of the petitioner be sufficiently strong.

Tư tưởng được nắm giữ là tư tưởng về sự ham muốn, và về sự thỉnh cầu; và nguồn gốc của sự ham muốn là trái tim. Nhưng phải ghi nhớ rằng sự ham muốn của trái tim có thể là vì việc đạt được những sở hữu [66] mà phàm ngã ham muốn, hoặc vì những sở hữu thuộc thiên thượng và siêu việt mà linh hồn khao khát. Dù là cái nào, ý tưởng cơ bản là đòi hỏi những gì được mong muốn, và yếu tố mong đợi tham gia vào; cũng như một cái gì đó cuối cùng đạt được, nếu đức tin của người cầu xin đủ mạnh.

Meditation differs from prayer in that it is primarily an orientation of the mind, which orientation brings about realizations and recognitions which become formulated knowledge. Much confusion exists in the minds of many on this distinction and Bianco of Siena was really speaking of meditation when he said: "What is prayer but upward turning of the mind to God direct."

Tham thiền khác với cầu nguyện ở chỗ nó chủ yếu là một sự định hướng của tâm trí, sự định hướng này mang lại những sự chứng nghiệm và nhận biết được diễn đạt thành kiến thức rõ ràng. Nhiều sự nhầm lẫn tồn tại trong tâm trí của nhiều người về sự phân biệt này và Bianco của Siena thực sự đang nói về tham thiền khi ông nói: "Cầu nguyện là gì nếu không phải là việc hướng tâm trí lên Thượng đế trực tiếp."

The masses of the people, polarized in their desire nature, and being predominantly of a mystical tendency, ask for what they need; they wrestle in prayer for the acquiring of longed-for virtues; they beg a listening Deity to assuage their troubles; they intercede for those near and dear to them; they importune high Heaven for those possessions — material or spiritual — which they feel essential to their happiness. They aspire and long for qualities, for circumstances and for those conditioning factors which will make their lives easier, or release them for what they believe will be freedom to be of greater usefulness; they agonize in prayer for relief from illness and disease, and seek to make God answer their request for revelation. But it is asking,

Quần chúng nhân dân, được phân cực trong bản chất dục vọng của họ, và có khuynh hướng chủ yếu là thần bí, xin những gì họ cần; họ vật lộn trong cầu nguyện để đạt được những đức tính được mong đợi; họ cầu xin một Đấng Thần linh đang lắng nghe làm dịu đi những rắc rối của họ; họ cầu thay cho những người thân yêu của họ; họ nài nỉ Trời cao cho những sở hữu — vật chất hay tinh thần — mà họ cảm thấy thiết yếu cho hạnh phúc của họ. Họ khao khát và mong mỏi các phẩm chất, các hoàn cảnh và các yếu tố điều kiện hóa vốn sẽ làm cho cuộc sống của họ dễ dàng hơn, hoặc giải phóng họ cho cái mà họ tin sẽ là sự tự do để trở nên hữu ích hơn; họ đau đớn trong cầu nguyện để được giải thoát khỏi ốm đau và bệnh tật, và tìm cách làm cho Thượng đế đáp lại lời yêu cầu của họ về

demanding and expecting which are the main characteristics of [67] prayer, with desire dominant, and the heart involved. It is the emotional nature and the feeling part of man which seeks after that which is needed, and the range of needs is wide and real. It is the heart approach.

sự mặc khải. Nhưng chính sự xin xỏ, đòi hỏi và mong đợi là những đặc điểm chính của [67] cầu nguyện, với sự ham muốn chiếm ưu thế, và trái tim tham gia vào. Chính bản chất cảm xúc và phần cảm giác của con người tìm kiếm cái được cần đến, và phạm vi của các nhu cầu là rộng lớn và có thật. Đó là cách tiếp cận của trái tim.

Four degrees of prayer might be recognized:

Bốn cấp độ cầu nguyện có thể được ghi nhận:

1. Prayer for material benefits, and for help.

1. Cầu nguyện cho các lợi ích vật chất, và cho sự giúp đỡ.

2. Prayer for virtues and for graces of character.

2. Cầu nguyện cho các đức tính và cho các vẻ đẹp của tính cách.

3. Prayer for others, intercessory prayer.

3. Cầu nguyện cho người khác, cầu nguyện thay.

4. Prayer for illumination and for divine realization.

4. Cầu nguyện cho sự soi sáng và cho sự chứng nghiệm thiêng liêng.

It will be seen from a study of these four types of prayer that all have their roots in the desire nature, and that the fourth brings the aspirant to the point where prayer can end and meditation begin. Seneca must have realized this when he said: “No prayer is needed, except to ask for a good state of mind, for health (wholeness) of soul.”

Sẽ thấy được từ việc nghiên cứu bốn loại cầu nguyện này rằng tất cả đều có gốc rễ trong bản chất dục vọng, và rằng loại thứ tư đưa người chí nguyện đến điểm mà cầu nguyện có thể kết thúc và tham thiền bắt đầu. Seneca hẳn đã nhận ra điều này khi ông nói: “Không cần cầu nguyện, ngoại trừ việc cầu xin một trạng thái tâm trí tốt, cho sức khỏe (sự trọn vẹn) của linh hồn.”

Meditation carries the work forward into the mental realm; desire gives place to the practical work of preparation for divine knowledge and the man who started his long career and life experience with desire as the basic quality and who reached the stage of adoration of the dimly seen divine Reality, passes now out of the mystical world into that of the intellect, of reason, and eventual realization. Prayer, plus disciplined

Tham thiền đưa công việc tiến vào lĩnh vực trí tuệ; ham muốn nhường chỗ cho công việc thực tế là chuẩn bị cho kiến thức thiêng liêng và người đã bắt đầu sự nghiệp lâu dài và kinh nghiệm sống của mình với ham muốn là phẩm tính cơ bản và người đã đạt đến giai đoạn tôn thờ Thực Tại thiêng liêng được nhìn thấy lờ mờ, giờ đây chuyển từ thế giới thần bí sang thế giới của trí năng, của lý trí, và sự chứng nghiệm cuối cùng. Cầu

unselfishness, produces the Mystic. Meditation, plus organized disciplined service, produces the Knower. The mystic, as we have earlier seen, senses divine realities, contacts (from the heights of his aspiration) the mystical vision, [68] and longs ceaselessly for the constant repetition of the ecstatic state to which his prayer, adoration and worship have raised him. He is usually quite unable to repeat this initiation at will. Père Poulain in *Des Grâces d'Oraison* holds that no state is mystical unless the seer is unable to produce it himself. In meditation, the reverse is the case, and through knowledge and understanding, the illuminated man is able to enter at will into the kingdom of the soul, and to participate intelligently in its life and states of consciousness. One method involves the emotional nature and is based on belief in a God who can give. The other involves the mental nature and is based on belief in the divinity of man himself, though it does not negate the mystical premises of the other group.

nguyện, cộng với sự không vị kỷ có kỷ luật, tạo ra Nhà Thần bí. Tham thiền, cộng với sự phụng sự có kỷ luật được tổ chức, tạo ra Thức giả. Nhà thần bí, như chúng ta đã thấy trước đó, cảm nhận các thực tại thiêng liêng, tiếp xúc (từ những đỉnh cao khát vọng của mình) linh ảnh thần bí, [68] và khao khát không ngừng sự lặp lại liên tục trạng thái ngất ngây mà sự cầu nguyện, sự tôn thờ và thờ phượng của y đã nâng y lên tới đó. Y thường hoàn toàn không thể lặp lại sự khai tâm này theo ý muốn. Cha Poulain trong *Des Grâces d'Oraison* cho rằng không trạng thái nào là thần bí trừ khi người thấy (seer) không thể tự mình tạo ra nó. Trong tham thiền, điều ngược lại xảy ra, và thông qua kiến thức và sự thấu hiểu, người được soi sáng có thể đi vào vương quốc linh hồn theo ý muốn, và tham gia một cách thông minh vào sự sống và các trạng thái tâm thức của nó. Một phương pháp liên quan đến bản chất cảm xúc và dựa trên niềm tin vào một Thượng đế có thể ban cho. Phương pháp kia liên quan đến bản chất trí tuệ và dựa trên niềm tin vào thiên tính của chính con người, mặc dù nó không phủ nhận các tiền đề thần bí của nhóm kia.

It will be found, however, that the words mystic and mystical are very loosely used and cover not only the pure mystic, with his visions and sensory reactions, but also those who are transiting into the realm of pure knowledge and of certainty. They cover those states which are unexpected and intangible, being based on pure aspiration and devotion, and also those which are the outcome of an ordered intelligent approach to Reality, and which are susceptible of repetition under the laws which the knower has learnt. Bertrand Russell deals with these two groups in a most interesting way, though he uses the one term Mystic in both

Tuy nhiên, sẽ thấy rằng các từ nhà thần bí và thuộc thần bí được sử dụng rất lỏng lẻo và bao gồm không chỉ nhà thần bí thuần túy, với những linh ảnh và phản ứng giác quan của y, mà còn cả những người đang chuyển tiếp vào lĩnh vực của kiến thức thuần túy và của sự chắc chắn. Chúng bao gồm những trạng thái không mong đợi và không thể nắm bắt, vốn dựa trên khát vọng và lòng sùng tín thuần túy, và cả những trạng thái là kết quả của một sự tiếp cận thông minh có trật tự đối với Thực Tại, và có thể lặp lại dưới các quy luật mà thức giả đã học được. Bertrand Russell đề cập đến hai nhóm này theo một cách thú vị nhất, mặc dù ông sử dụng một thuật ngữ Nhà Thần bí trong cả hai mối liên hệ. Những lời của ông tạo thành

relations. His words form a most fascinating prelude to our theme.

[69]

"Mystical philosophy, in all ages and in all parts of the world, is characterized by certain beliefs which are illustrated by the doctrines we have been considering.

"There is, first, the belief in insight as against discursive analytic knowledge; the belief in a way of wisdom, sudden, penetrating, coercive, which is contrasted with the slow and fallible study of outward appearance by a science relying wholly upon the senses....

"The mystic insight begins with the sense of a mystery unveiled, of a hidden wisdom now suddenly become certain beyond the possibility of a doubt. The sense of certainty and revelation comes earlier than any definite belief. The definite beliefs at which mystics arrive are the result of reflection upon the inarticulate experience gained in the moment of insight....

"The first and most direct outcome of the moment of illumination is belief in the possibility of a way of knowledge which may be called revelation or insight or intuition, as contrasted with sense, reason and analysis, which are regarded as blind guides leading to the morass of illusion. Closely connected with this belief is the conception of a Reality behind the world of appearance and utterly different from it. This Reality is regarded with an admiration often amounting to worship; it is felt to be always and everywhere close at hand, thinly veiled by the shows of sense, ready, for the receptive

một khúc dạo đầu hấp dẫn nhất cho chủ đề của chúng ta.

[69]

"Triết học thần bí, trong mọi thời đại và ở mọi nơi trên thế giới, được đặc trưng bởi những niềm tin nhất định được minh họa bởi các học thuyết mà chúng ta đang xem xét.

"Thứ nhất, có niềm tin vào sự thấu suốt thay vì kiến thức phân tích bằng suy luận; niềm tin vào một con đường của sự minh triết, bất ngờ, thâm nhập, cưỡng chế, vốn tương phản với sự nghiên cứu chậm chạp và dễ sai lầm về vẻ bề ngoài bằng một nền khoa học dựa hoàn toàn vào các giác quan....

"Tuệ giác thần bí bắt đầu với ý thức về một bí nhiệm được vén màn, về một minh triết ẩn giấu nay bỗng nhiên trở nên chắc chắn vượt ngoài khả năng nghi ngờ. Ý thức về sự chắc chắn và sự mặc khải đến sớm hơn bất kỳ niềm tin xác định nào. Những niềm tin xác định mà các nhà thần bí đạt được là kết quả của sự suy ngẫm về kinh nghiệm không thể diễn tả bằng lời đạt được trong khoảnh khắc của tuệ giác....

"Kết quả đầu tiên và trực tiếp nhất của khoảnh khắc soi sáng là niềm tin vào khả năng của một con đường tri thức có thể được gọi là sự mặc khải hay tuệ giác hay trực giác, trái ngược với giác quan, lý trí và phân tích, vốn được coi là những người dẫn đường mù quáng dẫn đến vũng lầy của ảo tưởng. Kết nối chặt chẽ với niềm tin này là quan niệm về một Thực Tại đằng sau thế giới của hình tướng bề ngoài và hoàn toàn khác biệt với nó. Thực Tại này được nhìn nhận với sự ngưỡng mộ thường lên đến mức tôn thờ; nó được cảm nhận là luôn luôn và ở khắp mọi nơi ngay trong tầm tay, được che phủ mỏng

mind, to shine in its glory even through the apparent folly and wickedness of Man. The poet, the artist, and the lover are seekers after that glory: the haunting beauty that they pursue is the faint reflection of its sun. But the mystic lives in the full light of the vision: what others dimly seek he knows, with a knowledge beside which all other knowledge is ignorance.

manh bởi những biểu hiện của giác quan, sẵn sàng, đối với trí tuệ biết tiếp nhận, để tỏa sáng trong vinh quang của nó ngay cả thông qua sự điên rồ và độc ác bề ngoài của Con người. Nhà thơ, nghệ sĩ và người đang yêu là những người tìm kiếm vinh quang đó: vẻ đẹp ám ảnh mà họ theo đuổi là phản chiếu mờ nhạt của mặt trời đó. Nhưng nhà thần bí sống trong ánh sáng trọn vẹn của linh ảnh: điều mà người khác tìm kiếm một cách lờ mờ thì y biết, với một kiến thức mà bên cạnh đó mọi kiến thức khác đều là vô minh.

"The second characteristic of mysticism is its belief in unity, and its refusal to admit opposition or division anywhere....

"Đặc điểm thứ hai của thần bí học là niềm tin vào sự hợp nhất, và sự từ chối thừa nhận sự đối lập hay chia rẽ ở bất cứ đâu....

"A third mark of almost all mystical metaphysics is the [70] denial of the reality of Time. This is an outcome of the denial of division; if all is one, the distinction of past and future must be illusory....

"Dấu hiệu thứ ba của hầu hết các nền siêu hình học thần bí là [70] sự phủ nhận thực tại của Thời gian. Đây là kết quả của việc phủ nhận sự chia rẽ; nếu tất cả là một, thì sự phân biệt giữa quá khứ và tương lai hẳn phải là ảo tưởng....

"The last of the doctrines of mysticism which we have to consider is its belief that all evil is mere appearance, an illusion produced by the divisions and oppositions of the analytic intellect. Mysticism does not maintain that such things as cruelty, for example, are good, but it denies that they are real: they belong to that lower world of phantoms from which we are to be liberated by the insight of the vision...."

"Học thuyết cuối cùng của thần bí học mà chúng ta phải xem xét là niềm tin rằng mọi cái ác chỉ là vẻ bề ngoài, một ảo tưởng được tạo ra bởi những sự chia rẽ và đối lập của trí năng phân tích. Thần bí học không cho rằng những thứ như sự tàn ác, chẳng hạn, là tốt, nhưng nó phủ nhận rằng chúng là thực: chúng thuộc về thế giới thấp kém của những bóng ma mà từ đó chúng ta phải được giải phóng bởi tuệ giác của linh ảnh...."

Russell, Bertrand, "Mysticism and Logic", pp. 8, 9, 10, 11.

Russell, Bertrand, "Mysticism and Logic", pp. 8, 9, 10, 11.

But the mystical way is a preparation for the way of knowledge and where the mystic stops in adoration of the vision and in yearning after the Beloved, the seeker after true knowledge takes up the task and carries the work forward. Dr. Bennett of Yale says, at the close of his book on Mysticism, "The

Nhưng con đường thần bí là một sự chuẩn bị cho con đường tri thức và nơi mà nhà thần bí dừng lại trong sự tôn thờ linh ảnh và trong sự khao khát Đấng Dấu Yêu, thì người tìm kiếm tri thức chân thực tiếp nhận nhiệm vụ và đẩy mạnh công việc về phía trước. Tiến sĩ Bennett của Đại học Yale nói, ở phần

mystic at the end of his preparation is simply waiting for an apparition and an event which he is careful not to define too particularly; he is waiting, too, with the full consciousness that his own effort has now carried him as far as it can go and that it needs to be completed by some touch from without." *(Bennett, Charles A., "A Philosophical Study of Mysticism", p. 192)* This thought confines the whole idea within the realm of sensuous perception, but there is something more. There is direct knowledge. There is an understanding of the laws governing this new realm of being. There is submission to a new procedure and to those steps and passwords which lead to the door and procure its opening. It is here that meditation plays its part [71] and the mind steps in to fulfil its new function of revelation. Through meditation, the union for which the mystic yearns, and which he senses, and of which he has brief and fleeting experience, becomes definite and is known past all controversy, being recoverable at will. Father Joseph Maréchal in his notable book points out that:

cuối cuốn sách của ông về Thần bí học, "Nhà thần bí ở cuối giai đoạn chuẩn bị của mình chỉ đơn giản là đang chờ đợi một sự hiển linh và một sự kiện mà y cẩn thận không định nghĩa quá cụ thể; y cũng đang chờ đợi, với tâm thức nhận biết trọn vẹn rằng nỗ lực của chính y giờ đây đã đưa y đi xa nhất có thể và rằng nó cần được hoàn tất bởi một sự chạm đến nào đó từ bên ngoài." *(Bennett, Charles A., "A Philosophical Study of Mysticism", p. 192)* Tư tưởng này giới hạn toàn bộ ý niệm trong phạm vi của nhận thức giác quan, nhưng còn có điều gì đó hơn thế nữa. Có tri thức trực tiếp. Có sự thấu hiểu các quy luật chi phối vương quốc tồn tại mới này. Có sự quy phục một quy trình mới và những bước đi cùng mật khẩu dẫn đến cánh cửa và khiến nó mở ra. Chính tại đây, tham thiền đóng vai trò của nó [71] và thể trí bước vào để hoàn thành chức năng mới của nó là mặc khải. Thông qua tham thiền, sự hợp nhất mà nhà thần bí khao khát, và cái mà y cảm nhận, và cái mà y có kinh nghiệm ngắn ngủi và thoáng qua, trở nên xác định và được biết đến vượt qua mọi tranh luận, có thể khôi phục lại theo ý muốn. Cha Joseph Maréchal trong cuốn sách đáng chú ý của mình chỉ ra rằng:

"...the symbol vanishes, imagery fades, space disappears, multiplicity is reduced, reasoning is silent, the feeling of extension gathers itself together and then breaks down; *intellectual activity is entirely concentrated in its intensity*; it seizes without intermediary, with the sovereign certitude of intuition, Being, God....

"...biểu tượng biến mất, hình ảnh phai nhạt, không gian biến mất, tính đa dạng bị giảm thiểu, lý luận im lặng, cảm giác về sự mở rộng tự thu mình lại và rồi tan vỡ; *hoạt động trí tuệ hoàn toàn tập trung vào cường độ của nó*; nó nắm bắt không cần trung gian, với sự chắc chắn tối cao của trực giác, Bản Thể, Thượng đế....

"The human mind, then, is a *faculty in quest of its intuition* — that is to say of assimilation of Being, Being pure and simple, sovereignly *one*, without restriction, without distinction of essence and

"Vậy thì, trí tuệ con người là một *quan năng đang tìm kiếm trực giác của nó* — nghĩa là sự đồng hóa của Bản Thể, Bản Thể thuần túy, *nhất* thể một cách tối cao, không giới hạn, không phân biệt bản chất và sự tồn tại, của

existence, of possible and real." (Italics by A. A. B.)

MARECHAL, JOSEPH, S.J, "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", PP. 32, 101.

To take the Mind and bend it to its new task as a revealer of the divine is now the objective of the convinced mystic. To do this with success and with happiness, he will need a clear vision of his goal and a lucid understanding of the results eventually to be demonstrated. He will need a keen formulation of the assets with which he approaches his endeavor, and an equally keen appreciation of his lacks and defects. A view, as balanced as may be, of himself and of his circumstances, should be gained. Paralleling this, however, there should be also an equally balanced view of the goal and an understanding of [72] the wonder of the realizations and gifts which will be his, when his interest has been transferred from the things that now engross his attention, and his emotions, to the more esoteric values and standards.

We have touched upon the point that meditation is a process whereby the mind is reoriented to Reality, and, rightly used, can lead a man into another kingdom in nature, into another state of consciousness and Being and into another dimension. The goal of achievement has shifted into higher realms of thought and realization. What are the definite results of this reorientation?

It might be stated first of all that meditation is the science which enables us to arrive at direct experience of God. That in which we live and move and have our being is no

cái khả thể và cái thực." (Chữ nghiêng bởi A. A. B.)

MARECHAL, JOSEPH, S.J, "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", PP. 32, 101.

Nắm lấy Thể trí và uốn nắn nó cho nhiệm vụ mới là công cụ mặc khải điều thiêng liêng giờ đây là mục tiêu của nhà thần bí đã được thuyết phục. Để làm điều này với thành công và hạnh phúc, y sẽ cần một tầm nhìn rõ ràng về mục tiêu của mình và một sự thấu hiểu minh mẫn về những kết quả cuối cùng sẽ được biểu lộ. Y sẽ cần một sự xác định rõ những ưu thế mà y có để thực hiện nỗ lực của mình, và một sự đánh giá sắc bén tương đương về những thiếu sót và khiếm khuyết của mình. Một cái nhìn, cân bằng nhất có thể, về bản thân y và về hoàn cảnh của y, cần phải đạt được. Tuy nhiên, song song với điều này, cũng cần có một cái nhìn cân bằng tương đương về mục tiêu và một sự thấu hiểu về [72] sự kỳ diệu của những chứng nghiệm và ân huệ sẽ thuộc về y, khi sự quan tâm của y đã được chuyển dịch từ những thứ hiện đang chiếm giữ sự chú ý và cảm xúc của y, sang những giá trị và tiêu chuẩn huyền môn hơn.

Chúng ta đã đề cập đến điểm rằng tham thiền là một quy trình nhờ đó thể trí được tái định hướng về Thực Tại, và, nếu được sử dụng đúng đắn, có thể dẫn dắt một người vào một giới khác trong tự nhiên, vào một trạng thái tâm thức và Bản Thể khác và vào một chiều đo khác. Mục tiêu của thành tựu đã chuyển sang các cõi giới cao hơn của tư tưởng và sự chứng nghiệm. Những kết quả xác định của sự tái định hướng này là gì?

Có thể nói trước hết rằng tham thiền là khoa học cho phép chúng ta đạt đến kinh nghiệm trực tiếp về Thượng đế. Cái mà trong đó chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn không

longer the object of aspiration, or a symbol to us of a divine possibility. We know God as the Eternal Cause and the source of all that is, including ourselves. We recognize the Whole. We become one with God by becoming one with our own immortal soul, and when that tremendous event takes place we find that the consciousness of the individual soul is the consciousness of the whole, and that separativeness and division, distinctions and the concepts of me and thee, of God and a child of God, have faded away in the knowledge and realization of unity. Dualism has given place to unity. This is the Way of Union. The integrated Personality has been transcended through an ordered process of soul unfoldment, and a conscious at-one-ment has been brought about between the lower or personal self [73] and the higher or divine self. This duality has to be first realized and then transcended before the Real self becomes, in the consciousness of the man, the Supreme Self. It has been said that the two parts of man have had for long ages nothing in common; these two parts are the spiritual soul and the form nature, but they are joined eternally (and here lies the solution of man's problem) by the mind principle. In an ancient book of the Hindus, *The Bhagavad Gita,* these significant words are found:

còn là đối tượng của khát vọng, hay một biểu tượng đối với chúng ta về một khả năng thiêng liêng. Chúng ta biết Thượng đế là Nguyên Nhân Vĩnh Cửu và nguồn cội của tất cả những gì đang hiện hữu, bao gồm cả chính chúng ta. Chúng ta nhận ra Cái Toàn Thể. Chúng ta trở nên hợp nhất với Thượng đế bằng cách trở nên hợp nhất với linh hồn bất tử của chính mình, và khi sự kiện to lớn đó diễn ra, chúng ta thấy rằng tâm thức của linh hồn cá nhân là tâm thức của cái toàn thể, và rằng tính chia rẽ và sự phân chia, những sự phân biệt và các khái niệm về tôi và bạn, về Thượng đế và một đứa con của Thượng đế, đã phai nhạt trong tri thức và sự chứng nghiệm về tính nhất nguyên. Nhị nguyên tính đã nhường chỗ cho sự hợp nhất. Đây là Con Đường của Sự Hợp Nhất. Phàm ngã tích hợp đã được vượt qua thông qua một quy trình trật tự của sự khai mở của linh hồn, và một sự hợp nhất có ý thức đã được mang lại giữa cái ngã thấp hay phàm ngã cá nhân [73] và cái ngã cao hơn hay cái ngã thiêng liêng. Tính nhị nguyên này trước tiên phải được chứng nghiệm và sau đó được vượt qua trước khi chân ngã Thực Sự trở thành, trong tâm thức của con người, Chân Ngã Tối Cao. Người ta đã nói rằng hai phần của con người trong bao thời đại dài đằng đẵng không có điểm chung nào; hai phần này là linh hồn tinh thần và bản chất hình tướng, nhưng chúng được liên kết vĩnh viễn (và ở đây nằm giải pháp cho vấn đề của con người) bởi nguyên khí trí tuệ. Trong một cuốn sách cổ xưa của người Hindu, *The Bhagavad Gita,* những lời đầy ý nghĩa này được tìm thấy:

"Self is the friend of self for him in whom the self is conquered by the Self; but to him who is far from the Self his own self is hostile like an enemy"

"Chân Ngã là bạn của phàm ngã đối với người mà nơi y phàm ngã đã bị Chân Ngã chinh phục; nhưng đối với người xa rời Chân Ngã thì phàm ngã của chính y lại thù địch như một kẻ thù"

"Bhagavad Gita", VI, 6.

and St. Paul says practically the same thing in his desperate cry:

"For I know that in me (that is, in my flesh,) dwelleth no good thing; for to will is present with me; but how to perform that which is good I find not....For I delight in the law of God after the inward man: But I see another law in my members, warring against the law of my mind and bringing me into captivity to the law of sin which is in my members. O wretched man that I am! Who shall deliver me (the real Self) from the body of this death?"

"Romans", VII, 18, 22, 23, 24.

This real self is God — God the triumphant, God the Creator, God the Saviour of man. It is, in the words of St. Paul, "Christ in us, the hope of glory." This becomes a fact in our consciousness and not simply a much hoped for theory.

[74]

Meditation causes our beliefs to change into ascertained facts, and our theories into proven experience. The statement of St. Paul's remains only a concept and a possibility until, through meditation, the Christ life is evoked and becomes the dominating factor in daily life. We speak of ourselves as divine and as sons of God. We know of those who have demonstrated their divinity to the world, and who stand in the forefront of human achievement, testifying to faculties beyond our scope of

"BHAGAVAD GITA", VI, 6.

và Thánh Paul thực tế cũng nói điều tương tự trong tiếng kêu tuyệt vọng của ngài:

"Vì tôi biết rằng trong tôi (nghĩa là, trong xác thịt tôi,) không có điều thiện nào cư ngụ; vì ý muốn thì có sẵn trong tôi; nhưng làm thế nào để thực hiện điều thiện thì tôi không tìm thấy....Vì tôi vui thích trong luật của Thượng đế theo con người bề trong: Nhưng tôi thấy một luật khác trong các chi thể tôi, giao chiến với luật của trí tôi và bắt tôi làm phu tù cho luật của tội lỗi vốn ở trong các chi thể tôi. Ôi tôi là người khốn nạn! Ai sẽ giải cứu tôi (Chân Ngã thực sự) khỏi thân thể hay chết này?"

"ROMANS", VII, 18, 22, 23, 24.

Cái ngã thực này là Thượng đế — Thượng đế khải hoàn, Thượng đế Đấng Sáng Tạo, Thượng đế Đấng Cứu Thế của con người. Đó là, theo lời của Thánh Paul, "Đức Christ trong chúng ta, niềm hy vọng của vinh quang." Điều này trở thành một thực tế trong tâm thức chúng ta chứ không chỉ đơn giản là một lý thuyết được hy vọng nhiều.

[74]

Tham thiền làm cho niềm tin của chúng ta chuyển thành những sự thật đã được xác minh, và lý thuyết của chúng ta thành kinh nghiệm đã được chứng minh. Lời tuyên bố của Thánh Paul vẫn chỉ là một khái niệm và một khả năng cho đến khi, thông qua tham thiền, sự sống của Đức Christ được khơi dậy và trở thành yếu tố chi phối trong cuộc sống hàng ngày. Chúng ta nói về bản thân mình như là thiêng liêng và là những người con của Thượng đế. Chúng ta biết về những người đã biểu lộ thiên tính của họ cho thế

accomplishment. We are conscious, within ourselves, of strivings which drive us on towards knowledge, and of interior promptings, which have forced humanity up the ladder of evolution to its present status of what we call educated human beings. A divine urge has driven us forward from the stage of the cave dweller to our modern civilized condition. Above all, we are aware of those who possess, or claim to possess, a vision of heavenly things which we long to share, and who testify to a direct way into the centre of divine Reality which they ask us also to follow. We are told that it is possible to have direct experience, and the keynote of our modern times can be summed up in the words "From authority to experience." How can we know? How have this direct experience, free from the intrusion of any intermediary? The answer comes that there is a method which has been followed by countless thousands and a scientific process which has been formulated and followed by thinkers of all periods, and by means of which they become knowers.

giới, và những người đứng ở tuyến đầu của thành tựu nhân loại, làm chứng cho các quan năng vượt quá phạm vi hoàn thành của chúng ta. Chúng ta ý thức, bên trong chính mình, về những nỗ lực thúc đẩy chúng ta tiến tới tri thức, và về những sự thôi thúc nội tâm, vốn đã buộc nhân loại leo lên nấc thang tiến hóa đến vị thế hiện tại của cái mà chúng ta gọi là những con người có giáo dục. Một sự thôi thúc thiêng liêng đã đẩy chúng ta tiến lên từ giai đoạn của người ở hang động đến tình trạng văn minh hiện đại của chúng ta. Trên hết, chúng ta nhận thức được những người sở hữu, hoặc tuyên bố sở hữu, một tầm nhìn về những điều thuộc thiên thượng mà chúng ta khao khát chia sẻ, và những người làm chứng cho một con đường trực tiếp đi vào trung tâm của Thực Tại thiêng liêng mà họ cũng yêu cầu chúng ta đi theo. Chúng ta được bảo rằng có thể có kinh nghiệm trực tiếp, và chủ âm của thời đại hiện đại của chúng ta có thể được tóm tắt trong các từ "Từ thẩm quyền đến kinh nghiệm." Làm thế nào chúng ta có thể biết? Làm thế nào để có kinh nghiệm trực tiếp này, không bị xâm nhập bởi bất kỳ trung gian nào? Câu trả lời đến rằng có một phương pháp đã được tuân theo bởi vô số hàng ngàn người và một quy trình khoa học đã được xác lập và tuân theo bởi các nhà tư tưởng của mọi thời kỳ, và nhờ đó họ trở thành những thức giả.

[75]

[75]

The educational process has perhaps done its main theorizing in preparing the mind to undertake the work of meditation. It has taught us that we possess such an apparatus and has presented to us some of its ways of use. The psychologists have told us much about our mental reactions, and our instinctual habits. Now man must possess himself consciously of his instrument and

Tiến trình giáo dục có lẽ đã thực hiện phần lý thuyết hóa chính của nó trong việc chuẩn bị thể trí để đảm nhận công việc tham thiền. Nó đã dạy chúng ta rằng chúng ta sở hữu một bộ máy như vậy và đã trình bày cho chúng ta một số cách sử dụng nó. Các nhà tâm lý học đã nói với chúng ta nhiều điều về các phản ứng trí tuệ, và các thói quen bản năng của chúng ta. Nay con người phải tự

pass out of the initial stages of the educational process into that classroom and interior laboratory where it is possible to ascertain God for himself as the objective of all education. Who was it said that the world is not a prison house but a spiritual kindergarten, where millions of bewildered children are trying to spell God? The mind sends us hither and thither in the work of spelling out truth until the day dawns when, exhausted, we retire within ourselves and meditate and then find God. As Dr. Overstreet says: "All our enduring quest then gets its explanation and its significance. It is the God operative within ourselves. As, then, we discover the more enduring values, or as we create them, we enact God in our own lives." *(Overstreet, H. A., "The Enduring Quest", p. 265.)*

mình sở hữu công cụ của mình một cách có ý thức và bước ra khỏi các giai đoạn ban đầu của tiến trình giáo dục để vào lớp học và phòng thí nghiệm nội tâm đó, nơi có thể xác minh Thượng đế cho chính mình như là mục tiêu của mọi giáo dục. Ai đã nói rằng thế giới không phải là một nhà tù mà là một trường mẫu giáo tinh thần, nơi hàng triệu đứa trẻ hoang mang đang cố gắng đánh vần tên Thượng đế? Thể trí đưa chúng ta đi đây đi đó trong công việc đánh vần chân lý cho đến ngày bình minh ló dạng khi, kiệt sức, chúng ta lui vào bên trong chính mình và tham thiền và rồi tìm thấy Thượng đế. Như Tiến sĩ Overstreet nói: "Toàn bộ cuộc tìm kiếm bền bỉ của chúng ta sau đó có được lời giải thích và ý nghĩa của nó. Đó là Thượng đế hoạt động bên trong chính chúng ta. Như vậy, khi chúng ta khám phá những giá trị bền vững hơn, hoặc khi chúng ta tạo ra chúng, chúng ta thể hiện Thượng đế trong chính cuộc sống của mình." *(Overstreet, H. A., "The Enduring Quest", p. 265.)*

Again, we might define meditation as the method whereby a man reaches the glory of the unveiled self by the process of rejecting form after form. Education is not only purveyed in our schools and universities. The greatest school of all is life experience itself, and the lessons we learn are those we bring upon ourselves by identifying ourselves with a succession of forms — forms of pleasure, forms of those [76] we love, forms of desire, forms of knowledge — the list is endless! For what are forms but those substitutes which we create and then set in front of ourselves as objects of worship, or those ideas about happiness and truth which others have created and after which we endlessly run, only to find them fade away into mist before our tired eyes. We seek satisfaction in phenomena of all kinds, only to find them turn to dust and ashes, until we reach that something — intangible

Một lần nữa, chúng ta có thể định nghĩa tham thiền là phương pháp nhờ đó một người đạt tới vinh quang của cái ngã được vén màn bằng quy trình loại bỏ hết hình tướng này đến hình tướng khác. Giáo dục không chỉ được cung cấp trong các trường học và đại học của chúng ta. Trường học vĩ đại nhất trong tất cả là chính kinh nghiệm cuộc sống, và những bài học chúng ta học là những bài học chúng ta mang lại cho chính mình bằng cách đồng hóa mình với một chuỗi các hình tướng — các hình tướng của khoái lạc, các hình tướng của những người [76] chúng ta yêu thương, các hình tướng của dục vọng, các hình tướng của kiến thức — danh sách là vô tận! Vì các hình tướng là gì nếu không phải là những vật thay thế mà chúng ta tạo ra và rồi đặt trước mặt mình như những đối tượng tôn thờ, hay những ý tưởng về hạnh phúc và chân lý mà người khác đã tạo ra và chúng ta chạy theo không

yet infinitely real — which gave being to them all. He who sees all forms as symbols of reality is well on the way to touching the unveiled Self. But it takes a mental apprehension and a guided intuition to do this. Did Sir James Jeans have a glimpse of this when he said:

ngừng, chỉ để thấy chúng phai nhạt thành sương khói trước đôi mắt mệt mỏi của chúng ta. Chúng ta tìm kiếm sự thỏa mãn trong các hiện tượng đủ loại, chỉ để thấy chúng biến thành bụi tro, cho đến khi chúng ta chạm đến một cái gì đó — vô hình nhưng thực vô cùng tận — cái đã mang lại sự tồn tại cho tất cả chúng. Người nhìn thấy mọi hình tướng như là các biểu tượng của thực tại thì đã đi rất đúng đường để chạm vào Chân Ngã được vén màn. Nhưng cần có một sự lĩnh hội trí tuệ và một trực giác được dẫn dắt để làm điều này. Phải chăng Sir James Jeans đã thoáng thấy điều này khi ông nói:

"Phenomena come to us disguised in their frameworks of time and space; they are messages in cipher of which we shall not understand the ultimate significance until we have discovered how to decode them out of their space-time wrappings."

"Các hiện tượng đến với chúng ta được ngụy trang trong các khuôn khổ không gian và thời gian của chúng; chúng là những thông điệp bằng mật mã mà chúng ta sẽ không hiểu được ý nghĩa tối hậu cho đến khi chúng ta khám phá cách giải mã chúng khỏi các lớp vỏ không-thời gian của chúng."

JEANS, SIR JAMES, "THE UNIVERSE AROUND US", P. 339.

JEANS, SIR JAMES, "THE UNIVERSE AROUND US", P. 339.

Man is a point of divine light, hidden within a number of enveloping sheaths, as a light is hidden within a lantern. This lantern may be either closed and dark, or open and radiant. It may be either a light shining before men's eyes, or a hidden thing and, therefore, of no use to others. We are assured in that basic text book on meditation, the *Yoga Sutras of Patanjali*, of which an English paraphrase and commentary is furnished in my book *The Light of the Soul*, that through right discipline and meditation [77] "that which obscures the light is gradually removed," and that "when the spiritual intelligence...reflects itself in the mind-stuff then comes awareness of the Self." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", II., 52).* At one point in the history of every human being there comes a momentous crisis when

Con người là một điểm sáng thiêng liêng, ẩn giấu bên trong một số lớp vỏ bọc bao quanh, như ánh sáng được giấu trong một chiếc lồng đèn. Chiếc lồng đèn này có thể hoặc đóng kín và tối tăm, hoặc mở ra và rạng rỡ. Nó có thể hoặc là một ánh sáng chiếu trước mắt mọi người, hoặc là một vật bị che giấu và, do đó, không có ích lợi cho người khác. Chúng ta được đảm bảo trong cuốn sách giáo khoa cơ bản về tham thiền đó, cuốn *Yoga Sutras của Patanjali*, mà một bản diễn giải và bình luận tiếng Anh được cung cấp trong cuốn sách *Ánh Sáng của Linh Hồn* của tôi, rằng thông qua kỷ luật đúng đắn và tham thiền [77] "cái che khuất ánh sáng dần dần được gỡ bỏ," và rằng "khi trí tuệ tinh thần...tự phản chiếu trong chất trí thì ý thức về Chân Ngã xuất hiện." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", II., 52).* Tại một thời

the light must be sensed, through a rightly used intelligence, and the Divine inevitably contacted. This Patanjali emphasizes when he says: "The transfer of the consciousness from a lower vehicle into a higher is part of the creative and evolutionary process."*(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", IV., 2).* Slowly and gradually the work of direct knowledge becomes possible, and the glory which is hidden behind every form can stand revealed. The secret is to know when that time has come and to seize the moment of opportunity. Meister Eckhart says:

điểm trong lịch sử của mỗi con người, một cuộc khủng hoảng trọng đại ập đến khi ánh sáng phải được cảm nhận, thông qua một trí tuệ được sử dụng đúng đắn, và Đấng Thiêng Liêng chắc chắn được tiếp xúc. Điều này Patanjali nhấn mạnh khi ông nói: "Sự chuyển dịch tâm thức từ một vận cụ thấp hơn vào một vận cụ cao hơn là một phần của quy trình sáng tạo và tiến hóa."*(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", IV., 2).* Một cách chậm chạp và dần dần, công việc của tri thức trực tiếp trở nên khả thi, và vinh quang ẩn giấu đằng sau mỗi hình tướng có thể đứng đó được tiết lộ. Bí quyết là biết khi nào thời điểm đó đã đến và nắm bắt khoảnh khắc cơ hội. Meister Eckhart nói:

"If the soul were stripped of all her sheaths, God would be discovered all naked to her view and would give himself to her, withholding nothing. As long as the soul has not thrown off all her veils, however thin, she is unable to see God."

"Nếu linh hồn được lột bỏ tất cả các lớp vỏ bọc của mình, Thượng đế sẽ được khám phá hoàn toàn trần trụi trước cái nhìn của y và sẽ tự hiến mình cho y, không giữ lại gì. Chừng nào linh hồn chưa vứt bỏ tất cả các tấm màn che của mình, dù mỏng manh đến đâu, y không thể nhìn thấy Thượng đế."

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", p. 114.

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", p. 114.

Thus, East and West teach the same idea and in the same symbology.

Như vậy, Đông và Tây dạy cùng một ý tưởng và bằng cùng một hệ biểu tượng.

Meditation is, therefore, an ordered process whereby a man finds God. It is a system, well-tried out and much used, which unfailingly reveals the divine. The important words here are "ordered process." There are certain rules to be followed, [78] certain definite steps to be taken, and certain stages of unfoldment to be experienced before a man can garner the fruits of meditation. It is a part of the evolutionary process, as we have seen, and like all else in nature it is slow but sure, and unfailing in its results. There is no disappointment to the man who is willing to

Vì vậy, tham thiền là một quy trình trật tự nhờ đó một người tìm thấy Thượng đế. Đó là một hệ thống, đã được thử nghiệm kỹ lưỡng và được sử dụng nhiều, giúp tiết lộ điều thiêng liêng một cách chắc chắn. Những từ quan trọng ở đây là "quy trình trật tự." Có những quy luật nhất định phải tuân theo, [78] những bước đi xác định nhất định phải thực hiện, và những giai đoạn khai mở nhất định phải trải qua trước khi một người có thể thu hoạch những hoa trái của tham thiền. Đó là một phần của tiến trình tiến hóa, như chúng ta đã thấy, và giống như tất cả những điều khác trong tự nhiên, nó chậm

obey the rules and work with the system. Meditation calls for self-control in all things, and unless the work of meditating is itself accompanied by the other requirements under the "ordered process" (such as self-control and active service) it will fail in its objective. Fanaticism is not required. This is made clear in the *Bhagavad Gita.*

nhưng chắc, và không bao giờ thất bại trong kết quả của nó. Không có sự thất vọng nào cho người sẵn lòng tuân theo các quy luật và làm việc với hệ thống. Tham thiền đòi hỏi sự tự chủ trong mọi việc, và trừ khi công việc tham thiền được đi kèm bởi các yêu cầu khác thuộc "quy trình trật tự" (như tự chủ và phụng sự tích cực), nó sẽ thất bại trong mục tiêu của nó. Sự cuồng tín là không cần thiết. Điều này được làm rõ trong *Bhagavad Gita.*

"There is no meditation for the man who eats too little or for the man who eats too much, or for him whose habit it is to sleep too much or too little. But for him who is regulated in food, in work; regulated also in sleep and in waking, meditation becomes the destroyer of all suffering."

BHAGAVAD GITA, VI., 16-17.

"Không có sự tham thiền cho người ăn quá ít hay cho người ăn quá nhiều, hay cho người có thói quen ngủ quá nhiều hay quá ít. Nhưng đối với người được điều độ trong ăn uống, trong làm việc; điều độ cả trong lúc ngủ và lúc thức, tham thiền trở thành kẻ hủy diệt mọi đau khổ."

BHAGAVAD GITA, VI., 16-17.

Meditation can be regarded rightly as part of the natural process which thus far has carried man forward along the path of evolution from a stage but little removed from the animal to his present position of mental attainment, scientific achievement and divine unrest. Steadily his centre of consciousness has shifted, and steadily his attention has been focussed on an ever widening range of contacts. Man has already passed from the purely animal and physical state of being into that of an intensely emotional and sensory awareness and in this state millions [79] remain at this time. But other millions are progressing beyond this into another and higher field of awareness which we call that of the mind. Still another group, much fewer in number, are passing into a sphere where a universal range of contacts becomes possible. These we call the Knowers of the race. Through all methods employed runs the golden thread of divine purpose, and the way by which the

Tham thiền có thể được coi một cách đúng đắn là một phần của tiến trình tự nhiên vốn cho đến nay đã đưa con người tiến lên dọc theo con đường tiến hóa từ một giai đoạn chỉ khác biệt chút ít so với thú vật đến vị trí hiện tại của y về thành tựu trí tuệ, thành tựu khoa học và nỗi bất an thiêng liêng. Trung tâm tâm thức của y đã chuyển dịch một cách đều đặn, và sự chú ý của y đã tập trung một cách đều đặn vào một phạm vi các tiếp xúc ngày càng mở rộng. Con người đã chuyển từ trạng thái tồn tại thuần túy thú tính và hồng trần sang trạng thái của một ý thức cảm xúc và giác quan mãnh liệt và trong trạng thái này hàng triệu người [79] vẫn còn đang ở đó vào lúc này. Nhưng hàng triệu người khác đang tiến bộ vượt qua điều này để vào một lĩnh vực ý thức khác và cao hơn mà chúng ta gọi là lĩnh vực của trí tuệ. Vẫn còn một nhóm khác, ít hơn nhiều về số lượng, đang đi vào một phạm vi nơi mà một phạm vi tiếp xúc vũ trụ trở nên khả thi. Những người này chúng ta gọi là các Thức giả của nhân loại.

transfer of the human consciousness into that of soul realization and soul awareness is effected is that of meditation.

Xuyên suốt tất cả các phương pháp được sử dụng đều chạy một sợi chỉ vàng của mục đích thiêng liêng, và con đường mà qua đó sự chuyển dịch tâm thức con người vào tâm thức của chứng nghiệm linh hồn và ý thức linh hồn được thực hiện là con đường tham thiền.

This process of unveiling the Self through the negation of the form-side of life and the eventual inability of the various sheaths to hide it, can be described in terms of transmutation as well as in those of transference of consciousness.

Tiến trình vén màn Chân Ngã này thông qua sự phủ định phương diện hình tướng của cuộc sống và sự bất lực cuối cùng của các lớp vỏ bọc khác nhau trong việc che giấu nó, có thể được mô tả bằng các thuật ngữ của sự chuyển hóa cũng như các thuật ngữ của sự chuyển dịch tâm thức.

Transmutation is the changing, and re-directing of the energies of the mind, of the emotions and of the physical nature so that they serve to reveal the Self, and not simply to reveal the psychical and body natures.

Sự chuyển hóa là việc thay đổi, và tái định hướng các năng lượng của thể trí, của các cảm xúc và của bản chất hồng trần sao cho chúng phục vụ việc tiết lộ Chân Ngã, chứ không đơn giản là tiết lộ bản chất tâm lý và thân thể.

We are told, for instance, that we have five main instincts, which we share in common with all animals. These, when used with selfish and personal objectives, enhance the body life, strengthen the form or material nature and so serve increasingly to hide the Self, the spiritual man. These must be transmuted into their higher counterparts, for every animal characteristic has its spiritual prototype. The instinct of self-preservation must eventually be superseded by realization of immortality, and [80] "dwelling ever in the Eternal," man will walk the earth and fulfill his destiny. The instinct which causes the lower self to thrust its way forward, and force itself upward, will eventually be transformed into the domination of the higher or spiritual Self. The assertion of the little or lower self will give way to that of the higher Self. Sex, which is an animal instinct powerfully

Ví dụ, chúng ta được bảo rằng chúng ta có năm bản năng chính, mà chúng ta chia sẻ chung với tất cả các loài thú vật. Những bản năng này, khi được sử dụng với các mục tiêu ích kỷ và cá nhân, sẽ nâng cao đời sống thân thể, củng cố hình tướng hay bản chất vật chất và do đó ngày càng phục vụ việc che giấu Chân Ngã, con người tinh thần. Những bản năng này phải được chuyển hóa thành các đối phần cao hơn của chúng, vì mọi đặc tính thú vật đều có nguyên mẫu tinh thần của nó. Bản năng tự bảo tồn cuối cùng phải được thay thế bằng sự chứng nghiệm về tính bất tử, và [80] "luôn an trú trong Vĩnh Cửu," con người sẽ bước đi trên trái đất và hoàn thành vận mệnh của mình. Bản năng khiến cái ngã thấp kém chen lấn về phía trước, và ép mình đi lên, cuối cùng sẽ được chuyển đổi thành sự thống trị của Chân Ngã hay Bản Ngã tinh thần cao hơn. Sự khẳng định của cái ngã nhỏ bé hay thấp kém sẽ nhường chỗ

governing all animal forms, will give place to a higher attraction, and will, in its noblest aspects, bring about conscious attraction and union between the soul and its vehicle; whilst the herd instinct will be transmuted into group consciousness. A fifth instinct, namely the urge to inquire and to investigate, which characterizes all minds at a high or a low level, will give place to intuitive perception and understanding, and so the great work will be accomplished and the spiritual man will dominate his creation, the human being, and lift all his attributes and aspects into heaven.

cho sự khẳng định của Chân Ngã cao cả. Tình dục, vốn là một bản năng thú vật chi phối mạnh mẽ mọi hình tướng thú vật, sẽ nhường chỗ cho một sự thu hút cao hơn, và, trong các phương diện cao quý nhất của nó, sẽ mang lại sự thu hút có ý thức và sự hợp nhất giữa linh hồn và vận cụ của nó; trong khi bản năng bầy đàn sẽ được chuyển hóa thành tâm thức nhóm. Bản năng thứ năm, cụ thể là sự thôi thúc tìm tòi và điều tra, vốn đặc trưng cho mọi trí tuệ ở mức độ cao hay thấp, sẽ nhường chỗ cho nhận thức và thấu hiểu trực giác, và như vậy công việc vĩ đại sẽ được hoàn thành và con người tinh thần sẽ thống trị tạo vật của mình, con người phàm trần, và nâng tất cả các thuộc tính và phương diện của y lên thiên đàng.

Through meditation, spiritual knowledge grows up within the mind, and from the basis of ordinary knowledge, we steadily expand our understanding of the term, until knowledge merges into wisdom. This is direct knowledge of God by means of the mental faculty, so that we become what we are, and are enabled to manifest our divine nature. Tagore, in one place, defines meditation as “the entering into some great truth until we are possessed by it,” and truth and God are synonymous terms. The mind knows two objects, we are told — the outer world through the medium of the five senses and the brain, and the soul [81] and its world through what we might call an introverted use of the mind and its intense focussing upon a new and unusual field of contact. Then “the mind stuff reflecting both the knower (the Self) and the knowable, becomes omniscient...it becomes the instrument of the Self and acts as a unifying agent.” (*Bailey, Alice A., “The Light of the Soul”, IV., 22-24.*) All things will stand revealed to the man who truly meditates. He will comprehend the hidden things of

Thông qua tham thiền, tri thức tinh thần phát triển bên trong trí tuệ, và từ cơ sở của tri thức thông thường, chúng ta mở rộng đều đặn sự thấu hiểu của mình về thuật ngữ này, cho đến khi tri thức hòa nhập vào minh triết. Đây là tri thức trực tiếp về Thượng đế bằng phương tiện của quan năng trí tuệ, để chúng ta trở thành những gì chúng ta là, và được cho phép biểu lộ bản chất thiêng liêng của mình. Tagore, ở một nơi nọ, định nghĩa tham thiền là “việc đi vào một chân lý vĩ đại nào đó cho đến khi chúng ta được chiếm hữu bởi nó,” và chân lý và Thượng đế là những thuật ngữ đồng nghĩa. Trí tuệ biết hai đối tượng, chúng ta được bảo — thế giới bên ngoài thông qua trung gian của năm giác quan và bộ não, và linh hồn [81] cùng thế giới của nó thông qua cái mà chúng ta có thể gọi là việc sử dụng hướng nội của thể trí và sự tập trung mãnh liệt của nó vào một lĩnh vực tiếp xúc mới và lạ thường. Khi đó “chất trí phản chiếu cả người biết (Chân Ngã) và cái có thể biết, trở thành toàn tri...nó trở thành công cụ của Chân Ngã và hành động như một tác nhân thống nhất.” (*Bailey, Alice A., “The Light of the Soul”, IV., 22-24.*) Mọi sự sẽ đứng đó được tiết lộ cho người thực sự

nature, and the secrets of the life of the spirit. He will also know *how* he knows.

tham thiền. Y sẽ thấu hiểu những điều ẩn giấu của tự nhiên, và những bí mật của đời sống tinh thần. Y cũng sẽ biết *làm thế nào* y biết.

Thus, meditation brings about union, or at-one-ment.

Như vậy, tham thiền mang lại sự hợp nhất, hay sự Hợp Nhất.

The Occidental mystic may speak of the At-one-ment, whilst his brother in the Orient may speak of Raja Yoga, or of Union and of liberation, but they mean the same thing. They mean that the mind and the soul (the Christ within us or the Higher Self) function as a unit, as a co-ordinated whole, thus expressing perfectly the will of the indwelling God. René Guénon, in his book *Man and His Becoming,* makes the following interesting comments on the word "union," which have a place here.

Nhà thần bí phương Tây có thể nói về sự Hợp Nhất, trong khi người anh em của y ở phương Đông có thể nói về Raja Yoga, hay về Sự Hợp nhất và giải thoát, nhưng họ hàm ý cùng một điều. Họ muốn nói rằng thể trí và linh hồn (Đức Christ bên trong chúng ta hay Chân Ngã) hoạt động như một đơn vị, như một tổng thể được phối hợp, do đó thể hiện hoàn hảo ý chí của Thượng đế nội ngự. René Guénon, trong cuốn sách *Con Người và Sự Trở Thành của Y,* đưa ra những bình luận thú vị sau đây về từ "hợp nhất," vốn có chỗ đứng ở đây.

"The realization of this identity is effected by *Yoga*, that is, the intimate and essential union of being with the Divine Principle, or, if preferred, with the Universal. The proper meaning of this word *Yoga* is in fact 'union' and nothing else....It should be noted that this realization ought not strictly to be regarded as an 'achievement,' or as 'the production of a non-pre-existent result,' according to Shankarâchârya's expression, for the union in question, although not actually realized in the sense in which we here [82] intend it, exists none the less potentially, or rather virtually; what is involved is merely the effectual attainment by the individual being...of the consciousness of that which truly is from all eternity."

"Việc chứng nghiệm sự đồng nhất này được thực hiện bởi *Yoga*, nghĩa là, sự hợp nhất mật thiết và thiết yếu của bản thể với Nguyên Lý Thiêng Liêng, hay, nếu muốn, với cái Phổ Quát. Ý nghĩa thích đáng của từ *Yoga* này thực tế là 'sự hợp nhất' và không gì khác....Cần lưu ý rằng sự chứng nghiệm này không nên được coi một cách nghiêm ngặt là một 'thành tựu,' hay là 'việc tạo ra một kết quả không tồn tại trước đó,' theo cách diễn đạt của Shankarâchârya, vì sự hợp nhất đang bàn, mặc dù không thực sự được chứng nghiệm theo nghĩa mà chúng ta [82] dự định ở đây, tuy nhiên vẫn tồn tại một cách tiềm tàng, hay đúng hơn là đã hàm chứa sẵn; điều liên quan chỉ đơn thuần là sự đạt được thực sự bởi bản thể cá nhân...về tâm thức của cái thực sự hiện hữu từ vĩnh hằng."

GUÉNON, RENÉ, "MAN AND HIS BECOMING", P. 37.

GUÉNON, RENÉ, "MAN AND HIS BECOMING", P. 37.

Through the ordered stages of the meditation process, a relationship is gradually and steadily established between the soul and its instruments until the time comes when they are literally one. Then the sheaths serve simply to reveal the light of the indwelling Son of God; the physical body is under direct control of the soul, for the illuminated mind transmits (as we shall see later) soul knowledge to the physical brain; the emotional nature is purified and simply reflects the love nature of the soul, as the mind reflects the purposes of God. Thus, the hitherto disorganized and separative aspects of the human being are synthesized and unified and brought into harmonious relation with each other and with the soul, their creator, their source of energy, and their motivating power.

Thông qua các giai đoạn trật tự của quy trình tham thiền, một mối quan hệ dần dần và đều đặn được thiết lập giữa linh hồn và các công cụ của nó cho đến khi thời điểm đến khi chúng thực sự là một. Khi đó các lớp vỏ bọc chỉ phục vụ đơn giản để tiết lộ ánh sáng của Con của Thượng đế nội ngự; thể xác nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của linh hồn, vì thể trí được soi sáng truyền tải (như chúng ta sẽ thấy sau này) tri thức linh hồn đến bộ não vật lý; bản chất cảm xúc được thanh lọc và chỉ đơn giản phản chiếu bản chất tình thương của linh hồn, cũng như thể trí phản chiếu các mục đích của Thượng đế. Như vậy, các phương diện vốn vô tổ chức và chia rẽ trước đây của con người được tổng hợp và thống nhất và được đưa vào mối quan hệ hài hòa với nhau và với linh hồn, đấng sáng tạo của chúng, nguồn năng lượng của chúng, và động lực thúc đẩy của chúng.

This science of union involves the disciplining of the life, and an experimental system of co-ordination. Its method is that of focussed attention, of mind control, or of meditation, and is a mode of development whereby we effect union with the soul, and become aware of inner states of consciousness. This is summed up for us in the familiar words of Browning:

Khoa học về sự hợp nhất này bao gồm việc kỷ luật cuộc sống, và một hệ thống phối hợp mang tính thực nghiệm. Phương pháp của nó là phương pháp của sự chú ý tập trung, của kiểm soát tâm trí, hay của tham thiền, và là một phương thức phát triển nhờ đó chúng ta thực hiện sự hợp nhất với linh hồn, và trở nên ý thức về các trạng thái tâm thức bên trong. Điều này được tóm tắt cho chúng ta trong những lời quen thuộc của Browning:

“Truth is within ourselves; it takes no rise

“Chân lý ở bên trong chính chúng ta; nó không phát sinh

From outward things, whate’er you may believe. [83]

Từ những thứ bên ngoài, dù bạn có thể tin bất cứ điều gì. [83]

There is an inmost centre in us all,

Có một trung tâm sâu thẳm nhất trong tất cả chúng ta,

Where truth abides in fulness; and around

Where truth abides in fullness; and around,

Nơi chân lý ngự trị trong sự trọn vẹn; và xung quanh

Wall upon wall, the gross flesh hems it in,

Bức tường này nối tiếp bức tường kia, xác thịt thô kệch vây hãm nó,

...and to know

...và để biết

Rather consists in opening out a way

Đúng hơn bao gồm việc mở ra một con đường

Whence the imprisoned splendor may escape,

Từ đó vẻ huy hoàng bị giam cầm có thể thoát ra,

Than in effecting entry for a light

Hơn là mở lối vào cho một ánh sáng

Supposed to be without."

Được cho là ở bên ngoài."

BROWNING, ROBERT, "PARACELSUS".

BROWNING, ROBERT, "PARACELSUS".

The whole object of the science of meditation is, therefore, to enable man to become in outer manifestation what he is in inner reality, and to make him identify himself with his soul aspect and not simply his lower characteristics. It is a quick process for the unfolding of the reasoning consciousness, but in this instance must be self-applied and self-initiated. Through meditation, the mind is used as an instrument for observing the eternal states, and becomes in time an instrument for illumination, and through it the soul or Self transmits knowledge to the physical brain.

Vì vậy, toàn bộ mục đích của khoa học tham thiền là để cho phép con người trở thành trong biểu lộ bên ngoài những gì y là trong thực tại bên trong, và làm cho y đồng hóa mình với phương diện linh hồn của mình chứ không đơn giản là các đặc tính thấp kém của mình. Đó là một quy trình nhanh chóng cho sự khai mở của tâm thức suy lý, nhưng trong trường hợp này phải được tự áp dụng và tự khởi xướng. Thông qua tham thiền, thể trí được sử dụng như một công cụ để quan sát các trạng thái vĩnh cửu, và trở thành theo thời gian một công cụ cho sự soi sáng, và thông qua nó linh hồn hay Chân Ngã truyền tải tri thức đến bộ não vật lý.

Finally, meditation brings about illumination. Meister Eckhart in his book of Sermons, written in the fourteenth century, says:

Cuối cùng, tham thiền mang lại sự soi sáng. Meister Eckhart trong cuốn sách Bài Giảng của ông, được viết vào thế kỷ mười bốn, nói:

"Three kinds of men see God. The first see him in faith; they know no more of Him than they can make out through a partition. The second behold God in the light of grace but only as the answer to their longings, as giving them sweetness, devotion, inwardness and other such-like things....The third see him in the divine light."

"Ba loại người nhìn thấy Thượng đế. Loại thứ nhất nhìn thấy Ngài trong đức tin; họ không biết gì về Ngài hơn những gì họ có thể nhận ra qua một vách ngăn. Loại thứ hai chiêm ngưỡng Thượng đế trong ánh sáng của ân sủng nhưng chỉ như câu trả lời cho những mong mỏi của họ, như việc ban cho họ sự ngọt ngào, lòng sùng mộ, sự hướng nội và những thứ tương tự....Loại thứ ba nhìn thấy Ngài trong ánh sáng thiêng liêng."

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", P. 191.

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", P. 191.

[84]

[84]

It is this light that the process of meditation reveals and with which we learn to work.

Chính ánh sáng này mà quy trình tham thiền tiết lộ và với nó chúng ta học cách làm việc.

The heart of the world is light and in that light shall we see God. In that light we find ourselves. In that light all things are revealed. Patanjali tells us that "when the means to union have been steadily practised and when impurity has been overcome, enlightenment takes place, leading up to full illumination." "The mind then tends towards increasing illumination as to the true nature of the Self." (*Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", II., 27-28, IV., 26.)*

Trái tim của thế giới là ánh sáng và trong ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy Thượng đế. Trong ánh sáng đó chúng ta tìm thấy chính mình. Trong ánh sáng đó mọi sự được tiết lộ. Patanjali nói với chúng ta rằng "khi các phương tiện để hợp nhất đã được thực hành đều đặn và khi sự bất tịnh đã được khắc phục, sự giác ngộ diễn ra, dẫn đến sự soi sáng trọn vẹn." "Thể trí khi đó hướng tới sự soi sáng ngày càng tăng về bản chất thực sự của Chân Ngã." (*Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", II., 27-28, IV., 26.)*

As a result of meditation comes the shining forth of the light. This "illumination is gradual and is developed stage by stage." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", III., 5-6.)*

Như là kết quả của tham thiền, ánh sáng tỏa rạng. "Sự soi sáng này diễn ra dần dần và được phát triển từng giai đoạn." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", III., 5-6.)*

This we shall take up in greater detail later on.

Điều này chúng ta sẽ đề cập chi tiết hơn sau này.

Through meditation, as a consequence of all the preceding factors, the powers of the soul are unfolded. Each vehicle through which the soul expresses itself carries latent within itself certain inherent potencies, but the soul, which is the source of them all, has them in their purest and most sublimated form. The physical eye, for instance, is the organ of physical vision. Clairvoyance is the same potency demonstrating in what is regarded as the psychical world — the world of illusion, of feeling and of emotion. But in the soul, this same power shows forth as pure perception, and infallible spiritual vision. The higher correspondences of the lower physical and psychical powers are brought [85] into functioning activity through meditation, and so supersede their lower expressions.

Thông qua tham thiền, như một hệ quả của tất cả các yếu tố trước đó, các quyền năng của linh hồn được khai mở. Mỗi vận cụ mà thông qua đó linh hồn thể hiện mình đều mang tiềm tàng bên trong nó những tiềm năng vốn có nhất định, nhưng linh hồn, vốn là nguồn của tất cả chúng, sở hữu chúng trong hình thức tinh khiết nhất và thăng hoa nhất. Ví dụ, con mắt vật lý là cơ quan của thị lực hồng trần. Thông nhãn là tiềm năng tương tự thể hiện trong cái được coi là thế giới thông linh — thế giới của ảo tưởng, của cảm giác và của cảm xúc. Nhưng trong linh hồn, quyền năng tương tự này hiển lộ như nhận thức thuần khiết, và linh thị tinh thần không thể sai lầm. Các đối phần cao hơn của các quyền năng vật lý và thông linh thấp hơn được đưa [85] vào hoạt động chức năng thông qua tham thiền, và vì thế thay thế các biểu hiện thấp hơn của chúng.

These powers unfold normally and naturally. This they do, not because they are desired and consciously developed, but because as the inner God assumes control and dominates His bodies, His powers become apparent upon the physical plane and potentialities will then demonstrate forth as known realities.

Các quyền năng này khai mở một cách bình thường và tự nhiên. Chúng làm như vậy, không phải vì chúng được khao khát và được phát triển một cách có ý thức, mà bởi vì khi Thượng đế bên trong nắm quyền kiểm soát và thống trị các thể biểu hiện của Ngài, các quyền năng của Ngài trở nên rõ ràng trên cõi hồng trần và các tiềm năng khi đó sẽ hiển lộ ra như những thực tại đã được biết đến.

The true mystic does not concern himself with the powers and faculties, but only with the Possessor of those powers. He concentrates upon the Self, and not upon the potencies of that Self. As he merges himself more and more in the Reality who is himself, the powers of the soul will begin to demonstrate normally, safely and usefully. The process is summed up for us by Meister Eckhart in these words:

Nhà thần bí chân chính không bận tâm đến các quyền năng và quan năng, mà chỉ với Người Sở Hữu những quyền năng đó. Y tập trung vào Chân Ngã, chứ không phải vào các tiềm năng của Chân Ngã đó. Khi y hòa nhập mình ngày càng nhiều vào Thực Tại vốn là chính y, các quyền năng của linh hồn sẽ bắt đầu hiển lộ một cách bình thường, an toàn và hữu ích. Quy trình được tóm tắt cho chúng ta bởi Meister Eckhart trong những lời này:

"The soul's lower powers should be ordered to her higher and her higher ones to God; her outward senses to her inward, and her inward ones to reason; thought to intuition and intuition to the will and all to unity...."

"Các quyền năng thấp hơn của linh hồn nên được sắp đặt theo các quyền năng cao hơn của y và các quyền năng cao hơn của y theo Thượng đế; các giác quan bên ngoài của y theo các giác quan bên trong, và các giác quan bên trong của y theo lý trí; tư tưởng theo trực giác và trực giác theo ý chí và tất cả theo sự hợp nhất...."

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", P. 40.

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", P. 40.

The words of Dr. Charles Whitby, the translator of Rene Guenon's book, *Man and His Becoming*, are pertinent to this chapter on the objectives of the meditation process. He refers to the

Những lời của Tiến sĩ Charles Whitby, dịch giả cuốn sách của Rene Guenon, *Con Người và Sự Trở Thành của Y*, rất thích hợp cho chương này về các mục tiêu của quy trình tham thiền. Ông đề cập đến

"... overwhelming testimony to the mutually-confirmatory agreement, on all essential points, of the Western, Hindu, Moslem and Far-Eastern esoteric traditions. The Truth we so rashly term unattainable awaits us there in [86] unchanged and changeless majesty, veiled indeed from hasty and scornful eyes but ever increasingly apparent to earnest unbiased seekers. According to Plotinus, the act of contemplation which essentially constitutes the life of every individual and that of mankind as a whole, ascends gradually and by a natural and inevitable progression from Nature to Soul, from Soul to pure Intellect, from Intellect to the supreme 'One'. If this be so, the present preoccupation with psychic or quasi-psychic matters of the more advanced representative of Western thought and science, may or rather must sooner or later be succeeded by an equally serious attention to matters of higher and even of highest import."

"...bằng chứng áp đảo về sự đồng thuận xác nhận lẫn nhau, trên mọi điểm thiết yếu, của các truyền thống huyền môn phương Tây, Hindu, Hồi giáo và Viễn Đông. Chân Lý mà chúng ta gọi một cách vội vã là không thể đạt được đang chờ đợi chúng ta ở đó trong [86] vẻ uy nghi không thay đổi và bất biến, quả thực bị che khuất khỏi những đôi mắt vội vã và khinh miệt nhưng ngày càng hiện rõ đối với những người tìm kiếm nghiêm túc không thiên kiến. Theo Plotinus, hành động chiêm ngưỡng vốn cấu thành cốt yếu đời sống của mỗi cá nhân và của toàn thể nhân loại, thăng lên dần dần và bằng một sự tiến triển tự nhiên và tất yếu từ Tự nhiên đến Linh hồn, từ Linh hồn đến Trí Tuệ thuần khiết, từ Trí Tuệ đến 'Đấng Duy Nhất' tối cao. Nếu đúng như vậy, sự bận tâm hiện nay với các vấn đề thông linh hay bán-thông linh của đại diện tiên tiến hơn của tư tưởng và khoa học phương Tây, có thể hay đúng hơn là phải sớm muộn gì cũng được nối tiếp bởi một sự chú ý nghiêm túc tương đương đến các vấn đề có tầm quan trọng cao hơn và thậm chí cao nhất."

Thus it will be seen that the claims made for meditation are very high, and the weight of the testimony of the mystics and initiates of all the ages can be brought in corroboration of them. The fact that others have achieved may encourage and interest us but does no more unless we ourselves take some definite action. That there is a technique and a science of union, based on the right handling of the mental body and its correct use may be profoundly true, but this knowledge serves no purpose unless each educated thinker faces the issue. He must decide upon the values involved and set himself to demonstrate the fact of the mind, its relation in the two directions (to the soul on the one hand and to the outer environment on the other) and finally his ability to use that mind at will as he may choose. This involves the development of the mind as a synthesized, or common sense, and governs its use [87] in relation to the world of the earthly life, of the emotions and of thought. It involves also its orientation at will to the world of the soul, and its capacity to act as an intermediary between the soul and the physical brain. The first relation is developed and fostered through sound methods of exoteric education and of training; the second is made possible through meditation, a higher form of the educational process.

Guénon, René, "Man and His Becoming", p. X.

Như vậy sẽ thấy rằng những tuyên bố được đưa ra cho tham thiền là rất cao, và sức nặng của bằng chứng của các nhà thần bí và các điểm đạo đồ của mọi thời đại có thể được đưa ra để chứng thực chúng. Việc người khác đã đạt được có thể khuyến khích và làm chúng ta quan tâm nhưng không làm được gì hơn trừ khi chính chúng ta thực hiện một hành động xác định nào đó. Rằng có một kỹ thuật và một khoa học về sự hợp nhất, dựa trên việc xử lý đúng đắn thể trí và việc sử dụng chính xác nó có thể là hoàn toàn đúng, nhưng kiến thức này không phục vụ mục đích nào trừ khi mỗi nhà tư tưởng có giáo dục đối mặt với vấn đề. Y phải quyết định về các giá trị liên quan và đặt mình vào việc chứng minh sự thật về thể trí, mối quan hệ của nó theo hai hướng (với linh hồn ở một bên và với môi trường bên ngoài ở bên kia) và cuối cùng là khả năng của y trong việc sử dụng thể trí đó theo ý muốn như y có thể chọn. Điều này bao gồm sự phát triển của thể trí như một giác quan tổng hợp, hay giác quan chung, và chi phối việc sử dụng nó [87] trong mối quan hệ với thế giới của đời sống trần thế, của các cảm xúc và của tư tưởng. Nó cũng bao gồm sự định hướng của thể trí theo ý muốn về thế giới của linh hồn, và khả năng của nó hành động như một trung gian giữa linh hồn và bộ não vật lý. Mối quan hệ thứ nhất được phát triển và nuôi dưỡng thông qua các phương pháp giáo dục và huấn luyện ngoại môn đúng đắn; mối quan hệ thứ hai được làm cho khả thi thông qua tham thiền, một hình thức cao hơn của tiến trình giáo dục.

CHAPTER FIVE - STAGES IN MEDITATION—CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIỀN

"What would you do within, O Soul, my Brother?

What would you do within?

Bar door and window that none may see:

That alone we may be

(Alone! face to face

In that flame-lit place!)

When first we begin

To speak one with another."

EVELYN UNDERHILL

"Bạn sẽ làm gì bên trong, Ôi Linh hồn, Huynh đệ của tôi?

Bạn sẽ làm gì bên trong?

Hãy đóng chặt cửa chính và cửa sổ để không ai có thể thấy:

Để chúng ta có thể ở một mình

(Một mình! mặt đối mặt

Trong nơi chốn được ánh lửa soi sáng đó!)

Khi lần đầu tiên chúng ta bắt đầu

Nói chuyện người này với người kia."

EVELYN UNDERHILL

[91]

[91]

We have studied briefly the objectives which we set before ourselves as we seek to reorient the mind to the soul, and through the union thus effected, enter into communication with a higher world of Being. We are seeking to utilize the equipment with which a long series of life experiments and experience has endowed us, and whether we undertake the work from the standpoint of the mystical devotee or the intellectual aspirant, there are certain basic requirements which must precede any definite exercises. The words of the Rev. R. J. Campbell state succinctly our story and our task. He says:

Chúng ta đã nghiên cứu vắn tắt các mục tiêu mà chúng ta đặt ra trước mắt khi tìm cách tái định hướng thể trí về phía linh hồn, và thông qua sự hợp nhất được thực hiện như vậy, đi vào giao tiếp với một thế giới Bản Thể cao hơn. Chúng ta đang tìm cách tận dụng trang thiết bị mà một loạt dài các thử nghiệm và kinh nghiệm sống đã ban cho chúng ta, và cho dù chúng ta đảm nhận công việc từ quan điểm của người sùng tín thần bí hay người chí nguyện trí thức, có những yêu cầu cơ bản nhất định phải đi trước bất kỳ bài tập xác định nào. Những lời của Mục sư R. J.

Campbell nêu rõ câu chuyện và nhiệm vụ của chúng ta. Ông nói:

"For the purpose of realizing the nature of the Self, we have had to come out from our eternal home in God that we might strive and suffer amid the illusions of time and sense. We have to overcome before we can enter into the eternal truth that lies beyond all seeming. In that overcoming we have to master the flesh and magnify the spirit, despise the world to save it, and lose the life to find it."

"Cho mục đích nhận ra bản chất của Chân Ngã, chúng ta đã phải đi ra khỏi ngôi nhà vĩnh cửu của mình trong Thượng đế để chúng ta có thể phấn đấu và đau khổ giữa những ảo tưởng của thời gian và giác quan. Chúng ta phải khắc phục trước khi chúng ta có thể đi vào chân lý vĩnh cửu nằm bên kia mọi vẻ bề ngoài. Trong sự khắc phục đó, chúng ta phải làm chủ xác thịt và làm vinh hiển tinh thần, coi thường thế gian để cứu nó, và mất sự sống để tìm lại nó."

Now let us consider the situation and the processes to which we must subject ourselves if the goal is ever to be attained. The preliminary requirements need only just be noted, for they are universally recognized and are met in part by every beginner, or [92] he would not be entering upon this particular phase in the age-long pursuit of truth. We are conscious within ourselves of duality, and of a state of warfare between the two aspects of which we are constituted. We are conscious of a profound dissatisfaction with physical life as a whole, and with our inability to grasp and understand the divine Reality which we hope exists. But it remains for us a matter for faith, and we want certainty. The life of the senses does not seem to carry us far enough along the path towards our goal. It is a fluid existence which we lead, being sometimes carried by our high desires to a mountain top of wonder on which we stay just long enough to get a vision of beauty, and then are hurled into the abyss of our daily environment, our animal nature and the chaotic world in which our destiny places us. We sense a certainty which ever eludes us; we strive for a goal which seems outside ourselves and which evades our

Nay chúng ta hãy xem xét tình huống và các quy trình mà chúng ta phải đặt mình vào nếu muốn đạt được mục tiêu. Các yêu cầu sơ bộ chỉ cần được ghi nhận, vì chúng được công nhận rộng rãi và được đáp ứng một phần bởi mọi người mới bắt đầu, nếu không [92] y sẽ không bước vào giai đoạn cụ thể này trong cuộc theo đuổi chân lý lâu đời. Chúng ta ý thức bên trong mình về tính nhị nguyên, và về một tình trạng chiến tranh giữa hai phương diện mà chúng ta được cấu thành. Chúng ta ý thức về một sự bất mãn sâu sắc với đời sống vật lý nói chung, và với sự bất lực của mình trong việc nắm bắt và thấu hiểu Thực Tại thiêng liêng mà chúng ta hy vọng là tồn tại. Nhưng nó vẫn là một vấn đề đối với đức tin của chúng ta, và chúng ta muốn sự chắc chắn. Đời sống của các giác quan dường như không đưa chúng ta đi đủ xa dọc theo con đường hướng tới mục tiêu của mình. Đó là một cuộc sống luôn biến động mà chúng ta đang sống, đôi khi được mang đi bởi những khao khát cao cả của mình đến đỉnh núi của sự kỳ diệu nơi chúng ta ở lại chỉ vừa đủ lâu để có được một tầm nhìn về vẻ đẹp, và rồi bị ném vào vực thẳm của môi trường hàng ngày, bản chất thú vật của chúng ta và thế giới hỗn loạn mà định mệnh đặt chúng ta vào. Chúng ta cảm nhận

most frantic efforts; we struggle and fight and anguish to achieve a realization to which the saints have testified and to which the Knowers of the race bear continuous witness. If our will is strong enough and our determination rooted in steadfast and undeterred perseverance, and if the ancient rules and formulas are grasped, we can approach our problem from a new angle and utilize our mental equipment in place of emotional application and feverish desire.

một sự chắc chắn luôn lẳng tránh chúng ta; chúng ta phấn đấu cho một mục tiêu dường như ở bên ngoài chúng ta và lẩn tránh những nỗ lực điên cuồng nhất của chúng ta; chúng ta đấu tranh và chiến đấu và đau khổ để đạt được một sự chứng nghiệm mà các vị thánh đã làm chứng và các Thức giả của nhân loại liên tục làm chứng. Nếu ý chí của chúng ta đủ mạnh và quyết tâm của chúng ta bắt rễ trong sự kiên trì vững chắc và không nản lòng, và nếu các quy luật và công thức cổ xưa được nắm bắt, chúng ta có thể tiếp cận vấn đề của mình từ một góc độ mới và tận dụng trang thiết bị trí tuệ của mình thay cho sự vận dụng cảm xúc và ham muốn cuồng nhiệt.

The heart activity has its place, however, and Patanjali in his well known *Aphorisms*, which have [93] guided the enterprise of hundreds of Knowers, says that:

Tuy nhiên, hoạt động của trái tim có chỗ đứng của nó, và Patanjali trong *Các Câu Kinh* nổi tiếng của mình, vốn đã [93] hướng dẫn nỗ lực của hàng trăm Thức giả, nói rằng:

"The practices which make for union with the soul are first, fiery aspiration, then spiritual reading and, lastly, complete obedience to the Master."

"Các thực hành tạo nên sự hợp nhất với linh hồn trước hết là, khát vọng rực lửa, sau đó là đọc hiểu tinh thần và, cuối cùng, sự tuân phục hoàn toàn đối với Chân sư."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", II., 1, 2.

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", II., 1, 2.

The word "aspiration" comes from the Latin *"ad"* = "to", and *"spirare"* = "to breathe, to breathe towards," as Webster puts it. The word "spirit" comes from the same root. Aspiration must precede inspiration. There must be a breathing out from the lower self before there can be a breathing in by the higher aspect. From the standpoint of eastern mysticism, aspiration involves the idea of fire. It denotes a burning desire, and a fiery determination which eventually does three things for the aspirant. It throws a fierce light upon his problems, and constitutes the purificatory furnace into which the lower self has to go in order that

Từ "khát vọng" (aspiration) đến từ tiếng Latin *"ad"* = "hướng tới", và *"spirare"* = "thở, thở hướng về," như Webster diễn đạt. Từ "tinh thần" (spirit) đến từ cùng một gốc. Khát vọng phải đi trước cảm hứng (inspiration). Phải có một sự thở ra từ cái ngã thấp kém trước khi có thể có một sự thở vào bởi phương diện cao hơn. Từ quan điểm của thần bí học phương đông, khát vọng bao hàm ý tưởng về lửa. Nó biểu thị một ham muốn cháy bỏng, và một quyết tâm rực lửa mà cuối cùng làm ba điều cho người chí nguyện. Nó ném một luồng ánh sáng dữ dội vào các vấn đề của y, và cấu thành lò lửa thanh luyện mà cái ngã thấp kém phải đi vào

all dross may be burned out, and it also destroys all hindrances which might keep him back. This same idea of fire runs through all books on Christian mysticism, and many passages in the Bible of a similar nature will come readily to mind. Willingness to "bear the cross," to "enter the fire," to "die daily," (it matters not what the symbology employed may be), is the characteristic of the true aspirant, and, before we pass on to the way of meditation and place our footsteps in those of the myriads of sons of God who have preceded us, we must gauge the depth and the [94] height and brace ourselves for the arduous climb and the fierce endeavor. We must say with J. C. Earle:

"I pass the vale. I breast the steep.

I bear the cross: the cross bears me.

Light leads me on to light. I weep

For joy at what I hope to see

When, scaled at length the arduous height,

For every painful step I trod,

I traverse worlds on worlds of light

And pierce some deeper depth of God."

EARLE, JOHN CHARLES, "ONWARD AND UPWARD" (OXFORD BOOK OF ENGLISH MYSTICAL VERSE), P. 508.

để mọi cặn bã có thể được đốt sạch, và nó cũng phá hủy mọi chướng ngại có thể kìm hãm y. Cùng ý tưởng về lửa này chạy xuyên suốt tất cả các cuốn sách về thần bí học Cơ đốc giáo, và nhiều đoạn trong Kinh Thánh có bản chất tương tự sẽ dễ dàng hiện ra trong tâm trí. Sự sẵn lòng "vác thập giá," "đi vào lửa," "chết hàng ngày," (bất kể biểu tượng được sử dụng là gì), là đặc điểm của người chí nguyện chân chính, và, trước khi chúng ta chuyển sang con đường tham thiền và đặt bước chân của mình vào bước chân của vô số những người con của Thượng đế đã đi trước chúng ta, chúng ta phải đo lường độ sâu và [94] độ cao và chuẩn bị tinh thần cho cuộc leo núi gian khổ và nỗ lực dữ dội. Chúng ta phải nói với J. C. Earle:

"Tôi băng qua thung lũng. Tôi vượt dốc cao.

Tôi vác thập giá: thập giá vác tôi.

Ánh sáng dẫn tôi đi đến ánh sáng. Tôi khóc

Vì vui sướng trước những gì tôi hy vọng sẽ thấy

Khi, cuối cùng đã leo lên độ cao gian khổ,

Cho mỗi bước đau đớn tôi đã bước,

Tôi đi qua hết thế giới ánh sáng này đến thế giới ánh sáng khác

Và xuyên thấu một độ sâu thẳm hơn nào đó của Thượng đế."

EARLE, JOHN CHARLES, "ONWARD AND UPWARD" (OXFORD BOOK OF ENGLISH MYSTICAL VERSE), P. 508.

We start with an emotional realization of our goal and from then pass on, through the fire of discipline, to the heights of intellectual certainty. This is beautifully pictured for us in the Bible in the story of Shadrach, Meschach and Abednego. We read that they were cast into the midst of the burning fiery furnace, yet the result of that apparent tragedy was the releasing in their midst of the form of a fourth identity, whose appearance was like unto that of the Son of God. These three friends are symbols of the threefold lower man. The name *Meschach* means "agile," a faculty of the discriminative mind, the mental body. *Shadrach* means "rejoicing in the Way" and describes the transmutation of the emotional body, and the turning of the desire towards the Way: *Abednego* means "a servant of the Sun," and thus emphasizes the fact that the sole function of the physical body is to be the servant of the Son [95] (Sun), of the ego or soul (see Daniel III, 23-24). There is no escaping the fiery furnace, but the reward is commensurate with the trial.

Chúng ta bắt đầu với một nhận thức về mục tiêu trên phương diện cảm xúc của mình và từ đó chuyển sang, qua ngọn lửa của kỷ luật, tới những đỉnh cao của sự chắc chắn trí tuệ. Điều này được miêu tả đẹp đẽ cho chúng ta trong Kinh Thánh qua câu chuyện của Shadrach, Meschach và Abednego. Chúng ta đọc thấy rằng họ bị ném vào giữa lò lửa hừng hực, nhưng kết quả của thảm kịch bề ngoài đó là sự giải phóng ở giữa họ hình dáng của một thực thể thứ tư, người có diện mạo giống như Con của Thượng đế. Ba người bạn này là biểu tượng của con người thấp kém tam phân. Cái tên *Meschach* có nghĩa là "nhanh nhẹn," một quan năng của trí phân biện, thể trí. *Shadrach* có nghĩa là "vui mừng trong Đường Đạo" và mô tả sự chuyển hóa của thể cảm dục, và sự hướng của ham muốn về phía Đường Đạo: *Abednego* có nghĩa là "một tôi tớ của Mặt trời," và do đó nhấn mạnh thực tế rằng chức năng duy nhất của thể xác là làm tôi tớ cho Người Con [95] (Mặt trời), của chân ngã hay linh hồn (xem Daniel III, 23-24). Không có sự trốn thoát khỏi lò lửa hừng hực, nhưng phần thưởng tương xứng với thử thách.

The significance of the second requirement, spiritual reading, must also be grasped. The word, to *"read,"* is very obscure in its origin, and philologists seem to think that two words are responsible. One is the Latin word *"reri,"* to think, and the other the Sanskrit word *"radh,"* to be successful. Perhaps both ideas are permissible, for it is certainly true that the man who can think the most successfully, and who can control and utilize his apparatus of thought, is the man who can the most easily master the technique of meditation.

Ý nghĩa của yêu cầu thứ hai, đọc hiểu tinh thần, cũng phải được nắm bắt. Từ, *"đọc,"* rất mơ hồ về nguồn gốc, và các nhà ngôn ngữ học dường như nghĩ rằng hai từ là nguồn gốc của nó. Một là từ Latin *"reri,"* suy nghĩ, và từ kia là từ Phạn ngữ *"radh,"* thành công. Có lẽ cả hai cách giải thích đều có thể chấp nhận, vì chắc chắn đúng rằng người có thể suy nghĩ thành công nhất, và người có thể kiểm soát và tận dụng bộ máy tư duy của mình, là người có thể dễ dàng làm chủ kỹ thuật tham thiền nhất.

Prayer is possible to all. Meditation is only possible to the mentally polarized man, and this is a point which needs emphasis and

Cầu nguyện là điều khả thi với tất cả mọi người. Tham thiền chỉ khả thi đối với người phân cực trí tuệ, và đây là một điểm cần

which frequently meets with opposition when stated. All men who are willing to subject themselves to discipline and transmute emotion into spiritual devotion can be saints, and many do so subject themselves. But *all men cannot yet be knowers*, for it involves all that the saint has achieved, plus the use of the intellect and the power to think through to knowledge and understanding. The man who is successful is the man who can think, and who can utilize the sixth sense, the mind, to produce certain specific results. Other suggested origins have to do with words denoting the taking of counsel or of advice, so that three basic ideas are brought out: — the attainment of success through the agency of the mind, the achievement of [96] perfection, the taking of counsel, and the utilization of all channels of information in order to gain knowledge.

nhấn mạnh và thường gặp phải sự phản đối khi được nêu ra. Tất cả những người sẵn lòng đặt mình dưới kỷ luật và chuyển hóa cảm xúc thành lòng sùng tín tinh thần đều có thể là các vị thánh, và nhiều người thực sự đặt mình dưới kỷ luật như vậy. Nhưng *không phải tất cả mọi người đều đã có thể là những thức giả*, vì điều đó bao hàm tất cả những gì vị thánh đã đạt được, cộng với việc sử dụng trí năng và quyền năng suy nghĩ thấu đáo để đạt đến kiến thức và sự thấu hiểu. Người thành công là người có thể suy nghĩ, và người có thể tận dụng giác quan thứ sáu, thể trí, để tạo ra những kết quả cụ thể nhất định. Các nguồn gốc được gợi ý khác có liên quan đến các từ biểu thị việc lấy ý kiến hay lời khuyên, để ba ý tưởng cơ bản được đưa ra: — sự đạt được thành công thông qua tác nhân của thể trí, sự đạt được [96] sự hoàn hảo, việc lấy lời khuyên, và việc tận dụng tất cả các kênh thông tin để đạt được kiến thức.

This is fundamentally the meaning of Patanjali when he uses the expression translated “spiritual reading.” It really signifies reading with the eyes of the soul, with the inner vision alert to find out that which is sought. It is realized that all forms are only symbols of an inner or spiritual reality, and spiritual reading involves the development of the faculty of “reading” or seeing the life aspect which the outer form veils and hides. This will be found to apply equally to a human form as to any other form in nature; all forms veil a divine thought, idea, or truth and are the tangible manifestation of a divine concept. When a man knows this he begins to read spiritually, to see below the surface and so contact the idea which gave birth to the form. Gradually, as he gains practice in doing this, he arrives at a knowledge of Truth and is no longer taken in by the illusory aspects of the form. This, in its most practical application, will lead a man for instance, to negate the form

Đây về cơ bản là ý nghĩa của Patanjali khi Ngài sử dụng cụm từ được dịch là “đọc hiểu tinh thần.” Nó thực sự biểu thị việc đọc bằng đôi mắt của linh hồn, với tầm nhìn bên trong tỉnh thức để tìm ra cái được tìm kiếm. Người ta nhận ra rằng mọi hình tướng chỉ là các biểu tượng của một thực tại bên trong hay thực tại tinh thần, và đọc hiểu tinh thần bao hàm sự phát triển của quan năng “đọc” hay nhìn thấy phương diện sự sống mà hình tướng bên ngoài che phủ và giấu kín. Điều này sẽ được thấy là áp dụng như nhau cho một hình tướng con người cũng như bất kỳ hình tướng nào khác trong tự nhiên; mọi hình tướng đều che phủ một tư tưởng, ý niệm, hay chân lý thiêng liêng và là biểu hiện hữu hình của một khái niệm thiêng liêng. Khi một người biết điều này, y bắt đầu đọc một cách tinh thần, nhìn xuống bên dưới bề mặt và do đó tiếp xúc với ý niệm đã sinh ra hình tướng. Dần dần, khi y đạt được sự thực hành trong việc làm điều này, y đi đến một kiến thức về Chân Lý và không còn

aspect which his fellowman may assume, and deal with him on the basis of the hidden divine reality. This is no easy thing to do, but it is possible through training in spiritual reading.

bị đánh lừa bởi các phương diện ảo giác của hình tướng. Điều này, trong ứng dụng thực tế nhất của nó, sẽ dẫn một người chẳng hạn, đến việc phủ định phương diện hình tướng mà đồng loại của y có thể khoác lấy, và đối xử với người đó trên cơ sở của thực tại thiêng liêng ẩn giấu. Đây không phải là điều dễ làm, nhưng nó khả thi thông qua sự huấn luyện trong việc đọc hiểu tinh thần.

The third requirement is obedience to the Master. This is no servile attention to the commands of some supposed hidden Teacher, or Master, functioning mysteriously behind the scenes, as so many [97] schools of esotericism claim. It is much simpler than that. The real Master, claiming our attention and subsequent obedience, is the Master in the Heart, the soul, the indwelling Christ. This Master first makes His presence felt through the "still small voice" of conscience, prompting us to higher and more unselfish living, and sounding a quick note of warning when there is deviation from the strict path of rectitude. Later this comes to be known as the Voice of the Silence, that word that comes from the "Word incarnate," which is ourselves. Each of us is a Word made flesh. Later still, we call it the awakened intuition. The student of meditation learns to distinguish accurately between these three. This requirement, therefore, calls for that implicit obedience which the aspirant renders promptly to the highest impulse which he can register at all times and at any cost. When this obedience is forthcoming it calls forth from the soul a downpouring of light and knowledge, and Christ points this out in the words: "If any man shall do his will, he shall know..." *(John 7, 17).*

Yêu cầu thứ ba là sự tuân phục đối với Chân sư. Đây không phải là sự tuân theo một cách nô lệ đối với các mệnh lệnh của một Huấn sư, hay Chân sư được giả định là ẩn tàng nào đó, hoạt động một cách bí ẩn đằng sau hậu trường, như rất nhiều [97] trường phái huyền bí học tuyên bố. Nó đơn giản hơn thế nhiều. Chân sư thực sự, đòi hỏi sự chú ý và sự tuân phục tiếp theo của chúng ta, là Chân sư trong Trái tim, linh hồn, Đức Christ nội ngự. Chân sư này trước tiên làm cho sự hiện diện của Ngài được cảm thấy qua "tiếng nói nhỏ nhẹ" của lương tâm, thúc đẩy chúng ta đến cuộc sống cao thượng và vị tha hơn, và gióng lên một nốt nhạc cảnh báo nhanh chóng khi có sự chệch hướng khỏi con đường chính trực nghiêm ngặt. Sau đó, điều này được biết đến như là Tiếng Nói của Im Lặng, lời nói đó đến từ "Linh từ hóa thân," vốn là chính chúng ta. Mỗi chúng ta là một Linh từ trở thành xác thịt. Sau này nữa, chúng ta gọi nó là trực giác đã thức tỉnh. Người học viên tham thiền học cách phân biệt chính xác giữa ba điều này. Vì vậy, yêu cầu này đòi hỏi sự tuân phục tuyệt đối mà người chí nguyện trao gửi ngay lập tức cho xung lực cao nhất mà y có thể ghi nhận vào mọi lúc và bằng mọi giá. Khi có sự tuân phục này, nó kêu gọi từ linh hồn một sự tuôn đổ ánh sáng và kiến thức, và Đức Christ chỉ ra điều này trong những lời: "Nếu ai làm theo ý muốn của ngài, người ấy sẽ biết..." *(John 7, 17).*

These three factors — obedience, a search for truth in every form, and a fiery longing for liberation — are the three parts of the stage of aspiration and must precede that of meditation. They need not be expressed in their fullness and completeness, but must be incorporated in the life as working rules of conduct. They lead to detachment, a quality which is emphasized both in the East and in the West. This is the freeing of the soul from the thralldom of the [98] form life, and the subordination of the personality to the higher impulses. Dr. Maréchal expresses the Christian intention along these lines as follows:

Ba yếu tố này — sự tuân phục, sự tìm kiếm chân lý trong mọi hình tướng, và một khao khát rực lửa cho sự giải thoát — là ba phần của giai đoạn khát vọng và phải đi trước giai đoạn tham thiền. Chúng không cần phải được thể hiện trong sự trọn vẹn và hoàn chỉnh của chúng, nhưng phải được sáp nhập vào cuộc sống như những quy tắc ứng xử được áp dụng thực tế. Chúng dẫn đến sự tách rời, một phẩm tính được nhấn mạnh cả ở phương Đông và phương Tây. Đây là việc giải phóng linh hồn khỏi sự nô lệ của [98] đời sống hình tướng, và sự phục tùng của phàm ngã đối với các xung lực cao hơn. Tiến sĩ Maréchal diễn đạt ý định của Cơ đốc giáo theo hướng này như sau:

"This 'detachment from self', what does it mean?

"Sự 'tách rời khỏi bản ngã' này, nó có nghĩa là gì?

"First of all, clearly, it is detachment from the lower and sensible Ego — that is, the habitual subordination of the fleshly to the spiritual point of view, the co-ordination of the lower multiplicity under a higher unity.

"Trước hết, rõ ràng, đó là sự tách rời khỏi bản ngã thấp thuộc giác quan — nghĩa là, sự phục tùng theo thói quen của quan điểm xác thịt đối với quan điểm tinh thần, sự phối hợp của tính đa dạng thấp hơn dưới một sự hợp nhất cao hơn.

"Again, it is detachment from the 'vainglorious Ego,' the dispersed and capricious Ego, the plaything of external circumstances, the slave of fluctuating opinion. The continuity of the inner life could not accommodate itself to so fluctuating a unity.

"Một lần nữa, đó là sự tách rời khỏi 'Bản Ngã hư vinh,' Bản Ngã phân tán và thất thường, đồ chơi của các hoàn cảnh bên ngoài, nô lệ của ý kiến dao động. Sự liên tục của đời sống nội tâm không thể thích nghi với một sự hợp nhất dao động như vậy.

"Above all, it is detachment from the 'proud Ego.' We must have a right understanding of this, for humility is rightly considered as one of the most characteristic notes of Christian asceticism and mysticism."

"Trên hết, đó là sự tách rời khỏi 'Bản Ngã kiêu ngạo.' Chúng ta phải có một sự thấu hiểu đúng đắn về điều này, vì sự khiêm nhường được coi một cách đúng đắn là một trong những đặc điểm đặc trưng nhất của chủ nghĩa khổ hạnh và thần bí học Cơ đốc giáo."

MARÉCHAL, JOSEPH, S.J. "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", P. 166.

Here we have the subordination of the physical, emotional, and mental life to the divine project of achieving unity, emphasized, for capriciousness is a quality of the sensory apparatus, and pride that of the mind.

Ở đây chúng ta có sự phục tùng của đời sống vật lý, cảm xúc, và trí tuệ đối với dự án thiêng liêng về việc đạt được sự hợp nhất, được nhấn mạnh, vì sự thất thường là một phẩm tính của bộ máy cảm giác, và sự kiêu ngạo là phẩm tính của trí tuệ.

The meditation process is divided into five parts, one part leading sequentially to another. We will take these various stages and study each of them separately, for in their mastery we can trace the steady ascent of the conscious spiritual man out of the realm of feeling into that of knowledge and then of intuitive illumination. These stages might be briefly enumerated as follows: [99]

Quy trình tham thiền được chia thành năm phần, phần này dẫn tuần tự đến phần kia. Chúng ta sẽ lấy các giai đoạn khác nhau này và nghiên cứu từng giai đoạn riêng biệt, vì trong sự làm chủ chúng, chúng ta có thể theo dõi sự thăng lên đều đặn của con người tinh thần có ý thức ra khỏi lĩnh vực của cảm giác vào lĩnh vực của tri thức và sau đó của sự soi sáng trực giác. Các giai đoạn này có thể được liệt kê ngắn gọn như sau: [99]

1. *Concentration*. This is the act of concentrating the mind, learning to focus it and so use it.

1. *Tập trung*. Đây là hành động tập trung tâm trí, học cách quy tụ nó và sử dụng nó.

2. *Meditation*. The prolonged focussing of the attention in any direction and the steady holding of the mind on any desired idea.

2. *Tham thiền*. Sự tập trung kéo dài của sự chú ý theo bất kỳ hướng nào và việc giữ thể trí vững vàng trên bất kỳ ý tưởng mong muốn nào.

3. *Contemplation*. An activity of the soul, detached from the mind, which is held in a state of quiescence.

3. *Chiêm ngưỡng*. Một hoạt động của linh hồn, tách rời khỏi thể trí, vốn được giữ trong trạng thái tĩnh lặng.

4. *Illumination*. This is the result of the three preceding processes, and involves the carrying down into the brain consciousness of the knowledge achieved.

4. *Soi sáng*. Đây là kết quả của ba quy trình trước đó, và bao gồm việc đưa kiến thức đã đạt được xuống tâm thức bộ não.

5. *Inspiration*. The result of illumination, as it demonstrates in the life of service.

5. *Cảm hứng*. Kết quả của sự soi sáng, khi nó thể hiện trong đời sống phụng sự.

These five stages, when followed, lead to union with the soul and direct knowledge of divinity. For the majority of those who take up the study of meditation, the stage which should engross their attention for a long time — practically to the exclusion of the others — is that of concentration, the gaining control of the mental processes. Aspiration is presumably present to some degree or there would be no desire to meditate. It should be pointed out, however, that aspiration avails nothing unless it is endorsed by a strong will, a capacity to endure, and patient persistence.

Năm giai đoạn này, khi được tuân theo, dẫn đến sự hợp nhất với linh hồn và tri thức trực tiếp về thiên tính. Đối với đa số những người bắt đầu nghiên cứu tham thiền, giai đoạn nên chiếm trọn sự chú ý của họ trong một thời gian dài — thực tế là loại trừ các giai đoạn khác — là giai đoạn tập trung, việc giành quyền kiểm soát các quy trình trí tuệ. Khát vọng có lẽ hiện diện ở một mức độ nào đó nếu không sẽ không có mong muốn tham thiền. Tuy nhiên, cần chỉ ra rằng khát vọng chẳng có ích gì trừ khi nó được củng cố bởi một ý chí mạnh mẽ, một khả năng chịu đựng, và sự kiên trì nhẫn nại.

I. The Stage of Concentration.

I. Giai đoạn Tập trung.

In all schools of advanced or intellectual mysticism, the first and necessary step is the attainment of mind control. Meister Eckhart, writing in the fourteenth century, tells us that!

Trong tất cả các trường phái thần bí học cao cấp hay trí thức, bước đầu tiên và cần thiết là đạt được sự kiểm soát tâm trí. Meister Eckhart, viết vào thế kỷ mười bốn, nói với chúng ta rằng!

"St. Paul reminds us that we being planted in the likeness of God may attain to higher and truer vision. For this [100] St. Dionysius says we require three things. The first is, possession of one's mind. The second is, a mind that is free. The third is, a mind that can see. How can we acquire this speculative mind? By a habit of mental concentration."

"Thánh Paul nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta được trồng trong sự giống như Thượng đế có thể đạt tới tầm nhìn cao hơn và thực hơn. Vì điều này [100] Thánh Dionysius nói chúng ta cần ba điều. Điều thứ nhất là, làm chủ thể trí của mình. Điều thứ hai là, một thể trí tự do. Điều thứ ba là, một thể trí có thể nhìn thấy. Làm thế nào chúng ta có thể đạt được thể trí suy lý này? Bằng một thói quen tập trung tâm trí."

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", PP. 196-197.

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", PP. 196-197.

This is in the strictest conformity with the eastern method, which aims first to put a man in control of his mental apparatus, so that he becomes the one who uses it at will and is not (as is so often the case) the victim of his mind, swayed by thoughts and ideas over which he has no control, and which he

Điều này phù hợp chặt chẽ nhất với phương pháp phương đông, vốn nhắm mục tiêu trước hết là đặt một người vào quyền kiểm soát bộ máy trí tuệ của mình, để y trở thành người sử dụng nó theo ý muốn và không phải là (như thường xảy ra) nạn nhân của thể trí mình, bị lay chuyển bởi những suy

cannot eliminate, no matter how strong may be his desire to do so.

nghĩ và ý tưởng mà y không kiểm soát được, và cái mà y không thể loại bỏ, cho dù mong muốn làm như vậy của y có mạnh mẽ đến đâu.

The same ideas that Meister Eckhart expressed can also be found in that ancient Indian scripture, the *Bhagavad Gita*:

Những ý tưởng tương tự mà Meister Eckhart diễn đạt cũng có thể được tìm thấy trong kinh sách Ấn Độ cổ xưa đó, *Bhagavad Gita*:

"The mind wavers, Krishna, turbulent, impetuous, forceful; I think it is as hard to hold as the wind.

"Thể trí dao động, hỡi Krishna, hỗn loạn, bốc đồng, mạnh mẽ; tôi nghĩ nó khó nắm giữ như gió.

"Without doubt...the wandering mind is hard to hold; but through assiduous practice...it may be held firm.

"Không nghi ngờ gì...thể trí lang thang thì khó nắm giữ; nhưng thông qua thực hành siêng năng...nó có thể được giữ vững.

"When thy soul shall pass beyond the forest of delusion, thou shalt no more regard what shall be taught or what has been taught.

"Khi linh hồn con vượt qua khu rừng của ảo tưởng, con sẽ không còn quan tâm đến những gì sẽ được dạy hay những gì đã được dạy.

"When withdrawn from traditional teaching, thy soul shall stand steadfast, firm in soul vision, then thou shalt gain union with the soul."

"Khi rút lui khỏi giáo lý truyền thống, linh hồn con sẽ đứng kiên định, vững vàng trong linh kiến của linh hồn, khi đó con sẽ đạt được sự hợp nhất với linh hồn."

"Bhagavad Gita", VI., 34-35, II., 52-53.

"BHAGAVAD GITA", VI., 34-35, II., 52-53.

The first step, therefore, is mind control. This means the power to make the mind do as you want, to think as you choose, to formulate ideas and sequences of thought under direction. The function of [101] the mind, in the majority of cases, is first of all to receive messages from the outer world, via the five senses, and transmitted by the brain. Hume tells us that the "mind is a kind of theatre, where several perceptions successively make their appearance." It is the seat of the intellectual functions, and a great recording centre for impressions of all kinds, upon which we act, or to which we

Vì vậy, bước đầu tiên là kiểm soát thể trí. Điều này có nghĩa là quyền năng khiến thể trí làm theo ý bạn muốn, suy nghĩ theo cách bạn chọn, hình thành các ý tưởng và trình tự tư duy dưới sự chỉ đạo. Chức năng của [101] thể trí, trong đa số trường hợp, trước hết là tiếp nhận các thông điệp từ thế giới bên ngoài, thông qua năm giác quan, và được truyền tải bởi bộ não. Hume nói với chúng ta rằng "thể trí là một loại nhà hát, nơi một số tri giác lần lượt xuất hiện." Nó là trụ sở của các chức năng trí tuệ, và là một trung tâm ghi nhận vĩ đại đối với mọi loại ấn tượng, mà dựa trên đó chúng ta hành động, hoặc chúng

refuse admission if we do not like them. The mind has a tendency to accept what is presented to it. The ideas of the psychologists and of science as to the nature of the mind are too much to touch upon here. Some regard it as a separate entity; others as a mechanism, of which the brain and the nervous system are integral parts. One school deals with it as "a sort of superior, nonphysical structure...capable of strict scientific study and liable to its own disorders." Some look upon it as a form of the self, with a life of its own; as a defense mechanism built up during the ages; as a response apparatus through which we contact aspects of the Universe otherwise untouchable. To some, it is simply a vague term signifying that by which we register thought or respond to vibrations, such as those incorporated in public opinion and in the books written throughout the ages. To the esotericist, it is simply a word standing for an aspect of man which is responsive in one direction — the outer world of thought and of affairs — but which could be equally responsive in another — the world of subtle energies and of spiritual being. This is the concept we shall hold in our thoughts as we study [102] the technique of meditation. Dr. Lloyd Morgan sums it up for us in such a way that all lesser definitions are included. He says:

ta từ chối tiếp nhận nếu không thích chúng. Thể trí có khuynh hướng chấp nhận những gì được trình bày cho nó. Các ý tưởng của các nhà tâm lý học và của khoa học về bản chất của thể trí là quá nhiều để đề cập ở đây. Một số coi nó là một thực thể tách biệt; những người khác coi nó như một cơ chế, mà trong đó bộ não và hệ thần kinh là những phần không thể thiếu. Một trường phái đề cập đến nó như "một loại cấu trúc cao cấp, phi vật lý... có thể được nghiên cứu khoa học một cách nghiêm ngặt và chịu các rối loạn của riêng nó." Một số người coi nó như một hình thức của bản ngã, với một đời sống của riêng nó; như một cơ chế phòng vệ được xây dựng qua nhiều thời đại; như một bộ máy phản hồi mà qua đó chúng ta tiếp xúc với các phương diện của Vũ trụ vốn không thể chạm tới theo cách khác. Đối với một số người, nó chỉ đơn giản là một thuật ngữ mơ hồ biểu thị cái mà qua đó chúng ta ghi nhận tư tưởng hoặc đáp ứng với các rung động, chẳng hạn như những rung động được kết hợp trong dư luận công chúng và trong các cuốn sách được viết ra qua các thời đại. Đối với nhà bí truyền học, nó chỉ đơn giản là một từ đại diện cho một phương diện của con người vốn phản ứng theo một hướng — thế giới bên ngoài của tư tưởng và các sự vụ — nhưng cũng có thể phản ứng tương đương theo một hướng khác — thế giới của các năng lượng vi tế và của bản thể tinh thần. Đây là khái niệm chúng ta sẽ giữ trong suy nghĩ khi nghiên cứu [102] kỹ thuật tham thiền. Tiến sĩ Lloyd Morgan tóm tắt điều đó cho chúng ta theo cách bao gồm tất cả các định nghĩa nhỏ hơn. Ông nói:

"...the word 'mind' may be used in three senses; first, as Mind or Spirit in reference to some Activity, for us God; secondly, as a quality emergent at a high level of evolutionary advance; and thirdly, as a

"...từ 'trí' (mind) có thể được dùng theo ba nghĩa; thứ nhất, như là Trí hay Tinh thần khi tham chiếu đến một Hoạt động nào đó, đối với chúng ta là Thượng đế; thứ hai, như một phẩm tính xuất lộ ở một cấp độ tiến hóa cao; và thứ ba, như một thuộc tính tâm lý

psychical attribute that pervades all natural events in universal correlation."

MORGAN, C. LLOYD, "EMERGENT EVOLUTION", P. 37.

Here we have the idea of the divine purpose, the universal mind, of that human mentality which distinguishes man on the ladder of evolution from the animals, and reference also to that universal psychical consciousness which pervades the animate and the so-called inanimate. It is with mind as a quality emerging at a high level of evolution that we as human beings deal. It is for us a mode or means of contact, receiving information from various sources, and by different means. Through the five senses, information is conveyed, and the man becomes aware of the world of physical phenomena and of psychical life in which he is immersed. Not only that, but the mind registers impressions emanating from other minds, and the thoughts of men (both ancient and modern) are conveyed to him through the medium of reading and the spoken word, through the drama, through pictures and through music. Most of it is simply registered and stored up, finding later expression as memory and anticipation. Moods, emotional reactions, feelings and desires, are also recorded [103] by the mind, whether of a high grade or a low, but with the average person that is all that happens. Very little real thinking follows upon the registering of information, and no clear formulation of thoughts occurs. The clothing of ideas with words which clearly express them is one of the functions of the mind, yet, how few people have ideas or originate really intelligent thoughts! Their minds respond to that which is conveyed to them from the outer world, but have no inherent or self-initiated activities of their own.

bao trùm tất cả các sự kiện tự nhiên trong mối tương quan vũ trụ."

MORGAN, C. LLOYD, "TIẾN HÓA XUẤT LỘ", TR. 37.

Ở đây chúng ta có ý tưởng về mục đích thiêng liêng, về vũ trụ trí, về tâm trí con người vốn phân biệt con người trên nấc thang tiến hóa với loài vật, và cũng tham chiếu đến tâm thức tâm lý phổ quát bao trùm cái hữu sinh và cái gọi là vô tri. Chính với trí tuệ như một phẩm tính xuất lộ ở cấp độ tiến hóa cao mà chúng ta, những con người, đang đề cập đến. Đối với chúng ta, đó là một phương thức hay phương tiện tiếp xúc, tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, và bằng các phương tiện khác nhau. Thông qua năm giác quan, thông tin được truyền tải, và con người trở nên nhận biết về thế giới của các hiện tượng vật lý và đời sống tâm lý mà y đắm mình trong đó. Không chỉ vậy, thể trí còn ghi nhận các ấn tượng phát ra từ các thể trí khác, và tư tưởng của con người (cả cổ xưa lẫn hiện đại) được truyền đến y thông qua phương tiện của việc đọc và lời nói, qua kịch nghệ, qua tranh ảnh và qua âm nhạc. Phần lớn trong số đó chỉ đơn giản được ghi nhận và lưu trữ, tìm thấy sự biểu hiện sau này dưới dạng ký ức và sự mong đợi. Các tâm trạng, phản ứng cảm xúc, cảm giác và ham muốn, cũng được ghi lại [103] bởi thể trí, dù ở cấp độ cao hay thấp, nhưng với người trung bình thì đó là tất cả những gì xảy ra. Rất ít tư duy thực sự diễn ra sau khi ghi nhận thông tin, và không có sự hình thành tư tưởng rõ ràng nào xảy ra. Việc khoác ngôn từ cho các ý tưởng để diễn đạt chúng một cách rõ ràng là một trong những chức năng của thể trí, tuy nhiên, thật ít người có ý tưởng hoặc khởi tạo những tư tưởng thực sự thông minh! Thể trí của họ đáp ứng với những gì được truyền đến họ từ thế giới bên ngoài, nhưng không có các hoạt

động vốn hữu hay tự khởi xướng của riêng chúng.

Therefore, the process at present controlling in the case of the average man is from the outside world inwards, through the senses, to the brain. The brain then "telegraphs" the information registered to the mind, which, in its turn, records it. That usually closes the incident.

Vì vậy, quy trình kiểm soát hiện tại trong trường hợp của người trung bình là từ thế giới bên ngoài vào trong, thông qua các giác quan, đến bộ não. Bộ não sau đó "đánh điện" thông tin đã ghi nhận đến thể trí, và đến lượt mình, thể trí ghi lại nó. Điều đó thường kết thúc sự việc.

But, in the case of the truly thoughtful, there is more than this. Upon the recording follows an analysis of the incident or the information, its correlation with other incidents, and a study of cause and effect. The "mind-stuff," as the Oriental calls it, is swept into activity, and thought-forms are created and mental images built in connection with the presented idea. Then, if desired, the clear thinking of the man is impressed upon the brain and so a return activity is instituted. But, in the case of the mystic and of the man who is beginning to meditate, something further is discovered. He finds that the mind, when properly governed and disciplined, is capable of wider and deeper responses; that it can become [104] aware of ideas and concepts which emanate from a deeply spiritual realm and which are communicated by the soul. Instead of impressions from the outer daily life recorded on the sensitive receiving-plate of the mind, they may come forth from the kingdoms of the soul and are caused by the activity of a man's own soul, or by other souls with whom his soul may be in touch.

Nhưng, trong trường hợp của người thực sự sâu sắc, còn có nhiều hơn thế. Sau khi ghi nhận là sự phân tích sự việc hoặc thông tin, sự tương quan của nó với các sự việc khác, và một nghiên cứu về nguyên nhân và kết quả. "Chất liệu trí tuệ," như người Phương Đông gọi nó, bị cuốn vào hoạt động, và các hình tư tưởng được tạo ra và các hình ảnh trong trí tuệ được xây dựng liên quan đến ý tưởng được trình bày. Sau đó, nếu muốn, tư duy rõ ràng của con người được in sâu lên bộ não và do đó một hoạt động phản hồi được thiết lập. Nhưng, trong trường hợp của nhà thần bí và của người bắt đầu tham thiền, một điều gì đó xa hơn được khám phá. Y thấy rằng thể trí, khi được cai quản và kỷ luật đúng cách, có khả năng đáp ứng rộng hơn và sâu hơn; rằng nó có thể trở nên [104] nhận biết các ý tưởng và khái niệm phát xuất từ một cõi giới tinh thần sâu sắc và được truyền đạt bởi linh hồn. Thay vì các ấn tượng từ đời sống hàng ngày bên ngoài được ghi lại trên tấm thu nhận nhạy cảm của thể trí, chúng có thể đến từ các vương quốc của linh hồn và được gây ra bởi hoạt động của chính linh hồn con người, hoặc bởi các linh hồn khác mà linh hồn y có thể liên lạc.

Then the mind enters upon a new and fresh usefulness and its range of contact includes not only the world of men but also the world of souls. Its function is to act as an intermediary between the soul and the brain

Khi đó thể trí bước vào một sự hữu dụng mới mẻ và phạm vi tiếp xúc của nó bao gồm không chỉ thế giới của loài người mà cả thế giới của các linh hồn. Chức năng của nó là hoạt động như một trung gian giữa linh hồn

and to transmit to the brain that of which the man, as a soul, has become aware. This becomes possible when the old mental activities are superseded by the higher, and when the mind can be rendered temporarily insensitive to all outer calls upon its attention. This, however, is not brought about by any methods of rendering the mind passive and receptive, or by any system of "blanking" the mind, or stunning it into negativity, or other forms of self-hypnotism. It is caused by the expulsive force of a new and bigger interest, and by the one-pointed attention of the focussed mental faculties to a new world of phenomena and of force. This system is that of concentration, the first and most arduous step towards the illumination of the life.

và bộ não và truyền tải đến bộ não điều mà con người, như một linh hồn, đã trở nên nhận biết. Điều này trở nên khả thi khi các hoạt động trí tuệ cũ được thay thế bởi các hoạt động cao hơn, và khi thể trí có thể tạm thời trở nên không nhạy cảm với mọi tiếng gọi bên ngoài đòi hỏi sự chú ý của nó. Tuy nhiên, điều này không được mang lại bởi bất kỳ phương pháp nào làm cho thể trí thụ động và tiếp nhận, hoặc bởi bất kỳ hệ thống nào làm "trống rỗng" thể trí, hoặc làm nó tê liệt vào trạng thái thụ động, hoặc các hình thức tự thôi miên khác. Nó được gây ra bởi sức loại trừ của một mối quan tâm mới và lớn hơn, và bởi sự chú ý nhất tâm của các năng lực trí tuệ tập trung vào một thế giới mới của các hiện tượng và của mãnh lực. Hệ thống này là sự tập trung, bước đầu tiên và gian khổ nhất hướng tới sự soi sáng đời sống.

The word "concentration" comes from the Latin words *"con"* = "together" and *"centrare"* = "to centre." It means the "bringing together or the [105] drawing to a common centre or focal point;" it connotes the gathering together of our wandering thoughts and ideas, and holding the mind firmly and steadily focussed or centred on the object of our immediate attention, without wavering or distraction. It involves the elimination of all that is foreign or extraneous to the matter under observation. Patanjali defines it thus: "The binding of the perceiving consciousness to a certain region is attention or concentration." (*Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", III., 1.)*

Từ "tập trung" (concentration) đến từ các từ Latin *"con"* = "cùng nhau" và *"centrare"* = "về trung tâm." Nó có nghĩa là "mang lại với nhau hoặc [105] kéo về một trung tâm chung hay điểm tiêu cự;" nó bao hàm việc thu gom lại các tư tưởng và ý tưởng lang thang của chúng ta, và giữ cho thể trí tập trung hoặc quy tụ vững vàng và ổn định vào đối tượng chú ý tức thời của chúng ta, không dao động hay xao lãng. Nó liên quan đến việc loại bỏ tất cả những gì xa lạ hoặc không liên quan đến vấn đề đang quan sát. Patanjali định nghĩa nó như sau: "Việc ràng buộc tâm thức nhận biết vào một vùng nhất định là sự chú ý hay sự tập trung." (*Bailey, Alice A., "Ánh Sáng của Linh Hồn", III., 1.)*

This necessarily involves a distinction between the Thinker, the apparatus of thought, and that which is to be considered by the Thinker. We need, therefore, to distinguish between ourselves, the one who is thinking and that which are use to think

Điều này nhất thiết liên quan đến sự phân biệt giữa Người Suy Tư, bộ máy tư duy, và cái được xem xét bởi Người Suy Tư. Do đó, chúng ta cần phân biệt giữa bản thân chúng ta, người đang suy nghĩ và cái mà chúng ta

with, the mind. Then there comes in the third factor, that which is thought.

Students would do well at the very beginning of their meditation work to learn to make these basic differentiations, and to cultivate the habit every day of making these distinctions. They must distinguish always between:

1. The Thinker, the true Self, or the Soul.

2. The mind, or the apparatus which the Thinker seeks to use.

3. The process of thought, or the work of the Thinker as he impresses upon the mind (when in a state of equilibrium) that which he thinks.

4. The brain, which is in its turn impressed by the mind, acting as the agent for the Thinker, in order to convey impressions and information.

[106]

Concentration is, therefore, the power to focus the consciousness on a given subject and to hold it there as long as desired; it is the method of accurate perception, and the power to visualize correctly, being the quality which enables the Thinker to perceive and know the field of perception. Another word for concentration is attention, that is, one-pointed attention. It is interesting to note what Father Maréchal says in this connection. He points out that "attention is a *direct path* to full perception, to hallucination, or, more generally, to belief....It brings about an at least momentary *unification* of the mind by the

sử dụng để suy nghĩ, thể trí. Sau đó đến yếu tố thứ ba, cái được suy nghĩ.

Ngay từ khi bắt đầu công việc tham thiền, các môn sinh nên học cách thực hiện những sự phân biệt cơ bản này, và trau dồi thói quen thực hiện những sự phân biệt này mỗi ngày. Họ phải luôn phân biệt giữa:

1. Người Suy Tư, Chân Ngã thực sự, hay Linh hồn.

2. Thể trí, hay bộ máy mà Người Suy Tư tìm cách sử dụng.

3. Tiến trình suy nghĩ, hay công việc của Người Suy Tư khi y in sâu lên thể trí (khi ở trạng thái cân bằng) điều mà y suy nghĩ.

4. Bộ não, đến lượt nó nhận ấn tượng từ thể trí; thể trí hoạt động như tác nhân cho Người Suy Tư để truyền tải các ấn tượng và thông tin.

[106]

Do đó, tập trung là quyền năng quy tụ tâm thức vào một chủ đề nhất định và giữ nó ở đó bao lâu tùy ý; đó là phương pháp nhận thức chính xác, và quyền năng hình dung chính xác, là phẩm tính cho phép Người Suy Tư nhận biết và biết lĩnh vực nhận thức. Một từ khác cho sự tập trung là sự chú ý, tức là, sự chú ý nhất tâm. Thật thú vị khi lưu ý những gì Cha Maréchal nói trong liên hệ này. Ông chỉ ra rằng "sự chú ý là một *con đường trực tiếp* dẫn đến nhận thức đầy đủ, đến ảo giác, hoặc, tổng quát hơn, đến niềm tin.... Nó mang lại một *sự thống nhất* ít nhất là tạm thời của thể trí nhờ sự chiếm ưu thế của một nhóm hoạt động trí tuệ.... Nhưng 'sự thống

predominance of one mental group....But this 'mental unity,' realized to some degree in the phenomenon of attention, is also the *sole subjective condition* which, we have seen, accompanies *always* the true or false perception of the real." (*Maréchal, Joseph, S.J. "Studies in the Psychology of the Mystics", p. 90.)*

nhất trí tuệ' này, được hiện thực hóa ở một mức độ nào đó trong hiện tượng chú ý, cũng là *điều kiện chủ quan duy nhất* mà, như chúng ta đã thấy, *luôn* đi kèm với nhận thức đúng hoặc sai về cái thực." (*Maréchal, Joseph, S.J. "Nghiên cứu về Tâm lý học của các Nhà Thần bí", tr. 90.)*

The question may be asked, what is the easiest way to teach oneself to concentrate? One might reply, in the words of the French proverb: "Le meilleur moyen de déplacer est de remplacer;" — "the best way to eliminate is to substitute," and one way that may be employed is to utilize what has been called the "expulsive power of a new affection." To be profoundly interested in some new and intriguing subject, and to have one's attention focussed on some fresh and dynamic matter will automatically tend to make the mind one-pointed. [107]

Câu hỏi có thể được đặt ra, cách dễ nhất để tự dạy mình tập trung là gì? Người ta có thể trả lời, theo lời của ngạn ngữ Pháp: "Le meilleur moyen de déplacer est de remplacer;" — "cách tốt nhất để loại bỏ là thay thế," và một cách có thể được sử dụng là tận dụng cái đã được gọi là "sức mạnh đẩy lùi của một tình cảm mới." Quan tâm sâu sắc đến một chủ đề mới mẻ và hấp dẫn nào đó, và để sự chú ý của mình tập trung vào một vấn đề mới và năng động sẽ tự động có xu hướng làm cho thể trí trở nên nhất tâm. [107]

A second answer might be given: Be concentrated in all that you do all day every day. Concentration will be rapidly developed if we cultivate the habit of accuracy in all the affairs of life. Accurate speech should necessitate accurate attention to that which is said, read or heard, and this would necessarily involve concentration and so develop it. True meditation is after all an attitude of mind and will grow out of an attitude of concentration.

Một câu trả lời thứ hai có thể được đưa ra: Hãy tập trung trong tất cả những gì bạn làm cả ngày mỗi ngày. Sự tập trung sẽ phát triển nhanh chóng nếu chúng ta trau dồi thói quen chính xác trong mọi công việc của cuộc sống. Lời nói chính xác đòi hỏi sự chú ý chính xác đến những gì được nói, đọc hoặc nghe, và điều này nhất thiết sẽ liên quan đến sự tập trung và do đó phát triển nó. Tham thiền chân chính rốt cuộc là một thái độ của tâm trí và sẽ phát triển từ một thái độ tập trung.

The objective, therefore, of all our endeavor is to train the mind so as to make it our servant and not our master, and to cultivate the power of concentration preparatory to true meditation work. The earnest student, therefore, will carry this close attention into the affairs of everyday life and will thereby

Do đó, mục tiêu của mọi nỗ lực của chúng ta là rèn luyện thể trí sao cho biến nó thành tôi tớ chứ không phải chủ nhân của chúng ta, và trau dồi năng lực tập trung để chuẩn bị cho công việc tham thiền chân chính. Do đó, người môn sinh nhiệt thành sẽ mang sự chú ý chặt chẽ này vào các công việc của đời sống hàng ngày và nhờ đó sẽ học cách điều chỉnh

learn to regulate his mind as an apparatus for his thought.

thể trí của mình như một bộ máy cho tư tưởng của mình.

Let me emphasize here the necessity of a constantly concentrated attitude to life. The secret of success can be expressed in the simple words: Pay attention. In talking to people, in reading a book, in writing a letter, let us steadily focus our thought on what we are doing and so gradually develop the capacity to concentrate.

Hãy để tôi nhấn mạnh ở đây sự cần thiết của một thái độ tập trung liên tục đối với cuộc sống. Bí quyết của thành công có thể được diễn đạt bằng những từ đơn giản: Hãy chú ý. Khi nói chuyện với mọi người, khi đọc sách, khi viết thư, hãy tập trung tư tưởng của chúng ta một cách ổn định vào những gì chúng ta đang làm và do đó dần dần phát triển khả năng tập trung.

To this cultivated attitude there must be added definite concentration exercises, carried forward each day, with perseverance. This involves the fixing of the mind upon a particular object, or a chosen topic for thought. To this succeeds a process of steadily and quietly learning to abstract the consciousness [108] from the outer world and exoteric conditions and focus it at will on any subject.

Đối với thái độ được trau dồi này, cần phải thêm vào các bài tập tập trung xác định, được thực hiện mỗi ngày, với sự kiên trì. Điều này liên quan đến việc giữ thể trí cố định vào một đối tượng cụ thể, hoặc một chủ đề được chọn để suy nghĩ. Tiếp theo đó là một quá trình học tập một cách ổn định và tĩnh lặng để rút tâm thức [108] khỏi thế giới bên ngoài và các điều kiện ngoại môn và tập trung nó theo ý muốn vào bất kỳ chủ đề nào.

The regular unremitting work of daily concentration gradually overcomes the difficulty of control and brings about results which might be enumerated as follows:

Công việc tập trung hàng ngày không ngừng nghỉ dần dần khắc phục khó khăn của việc kiểm soát và mang lại những kết quả có thể được liệt kê như sau:

1. The reorganization of the mind.

1. Sự tổ chức lại thể trí.

2. The polarizing of the man in his mental, instead of his emotional vehicle.

2. Sự phân cực của con người trong hiện thể trí tuệ, thay vì hiện thể cảm xúc của y.

3. The withdrawal of the man's attention from the sense perceptions and his learning to centre himself in the brain. Most people, like the animals, use the solar plexus.

3. Sự rút lui sự chú ý của con người khỏi các tri giác giác quan và việc y học cách định tâm mình trong bộ não. Hầu hết mọi người, giống như loài vật, sử dụng tùng thái dương.

4. The development of a faculty of instantaneous concentration as a preliminary to meditation.

4. Sự phát triển một năng lực tập trung tức thời như một bước sơ khởi cho tham thiền.

5. The capacity to focus the attention unswervingly upon any chosen seed thought.

II. The Stage of Meditation.

Patanjali defines concentration as the holding of the perceiving consciousness in a certain region and meditation as the prolonged holding of the perceiving consciousness in a certain region. This implies only a difference in the time factor and would seem to make of both stages an achievement of control. Through the practice of concentration sufficient control should be achieved, so that the student is not bothered by the necessity of repeatedly recollecting his thought. Therefore, an act of prolonged concentration gives opportunity for the mind to act upon whatever object lies within the ring-pass-not of the region chosen. The choosing of a word or a phrase as the subject of the meditation establishes this ring-pass-not [109] and if the meditation is well conducted the mind never leaves its consideration of the object so chosen. The mind remains focussed and is continuously active during the entire meditation period. Moreover, the mind is not allowed to do as it pleases with the object, or seed thought. In concentration there should be a consciousness in the meditator all the time that he is using his mind. In meditation this consciousness of the mind being used is lost, but there can be no day-dreaming and no following of chance ideas which emerge in relation to the object of thought. The seed thought has been chosen for a purpose, — either for its effect on the meditator or for its effect in service upon some other person or in relation to some spiritual work, or in some phase of the search for wisdom. If the process is successful, there is evoked little or no

5. Khả năng tập trung sự chú ý một cách không lay chuyển vào bất kỳ tư tưởng hạt giống nào đã chọn.

II. Giai đoạn Tham thiền.

Patanjali định nghĩa sự tập trung là việc giữ tâm thức nhận biết trong một vùng nhất định và tham thiền là việc giữ lâu dài tâm thức nhận biết trong một vùng nhất định. Điều này chỉ ngụ ý một sự khác biệt về yếu tố thời gian và dường như làm cho cả hai giai đoạn trở thành một thành tựu của sự kiểm soát. Thông qua thực hành tập trung, sự kiểm soát đầy đủ cần phải đạt được, sao cho người môn sinh không bị làm phiền bởi sự cần thiết phải liên tục gom tư tưởng trở lại. Do đó, một hành động tập trung kéo dài tạo cơ hội cho thể trí tác động lên bất kỳ đối tượng nào nằm trong vòng-giới-hạn của vùng được chọn. Việc chọn một từ hoặc một cụm từ làm chủ đề tham thiền thiết lập vòng-giới-hạn này [109] và nếu việc tham thiền được thực hiện tốt, thể trí không bao giờ rời khỏi sự xem xét đối tượng đã chọn đó. Thể trí vẫn tập trung và liên tục hoạt động trong suốt thời gian tham thiền. Hơn nữa, thể trí không được phép làm theo ý thích với đối tượng, hoặc tư tưởng hạt giống. Trong sự tập trung, người hành thiền phải luôn có tâm thức nhận biết rằng y đang sử dụng thể trí của mình. Trong tham thiền, tâm thức nhận biết việc thể trí đang được sử dụng này bị mất đi, nhưng không thể có chuyện mơ mộng giữa ban ngày và không được chạy theo các ý tưởng ngẫu nhiên xuất hiện liên quan đến đối tượng tư tưởng. Tư tưởng hạt giống đã được chọn cho một mục đích, — hoặc vì tác động của nó lên người hành thiền hoặc vì tác động của nó trong việc phụng sự lên một người nào khác hoặc liên quan đến một công việc tinh thần nào đó, hoặc trong một giai đoạn nào đó của cuộc tìm kiếm minh triết. Nếu quá trình thành công, sẽ có

reaction in the meditator, either of pleasure or absence of pleasure. Emotional reactions are transcended and the mind is, therefore, left free to act in its own right. The result is a clarity of thought never before achieved, because the mind in ordinary activity is always associated with and affected by desire of some sort. In this state of consciousness desire is transcended, just as later in the stage of contemplation, thought is transcended. When the mind is stunned into inaction by inhibition or persistent repetitions, it cannot be transcended in contemplation, nor used in meditation. To practice making the mind blank, is not only foolish, but actually dangerous.

ít hoặc không có phản ứng nào được gợi lên trong người hành thiền, dù là vui thích hay không vui thích. Các phản ứng cảm xúc được vượt lên trên và do đó, thể trí được để tự do hoạt động theo chức năng của chính nó. Kết quả là một sự rõ ràng của tư tưởng chưa từng đạt được trước đây, bởi vì thể trí trong hoạt động bình thường luôn liên kết với và bị ảnh hưởng bởi dục vọng thuộc loại nào đó. Trong trạng thái tâm thức này, dục vọng được vượt lên trên, cũng giống như sau này trong giai đoạn chiêm ngưỡng, tư tưởng được vượt lên trên. Khi thể trí bị làm cho tê liệt vào trạng thái bất động bởi sự ức chế hoặc sự lặp lại liên tục, nó không thể được vượt lên trên trong sự chiêm ngưỡng, cũng không thể được sử dụng trong tham thiền. Việc thực hành làm cho thể trí trống rỗng không chỉ ngu xuẩn, mà còn thực sự nguy hiểm.

[110]

[110]

In The Yoga Sutras of Patanjali we find these words:

Trong Kinh Yoga của Patanjali chúng ta tìm thấy những lời này:

“The gradual conquest of the mind’s tendency to flit from one object to another and the power of one-pointedness make the development of contemplation.”

“Sự chinh phục dần dần khuynh hướng của thể trí hay chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác và quyền năng nhất tâm tạo nên sự phát triển của chiêm ngưỡng.”

Bailey, Alice A., “The Light of the Soul”, III., 11.

Bailey, Alice A., “Ánh Sáng của Linh Hồn”, III., 11.

Meditation is the result of experience. It is the instantaneous attainment of an attitude of mind as a consequence of long practice. In the Bhagavad Gita we find it is stated that in all action the five following factors are involved:

Tham thiền là kết quả của kinh nghiệm. Đó là sự đạt được tức thời một thái độ của tâm trí như một hệ quả của sự thực hành lâu dài. Trong Chí Tôn Ca, chúng ta thấy có tuyên bố rằng mọi hành động đều có sự tham gia của năm yếu tố sau đây:

“1. Công cụ vật chất

	The material instrument
2.	Người hành động
	The doer
3.	Cơ quan
	The organ
4.	Xung lực
	The impulse
5.	Vận mệnh
	Destiny

"BHAGAVAD GITA", XVIII., 13-14

Meditation is activity of a very intense kind and it will be found that all these five factors are involved. The material instrument which we have to use in meditation is the physical brain. Many people think that they must transcend the brain, reach some tremendous altitude and stay upon some pinnacle of thought until something transcendent happens, and they can then say they know God. What is really needed is that we should get control of the mind and of the brain processes, so that the brain becomes a sensitive receiver of the thoughts and desires of the soul, the Higher Self, as He transmits them through the medium of the mind. The mind is regarded as in [111] the nature of a sixth sense, and the brain as a receiving plate. We are already utilizing the five senses as avenues of perception, and they telegraph constant information to the brain. Through their medium, information

Tham thiền là hoạt động thuộc loại rất mãnh liệt và sẽ thấy rằng tất cả năm yếu tố này đều có liên quan. Công cụ vật chất mà chúng ta phải sử dụng trong tham thiền là bộ não vật lý. Nhiều người nghĩ rằng họ phải vượt lên trên bộ não, đạt đến một độ cao to lớn nào đó và ở lại trên một đỉnh cao tư tưởng nào đó cho đến khi một điều gì đó siêu việt xảy ra, và sau đó họ có thể nói rằng họ biết Thượng đế. Điều thực sự cần thiết là chúng ta nên kiểm soát được thể trí và các quá trình của bộ não, để bộ não trở thành một bộ thu nhạy cảm đối với các tư tưởng và mong muốn của linh hồn, Chân Ngã Cao Cả, khi Ngài truyền tải chúng thông qua phương tiện của thể trí. Thể trí được coi như có [111] bản chất của giác quan thứ sáu, và bộ não như một tấm thu nhận. Chúng ta đã đang sử dụng năm giác quan như những con đường nhận thức, và chúng liên tục đánh điện thông tin đến bộ não. Thông qua phương

as to five vast fields of knowledge, or of five ranges of vibrations, is made available to man. It is intended that the mind should serve a similar purpose. This is summarized for us by Meister Eckhart, and embodies the position of all the mystics in both hemispheres:

tiện của chúng, thông tin về năm lĩnh vực kiến thức rộng lớn, hoặc của năm phạm vi rung động, được cung cấp cho con người. Mục đích là thể trí cũng nên phục vụ một mục đích tương tự. Điều này được tóm tắt cho chúng ta bởi Meister Eckhart, và thể hiện lập trường của tất cả các nhà thần bí ở cả hai bán cầu:

"First, see that thy outward senses are properly controlled....Now turn to the inward senses or noble powers of the soul, lower and higher. Take the lower powers first. These are intermediate between the higher powers and the outward senses. They are excited by the outward senses; what the eye sees, what the ear hears, they offer forthwith to desire. This offers it again, in the ordinary course, to the second power, called judgment, which considers it and once more passes it on to the third power, reckoning or reason....

"Trước hết, hãy xem xét để các giác quan bên ngoài của người được kiểm soát đúng cách.... Bây giờ hãy quay sang các giác quan bên trong hay các quyền năng cao quý của linh hồn, thấp và cao. Hãy lấy các quyền năng thấp trước. Chúng là trung gian giữa các quyền năng cao và các giác quan bên ngoài. Chúng được kích thích bởi các giác quan bên ngoài; những gì mắt thấy, những gì tai nghe, chúng cung cấp ngay lập tức cho dục vọng. Dục vọng lại cung cấp nó, theo lẽ thường, cho quyền năng thứ hai, gọi là phán đoán, vốn xem xét nó và một lần nữa chuyển nó cho quyền năng thứ ba, sự tính toán hay lý trí....

"A man, moreover, must have a mind at ease...the body should be rested from bodily labor, not only of the hands but of the tongue as well and all five senses. The soul keeps clear best in the quiet, but in jaded body is oft overpowered by inertia. Then by strenuous effort we travail in divine love for intellectual vision, till, clearing a way through recollected senses, we rise past our own mind to the wonderful wisdom of God....Man rising to the summit of his mind is exalted God."

"Hơn nữa, một người phải có một tâm trí thảnh thơi... thân xác nên được nghỉ ngơi khỏi lao động thể xác, không chỉ của đôi tay mà cả của lưỡi và tất cả năm giác quan. Linh hồn giữ được sự trong sáng tốt nhất trong sự yên tĩnh, nhưng trong một thân thể mệt mỏi thường bị chế ngự bởi tính trì trệ. Sau đó, bằng nỗ lực vất vả, chúng ta lao tác trong tình yêu thiêng liêng để có thị kiến trí tuệ, cho đến khi, dọn sạch một con đường qua các giác quan được thu nhiếp, chúng ta vươn lên qua khỏi chính trí tuệ của mình đến với sự minh triết tuyệt vời của Thượng đế.... Con người vươn lên đến đỉnh cao của trí tuệ mình là Thượng đế được tôn vinh."

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", pp. 279, 47.

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", tr. 279, 47.

Through the agency of the mind as a directed instrument, the soul can manipulate the impulses or thought currents. These forces pour into the field of [112] experience of the Thinker and he must learn to direct them consciously and to work with them, so as to produce the desired result.

Thông qua tác nhân của thể trí như một công cụ được định hướng, linh hồn có thể vận dụng các xung lực hoặc các luồng tư tưởng. Những mãnh lực này đổ vào lĩnh vực [112] kinh nghiệm của Người Suy Tư và y phải học cách định hướng chúng một cách có ý thức và làm việc với chúng, để tạo ra kết quả mong muốn.

The fifth factor reminds us that a certain stage of evolutionary development must be reached before true meditation becomes possible; certain work must be done and certain refinements in our instrument made, before a man can safely and wisely meditate. All men are not equipped to meditate with hope of complete success. This need in no way discourage any student. A beginning can always be made and a sound foundation laid. The control of the mental processes can be begun, and brought to a high point of achievement, making it possible for the soul to have an apparatus of thought ready to its use. Reacting to the three parts of the meditation, but reacting in a unified manner the physical or form nature has been studied, the quality animating it and the motive or cause of the manifestation of the form has been considered. At the same time there has been an ever deeper concentration, and a more intense meditation. The attention has sunk inward increasingly, and outer things have been steadily negated; this has not been accomplished through a passive attitude, but through one of a most keen and vital interest. The meditation has been positive in its method and has not led to a negative or trance condition. The mind has been busy all the time, but busy in one direction.

Yếu tố thứ năm nhắc nhở chúng ta rằng một giai đoạn phát triển tiến hóa nhất định phải đạt được trước khi sự tham thiền chân chính trở nên khả thi; một công việc nhất định phải được thực hiện và một số sự tinh chỉnh nhất định trong công cụ của chúng ta phải được tạo ra, trước khi một người có thể tham thiền một cách an toàn và khôn ngoan. Không phải tất cả mọi người đều được trang bị để tham thiền với hy vọng thành công hoàn toàn. Điều này không làm nản lòng bất kỳ môn sinh nào. Một sự khởi đầu luôn có thể được thực hiện và một nền tảng vững chắc được đặt ra. Việc kiểm soát các quá trình trí tuệ có thể được bắt đầu, và đưa đến một điểm thành tựu cao, khiến cho linh hồn có thể có một bộ máy tư duy sẵn sàng để sử dụng. Phản ứng với ba phần của bài tham thiền, nhưng phản ứng theo một cách thống nhất, bản chất vật lý hay hình tướng đã được nghiên cứu, phẩm tính làm cho nó hoạt động và động cơ hay nguyên nhân của sự biểu hiện của hình tướng đã được xem xét. Đồng thời, đã có một sự tập trung ngày càng sâu hơn, và một sự tham thiền mãnh liệt hơn. Sự chú ý đã chìm sâu vào bên trong ngày càng tăng, và những điều bên ngoài đã bị phủ định một cách ổn định; điều này không đạt được thông qua một thái độ thụ động, mà thông qua một sự quan tâm hết sức sâu sắc và sống động. Việc tham thiền đã tích cực trong phương pháp của nó và không dẫn đến một trạng thái thụ động hay xuất thần. Thể trí đã hoạt động suốt thời gian, nhưng bận rộn theo một hướng.

Finally, there comes the stage which is called [113] bliss, or identification. The consciousness is no longer focussed in the intellect but becomes identified with the object of the meditation work. This we will consider later.

Cuối cùng, đến giai đoạn được gọi là [113] phúc lạc, hay sự đồng nhất. Tâm thức không còn tập trung vào trí năng mà trở nên đồng nhất với đối tượng của công việc tham thiền. Điều này chúng ta sẽ xem xét sau.

We have, therefore, the four stages briefly summarized as follows and constituting what is called "meditation with seed:"

1. Meditation on the nature of a particular form.

2. Meditation upon the quality of a particular form.

3. Meditation upon the purpose of a particular form.

4. Meditation upon the life animating a particular form.

All forms are symbols of an indwelling life, and it is through meditation with seed that we arrive at the life aspect.

In *A Treatise on Cosmic Fire* the following words occur:

"The wise student regards all forms of expression as in the nature of symbols. A symbol has three interpretations; it is itself the expression of an idea, and that idea has behind it, in its turn, a purpose or impulse inconceivable as yet. The three interpretations of a symbol might be dealt with as follows:

"1. *The exoteric interpretation* of a symbol is based largely upon its objective utility, and upon the nature of the form. That which is exoteric and substantial serves two purposes: [114]

"*a*. To give some faint indications as to the idea and concept. This links the symbol...with the mental plane, but does not

Do đó, chúng ta có bốn giai đoạn được tóm tắt ngắn gọn như sau và cấu thành cái được gọi là "tham thiền có hạt giống:"

1. Tham thiền về bản chất của một hình tướng cụ thể.

2. Tham thiền về phẩm tính của một hình tướng cụ thể.

3. Tham thiền về mục đích của một hình tướng cụ thể.

4. Tham thiền về sự sống làm hoạt động một hình tướng cụ thể.

Tất cả các hình tướng đều là biểu tượng của một sự sống nội tại, và chính thông qua tham thiền có hạt giống mà chúng ta đạt đến phương diện sự sống.

Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, những lời sau đây xuất hiện:

"Người môn sinh khôn ngoan coi tất cả các hình thức biểu đạt là có tính chất biểu tượng. Một biểu tượng có ba cách giải thích; chính nó là sự biểu đạt của một ý tưởng, và ý tưởng đó, đến lượt nó, có đằng sau nó một mục đích hoặc xung lực chưa thể quan niệm được. Ba cách giải thích của một biểu tượng có thể được đề cập như sau:

"1. *Sự giải thích ngoại môn* của một biểu tượng chủ yếu dựa trên công dụng ngoại giới của nó, và dựa trên bản chất của hình tướng. Cái gì là ngoại môn và thuộc về chất liệu phục vụ hai mục đích: [114]

"*a*. Đưa ra một vài chỉ dẫn mờ nhạt về ý tưởng và khái niệm. Điều này liên kết biểu

release it from the three worlds of human appreciation.

tượng... với cõi trí, nhưng không giải phóng nó khỏi ba cõi của sự nhận biết con người.

"*b*. To limit and confine and imprison the idea and so adapt it to the point in evolution which the man has reached. The true nature of the latent idea is ever more potent and complete than the form or symbol through which it seeks expression. Matter is a symbol of a central energy. Forms of all kinds in all the kingdoms of nature, and the manifested sheaths in their widest connotation and totality are but symbols of life — what that Life itself may be remains as yet a mystery.

"*b*. Giới hạn, giam hãm và cầm tù ý tưởng và do đó thích ứng nó với điểm trong tiến hóa mà con người đã đạt tới. Bản chất thực sự của ý tưởng tiềm tàng luôn mạnh mẽ và trọn vẹn hơn hình tướng hay biểu tượng mà qua đó nó tìm cách biểu đạt. Vật chất là một biểu tượng của một năng lượng trung tâm. Các hình tướng thuộc mọi loại trong tất cả các giới của tự nhiên, và các lớp vỏ bọc đã biểu hiện trong ý nghĩa rộng nhất và tổng thể của chúng chỉ là những biểu tượng của sự sống — bản thân Sự Sống đó có thể là gì vẫn còn là một bí ẩn.

"2. *The subjective interpretation* or meaning is the one which reveals the idea lying behind the objective manifestation. This idea, incorporeal in itself, becomes a concretion on the plane of objectivity....These ideas become apparent to the student after he has entered into Meditation, just as the exoteric form of the symbol is all that is seen by the man who is just beginning. As soon as a man begins consciously to use his mental apparatus and has made even a small contact with his soul three things occur:

"2. *Sự giải thích nội giới* hay ý nghĩa là cái tiết lộ ý tưởng nằm đằng sau sự biểu hiện ngoại giới. Ý tưởng này, tự nó là vô hình, trở thành một sự cụ thể hóa trên cõi ngoại giới.... Những ý tưởng này trở nên rõ ràng đối với môn sinh sau khi y đã bước vào Tham thiền, cũng giống như hình tướng ngoại môn của biểu tượng là tất cả những gì được nhìn thấy bởi người mới bắt đầu. Ngay khi một người bắt đầu sử dụng một cách có ý thức bộ máy trí tuệ của mình và đã tạo ra dù chỉ một sự tiếp xúc nhỏ với linh hồn mình, ba điều xảy ra:

"*a*. He reaches out beyond the form and seeks to account for it.

"*a*. Y vươn ra ngoài hình tướng và tìm cách giải thích cho nó.

"*b*. He arrives in time at the soul which the [115] form veils, and this he does through the understanding of his own soul.

"*b*. Theo thời gian, y đạt đến linh hồn mà [115] hình tướng che phủ, và y làm điều này thông qua sự thấu hiểu linh hồn của chính mình.

"*c*. He begins then to formulate ideas and to create and make manifest that soul-energy or substance which he finds he can manipulate.

"*c*. Sau đó y bắt đầu hình thành các ý tưởng và sáng tạo và làm biểu lộ năng lượng linh hồn hay chất liệu đó mà y thấy mình có thể vận dụng.

"To train people to work in mental matter is to train them to create; to teach people to know the nature of the soul is to put them in conscious touch with the subjective side of manifestation and to put into their hands the power to work with soul-energy; to enable people to unfold the potencies of the soul aspect is to put them *en rapport* with the forces and energies hidden in all the kingdoms of Nature.

"Huấn luyện mọi người làm việc trong vật chất trí tuệ là huấn luyện họ sáng tạo; dạy mọi người biết bản chất của linh hồn là đặt họ vào sự tiếp xúc có ý thức với phương diện nội giới của sự biểu hiện và đặt vào tay họ quyền năng làm việc với năng lượng linh hồn; cho phép mọi người khai mở các tiềm năng của phương diện linh hồn là đặt họ vào sự *tương thông* với các mãnh lực và năng lượng ẩn giấu trong tất cả các giới của Tự nhiên.

"A man can then — as his soul contact and his subjective perception is strengthened and developed — become a conscious creator, co-operating with the plans of evolution and of God. As he passes through the different stages, his ability so to work and his capacity to get at the thought lying behind all symbols and forms increases. He is no longer taken in by the appearance but knows it as the illusory form which is veiling, imprisoning and confining some thought.

"Khi đó, một người có thể — khi sự tiếp xúc linh hồn và nhận thức nội giới của y được củng cố và phát triển — trở thành một người sáng tạo có ý thức, hợp tác với các kế hoạch của tiến hóa và của Thượng đế. Khi y trải qua các giai đoạn khác nhau, khả năng làm việc như vậy và năng lực nắm bắt tư tưởng nằm đằng sau tất cả các biểu tượng và hình tướng của y gia tăng. Y không còn bị lừa bởi vẻ bề ngoài mà biết nó là hình tướng ảo ảnh đang che phủ, giam hãm và giới hạn một tư tưởng nào đó.

"3. *The spiritual meaning* is that which lies behind the subjective sense and which is veiled by the idea or thought just as the idea is veiled by the form it assumes when in exoteric manifestation. This can be regarded as the purpose which prompted the idea and led to its emanation into the world of forms. It is the central [116] dynamic energy which is responsible for the subjective activity...."

"3. *Ý nghĩa tinh thần* là cái nằm đằng sau ý nghĩa nội giới và được che phủ bởi ý tưởng hay tư tưởng cũng giống như ý tưởng được che phủ bởi hình tướng mà nó đảm nhận khi ở trong sự biểu hiện ngoại môn. Điều này có thể được coi là mục đích đã thúc đẩy ý tưởng và dẫn đến sự xuất lộ của nó vào thế giới của các hình tướng. Nó là năng lượng [116] năng động trung tâm chịu trách nhiệm cho hoạt động nội giới...."

BAILEY, ALICE A., "A TREATISE ON COSMIC FIRE", PP. 1233 ET SEQ.

BAILEY, ALICE A., "LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ", TR. 1233 VÀ CÁC TRANG TIẾP THEO.

It is this process of arriving at the reality behind each and every form which is the result of meditation with seed. It involves the realization of these three aspects of the

Chính quá trình đạt đến thực tại đằng sau mỗi và mọi hình tướng này là kết quả của tham thiền có hạt giống. Nó liên quan đến sự chứng nghiệm ba phương diện này của Sự

divine Life. This is why students are advised to take some specific words or a verse from some sacred book for their meditation so as to train them in their power to get behind the form of the words and so to arrive at the true meaning.

Sống thiêng liêng. Đây là lý do tại sao các môn sinh được khuyên nên lấy một số từ cụ thể hoặc một câu kệ từ một cuốn sách thiêng liêng nào đó cho bài tham thiền của mình để rèn luyện năng lực đi ra đằng sau hình thức của ngôn từ và nhờ đó đạt đến ý nghĩa thực sự.

We have penetrated into the world of causes; we have to seek to apprehend the Plan as it exists in the mind of God and as it expresses itself through the love, emanating from the Heart of God. Is it possible for human minds to reach any further than the love and will of God? Right at this point, Divinity is contacted. The mind ceases to function, and the true student of meditation slips into a state of conscious identification with that spiritual reality we call the indwelling Christ, the divine Soul. Man, at this point, enters into God.

Chúng ta đã thâm nhập vào thế giới của các nguyên nhân; chúng ta phải tìm cách thấu hiểu Thiên Cơ như nó tồn tại trong trí của Thượng đế và như nó tự biểu hiện qua tình thương, phát xuất từ Trái Tim của Thượng đế. Liệu tâm trí con người có thể vươn xa hơn tình thương và ý chí của Thượng đế không? Ngay tại điểm này, Thiên tính được tiếp xúc. Thể trí ngưng hoạt động, và người học viên tham thiền chân chính trượt vào trạng thái đồng nhất hóa có ý thức với thực tại tinh thần mà chúng ta gọi là Đức Christ nội tại, Linh hồn thiêng liêng. Con người, tại điểm này, đi vào trong Thượng đế.

CHAPTER SIX - STAGES IN MEDITATION— CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIỀN (Tiếp theo)

Milarepa was one who eventually rid himself of the Two-Fold Shadow and soared into Spiritual Space, till he attained the Goal wherein all doctrines merge in at-one-ment....Having all his ideas and concepts merged with the Primal Cause (he) had eliminated the Illusion of Duality.

Milarepa là người cuối cùng đã giải thoát mình khỏi Cái Bóng Kép và bay vút vào Không Gian Tinh Thần, cho đến khi đạt được Mục Tiêu nơi mọi học thuyết hợp nhất trong sự hòa hợp.... Có tất cả các ý tưởng và khái niệm của mình hợp nhất với Nguyên Nhân Sơ Khởi, (ông) đã loại bỏ Ảo Tưởng của Nhị Nguyên Tính.

RECHUNG (FROM THE TIBETAN)

RECHUNG (TỪ TIẾNG TÂY TẠNG)

[119]

[119]

We have carried our meditation work forward along what might be termed secular lines, for the use of the mind has been involved, and though the subject of the meditation process has presumably been religious, yet the same results can be equally well reached with a purely worldly theme as the “object” or “seed thought.” The educating of the mind to hold itself attentively upon a chosen idea has been the aim. We have, therefore, been dealing with what might legitimately be called a part of the educational process.

Chúng ta đã thực hiện công việc tham thiền của mình theo những đường lối có thể gọi là thế tục, vì quá trình này có sử dụng thể trí, và mặc dù chủ đề của quá trình tham thiền có lẽ mang tính tôn giáo, nhưng những kết quả tương tự cũng có thể đạt được tốt như vậy với một chủ đề hoàn toàn trần tục làm “đối tượng” hay “tư tưởng hạt giống.” Việc giáo dục thể trí để giữ nó chú ý vào một ý tưởng được chọn đã là mục đích. Do đó, chúng ta đã và đang xử lý cái có thể được gọi một cách chính đáng là một phần của quá trình giáo dục.

It is at this point that the divergence of our eastern and western methods becomes apparent. One school teaches its students to gain control of the instrument of thought before anything else is done, to discover the existence of this instrument through primary failure in control, and then, through concentration and meditation, to achieve facility in forcing the mind to be one-pointed in any direction. The other school posits the possession of something

Chính tại điểm này, sự khác biệt giữa các phương pháp phương đông và phương tây của chúng ta trở nên rõ ràng. Một trường phái dạy các học viên của mình giành quyền kiểm soát công cụ tư duy trước khi bất kỳ điều gì khác được thực hiện, khám phá sự tồn tại của công cụ này thông qua sự thất bại ban đầu trong việc kiểm soát, và sau đó, thông qua tập trung và tham thiền, để đạt được sự thành thạo trong việc buộc thể trí phải nhất tâm theo bất kỳ hướng nào.

that is called the mind, and proceeds then to fill it with information, and to train the memory aspect to be retentive, and the content of that memory to be easily available to the student. From this stage a [120] relatively few in number pass on to a real use of the mind through a profound interest in some science or some way of living, but the majority never attain mind control. Educational methods as we now have them do not teach their students this preliminary technique, and, hence, the wide confusion as to the nature of the mind and as to the distinction between the mind and the brain.

Trường phái kia giả định rằng con người sở hữu một cái gì đó được gọi là trí, và sau đó tiến hành lấp đầy nó bằng thông tin, và rèn luyện phương diện ký ức để ghi nhớ, và nội dung của ký ức đó để học viên dễ dàng sử dụng. Từ giai đoạn này, một [120] số lượng tương đối ít chuyển sang sử dụng thực sự trí tuệ thông qua mối quan tâm sâu sắc đến một ngành khoa học nào đó hoặc một lối sống nào đó, nhưng đa số không bao giờ đạt được sự kiểm soát thể trí. Các phương pháp giáo dục như chúng ta đang có hiện nay không dạy cho học sinh kỹ thuật sơ khởi này, và do đó, có sự nhầm lẫn rộng rãi về bản chất của thể trí và về sự phân biệt giữa thể trí và bộ não.

If the brain and the brain cells are all that there is, then the position of the materialistic thinker, that thought is entirely dependent upon the quality of the brain cells, is logical and correct. The part that the brain plays in the process is ably put for us in Ludwig Fischer's book, *The Structure of Thought*:

Nếu bộ não và các tế bào não là tất cả những gì hiện hữu, thì lập trường của nhà tư tưởng duy vật, rằng tư tưởng hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của các tế bào não, là hợp lý và chính xác. Vai trò của bộ não trong quá trình này được trình bày một cách tài tình cho chúng ta trong cuốn sách của Ludwig Fischer, *Cấu Trúc của Tư Duy*:

"The perfection of processes of apprehension depends in the main on the structure and functioning of a certain organ which receives and connects the different impressions of the senses, and which, further, partly retains the traces of previous impressions and allows them indirectly to enter into action. This organ is the brain with its ramifications and subsidiary organs. The perfection of the structure and of the functioning of this organ determines the perfection with which we can succeed in a deliberate attempt at producing a representation of the complex of the Whole, using the specific forms of sensual perception which are at our command....

"Sự hoàn hảo của các quá trình nhận thức phụ thuộc chủ yếu vào cấu trúc và hoạt động của một cơ quan nhất định tiếp nhận và kết nối các ấn tượng khác nhau của các giác quan, và hơn nữa, một phần giữ lại dấu vết của các ấn tượng trước đó và cho phép chúng gián tiếp đi vào hành động. Cơ quan này là bộ não với các nhánh và cơ quan phụ trợ của nó. Sự hoàn hảo của cấu trúc và hoạt động của cơ quan này xác định sự hoàn hảo mà chúng ta có thể thành công trong nỗ lực có chủ ý nhằm tạo ra một sự trình hiện của phức hợp của cái Toàn thể, sử dụng các hình thức cụ thể của nhận thức giác quan mà chúng ta có thể sử dụng....

"The brain allows us to have an intuition and an intellectual apprehension of the world in its complexity. The manner in which this is brought about depends on the exceedingly complicated internal structure of this organ, and on its reciprocal relation to the other parts of the Whole, a relation which has many gradations."

"Bộ não cho phép chúng ta có một trực giác và một sự nhận thức trí tuệ về thế giới trong sự phức tạp của nó. Cách thức mà điều này được mang lại phụ thuộc vào cấu trúc bên trong cực kỳ phức tạp của cơ quan này, và vào mối quan hệ tương hỗ của nó với các phần khác của cái Toàn thể, một mối quan hệ có nhiều cấp độ."

FISCHER, LUDWIG, "THE STRUCTURE OF THOUGHT", P. 135.

FISCHER, LUDWIG, "CẤU TRÚC CỦA TƯ DUY", TR. 135.

[121]

[121]

If perception and sensuous apprehension, with their consequent rationalizings and the institution of a subsequent mental process, have their source in the brain, then Dr. Sellars is right in his book, *Evolutionary Naturalism*, when he says that mind can be regarded as a "physical category" and that "we should mean by it the nervous processes which find expression in intelligent conduct." *(Sellars, Dr. Roy Wood, "Evolutionary Naturalism", p. 300)*

Nếu nhận thức và sự hiểu biết qua giác quan, với những suy luận lý tính tiếp theo từ chúng và việc thiết lập một quá trình trí tuệ sau đó, có nguồn gốc từ bộ não, thì Tiến sĩ Sellars đã đúng trong cuốn sách của ông, *Thuyết Tự Nhiên Tiến Hóa*, khi ông nói rằng trí có thể được coi là một "phạm trù vật lý" và rằng "chúng ta nên hiểu nó là các quá trình thần kinh tìm thấy sự biểu hiện trong hành vi thông minh." *(Sellars, Dr. Roy Wood, "Thuyết Tự Nhiên Tiến Hóa", tr. 300)*

But this idea fails to satisfy the majority of thinkers and most of them — belonging to other schools than the purely materialistic — posit something more than matter, and regard the mind as distinct from the brain; they hold the hypothesis that it is a subjective substantial reality, which can use the brain as its terminal of expression and which it can impress in order to express those concepts and intuitions which a man can consciously utilize. What we are considering is in no wise a supernormal faculty, or the possession of a specialized instrument by a gifted few; the mind should be used by all educated people, and at the close of the educational process (carried on in the formative years) a man should be in possession of a faculty that he understands

Nhưng ý tưởng này không làm thỏa mãn đa số các nhà tư tưởng và hầu hết trong số họ — thuộc các trường phái khác với trường phái duy vật thuần túy — giả định có một cái gì đó vượt ngoài vật chất, và coi thể trí khác biệt với bộ não; họ giữ giả thuyết rằng nó là một thực tại nội giới có thực chất, có thể sử dụng bộ não làm thiết bị đầu cuối biểu hiện của nó và nó có thể tạo ấn tượng lên đó để diễn đạt những khái niệm và trực giác mà con người có thể sử dụng một cách có ý thức. Những gì chúng ta đang xem xét hoàn toàn không phải là một quan năng siêu thường, hay sự sở hữu một công cụ chuyên biệt bởi một số ít người có năng khiếu; thể trí nên được sử dụng bởi tất cả những người có giáo dục, và khi kết thúc quá trình giáo dục (được thực hiện trong những năm hình thành),

and uses at will. Dr. McDougall points out in *Psychology, the Science of Behavior* that our mental activity (which is usually unconscious) can be either subnormal, normal or supernormal. *(McDougall. William, "Psychology, the Science of Behavior".)* In the first case, you will have the idiot or the feeble-minded; in the second, you will have the intelligent average citizen [122] whose mind is a theatre or rather a cinematograph, registering anything that happens to come along; and, finally, we shall discover those rare souls whose consciousness is illuminated and whose minds record that which is hidden to the majority. With this last class we have as yet nothing to do. They are the product of the final stages of the meditation work, — contemplation and illumination. Concentration and meditation have definite reference to the many and to the normal.

một người nên sở hữu một năng lực mà y hiểu và sử dụng theo ý muốn. Tiến sĩ McDougall chỉ ra trong *Tâm Lý Học, Khoa Học về Hành Vi* rằng hoạt động trí tuệ của chúng ta (thường là vô thức) có thể là dưới mức bình thường, bình thường hoặc siêu thường. *(McDougall. William, "Tâm Lý Học, Khoa Học về Hành Vi".)* Trong trường hợp đầu tiên, bạn sẽ có người ngu ngốc hoặc thiểu năng trí tuệ; trong trường hợp thứ hai, bạn sẽ có người công dân trung bình thông minh [122] mà thể trí là một nhà hát hay đúng hơn là một máy chiếu phim, ghi nhận bất cứ điều gì tình cờ xảy ra; và, cuối cùng, chúng ta sẽ khám phá ra những linh hồn hiếm hoi mà tâm thức được soi sáng và thể trí ghi nhận những điều bị che giấu đối với đa số. Với lớp người cuối cùng này, chúng ta chưa có việc gì để làm. Họ là sản phẩm của các giai đoạn cuối cùng của công việc tham thiền, — chiêm ngưỡng và soi sáng. Tập trung và tham thiền có sự tham chiếu xác định đến số đông và đến mức bình thường.

In the East, and by many in the West, the mind is regarded as separate and distinct from the brain. Dr. C. Lloyd Morgan in *Emergent Evolution* quotes Descartes as saying that "there are indeed (1) corporeal substance (*res extensa*), and (2) mental or thinking substance (*res cogitans*); but they need for their being the concurrence of God....Apart from this common dependence on God neither is dependent on the other." (*Morgan, C. Lloyd, "Emergent Evolution", p. 291).* He sums up his own point of view in another book, *Life, Mind, and Spirit*, as follows:

Ở phương Đông, và bởi nhiều người ở phương Tây, thể trí được coi là tách biệt và khác biệt với bộ não. Tiến sĩ C. Lloyd Morgan trong *Tiến Hóa Xuất Lộ* trích lời Descartes nói rằng "thực sự có (1) bản thể vật chất (*res extensa*), và (2) bản thể trí tuệ hay tư duy (*res cogitans*); nhưng chúng cần sự đồng thuận của Thượng đế cho sự hiện hữu của mình.... Ngoài sự phụ thuộc chung này vào Thượng đế, không cái nào phụ thuộc vào cái kia." (*Morgan, C. Lloyd, "Tiến Hóa Xuất Lộ", tr. 291).* Ông tóm tắt quan điểm của riêng mình trong một cuốn sách khác, *Sự Sống, Trí, và Tinh Thần*, như sau:

"Spirit is nowise separable from life and mind, nor they from it. What is given for reflective contemplation is a world-plan of natural events. I hold that this world-plan is a manifestation of Divine Purpose....We too

"Tinh thần không hề tách biệt khỏi sự sống và trí, cũng như chúng không tách biệt khỏi Tinh thần. Những gì được đưa ra cho sự chiêm nghiệm phản tư là một kế hoạch thế giới của các sự kiện tự nhiên. Tôi cho rằng kế

are manifestations of Spirit which is 'revealed' within us. Each of us is a life, a mind, and Spirit — an instance of life as one expression of the world-plan, of mind as a different expression of that world-plan, of Spirit in so far as the Substance of that world-plan is revealed within us....This revelation is only partial since each of us is only an individual [123] instance of that which in full manifestation is universal."

hoạch thế giới này là một biểu hiện của Thiên Ý.... Chúng ta cũng là những biểu hiện của Tinh thần vốn được 'tiết lộ' bên trong chúng ta. Mỗi người chúng ta là một sự sống, một tâm trí, và Tinh thần — một ví dụ của sự sống như một biểu đạt của kế hoạch thế giới, của tâm trí như một biểu đạt khác của kế hoạch thế giới đó, của Tinh thần chừng nào Bản thể của kế hoạch thế giới đó được tiết lộ bên trong chúng ta.... Sự tiết lộ này chỉ là một phần vì mỗi chúng ta chỉ là một ví dụ cá nhân [123] của cái mà trong sự biểu hiện trọn vẹn là phổ quát."

MORGAN, C. LLOYD, "LIFE, MIND, AND SPIRIT", P. 32.

MORGAN, C. LLOYD, "SỰ SỐNG, TRÍ, VÀ TINH THẦN", TR. 32.

God reveals His purpose through the activity of the form. He does the same through the activity of the mind which impresses in its turn the brain, attuned to receptivity. Later again, the mind becomes responsive to an illumination, emanating from the Spirit aspect, and this we will shortly consider. This approaches very close to the Oriental position which infers a "mind-stuff" which is thrown into activity from the outer world of human affairs by the agency of the senses, by the emotions and by other minds. This intense activity of the mind-stuff has to be definitely offset through concentration and meditation if the mind is to be brought into a condition wherein it can be refocussed and reoriented to another field of perception and another range of ideas. For the esotericists, therefore, the objective of the meditation (carried forward into its later stages) is that the mind should cease to register any form activity whatsoever, no matter of how high an order, but should begin to register impressions emanating from that steadily manifesting Factor which we call (for lack of a better term) the Mind of God, the Universal Mind. This mind is distinguished by a sense of Wholeness, and of synthesis.

Thượng đế tiết lộ Mục đích của Ngài thông qua hoạt động của hình tướng. Ngài làm điều tương tự thông qua hoạt động của thể trí, đến lượt nó tạo ấn tượng lên bộ não, được điều chỉnh để tiếp nhận. Sau đó, thể trí lại trở nên đáp ứng với một sự soi sáng, phát xuất từ phương diện Tinh thần, và điều này chúng ta sẽ xem xét ngay sau đây. Điều này tiếp cận rất gần với lập trường Phương Đông vốn suy luận ra một "chất liệu trí tuệ" bị ném vào hoạt động từ thế giới bên ngoài của các sự vụ con người bởi tác nhân của các giác quan, bởi cảm xúc và bởi các thể trí khác. Hoạt động mãnh liệt này của chất liệu trí tuệ phải được hóa giải một cách dứt khoát thông qua tập trung và tham thiền nếu thể trí muốn được đưa vào một điều kiện mà trong đó nó có thể được tái tập trung và tái định hướng sang một lĩnh vực nhận thức khác và một phạm vi ý tưởng khác. Do đó, đối với các nhà bí truyền học, mục tiêu của tham thiền (được tiến hành vào các giai đoạn sau của nó) là thể trí nên ngừng ghi nhận bất kỳ hoạt động hình tướng nào, bất kể thuộc cấp độ cao đến đâu, mà nên bắt đầu ghi nhận các ấn tượng phát xuất từ Nhân Tố đang biểu hiện ổn định đó mà chúng ta gọi (vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) là Trí của Thượng đế, hay

Vũ Trụ Trí. Trí tuệ này được phân biệt bởi ý thức về cái Toàn thể, và về sự tổng hợp.

The entire history of evolving humanity might be considered from the angle of this Plan concept, and the focus of interest might be noted to be that of a growing consciousness in man of a Universe which [124] is a revelation of a Life and of Deity, and in which mankind plays its part in the greater Whole. Ludwig Fischer calls our attention to the fact that all our faculties "are founded on the mysterious and unconscious something which dominates the whole of our intellectual life," and points out the necessity for what he calls the non-rational element in the answers which we give to the complex questions of every day. His conclusions as to the basic situation which man has to face in connection with thought and our progress into higher and non-rational realms are true and forceful. He says:

Toàn bộ lịch sử của nhân loại đang tiến hóa có thể được xem xét từ góc độ của khái niệm Thiên Cơ này, và tiêu điểm quan tâm có thể được ghi nhận là tiêu điểm của một tâm thức đang phát triển trong con người về một Vũ trụ vốn [124] là một sự mặc khải của một Sự Sống và của Thượng đế, và trong đó nhân loại đóng vai trò của mình trong cái Toàn thể vĩ đại hơn. Ludwig Fischer kêu gọi sự chú ý của chúng ta đến thực tế rằng tất cả các năng lực của chúng ta "được thành lập trên một cái gì đó bí ẩn và vô thức thống trị toàn bộ đời sống trí tuệ của chúng ta," và chỉ ra sự cần thiết cho cái mà ông gọi là yếu tố phi lý tính trong các câu trả lời mà chúng ta đưa ra cho các câu hỏi phức tạp mỗi ngày. Các kết luận của ông về tình huống cơ bản mà con người phải đối mặt liên quan đến tư tưởng và sự tiến bộ của chúng ta vào các cõi giới cao hơn và phi lý tính là đúng và đầy sức thuyết phục. Ông nói:

"One way of advancing only is possible. The way is led by the intuition of minds of a more than average instinctive sensitiveness; analytical reason follows, consolidating the position and making practicable the road for the rest of mankind. The advance into the unknown begins with a hypothesis, and a hypothesis is nothing but a more or less non-rational structure, obtained intuitively. Once it has been set up, it is compared in all its implications with experience, so that, if possible, the hypothesis can be tested and rationalized."

"Chỉ có một cách tiến bộ là khả thi. Con đường được dẫn dắt bởi trực giác của những tâm trí có sự nhạy cảm bản năng hơn mức trung bình; lý trí phân tích theo sau, củng cố vị trí và làm cho con đường trở nên khả thi đối với phần còn lại của nhân loại. Sự tiến vào cái chưa biết bắt đầu bằng một giả thuyết, và một giả thuyết không là gì khác ngoài một cấu trúc ít nhiều phi lý tính, có được bằng trực giác. Một khi nó đã được thiết lập, nó được so sánh trong tất cả các hàm ý của nó với kinh nghiệm, để, nếu có thể, giả thuyết có thể được kiểm tra và hợp lý hóa."

FISCHER, LUDWIG, "THE STRUCTURE OF THOUGHT", P. 361.

FISCHER, LUDWIG, "CẤU TRÚC CỦA TƯ DUY", TR. 361.

We have reached the stage in our study of the process of mind control when are must

Chúng ta đã đạt đến giai đoạn trong nghiên cứu của mình về quá trình kiểm soát thể trí

proceed upon hypothesis. Yet, primarily, it will be hypothesis only to the materially-minded, for the conclusions reached and the realm of knowledge entered are recorded as truth and proven fact by many thousands down the ages.

khi chúng ta phải tiến hành dựa trên giả thuyết. Tuy nhiên, chủ yếu, nó sẽ chỉ là giả thuyết đối với những người có đầu óc vật chất, vì các kết luận đạt được và lĩnh vực kiến thức thâm nhập vào được ghi nhận là sự thật và sự kiện đã được chứng minh bởi hàng ngàn người qua các thời đại.

We have outlined a method, old and tried, whereby it is claimed the mind can be grasped and used at [125] will, and we have pointed out a way in which the factors which have hitherto engrossed its attention can be negated and a new field of awareness become possible. Before carrying the instructions forward, it might be of value if we defined the hypothesis upon which we will now proceed. It might be expressed as follows:

Chúng ta đã phác thảo một phương pháp, cũ và đã được thử nghiệm, nhờ đó người ta tuyên bố rằng thể trí có thể được nắm bắt và sử dụng theo [125] ý muốn, và chúng ta đã chỉ ra một cách mà trong đó các yếu tố vốn thu hút sự chú ý của nó cho đến nay có thể bị phủ định và một lĩnh vực nhận biết mới trở nên khả thi. Trước khi đưa các hướng dẫn đi xa hơn, có thể có giá trị nếu chúng ta định nghĩa giả thuyết mà chúng ta sẽ tiến hành ngay bây giờ. Nó có thể được diễn đạt như sau:

There is a kingdom of the soul, called often the kingdom of God, which is in reality another kingdom in nature, a fifth kingdom. Entry into that kingdom is as much a natural process as has been the transit of the evolving life from any kingdom in nature to another in the process of evolution. When the senses, and all that they convey, are focussed into that "common-sense," which was the name that mystics such as Meister Eckhart gave to the mind, they enrich that mind and open up to it many states of awareness. When these activities can be negated and the rich and sensitive mind can be refocussed in its turn, it becomes a sensitive apparatus (a sixth sense, if you like) which registers "the things of the kingdom of God" and opens up, to the man in deep meditation, states of consciousness and ranges of knowledge which have hitherto been sealed to him but which are just as much a part of the Whole and of the world content as any other field of

Có một vương quốc của linh hồn, thường được gọi là vương quốc của Thượng đế (Thiên Quốc), mà trong thực tế là một giới khác trong tự nhiên, một giới thứ năm. Việc gia nhập vào giới đó cũng là một quá trình tự nhiên như sự chuyển tiếp của sự sống đang tiến hóa từ bất kỳ giới nào trong tự nhiên sang giới khác trong quá trình tiến hóa. Khi các giác quan, và tất cả những gì chúng truyền tải, được tập trung vào cái "giác quan chung" đó, vốn là tên gọi mà các nhà thần bí như Meister Eckhart đã đặt cho thể trí, chúng làm phong phú thêm thể trí đó và mở ra cho nó nhiều trạng thái nhận biết. Khi những hoạt động này có thể bị phủ định và thể trí phong phú và nhạy cảm có thể được tái tập trung đến lượt nó, nó trở thành một bộ máy nhạy cảm (một giác quan thứ sáu, nếu bạn muốn gọi như vậy) ghi nhận "những điều của vương quốc Thượng đế" và mở ra, cho người trong cơn tham thiền sâu, các trạng thái tâm thức và phạm vi kiến thức vốn cho đến nay đã bị niêm phong đối với y

investigation. This is our hypothesis and upon it we will proceed. Instinctual awareness has given place in man to intellectual knowledge. Is it not possible that this intellectual perception may, in its turn, be transcended and superceded by intuitional awareness?

nhưng cũng là một phần của cái Toàn thể và của nội dung thế giới giống như bất kỳ lĩnh vực điều tra nào khác. Đây là giả thuyết của chúng ta và chúng ta sẽ tiến hành dựa trên nó. Nhận biết bản năng đã nhường chỗ trong con người cho kiến thức trí tuệ. Liệu có thể nào nhận thức trí tuệ này, đến lượt nó, có thể được vượt lên trên và thay thế bởi nhận thức trực giác không?

[126]

[126]

Certain propositions seem necessary at this point in our argument and may be of value in elucidating the theme of this book: They are three in number.

Một số mệnh đề dường như cần thiết tại điểm này trong lập luận của chúng ta và có thể có giá trị trong việc làm sáng tỏ chủ đề của cuốn sách này: Chúng có ba mệnh đề.

First: In the long evolutionary process which has led man from the animal stage to that of the human being, we find that we have now arrived at the phase in which he is self conscious, or self-referring. He stands at the centre of his own world, and the universe revolves around him. All that occurs has reference to him and to his affairs, and to the effect of life and circumstance upon him as the important factor.

Thứ nhất: Trong quá trình tiến hóa dài đã dẫn dắt con người từ giai đoạn thú vật đến giai đoạn con người, chúng ta thấy rằng bây giờ chúng ta đã đến giai đoạn mà y tự ý thức, hay tự quy chiếu. Y đứng ở trung tâm thế giới của riêng mình, và vũ trụ xoay quanh y. Tất cả những gì xảy ra đều có liên quan đến y và các công việc của y, và đến ảnh hưởng của cuộc sống và hoàn cảnh lên y như là yếu tố quan trọng.

Second: As man grows in knowledge and in intellectual awareness, the brain and the mind become coordinated. The former becomes simply the tool or instrument of the trained instincts and of the controlled mind. This mind draws on what has been called “the content of the subconscious,” on the active memory, and on the environment, for what is needed to carry forward the process of living in an exigent world. Man becomes an efficient and useful human being, and takes his place as a conscious cell in the body of humanity. He is beginning to get some realization of group relations. But more remains.

Thứ hai: Khi con người phát triển về kiến thức và nhận biết trí tuệ, bộ não và thể trí trở nên phối hợp. Bộ não trở thành công cụ đơn thuần của các bản năng đã được rèn luyện và của thể trí đã được kiểm soát. Thể trí này rút ra từ cái được gọi là “nội dung của tiềm thức,” từ ký ức hoạt động, và từ môi trường, cho những gì cần thiết để thực hiện quá trình sống trong một thế giới đòi hỏi khắt khe. Con người trở thành một con người hiệu quả và hữu ích, và chiếm chỗ của mình như một tế bào có ý thức trong cơ thể nhân loại. Y đang bắt đầu có được một số nhận thức về các mối quan hệ nhóm. Nhưng còn nhiều điều hơn nữa.

Third: From the earliest stage of human existence up to that of the high grade co-ordinated functioning man, there has always been present a consciousness of something Other, of a factor lying beyond known human experience, of a goal or quest, of a Deity. This subtle and indefinable awareness [127] emerges inevitably and keeps man pushing forward, and seeking for that which neither the mind (as he knows it) nor his circumstances and environment seem able to give. This can be called the search for certainty, an endeavor after the mystic experience, or the religious impulse. But no matter by what name we call it, it is unfailingly present.

Thứ ba: Từ giai đoạn sớm nhất của sự tồn tại con người cho đến giai đoạn con người hoạt động phối hợp cấp cao, luôn luôn hiện diện một tâm thức nhận biết một điều gì đó Khác, về một nhân tố nằm ngoài kinh nghiệm con người đã biết, về một mục tiêu hay sự tìm kiếm, về một Thượng đế. Sự nhận biết tinh tế và không thể định nghĩa này [127] xuất hiện một cách không thể tránh khỏi và giữ cho con người đẩy tới phía trước, và tìm kiếm cái mà cả thể trí (như y biết) lẫn hoàn cảnh và môi trường của y dường như không thể mang lại. Điều này có thể được gọi là cuộc tìm kiếm sự chắc chắn, một nỗ lực hướng tới trải nghiệm thần bí, hoặc xung lực tôn giáo. Nhưng bất kể chúng ta gọi nó bằng tên gì, nó luôn hiện diện không thiếu vắng.

These three propositions roughly outline the way that man, in his consciousness, has travelled. They portray the condition in which we find a vast number of human beings at this time — efficient, intellectual, well-informed, responsible, but at the same time, dissatisfied. They look with questioning into the future or face the inevitability of death; they are anxious to go forward into a wider consciousness and into a certainty as to spiritual things and as to the ultimate Reality. This urge to a wider understanding and knowledge is being demonstrated on a large scale at this time, and the sequence of the evolutionary growth, already established, is apparently persisting and must do so if another kingdom or state of consciousness is to be added to those already achieved.

Ba mệnh đề này phác thảo sơ lược con đường mà con người, trong tâm thức của mình, đã đi qua. Chúng mô tả điều kiện mà trong đó chúng ta tìm thấy một số lượng lớn con người vào lúc này — hiệu quả, trí thức, hiểu biết rộng, có trách nhiệm, nhưng đồng thời, không thỏa mãn. Họ nhìn với sự thắc mắc vào tương lai hoặc đối mặt với sự không thể tránh khỏi của cái chết; họ tha thiết muốn tiến tới một tâm thức rộng lớn hơn và vào một sự chắc chắn về những điều tinh thần và về Thực tại tối hậu. Sự thôi thúc hướng tới một sự thấu hiểu và kiến thức rộng lớn hơn này đang biểu lộ trên quy mô lớn vào lúc này, và trình tự của sự tăng trưởng tiến hóa, đã được thiết lập, dường như đang tiếp diễn và phải làm như vậy nếu một giới hay trạng thái tâm thức khác được thêm vào những cái đã đạt được.

It is at this point that all the great world religions offer to man a way of knowledge and a process of unfoldment which can and does hasten the work of development. Dr. Otto in *The Idea of the Holy* says that man "must be guided and led on by consideration

Chính tại điểm này, tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới cung cấp cho con người một con đường kiến thức và một quá trình khai mở có thể và thực sự làm nhanh công việc phát triển. Tiến sĩ Otto trong *Ý Niệm về Cái Thánh Thiêng* nói rằng con người "phải được hướng

and discussion of the matter through the ways of his own mind, until he reach the point at which [128] the 'numinous' in him perforce begins to stir, to start into life and into consciousness." *(Otto, Rudolf, "The Idea of the Holy", p. 7)*

dẫn và dẫn dắt bằng sự xem xét và thảo luận vấn đề qua các cách thức của chính tâm trí y, cho đến khi y đạt đến điểm mà tại đó [128] cái 'numinous' (tính thiêng) trong y bắt buộc bắt đầu khuấy động, bắt đầu đi vào sự sống và vào tâm thức." *(Otto, Rudolf, "Ý Niệm về Cái Thánh Thiêng", tr. 7)*

The word "numinous," we are told, comes from the Latin *numen*, meaning supernatural divine power. It stands for "the specific non-rational religious apprehension and its object, at all its levels, from the first dim stirrings where religion can hardly yet be said to exist to the most exalted forms of spiritual experience." (*Otto, Rudolf, "The Idea of the Holy", p. XVII of Translator's Preface).*

Từ "numinous," chúng ta được bảo, đến từ tiếng Latin *numen*, có nghĩa là quyền năng thần thánh siêu nhiên. Nó đại diện cho "sự lĩnh hội tôn giáo phi lý tính cụ thể và đối tượng của nó, ở tất cả các cấp độ, từ những sự khuấy động mờ nhạt đầu tiên nơi tôn giáo khó có thể nói là đã tồn tại đến những hình thức cao cả nhất của trải nghiệm tinh thần." *(Otto, Rudolf, "Ý Niệm về Cái Thánh Thiêng", tr. XVII của Lời tựa Người dịch).*

His translator, Dr. Harvey, Professor of Philosophy at Armstrong College, adds that there develops in man a "growing awareness of an object, deity...a response, so to speak, to the impact upon the human mind of 'the divine', as it reveals itself whether obscurely or clearly. The primary fact is the confrontation of the human mind with a Something, whose character is only gradually learned, but which is from the first felt as a transcendent presence, 'the beyond', even where it is also felt as 'the within' man." (*Otto, Rudolf, "The Idea of the Holy", p. XV of Translator's Preface.)*

Người dịch của ông, Tiến sĩ Harvey, Giáo sư Triết học tại Đại học Armstrong, thêm rằng có sự phát triển trong con người một "nhận biết ngày càng tăng về một đối tượng, một vị Thần... một sự đáp ứng, có thể nói như vậy, đối với tác động lên tâm trí con người của 'cái thiêng liêng', khi nó tự tiết lộ dù mờ mịt hay rõ ràng. Sự kiện chính yếu là sự đối mặt của tâm trí con người với một Cái Gì Đó, mà tính cách của nó chỉ được học hỏi dần dần, nhưng ngay từ đầu đã được cảm nhận như một sự hiện diện siêu việt, 'cái bên kia', ngay cả khi nó cũng được cảm nhận như 'cái bên trong' con người." (*Otto, Rudolf, "Ý Niệm về Cái Thánh Thiêng", tr. XV của Lời tựa Người dịch.)*

Through attention to life purpose, through concentration on life work, through keen interest in the sciences which engage the attention of our best minds, and through meditation, as practised by a few in the religious field, many have arrived at a point where two things happen: the idea of the holy, of Being and of relationship to that

Thông qua sự chú ý đến mục đích cuộc sống, thông qua tập trung vào công việc cuộc sống, thông qua sự quan tâm sâu sắc đến các ngành khoa học thu hút sự chú ý của những bộ óc tốt nhất của chúng ta, và thông qua tham thiền, như được thực hành bởi một số ít trong lĩnh vực tôn giáo, nhiều người đã đạt đến một điểm mà hai điều xảy ra: ý niệm về

Being enter in as dominating factors in the life. Secondly, the mind [129] begins to demonstrate a new activity. Instead of registering and storing up in memory the contacts which the senses have communicated, and absorbing that information which is the common heritage of the day through books and the spoken word, it reorients itself to new knowledge and begins to tap new sources of information. Instinct and intellect have done their work; now the intuition begins to play its part.

cái thánh thiêng, về Bản thể và về mối quan hệ với Bản thể đó đi vào như những yếu tố thống trị trong cuộc sống. Thứ hai, thể trí [129] bắt đầu biểu lộ một hoạt động mới. Thay vì ghi nhận và lưu trữ trong ký ức các tiếp xúc mà các giác quan đã truyền đạt, và hấp thụ thông tin vốn là di sản chung của thời đại thông qua sách vở và lời nói, nó tự tái định hướng sang kiến thức mới và bắt đầu khai thác các nguồn thông tin mới. Bản năng và trí năng đã làm công việc của chúng; bây giờ trực giác bắt đầu đóng vai trò của nó.

It is to this point that the meditation work we have been considering has brought us and for which the education of the memory and the cataloguing of world knowledge has prepared us. They have had their day. For many thousands, therefore, a new endeavor is in order. Is it perhaps possible that for those souls now being born into world experience, the old education with its memory training, its books and lectures and its appropriation of so-called facts has become insufficient? For them we must either formulate a new method, or modify the present technique and so find time for the process of mind reorientation which will enable a man to be aware of more fields of knowledge than he now contacts. Thus we shall demonstrate the truth of the words of Mr. Chaplin in his valuable little book *The Soul*, that "...it is through Soul that bodily processes attain their significance." (*Chaplin, F. K.., "The Soul", p. 63).*

Chính đến điểm này mà công việc tham thiền chúng ta đang xem xét đã đưa chúng ta đến và việc giáo dục ký ức và lập danh mục kiến thức thế giới đã chuẩn bị cho chúng ta. Chúng đã có thời của chúng. Do đó, đối với hàng ngàn người, một nỗ lực mới là phù hợp. Liệu có thể nào đối với những linh hồn hiện đang được sinh ra vào trải nghiệm thế giới, nền giáo dục cũ với việc rèn luyện ký ức, sách vở và bài giảng và việc tiếp thu những gì được gọi là sự kiện đã trở nên không đủ? Đối với họ, chúng ta hoặc phải xây dựng một phương pháp mới, hoặc sửa đổi kỹ thuật hiện tại và do đó tìm thời gian cho quá trình tái định hướng thể trí vốn sẽ cho phép một người nhận biết nhiều lĩnh vực kiến thức hơn y hiện đang tiếp xúc. Như vậy chúng ta sẽ chứng minh sự thật của những lời của ông Chaplin trong cuốn sách nhỏ giá trị của ông *Linh Hồn*, rằng "...chính thông qua Linh hồn mà các quá trình thân thể đạt được ý nghĩa của chúng." (*Chaplin, F. K.., "Linh Hồn", tr. 63).*

The conquest of the kingdom of the soul looms before man. The day when the word *Psychology* will return to its original meaning is at hand. Education [130] will then have two functions. It will fit man to handle his worldly contacts with the

Sự chinh phục vương quốc của linh hồn hiện ra trước mắt con người. Ngày mà từ *Tâm Lý Học* sẽ trở lại ý nghĩa ban đầu của nó đã gần kề. Giáo dục [130] khi đó sẽ có hai chức năng. Nó sẽ làm cho con người thích hợp để xử lý các tiếp xúc thế tục của mình với hiệu quả

greatest efficiency and use intelligently that apparatus which the Behaviorists have done so much to explain, and it will also initiate him into the realm to which the mystics have always testified and to which the mind — rightly used — holds the key.

cao nhất và sử dụng một cách thông minh bộ máy đó mà các nhà Thuyết Hành vi đã làm rất nhiều để giải thích, và nó cũng sẽ dẫn y vào lĩnh vực mà các nhà thần bí luôn làm chứng và mà thể trí — được sử dụng đúng cách — nắm giữ chìa khóa.

In the preceding chapter the method was dealt with through which a man could begin to be master of his instrument, the mind, and learn so to focus his thought upon a chosen theme or idea that he could close out all outer concepts and shut the door entirely on the phenomenal world. We shall consider the manner how he could carry his focussed thought higher and higher (to use the language of the mystic) until mind itself failed, and he found himself on a peak of thought from which a new world could be visioned. In the meditation process up to this stage there has been an intense activity, and no condition of quiescence, of negativity, or of passive receptivity. The physical body has been forgotten and the brain held in a state of positive receptiveness, ready to be swept into action by the mind when it again turns its attention downwards. We must remember that in using all such words as "upwards" and "downwards," "higher" and "lower," we are talking symbolically. One of the first things a mystic learns is that dimensions do not exist in consciousness, and that the "within" and "without," the "higher" and the "lower" are only figures of [131] speech, by which certain ideas are conveyed as to realized conditions of awareness.

Trong chương trước, phương pháp đã được đề cập qua đó một người có thể bắt đầu làm chủ công cụ của mình, thể trí, và học cách tập trung tư tưởng của mình vào một chủ đề hoặc ý tưởng đã chọn sao cho y có thể đóng lại tất cả các khái niệm bên ngoài và đóng hoàn toàn cánh cửa vào thế giới hiện tượng. Chúng ta sẽ xem xét cách thức y có thể đưa tư tưởng tập trung của mình lên cao hơn và cao hơn nữa (sử dụng ngôn ngữ của nhà thần bí) cho đến khi chính trí tuệ thất bại, và y thấy mình trên một đỉnh cao tư tưởng từ đó một thế giới mới có thể được nhìn thấy. Trong quá trình tham thiền cho đến giai đoạn này đã có một hoạt động mãnh liệt, và không có điều kiện tĩnh lặng, thụ động, hay tiếp nhận thụ động. Thể xác đã bị lãng quên và bộ não được giữ trong trạng thái tiếp nhận tích cực, sẵn sàng bị cuốn vào hành động bởi thể trí khi nó một lần nữa hướng sự chú ý xuống dưới. Chúng ta phải nhớ rằng khi sử dụng tất cả các từ như "hướng lên" và "hướng xuống," "cao hơn" và "thấp hơn," chúng ta đang nói một cách tượng trưng. Một trong những điều đầu tiên một nhà thần bí học được là các chiều kích không tồn tại trong tâm thức, và rằng "bên trong" và "bên ngoài," "cao hơn" và "thấp hơn" chỉ là những hình tượng [131] ngôn ngữ, qua đó các ý tưởng nhất định được truyền đạt về các điều kiện nhận biết đã chứng nghiệm.

The point that we now have reached brings us to the verge of the transcendental. We proceed upon hypothesis. The tangible and the objective are temporarily forgotten and no longer engross the attention, nor is any

Điểm mà chúng ta hiện đã đạt đến đưa chúng ta đến bờ vực của cái siêu việt. Chúng ta tiến hành dựa trên giả thuyết. Cái hữu hình và ngoại giới tạm thời bị lãng quên và không còn thu hút sự chú ý, cũng không

form of sensation the aim. All manner of feeling must be, for the time, shut off. Petty annoyances and the like, along with sorrow, will be forgotten, and likewise joy, for we are not seeking the "consolations of religion." The attention is focussed in the mind and the only reactions recorded are mental. Thought has dominated the consciousness during the stage of "meditation with seed" or with an object, but now even this has to go. As one mystical writer puts it: "How shall I put mind out of mind?" For as my objective is neither sensation nor feeling, neither is it thought. Here lies the greatest obstacle to the intuition and the state of illumination. No longer is the attempt to hold anything in the mind to be prolonged, nor is there anything to be thought out. Ratiocination must be left aside, and the exercise of a higher and hitherto probably unused faculty must take its place. The seed thought has attracted our attention, and awakened our interest, and this has sustained itself into the phase of concentration. This again prolongs itself into contemplation, and the result of the latter is illumination. Here we have a brief summation of the entire process — Attraction, Interest, [132] Concentrated Attention and prolonged one-pointed Reflection or Meditation.

phải bất kỳ hình thức cảm giác nào là mục đích. Mọi loại cảm xúc phải, trong thời gian đó, bị tắt đi. Những phiền toái nhỏ nhặt và những thứ tương tự, cùng với nỗi buồn, sẽ bị lãng quên, và niềm vui cũng vậy, vì chúng ta không tìm kiếm "những sự an ủi của tôn giáo." Sự chú ý được tập trung trong thể trí và những phản ứng duy nhất được ghi nhận là thuộc về trí tuệ. Tư tưởng đã thống trị tâm thức trong giai đoạn "tham thiền có hạt giống" hoặc với một đối tượng, nhưng bây giờ ngay cả điều này cũng phải đi. Như một tác giả thần bí đã nói: "Làm sao tôi tống khứ trí ra khỏi trí đây?" Vì mục tiêu của tôi không phải là cảm giác hay cảm xúc, cũng không phải là tư tưởng. Ở đây nằm trở ngại lớn nhất đối với trực giác và trạng thái soi sáng. Không còn là nỗ lực giữ bất cứ điều gì trong tâm trí được kéo dài, cũng không có bất cứ điều gì để suy nghĩ ra. Sự suy luận phải được để sang một bên, và việc thực hành một năng lực cao hơn và có lẽ cho đến nay chưa được sử dụng phải thay thế nó. Tư tưởng hạt giống đã thu hút sự chú ý của chúng ta, và đánh thức sự quan tâm của chúng ta, và điều này đã tự duy trì vào giai đoạn tập trung. Điều này lại kéo dài chính nó vào chiêm ngưỡng, và kết quả của cái sau là sự soi sáng. Ở đây chúng ta có một bản tóm tắt ngắn gọn của toàn bộ quá trình — Thu hút, Quan tâm, [132] Chú ý Tập trung và Suy ngẫm hay Tham thiền nhất tâm kéo dài.

What have been the results of the meditation process up to this point? They might be enumerated as follows:

Kết quả của quá trình tham thiền cho đến điểm này là gì? Chúng có thể được liệt kê như sau:

1. The reorganizing of the mind and its reorientation.

1. Việc tổ chức lại thể trí và sự tái định hướng của nó.

2. The centering of a man's attention in the world of thought, instead of on the world of feeling, and hence the withdrawal of the focus of attraction from the senses.

2. Việc định tâm sự chú ý của con người trong thế giới tư tưởng, thay vì trên thế giới cảm xúc, và do đó sự rút lui tiêu điểm thu hút khỏi các giác quan.

3. The development of a faculty of instantaneous concentration as a preliminary to meditation, and the capacity to focus the mind unswervingly upon any chosen subject. Evelyn Underhill defines this faculty as follows:

"The act of perfect concentration, the passionate focussing of the self upon the one point, when it is applied in 'the unity of the spirit and the bonds of love' to real and transcendental things, constitutes in the technical language of mysticism the state of meditation or recollection, and...is the necessary prelude of pure contemplation."

UNDERHILL, EVELYN, "MYSTICISM", P. 58.

III. The Stage of Contemplation

We are entering a realm of realization now which is much handicapped by two things: the use of words, which only serve to limit and distort, and the writings of the mystics themselves which — while they are full of wonder and of truth — are colored by the symbolism of their race and age, and by the [133] quality of feeling and emotion. The mystics, as a general rule, drift to and fro between moments of high illumination or of vision, and "the misty flats" of intense feeling and longing. They are either undergoing the joy and ecstasy of realization that lasts but a fleeting moment, or the agony of desire for the continuation of the experience. There seems (in the majority of cases) no sense of security or certainty of repetition, and only a longing for the attainment of such a state of holiness that the condition could be continuously present.

3. Sự phát triển một năng lực tập trung tức thời như một bước sơ khởi cho tham thiền, và khả năng tập trung thể trí một cách không lay chuyển vào bất kỳ chủ đề đã chọn nào. Evelyn Underhill định nghĩa năng lực này như sau:

"Hành động tập trung hoàn hảo, sự tập trung đầy nhiệt huyết của bản ngã vào một điểm duy nhất, khi nó được áp dụng trong 'sự thống nhất của tinh thần và những liên kết của tình thương' đối với những điều thực tại và siêu việt, cấu thành trong ngôn ngữ kỹ thuật của chủ nghĩa thần bí trạng thái tham thiền hay sự thu nhiếp, và... là khúc dạo đầu cần thiết của sự chiêm ngưỡng thuần khiết."

UNDERHILL, EVELYN, "CHỦ NGHĨA THẦN BÍ", TR. 58.

III. Giai đoạn Chiêm ngưỡng

Chúng ta đang bước vào một lĩnh vực chứng nghiệm ngay bây giờ vốn bị cản trở nhiều bởi hai điều: việc sử dụng ngôn từ, vốn chỉ phục vụ để hạn chế và bóp méo, và các bài viết của chính các nhà thần bí — mặc dù chúng đầy sự kỳ diệu và sự thật — lại bị tô màu bởi biểu tượng của chủng tộc và thời đại của họ, và bởi [133] phẩm tính của cảm giác và cảm xúc. Các nhà thần bí, theo quy luật chung, trôi dạt qua lại giữa những khoảnh khắc soi sáng cao độ hay thị kiến, và "những vùng đất bằng phẳng mờ sương" của cảm xúc và khao khát mãnh liệt. Họ hoặc đang trải qua niềm vui và sự ngây ngất của sự chứng nghiệm kéo dài chỉ trong một khoảnh khắc thoáng qua, hoặc nỗi thống khổ của dục vọng cho sự tiếp diễn của trải nghiệm. Dường như (trong đa số các trường hợp) không có cảm giác an toàn hay chắc chắn về sự lặp lại, và chỉ có một sự khao khát đạt được một trạng thái

In the ancient technique and the orderly meditation with which the East has lately dowered us, it seems possible that through knowledge of the way and through understanding of the process, the mystical experience may itself be transcended, and knowledge of divine things, and identification with the indwelling Deity may be brought about *at will*. The race now has the necessary mental equipment and can add to the way of the mystic that of the conscious intellect.

thánh thiện như vậy để điều kiện đó có thể liên tục hiện diện. Trong kỹ thuật cổ xưa và sự tham thiền có trật tự mà phương Đông gần đây đã ban tặng cho chúng ta, dường như có thể thông qua kiến thức về con đường và thông qua sự thấu hiểu quá trình, trải nghiệm thần bí có thể tự nó được vượt lên trên, và kiến thức về những điều thiêng liêng, và sự đồng nhất hóa với Thượng đế nội tại có thể được mang lại *theo ý muốn*. Nhân loại bây giờ có thiết bị trí tuệ cần thiết và có thể thêm vào con đường của nhà thần bí con đường của trí năng có ý thức.

But between the stage of prolonged concentration, which we call meditation, and that of contemplation, which is of an entirely different category, there comes a transition period, which the Oriental student calls "meditation without seed," or, "without an object." It is not contemplation. It is not a process of thought. That is past, while the later stage is not yet achieved. It is a period of mind steadiness, and of waiting. Fr. Nouet describes this perhaps as well as anyone in the following words:

Nhưng giữa giai đoạn tập trung kéo dài, mà chúng ta gọi là tham thiền, và giai đoạn chiêm ngưỡng, vốn thuộc một phạm trù hoàn toàn khác, có một thời kỳ chuyển tiếp, mà môn sinh Phương Đông gọi là "tham thiền không hạt giống," hay, "không có đối tượng." Nó không phải là chiêm ngưỡng. Nó không phải là một quá trình tư duy. Điều đó đã qua, trong khi giai đoạn sau vẫn chưa đạt được. Đó là một thời kỳ của sự ổn định tâm trí, và của sự chờ đợi. Cha Nouet mô tả điều này có lẽ cũng tốt như bất kỳ ai trong những lời sau đây:

[134]

[134]

"When the man of prayer has made considerable progress in meditation, he passes insensibly to affective prayer, which, being between meditation and contemplation, as the dawn is between the night and the day, possesses something both of the one and of the other. In its beginnings it contains more of meditation, because *it still makes use of reasoning*;...because having acquired much light by the prolonged use of considerations and reasonings, *it enters at once into its subject,* and sees *all its developments without much difficulty*....Hence

"Khi người cầu nguyện đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc tham thiền, y chuyển tiếp mà không nhận thấy sang sự cầu nguyện cảm xúc, vốn ở giữa tham thiền và chiêm ngưỡng, giống như bình minh ở giữa đêm và ngày, sở hữu điều gì đó của cả hai. Ở giai đoạn đầu, nó chứa đựng nhiều yếu tố tham thiền hơn, bởi vì *nó vẫn sử dụng sự lý luận*;...bởi vì đã đạt được nhiều ánh sáng nhờ việc sử dụng kéo dài các sự cân nhắc và lý luận, *nó đi vào ngay lập tức chủ đề của nó,* và thấy *tất cả những sự phát triển của nó mà không gặp nhiều khó khăn*....Do đó, tiếp theo

it follows as it perfects itself it discards reasonings...."

NOUET, FR., "CONDUITE DE L'HOMME D'ORAISON", BOOK IV, CH. 1.

The versatility of the rapidly moving and sensitively responsive mental substance can be brought, we have seen, into a stabilized condition, through prolonged meditation. This brings about a state of mind which renders the thinker unresponsive to vibrations and contacts coming from the outer phenomenal world and from the world of the emotions, and so renders passive the sensory apparatus, the brain and that vast inter-locking network which we call the nervous system. The world in which man usually functions is shut off, yet he preserves at the same time an intense mental attention and a one-pointed orientation to the new world in which that which we call the soul lives and moves. The true student of meditation learns to be wide awake mentally, and potently aware of phenomena, vibration and states of being. He is positive, active and self-reliant, and the brain and the focussed mind are closely coordinated. He is no impractical dreamer, yet the [135] world of practical and physical affairs is temporarily negated.

If the student is not naturally of the positive mental type, some serious, persistent, intellectual training (designed to create mental alertness and polarization) should be taken up along with the practice of meditation, otherwise the process will degenerate into an emotional revery, or a negative blankness. Both conditions carry with them their own dangers, and, if prolonged, will tend to make a man an impractical person, impotent and inefficient

đó khi nó tự hoàn thiện, nó loại bỏ các lý luận...."

NOUET, FR., "HÀNH VI CỦA NGƯỜI CẦU NGUYỆN", QUYỂN IV, CHƯƠNG 1.

Tính linh hoạt của chất liệu trí tuệ di chuyển nhanh chóng và phản ứng nhạy bén có thể được đưa, như chúng ta đã thấy, vào một điều kiện ổn định, thông qua sự tham thiền kéo dài. Điều này mang lại một trạng thái của trí tuệ khiến người suy tư không còn phản ứng với các rung động và tiếp xúc đến từ thế giới hiện tượng bên ngoài và từ thế giới của các cảm xúc, và do đó làm cho bộ máy giác quan, bộ não và mạng lưới liên kết rộng lớn mà chúng ta gọi là hệ thần kinh trở nên thụ động. Thế giới mà con người thường hoạt động bị đóng lại, tuy nhiên y đồng thời giữ được sự chú ý trí tuệ mãnh liệt và một định hướng nhất tâm vào thế giới mới, trong đó cái mà chúng ta gọi là linh hồn sống và chuyển động. Người học viên chân chính về tham thiền học cách trở nên hoàn toàn tỉnh thức về mặt trí tuệ, và nhận thức mạnh mẽ về các hiện tượng, rung động và các trạng thái hiện tồn. Y dương tính, chủ động và tự lực, và bộ não cùng trí tuệ tập trung được phối hợp chặt chẽ. Y không phải là kẻ mơ mộng thiếu thực tế, tuy nhiên [135] thế giới của các công việc thực tế và hồng trần tạm thời bị phủ nhận.

Nếu người học viên không thuộc mẫu người trí tuệ dương tính bẩm sinh, thì cần thực hiện một số sự rèn luyện trí năng nghiêm túc, kiên trì (được thiết kế để tạo ra sự lanh lợi và phân cực trí tuệ) cùng với việc thực hành tham thiền, nếu không quá trình này sẽ thoái hóa thành một sự mơ mộng cảm xúc, hoặc một sự trống rỗng thụ động. Cả hai tình trạng đều mang theo những nguy hiểm riêng của chúng, và, nếu kéo dài, sẽ có xu hướng làm cho một người trở thành một

in daily affairs. His life will become less and less useful to himself or to others. He will find himself dwelling more and more in uncontrolled irrational fancies, and emotional fluctuations. In such a soil the seeds of egoism easily sprout, and psychism flourishes.

người thiếu thực tế, bất lực và kém hiệu quả trong các công việc hàng ngày. Cuộc sống của y sẽ ngày càng trở nên ít hữu ích hơn cho bản thân hoặc cho người khác. Y sẽ thấy mình ngày càng chìm đắm trong những tưởng tượng phi lý không kiểm soát được, và những biến động cảm xúc. Trong một mảnh đất như vậy, hạt giống của thói ích kỷ dễ dàng nảy mầm, và hoạt động thông linh phát triển mạnh.

The mind, therefore, positive, alert and well-controlled, is carried forward on the wings of thought and then held steady at the highest attainable point. A condition is then brought about in the mind which is analogous to one which has already taken place in the brain. It is held in a waiting attitude, whilst the consciousness of the thinker shifts into a new state of awareness and he becomes identified with the true inner and spiritual man. What is technically called the "perceiving consciousness" waits.

Do đó, trí tuệ, dương tính, lanh lợi và được kiểm soát tốt, được đưa về phía trước trên đôi cánh của tư tưởng và sau đó được giữ ổn định tại điểm cao nhất có thể đạt được. Một tình trạng sau đó được tạo ra trong trí tuệ tương tự như tình trạng đã diễn ra trong bộ não. Nó được giữ trong một thái độ chờ đợi, trong khi tâm thức của người suy tư chuyển sang một trạng thái nhận biết mới và y trở nên đồng nhất với con người tinh thần và bên trong thực sự. Cái được gọi về mặt kỹ thuật là "tâm thức nhận thức" chờ đợi.

These two stages of meditation, one of intense activity and the other of an intense waiting, have been called the Martha and Mary states, and the idea, through this metaphor, becomes somewhat clearer. It is a period of silence whilst something inner [136] transpires, and is perhaps the hardest part of the technique to master. It is so easy to slip back into the intellectual activity which ordinary meditation connotes, for one has not yet learnt to contemplate. Dr. Bennett describes this stage in some comments upon Ruysbroeck. He says:

Hai giai đoạn này của việc tham thiền, một giai đoạn hoạt động mãnh liệt và giai đoạn kia chờ đợi mãnh liệt, đã được gọi là các trạng thái Martha và Mary, và ý tưởng này, qua phép ẩn dụ này, trở nên phần nào rõ ràng hơn. Đó là một giai đoạn im lặng trong khi một điều gì đó bên trong [136] diễn ra, và có lẽ là phần khó nhất của kỹ thuật để làm chủ. Rất dễ để trượt trở lại vào hoạt động trí năng mà sự tham thiền thông thường bao hàm, vì người ta vẫn chưa học cách chiêm ngưỡng. Tiến sĩ Bennett mô tả giai đoạn này trong một số bình luận về Ruysbroeck. Ông nói:

"Ruysbroeck here distinguishes two marks of 'true' passivity: first, it is 'actively sought,' that is, a certain effort is necessary to maintain it. Second, it differs from any natural or automatic type of relief by the

"Ở đây Ruysbroeck phân biệt hai dấu hiệu của sự thụ động 'chân chính': thứ nhất, nó được 'tìm kiếm một cách chủ động,' nghĩa là, cần một nỗ lực nhất định để duy trì nó. Thứ hai, nó khác với bất kỳ loại khuây khỏa tự

moral preparation which precedes it....This enforced waiting, this self-imposed receptivity, which is the defining mark of the stage of contemplation, is not the end of the mystic's career. It is the end of his efforts, in the sense that he can do no more, but it is destined to give way to the stage of ecstasy when matters are taken out of the hand of the individual and he becomes the vehicle of a power greater than himself. 'Remain steadfastly in thyself until thou art drawn out of thyself without any act of thine'."

nhiên hoặc tự động nào nhờ sự chuẩn bị đạo đức đi trước nó....Sự chờ đợi bắt buộc này, sự tiếp nhận tự áp đặt này, vốn là dấu hiệu xác định của giai đoạn chiêm ngưỡng, không phải là sự kết thúc sự nghiệp của nhà thần bí. Nó là sự kết thúc các nỗ lực của y, theo nghĩa là y không thể làm gì hơn nữa, nhưng nó được định để nhường chỗ cho giai đoạn xuất thần khi các vấn đề được đưa ra khỏi tay cá nhân và y trở thành vận cụ của một quyền năng lớn hơn chính y. 'Hãy kiên định ở trong bản thân mình cho đến khi ngươi được kéo ra khỏi bản thân mình mà không cần bất kỳ hành động nào của ngươi'."

BENNETT, CHARLES A., "A PHILOSOPHICAL STUDY OF MYSTICISM", P. 62.

BENNETT, CHARLES A., "NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC VỀ THẦN BÍ HỌC", TR. 62.

He speaks later on in the same chapter of the breathless attention, the hard-earned and hard-held waiting for the divine revelation. The ancient sage of India, Patanjali, tells us the same thing, when he says that, when "the mind-stuff becomes absorbed in that which is the Reality (or the idea embodied in the form) and is unaware of separateness or of the personal self," this brings him to the stage of contemplation and he enters into the consciousness of the soul. He discovers that all the time it has been the soul which has lured him on into union with itself. How? Another Hindu teacher tells us that [137] "the soul has the means. Thinking is the means. When thinking has completed its task of release, it has done what it had to do and ceases." (*"The Vishnu Purana", VI., 7, 90.)*

Sau đó trong cùng chương, ông nói về sự chú ý nín thở, sự chờ đợi khó khăn mới đạt được và khó khăn mới giữ được cho sự mặc khải thiêng liêng. Hiền triết cổ đại của Ấn Độ, Patanjali, nói với chúng ta điều tương tự, khi ông nói rằng, khi "chất liệu trí tuệ trở nên hòa nhập vào cái vốn là Thực Tại (hay ý tưởng được thể hiện trong hình tướng) và không nhận biết về sự chia rẽ hay về cái ngã cá nhân," điều này đưa y đến giai đoạn chiêm ngưỡng và y đi vào tâm thức của linh hồn. Y khám phá ra rằng trong suốt thời gian đó, chính linh hồn đã lôi cuốn y vào sự hợp nhất với chính nó. Bằng cách nào? Một đạo sư Hindu khác nói với chúng ta rằng [137] "linh hồn có phương tiện. Tư duy là phương tiện. Khi tư duy đã hoàn thành nhiệm vụ giải thoát của nó, nó đã làm xong điều nó phải làm và chấm dứt." (*"The Vishnu Purana", VI., 7, 90.)*

In contemplation, a higher agent enters in. *It is the Soul that contemplates.* The human consciousness ceases its activity and the man becomes what he is in reality — a soul, a fragment of divinity, conscious of its

Trong sự chiêm ngưỡng, một tác nhân cao hơn bước vào. *Chính Linh hồn là kẻ chiêm ngưỡng.* Tâm thức con người chấm dứt hoạt động của nó và con người trở thành cái mà y là trong thực tại — một linh hồn, một phân

essential oneness with Deity. The Higher Self becomes active, and the lower or personal self is entirely quiescent and still, whilst the true spiritual Entity enters into its own kingdom and registers the contacts that emanate from that spiritual realm of phenomena.

mảnh của thiên tính, ý thức về sự nhất thể vốn có của nó với Thượng đế. Chân Ngã trở nên hoạt động, và cái ngã thấp hơn hay cá nhân hoàn toàn yên lặng và tĩnh tại, trong khi Thực Thể tinh thần thực sự đi vào vương quốc của riêng nó và ghi nhận những tiếp xúc phát ra từ cõi hiện tượng tinh thần đó.

The world of the soul is seen as a reality; the transcendental things are known to be facts in nature; union with Deity is realized as constituting as much a fact in the natural process as is the union between the life of the physical body and that body.

Thế giới của linh hồn được xem như một thực tại; những điều siêu việt được biết là những sự kiện trong tự nhiên; sự hợp nhất với Thượng đế được chứng nghiệm như cấu thành một sự kiện trong tiến trình tự nhiên cũng giống như sự hợp nhất giữa sự sống của thể xác và thể xác đó.

The man's consciousness, therefore, is no longer focussed in that waiting mind, but has slipped over the borderland into the realm of spirit and he becomes literally the soul, functioning in its own realm, perceiving the "things of the Kingdom of God," able to ascertain truth at first hand, and aware in full waking consciousness of its own nature, prerogatives and laws. Whilst the true spiritual man is thus active in his own nature and in his own world, the mind and brain are held steady and positive, oriented to the soul, and according to the facility with [138] which this is done will be the capacity of both to register and record that which the soul is perceiving.

Do đó, tâm thức của con người không còn tập trung vào trí tuệ đang chờ đợi đó, mà đã trượt qua vùng biên giới vào cõi của tinh thần và y trở thành linh hồn theo đúng nghĩa đen, hoạt động trong cõi riêng của nó, tri giác "những điều của Vương quốc Thượng đế," có khả năng xác định chân lý một cách trực tiếp, và nhận biết trong tâm thức tỉnh táo hoàn toàn về bản chất, đặc quyền và các quy luật của riêng nó. Trong khi con người tinh thần thực sự đang hoạt động như vậy trong bản chất riêng của y và trong thế giới riêng của y, trí tuệ và bộ não được giữ ổn định và dương tính, hướng về linh hồn, và tùy theo sự dễ dàng [138] mà điều này được thực hiện sẽ là khả năng của cả hai trong việc ghi nhận và ghi lại những gì linh hồn đang tri giác.

In meditation we endeavor to receive impressions from the inner God, the Higher Self, direct to the physical brain, via the mind. In contemplation a still higher stage is entered upon and we endeavor to receive into the physical brain that which the *soul itself perceives* as It looks outward upon those new fields of perception.

Trong tham thiền, chúng ta nỗ lực tiếp nhận các ấn tượng từ Thượng đế bên trong, Chân Ngã, trực tiếp đến bộ não hồng trần, thông qua trí tuệ. Trong chiêm ngưỡng, một giai đoạn cao hơn nữa được bước vào và chúng ta nỗ lực tiếp nhận vào bộ não hồng trần những điều mà *bản thân linh hồn tri giác* khi Nó nhìn ra ngoài vào những lĩnh vực tri giác mới đó.

In the average man, the soul is occupied (as the Perceiver) with the three worlds of human endeavor, and looks out, therefore, upon the physical, emotional and mental states of being. The soul identifies Itself for aeons with the forms through which contact has to be made if those lower states of consciousness are to be known. Later, when a man has gained control of the mind and can offer it to the soul as a transmitting agent, then a vast region of spiritual awareness can unfold itself. The soul itself can then become a transmitting agent, and can pass on, via the mind and from thence to the physical brain, some of the realizations and concepts of the Spirit aspect. Students would do well to remember the words in *The Secret Doctrine*.

Ở người trung bình, linh hồn bận rộn (với tư cách là Người Tri Giác) với ba cõi của nỗ lực con người, và do đó, nhìn ra các trạng thái hiện tồn thuộc hồng trần, cảm xúc và trí tuệ. Linh hồn đồng nhất Chính Nó qua những thời đại dài với các hình tướng mà qua đó sự tiếp xúc phải được thực hiện nếu những trạng thái tâm thức thấp hơn đó muốn được biết đến. Sau này, khi một người đã đạt được sự kiểm soát trí tuệ và có thể dâng nó cho linh hồn như một tác nhân truyền dẫn, thì một vùng rộng lớn của nhận thức tinh thần có thể tự khai mở. Bản thân linh hồn sau đó có thể trở thành một tác nhân truyền dẫn, và có thể chuyển tiếp, thông qua trí tuệ và từ đó đến bộ não hồng trần, một số sự chứng nghiệm và khái niệm của phương diện Tinh thần. Các môn sinh nên nhớ những lời trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*.

"Matter is the Vehicle for the manifestation of Soul on this plane of existence, and Soul is the Vehicle on a higher plane for the manifestation of Spirit, and these three are a Trinity synthesized by Life, which pervades them all."

"Vật chất là Vận cụ cho sự biểu hiện của Linh hồn trên cõi tồn tại này, và Linh hồn là Vận cụ trên một cõi cao hơn cho sự biểu hiện của Tinh thần, và ba điều này là một Tam Vị được tổng hợp bởi Sự Sống, vốn thâm nhập tất cả chúng."

BLAVATSKY, H. P., "THE SECRET DOCTRINE", VOL. I, P. 80.

BLAVATSKY, H. P., "GIÁO LÝ BÍ NHIỆM", QUYỂN I, TR. 80.

This, in the academic language of occultism, is the realization of the mystic. Cardinal Richelieu [139] calls contemplation that state "in which man sees and knows God without using the imagination and without discursive reasoning," and Tauler expresses it thus:

Điều này, trong ngôn ngữ hàn lâm của huyền bí học, là sự chứng nghiệm của nhà thần bí. Hồng y Richelieu [139] gọi chiêm ngưỡng là trạng thái đó "trong đó con người nhìn thấy và biết Thượng đế mà không sử dụng trí tưởng tượng và không cần lý luận suy diễn," và Tauler diễn đạt điều đó như sau:

"God desires to dwell in the superior faculties — the memory, the intellect, and the will, and to operate in these after a divine manner. This is His true abode, His field of action; it is there that He finds His likeness. It is there that we must seek Him if

"Thượng đế mong muốn ngự trong các quan năng cao cấp — ký ức, trí năng, và ý chí, và hoạt động trong những điều này theo một cách thức thiêng liêng. Đây là nơi cư ngụ thực sự của Ngài, trường hoạt động của Ngài; chính ở đó Ngài tìm thấy sự tương đồng của

we desire to find Him and by the shortest way. Then the spirit is transported high above all the faculties into a void of immense solitude whereof no mortal can adequately speak....When, afterwards, these persons come to themselves again, they find themselves possessed of a distinct knowledge of things, more luminous and more perfect than that of others."

Ngài. Chính ở đó chúng ta phải tìm kiếm Ngài nếu chúng ta mong muốn tìm thấy Ngài và bằng con đường ngắn nhất. Khi đó tinh thần được đưa lên cao bên trên tất cả các quan năng vào một khoảng không của sự cô độc mênh mông mà không người phàm nào có thể nói đầy đủ....Khi, sau đó, những người này trở lại với chính mình một lần nữa, họ thấy mình sở hữu một kiến thức rõ ràng về mọi vật, sáng tỏ hơn và hoàn hảo hơn so với kiến thức của những người khác."

Quoted by Poulin, R. P., S.J., "Graces of Interior Prayer", p. 272

Được trích dẫn bởi Poulin, R. P., S.J., "Ân Sủng của Cầu Nguyện Nội Tâm", tr. 272

Contemplation has been described, as a psychic gateway, leading from one state of consciousness to another. Jeremy Taylor calls it the "transition from intense meditation to that contemplation which attains to the vision of the wonders of God, as the human soul enters the realm of the divine light." *(Puglisi, Mario, "Prayer", p. 181.)* Francois Malaval, who lived and wrote in the 17th century puts it most beautifully. He says:

Chiêm ngưỡng đã được mô tả, như một cánh cổng thông linh, dẫn từ trạng thái tâm thức này sang trạng thái tâm thức khác. Jeremy Taylor gọi nó là "sự chuyển tiếp từ tham thiền mãnh liệt sang sự chiêm ngưỡng đạt tới tầm nhìn về những kỳ quan của Thượng đế, khi linh hồn con người đi vào cõi của ánh sáng thiêng liêng." *(Puglisi, Mario, "Cầu Nguyện", tr. 181.)* Francois Malaval, người đã sống và viết vào thế kỷ 17 diễn đạt điều đó một cách đẹp đẽ nhất. Ông nói:

"This act (contemplation) is also more perfect than reasoning because in reasoning the soul speaks, whilst in this act it enjoys. Reasoning...convinces the soul by its principles, but here the soul is rather illumined than convinced, it sees rather than examines. Reasoning occupies itself in the consideration of a word, a proposition, or a discourse; but this simple sight of God, supposing all [140] reasonings as things passed and known, contemplates its object in God Himself...."

"Hành động này (chiêm ngưỡng) cũng hoàn hảo hơn lý luận vì trong lý luận linh hồn nói, trong khi trong hành động này nó tận hưởng. Lý luận...thuyết phục linh hồn bằng các nguyên tắc của nó, nhưng ở đây linh hồn được soi sáng hơn là được thuyết phục, nó thấy hơn là xem xét. Lý luận bận rộn với sự cân nhắc về một từ, một mệnh đề, hoặc một bài diễn văn; nhưng cái nhìn đơn giản này về Thượng đế, coi tất cả [140] các lý luận như những điều đã qua và đã biết, chiêm ngưỡng đối tượng của nó trong Chính Thượng đế...."

Malaval, F., "A Simple Method of Raising the Soul to Contemplation", p. 102.

Malaval, F., "Phương pháp đơn giản để nâng linh hồn lên sự chiêm ngưỡng", tr. 102.

Through this gateway of vision the man passes and finds himself to be the soul. From the vantage of the soul, he realizes himself to be the Perceiver, who can perceive equally the world of spiritual realities and the world of daily experience; he can look, if he so chooses, in either direction.

Qua cánh cổng của tầm nhìn này, con người đi qua và thấy mình là linh hồn. Từ vị thế thuận lợi của linh hồn, y chứng nghiệm mình là Người Tri Giác, kẻ có thể tri giác tốt như nhau thế giới của các thực tại tinh thần và thế giới của trải nghiệm hàng ngày; y có thể nhìn, nếu y chọn như vậy, theo bất kỳ hướng nào.

The problem is to acquire an equal facility in the work of perception on spiritual levels as we have learned on worldly levels, and one of the important points to remember is that in both cases the triplicity of soul, mind, and brain must play their part, but with a differing orientation and attention. It becomes simply a question of focus. The brain is active in practically a subconscious manner towards the instincts and habits which guide our physical plane life and appetites. Through right education, it learns to be receptive towards impressions emanating from the mind, and instead of being only a sensory register or recorder, it learns to respond to thought impressions. The mind in its turn has an instinctive tendency to record all outer information, but can be trained to be receptive towards the soul, and to register information coming from that higher source. In time we can acquire facility and practice in utilizing either brain or mind actively or passively, and eventually bringing about a perfect interplay between them and finally between the soul, the mind [141] and the brain. We can sum up all that has happened during the three stages we have considered in the words of Patanjali —

Vấn đề là đạt được sự thành thạo tương đương trong công việc tri giác trên các cấp độ tinh thần như chúng ta đã học được trên các cấp độ thế tục, và một trong những điểm quan trọng cần nhớ là trong cả hai trường hợp, bộ ba linh hồn, trí tuệ và bộ não phải đóng vai trò của chúng, nhưng với một định hướng và sự chú ý khác biệt. Nó chỉ đơn giản trở thành một vấn đề về sự tập trung. Bộ não hoạt động một cách thực tế theo tiềm thức đối với các bản năng và thói quen hướng dẫn cuộc sống cõi hồng trần và các sự thèm khát của chúng ta. Thông qua giáo dục đúng đắn, nó học cách trở nên dễ tiếp nhận đối với các ấn tượng phát ra từ trí tuệ, và thay vì chỉ là một cơ quan ghi nhận hoặc ghi lại thuộc cảm giác, nó học cách đáp ứng với các ấn tượng tư tưởng. Trí tuệ đến lượt nó có một xu hướng bản năng để ghi lại tất cả thông tin bên ngoài, nhưng có thể được rèn luyện để trở nên dễ tiếp nhận đối với linh hồn, và ghi nhận thông tin đến từ nguồn cao hơn đó. Theo thời gian, chúng ta có thể đạt được sự thành thạo và kinh nghiệm thực hành trong việc sử dụng hoặc bộ não hoặc trí tuệ một cách chủ động hay thụ động, và cuối cùng mang lại một sự tương tác hoàn hảo giữa chúng và cuối cùng là giữa linh hồn, trí tuệ [141] và bộ não. Chúng ta có thể tóm tắt tất cả những gì đã xảy ra trong ba giai đoạn mà chúng ta đã xem xét bằng những lời của Patanjali —

"The gradual conquest of the mind's tendency to flit from one object to another

"Sự chinh phục dần dần xu hướng của trí tuệ chạy từ đối tượng này sang đối tượng khác

(that is, concentration) and the power of one-pointedness (that is, meditation) make the development of contemplation."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", III., 11.

and when these three are simultaneously performed we are told that "this threefold power of attention, meditation and contemplation is more interior than all means of growth previous described." It is interesting to note that Malaval in his second Treatise, Dialogue III, makes the same point, linking faith, meditation and contemplation together as a synthetic act. The knowers in both the East and the West think alike.

Contemplation has been also defined by Evelyn Underhill in her most useful book, Mysticism, as the "lull between two activities." During this lull a new method of knowing and of being is instituted. This is perhaps one of the simplest and the most practical ways of understanding contemplation. *It is the interlude wherein the soul is active*. This soul activity is preceded by what we might call an upward activity. The physical brain has been quieted and held steady; the feeling or sensory apparatus has also been stilled and is no longer permitted to register information from its usual field of awareness; the mind has been focussed and held actively passive in the light which streams from the kingdom of the [142] soul. We refuse the passage of any information from the world of ordinary phenomena. This has been brought about through right concentration and meditation. This achieved, there ensues the interlude wherein the man knows himself to be a soul, dwelling in the eternal and freed from the limitations of form. This interlude is necessarily brief at first but as progress in

(tức là, tập trung) và sức mạnh của sự nhất tâm (tức là, tham thiền) tạo nên sự phát triển của chiêm ngưỡng."

BAILEY, ALICE A., "ÁNH SÁNG CỦA LINH HỒN", III., 11.

và khi ba điều này được thực hiện đồng thời, chúng ta được bảo rằng "quyền năng ba phần này của sự chú ý, tham thiền và chiêm ngưỡng thì nội tại hơn tất cả các phương tiện phát triển đã được mô tả trước đây." Thật thú vị khi lưu ý rằng Malaval trong Luận thuyết thứ hai, Đối thoại III, đưa ra cùng quan điểm, liên kết đức tin, tham thiền và chiêm ngưỡng cùng nhau như một hành động tổng hợp. Các thức giả ở cả Đông và Tây đều suy nghĩ giống nhau.

Chiêm ngưỡng cũng đã được định nghĩa bởi Evelyn Underhill trong cuốn sách hữu ích nhất của bà, Thần Bí Học, là "khoảng lặng giữa hai hoạt động." Trong khoảng lặng này, một phương pháp mới để biết và hiện tồn được thiết lập. Đây có lẽ là một trong những cách đơn giản nhất và thực tế nhất để thấu hiểu sự chiêm ngưỡng. *Đó là khoảng chuyển tiếp trong đó linh hồn hoạt động*. Hoạt động linh hồn này được đi trước bởi cái mà chúng ta có thể gọi là một hoạt động hướng thượng. Bộ não hồng trần đã được làm yên lặng và giữ ổn định; bộ máy cảm giác hay giác quan cũng đã được làm tĩnh lặng và không còn được phép ghi nhận thông tin từ trường nhận biết thông thường của nó; trí tuệ đã được tập trung và giữ thụ động một cách chủ động trong ánh sáng tuôn trào từ vương quốc của [142] linh hồn. Chúng ta từ chối sự đi qua của bất kỳ thông tin nào từ thế giới hiện tượng bình thường. Điều này đã được mang lại thông qua sự tập trung và tham thiền đúng đắn. Khi đạt được điều này, tiếp theo là khoảng chuyển tiếp trong đó con người biết mình là một linh hồn, trú ngụ trong cái vĩnh cửu và được giải thoát khỏi

control develops, it lengthens. The key to the whole process is the sustained concentration and attention of the mind "whilst the soul, the spiritual man, the perceiving being, contemplates."

những giới hạn của hình tướng. Khúc dạo giữa này nhất thiết phải ngắn ngủi lúc đầu nhưng khi sự tiến bộ trong việc kiểm soát phát triển, nó kéo dài ra. Chìa khóa cho toàn bộ quá trình là sự tập trung và chú ý bền bỉ của trí tuệ "trong khi linh hồn, con người tinh thần, thực thể tri giác, chiêm ngưỡng."

In a former book I have dealt more fully with this use of the mind as the instrument of the soul, and will repeat one paragraph here:

Trong một cuốn sách trước đây, tôi đã đề cập đầy đủ hơn về việc sử dụng trí tuệ này như công cụ của linh hồn, và sẽ lặp lại một đoạn ở đây:

"It should be made clear, however, that the perceiver on his own plane has always been aware of that which is now recognized. The difference lies in the fact that the instrument, the mind, is now in a state of control. It is, therefore, possible for the thinker to impress the brain, via the controlled mind, with that which is perceived. Man on the physical plane simultaneously *also* perceives, and true meditation and contemplation for the first time become possible. At first this will only be for a brief second. A flash of intuitive perception, a moment of vision and of illumination and all has gone. The mind begins again to modify itself and is thrown into activity, the vision is lost sight of, the high moment has passed, and the door into the soul realm seems suddenly to shut. But assurance has been gained; a glimpse of reality has been registered on the brain and the guarantee of future achievement is recognized."

"Tuy nhiên, cần phải làm rõ rằng người tri giác trên cõi riêng của y luôn nhận biết về cái hiện đang được nhận ra. Sự khác biệt nằm ở thực tế là công cụ, trí tuệ, hiện đang ở trong trạng thái được kiểm soát. Do đó, người suy tư có thể ghi khắc lên bộ não, thông qua trí tuệ đã được kiểm soát, những gì được tri giác. Con người trên cõi hồng trần đồng thời *cũng* tri giác, và tham thiền và chiêm ngưỡng chân chính lần đầu tiên trở nên khả thi. Lúc đầu điều này sẽ chỉ diễn ra trong một giây ngắn ngủi. Một tia chớp của tri giác trực giác, một khoảnh khắc của tầm nhìn và của sự soi sáng và tất cả đã biến mất. Trí tuệ bắt đầu sửa đổi chính nó một lần nữa và bị ném vào hoạt động, tầm nhìn bị mất dấu, khoảnh khắc cao độ đã qua, và cánh cửa vào cõi linh hồn dường như đột ngột đóng lại. Nhưng sự chắc chắn đã đạt được; một thoáng thực tại đã được ghi nhận trên bộ não và sự bảo đảm cho thành tựu tương lai được công nhận."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", III., 9.

BAILEY, ALICE A., "ÁNH SÁNG CỦA LINH HỒN", III., 9.

[143]

[143]

The second activity concerns itself with a dual work carried on by the mind. Having been held steady in the light, it now records

Hoạt động thứ hai liên quan đến một công việc kép được thực hiện bởi trí tuệ. Đã được giữ ổn định trong ánh sáng, giờ đây nó ghi

and registers the ideas, impressions and concepts imparted to it by the contemplating soul, formulating them into phrases and sentences, building them into thought forms and constructing clear mental images. It is for this that the need of a good mental apparatus will become apparent. A trained mind and a well-stocked memory and a carefully cultured mentality will greatly facilitate the work of the soul in gaining a right record and an accurate registering of its knowledge. Then, following upon this mental activity, will ensue a process of transmitting the gained information to the waiting quiescent brain.

lại và ghi nhận các ý tưởng, ấn tượng và khái niệm được truyền đạt cho nó bởi linh hồn đang chiêm ngưỡng, trình bày chúng thành các cụm từ và câu, xây dựng chúng thành các hình tư tưởng và kiến tạo các hình ảnh trí tuệ rõ ràng. Chính vì điều này mà nhu cầu về một bộ máy trí tuệ tốt sẽ trở nên rõ ràng. Một trí tuệ được rèn luyện và một ký ức đầy ắp cùng một trí năng được trau dồi cẩn thận sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho công việc của linh hồn trong việc đạt được một bản ghi đúng đắn và một sự ghi nhận chính xác kiến thức của nó. Sau đó, tiếp theo hoạt động trí tuệ này, sẽ diễn ra một quá trình chuyển giao thông tin đã thu được đến bộ não thụ động đang chờ đợi.

When the soul has learned to handle its instrument, through the medium of the mind and the brain, direct contact and interplay between the two becomes increasingly possible and steady, so that a man at will can focus his mind upon earthly affairs and be an efficient member of society, or upon heavenly things and function in his true being as a son of God. When this is the case, the soul utilizes the mind as a transmitting agent and the physical brain is trained to be responsive to that which is transmitted. The true son of God can live in two worlds at once; He is a citizen of the world and of the Kingdom of God. I cannot do better than close this chapter with some words of Evelyn Underhill:

Khi linh hồn đã học cách xử lý công cụ của nó, thông qua trung gian của trí tuệ và bộ não, sự tiếp xúc trực tiếp và tương tác giữa hai bên trở nên ngày càng khả thi và ổn định, để một người theo ý muốn có thể tập trung trí tuệ của mình vào các công việc trần thế và trở thành một thành viên hiệu quả của xã hội, hoặc vào những điều thuộc về thiên thượng và hoạt động trong bản thể thực sự của mình như một người con của Thượng đế. Khi trường hợp này xảy ra, linh hồn sử dụng trí tuệ như một tác nhân truyền dẫn và bộ não hồng trần được rèn luyện để đáp ứng với những gì được truyền dẫn. Người con thực sự của Thượng đế có thể sống trong hai thế giới cùng một lúc; Y là một công dân của thế giới và của Vương quốc Thượng đế. Tôi không thể làm gì tốt hơn là kết thúc chương này bằng một số lời của Evelyn Underhill:

"The full spiritual consciousness of the true mystic is developed not in one but in two apparently opposite but [144] really complementary directions....On the one hand he is intensely aware of, and knows himself to be at one with that active world of

"Tâm thức tinh thần đầy đủ của nhà thần bí chân chính được phát triển không phải theo một mà theo hai hướng dường như đối lập nhưng [144] thực sự bổ sung cho nhau....Một mặt, y nhận thức mãnh liệt về, và biết mình hợp nhất với thế giới đang trở thành năng

becoming....Hence though he has broken forever with the bondage of the senses, he perceives in every manifestation of life a sacramental meaning; a loveliness, a wonder, a heightened significance which is hidden from other men....On the other hand, the full mystic consciousness also attains to what is, I think, its really characteristic quality. It develops the power of apprehending the Absolute, Pure Being, the utterly Transcendent....This all-round expansion of consciousness, with its dual power of knowing by communion the temporal and eternal, immanent and transcendent aspects of reality...is the peculiar mark, the *ultimo sigillo* of the great mystic...."

UNDERHILL, EVELYN, "MYSTICISM", PP. 42-43..

động đó....Do đó, mặc dù y đã đoạn tuyệt mãi mãi với sự trói buộc của các giác quan, y tri giác trong mọi biểu hiện của sự sống một ý nghĩa bí tích; một vẻ đẹp, một điều kỳ diệu, một thâm nghĩa cao độ được giấu kín khỏi những người khác....Mặt khác, tâm thức thần bí trọn vẹn cũng đạt tới cái mà tôi nghĩ là phẩm tính đặc trưng thực sự của nó. Nó phát triển sức mạnh lĩnh hội Đấng Tuyệt Đối, Bản Thể Thuần Khiết, Đấng Siêu Việt hoàn toàn....Sự mở rộng toàn diện này của tâm thức, với sức mạnh kép của nó trong việc biết thông qua sự giao cảm các phương diện thuộc thời gian và vĩnh cửu, nội tại và siêu việt của thực tại...là dấu hiệu đặc biệt, *dấu ấn cuối cùng* của nhà thần bí vĩ đại...."

UNDERHILL, EVELYN, "THẦN BÍ HỌC", TR. 42-43..

The results of this dual activity and facility of interplay we will consider next. The intuition begins to function; illumination is experienced, and the life of inspiration, with its many special characteristics must be studied, and this we will attempt in our next chapter.

Các kết quả của hoạt động kép và sự dễ dàng trong tương tác này chúng ta sẽ xem xét tiếp theo. Trực giác bắt đầu hoạt động; sự soi sáng được trải nghiệm, và đời sống của cảm hứng, với nhiều đặc điểm đặc biệt của nó phải được nghiên cứu, và điều này chúng ta sẽ nỗ lực trong chương tiếp theo của chúng ta.

CHAPTER SEVEN - INTUITION AND ILLUMINATION—TRỰC GIÁC VÀ SỰ SOI SÁNG

"And God said:

Let there be light!

And there was light."

BIBLE

[147]

We have laid down the general premise that modern educational methods in the West have familiarized man with the idea that he possesses a mind; they have brought him to an appreciation of the intellect, so much so, that to many the achievement of intellectual ability is the consummation of the work of evolution. We have suggested further that when the eastern technique of meditation (with its stages of concentration, meditation and contemplation) has been applied by the western intellectual, the mind processes can be trained to reach their highest point of development and can then be superseded by a still higher faculty, that of the intuition. We have, in the West, noted also that the finest minds we have, through an intense interest and application, reach the same standard of achievement to which meditation brings the eastern aspirant to knowledge. But at this point the parallel breaks down. Education in the Occident fails to carry its exponents on into the realm of the intuition, or of illumination. In fact, we rather smile at the idea of an illumined consciousness and ascribe much of the testimony available to the hallucinations of

"Và Thượng đế phán:

Hãy có ánh sáng!

Và ánh sáng đã có."

KINH THÁNH

[147]

Chúng ta đã đặt ra tiền đề chung rằng các phương pháp giáo dục hiện đại ở phương Tây đã làm cho con người quen thuộc với ý tưởng rằng y sở hữu một trí tuệ; chúng đã đưa y đến sự đánh giá cao về trí năng, nhiều đến mức đối với nhiều người, việc đạt được khả năng trí tuệ là sự hoàn tất công việc tiến hóa. Chúng ta đã gợi ý thêm rằng khi kỹ thuật tham thiền phương Đông (với các giai đoạn tập trung, tham thiền và chiêm ngưỡng) đã được áp dụng bởi người trí thức phương Tây, các quá trình trí tuệ có thể được rèn luyện để đạt tới điểm phát triển cao nhất của chúng và sau đó có thể được thay thế bởi một quan năng cao hơn nữa, đó là trực giác. Chúng ta, ở phương Tây, cũng đã lưu ý rằng những bộ óc tốt nhất mà chúng ta có, thông qua một sự quan tâm và chuyên tâm mãnh liệt, đạt đến cùng một tiêu chuẩn thành tựu mà sự tham thiền mang lại cho người chí nguyện phương Đông đối với tri thức. Nhưng tại điểm này, sự song hành bị phá vỡ. Giáo dục ở Phương Tây thất bại trong việc đưa những người tiêu biểu của nó đi vào cõi của trực giác, hoặc của sự soi sáng. Thực tế, chúng ta có phần cười nhạo ý tưởng về một tâm thức được soi sáng và gán phần lớn lời

the over-stimulated mystic or to [148] the psychopathic cases with which our psychologists are constantly dealing.

chứng thực sẵn có cho những ảo giác của nhà thần bí bị kích thích quá mức hoặc cho [148] các trường hợp bệnh tâm thần mà các nhà tâm lý học của chúng ta thường xuyên xử lý.

But it can be proved, I believe, that the developed spiritual perception and an illumined intellect can be part of the equipment of the sane and balanced business man or scientist, and need not necessarily indicate a lack of psychic balance, or emotional instability. The light of illumination and of inspiration is quite compatible with the pursuit of one's daily occupations, and this has been told us for centuries in an ancient Chinese teaching, dating back to the eighth century:

Nhưng tôi tin rằng có thể chứng minh được rằng tri giác tinh thần phát triển và một trí năng được soi sáng có thể là một phần trang bị của doanh nhân hoặc nhà khoa học tỉnh táo và cân bằng, và không nhất thiết phải biểu thị sự thiếu cân bằng tâm lý, hoặc sự bất ổn cảm xúc. Ánh sáng của sự soi sáng và của cảm hứng hoàn toàn tương thích với việc theo đuổi các công việc hàng ngày của một người, và điều này đã được nói với chúng ta trong nhiều thế kỷ trong một giáo huấn cổ xưa của Trung Hoa, có niên đại từ thế kỷ thứ tám:

"Master Lü Tzŭ said: When there is gradual success in producing the circulation of the Light, a man must not give up his ordinary occupation in doing it. The ancients said: When occupations come to us, we must accept them; when things come to us, we must understand them from the ground up. If the occupations are regulated by correct thoughts, the Light is not scattered by outside things, but circulates according to its own law."

"Sư phụ Lữ Tổ nói: Khi có sự thành công dần dần trong việc tạo ra sự luân chuyển của Ánh Sáng, con người không được từ bỏ công việc bình thường của mình khi làm điều đó. Người xưa nói: Khi công việc đến với chúng ta, chúng ta phải chấp nhận chúng; khi mọi việc đến với chúng ta, chúng ta phải thấu hiểu chúng từ căn bản. Nếu các công việc được điều chỉnh bởi những tư tưởng đúng đắn, Ánh Sáng không bị phân tán bởi những việc bên ngoài, mà luân chuyển theo quy luật riêng của nó."

WILHELM, RICHARD, AND JUNG, C.G., "THE SECRET OF THE GOLDEN FLOWER", P. 57.

WILHELM, RICHARD, VÀ JUNG, C.G., "BÍ MẬT CỦA HOA VÀNG", TR. 57.

These characteristics of illumination and its results are to be found working out in the consciousness of the man who has progressed through the stages we have earlier outlined, and form the theme of this chapter. Illumination is a stage in the meditation process, for it entails careful control of the mind and a scientific approach

Những đặc điểm này của sự soi sáng và các kết quả của nó được tìm thấy đang diễn ra trong tâm thức của người đã tiến bộ qua các giai đoạn mà chúng ta đã phác thảo trước đó, và hình thành chủ đề của chương này. Sự soi sáng là một giai đoạn trong quá trình tham thiền, vì nó đòi hỏi sự kiểm soát cẩn thận đối với trí tuệ và một cách tiếp cận khoa học đối

to the subject; it is a result of the true contemplative state and of soul contact, and indicates, with its sequential effects, the [149] institution of the second activity of the mind, considered a few pages earlier.

với chủ đề; nó là một kết quả của trạng thái chiêm ngưỡng chân chính và của sự tiếp xúc linh hồn, và biểu thị, với các tác động tuần tự của nó, [149] sự thiết lập hoạt động thứ hai của trí tuệ, được xem xét vài trang trước đó.

According to the pioneers into the realm of the soul, the condition of illumination supervenes directly upon the stage of contemplation, and might be described, in its turn, as producing three effects: That of an illumined intellect, of intuitive perception, and an inspired life upon the physical plane of existence. This condition is recognized by all mystics, and by all writers upon the subject of the mystic revelation. The thought of a Light which enters in and which shines upon our way, the symbolism of an intense irradiation or blinding radiance which accompanies the phase of divine contact, are so general in their use that we have come to look upon them simply as something couched in mystical phraseology, which means relatively little more than an attempt of the visionary aspirant to express in words the wonders that he has sensed.

Theo những người tiên phong vào cõi của linh hồn, tình trạng soi sáng diễn ra ngay sau giai đoạn chiêm ngưỡng, và đến lượt nó, có thể được mô tả như tạo ra ba tác hiệu: Tác hiệu của một trí năng được soi sáng, của tri giác trực giác, và một đời sống được truyền cảm hứng trên cõi tồn tại hồng trần. Tình trạng này được công nhận bởi tất cả các nhà thần bí, và bởi tất cả các tác giả viết về chủ đề mặc khải thần bí. Tư tưởng về một Ánh Sáng đi vào và chiếu rọi lên con đường của chúng ta, biểu tượng của một sự chiếu xạ mãnh liệt hay sự rạng rỡ chói lòa đi kèm với giai đoạn tiếp xúc thiêng liêng, là quá phổ biến trong cách sử dụng của họ đến nỗi chúng ta đã đi đến chỗ coi chúng chỉ đơn giản là một điều gì đó được diễn đạt bằng thuật ngữ thần bí, vốn có nghĩa tương đối không hơn gì một nỗ lực của người chí nguyện đầy thị kiến để diễn đạt bằng lời những điều kỳ diệu mà y đã cảm nhận.

It seems, however, on investigation, that there is a good deal of meaning in this special terminology and these symbolic phrases. The uniformity of the language, the testimony of the many thousands of reputable witnesses and the similarity of the related occurrences seem to indicate something in the nature of a genuine phenomenal happening. Dr. Overstreet, in *The Enduring Quest*, mentions a large number of those great individuals for whom it is claimed that they were illumined, and points out that “these men do not reason their way to conclusions, although reason — the search for truth — apparently played a

Tuy nhiên, khi điều tra, có vẻ như có rất nhiều ý nghĩa trong thuật ngữ đặc biệt này và những cụm từ tượng trưng này. Sự đồng nhất của ngôn ngữ, lời chứng của hàng ngàn nhân chứng có uy tín và sự tương đồng của các sự kiện liên quan dường như chỉ ra điều gì đó trong bản chất của một sự kiện hiện tượng chân thực. Tiến sĩ Overstreet, trong cuốn *Cuộc Tìm Kiếm Bền Bỉ*, đề cập đến một số lượng lớn những cá nhân vĩ đại đó mà đối với họ người ta cho rằng họ đã được soi sáng, và chỉ ra rằng “những người này không dùng lý luận để đi đến các kết luận, mặc dù lý trí — sự tìm kiếm chân lý — dường như đã đóng một [150] vai trò trong việc chuẩn bị cho sự

[150] part in preparation for their final insight. In every case," he adds, "they experienced what, for want of a better term, we may call 'illumination'." He goes on to warn us also that "we may, to be sure, brush these experiences aside as aberrations...." But he says "these men do not act after the manner of men suffering from an aberration. Out of them has come a great portion of the spiritual wisdom of the race. They are, as it where, among the illuminati of mankind. If 'by their fruits ye shall know them,' these men have shown fruits so far above the average as to make them spiritual leaders of mankind." (*Overstreet, H. A., "The Enduring Quest", pp. 239, 239, 240.)*

thấu suốt cuối cùng của họ. Trong mọi trường hợp," ông nói thêm, "họ đã trải nghiệm cái mà, vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, chúng ta có thể gọi là 'sự soi sáng'." Ông tiếp tục cảnh báo chúng ta rằng "chúng ta có thể, chắc chắn, gạt bỏ những trải nghiệm này như những sự lầm lạc...." Nhưng ông nói "những người này không hành động theo kiểu của những người đang chịu đựng một sự lầm lạc. Từ họ đã phát ra một phần lớn minh triết tinh thần của nhân loại. Họ, như thể là, nằm trong số những người được soi sáng của nhân loại. Nếu 'xem quả thì biết người,' những người này đã cho thấy những quả vượt xa mức trung bình đến nỗi làm cho họ trở thành những nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại." (*Overstreet, H. A., "Cuộc Tìm Kiếm Bền Bỉ", tr. 239, 239, 240.)*

The trouble has been that with the average mystic, though not with the outstanding figures to whom Dr. Overstreet refers, there has usually been an inability to define or express clearly this state of illumination. "The mystic," we are told in the Bampton Lectures for 1930, "cannot explain, but he knows that he has known and not merely felt, and often that knowledge remains an abiding possession which no criticism can touch...though the mystics seem to be unable to convey to others any body of truth which cannot be reached by more ordinary channels of experience and reasoning, it is nevertheless possible that the intensity of their special apprehension of reality may serve, as extreme cases serve to test the truth of some general geometrical theorem, to set our fundamental problem in a clearer light." (*Grensted, Rev. L. W., "Psychology and God", pp. 203-204.)*

Vấn đề là đối với nhà thần bí trung bình, mặc dù không phải với những nhân vật kiệt xuất mà Tiến sĩ Overstreet đề cập, thường có sự bất lực trong việc định nghĩa hoặc diễn đạt rõ ràng trạng thái soi sáng này. "Nhà thần bí," chúng ta được bảo trong các Bài Giảng Bampton năm 1930, "không thể giải thích, nhưng y biết rằng y đã biết và không chỉ đơn thuần cảm thấy, và thường kiến thức đó vẫn là một điều y nắm giữ bền vững mà không sự chỉ trích nào có thể chạm tới...mặc dù các nhà thần bí dường như không thể truyền đạt cho người khác bất kỳ khối lượng chân lý nào mà không thể đạt được bằng các kênh trải nghiệm và lý luận thông thường hơn, tuy nhiên có khả năng là cường độ của sự lĩnh hội đặc biệt của họ về thực tại có thể phục vụ, như các trường hợp giới hạn phục vụ để kiểm tra chân lý của một định lý hình học tổng quát nào đó, để đặt vấn đề cơ bản của chúng ta vào một ánh sáng rõ ràng hơn." (*Grensted, Rev. L. W., "Tâm Lý Học và Thượng đế", tr. 203-204.)*

[151]

[151]

It is here that the East steps in and shows the system whereby illumination can be gained, and produces for our consideration an ordered process and method which carries man to the state of identification with the soul. It posits — as a result of that identification and its subsequent effects — an illuminated perception and an intuitive apprehension of truth. It is, we are told in the eastern Scriptures, the mind that reflects the light and knowledge of the omniscient soul, and the brain that, in its turn, is illuminated. This is only possible when the interplay between the three factors of soul, mind and brain is complete. Patanjali tells us in his *Yoga Sutras*,

Chính tại đây, phương Đông bước vào và chỉ ra hệ thống nhờ đó sự soi sáng có thể đạt được, và đưa ra cho chúng ta xem xét một quy trình và phương pháp trật tự đưa con người đến trạng thái đồng nhất với linh hồn. Nó đặt ra — như một kết quả của sự đồng nhất đó và các tác hiệu tiếp theo của nó — một tri giác được soi sáng và một sự lĩnh hội trực giác về chân lý. Chúng ta được bảo trong các Kinh điển phương Đông, chính trí tuệ phản chiếu ánh sáng và kiến thức của linh hồn toàn tri, và bộ não, đến lượt nó, được soi sáng. Điều này chỉ có thể xảy ra khi sự tương tác giữa ba yếu tố linh hồn, trí tuệ và bộ não được hoàn tất. Patanjali nói với chúng ta trong *Kinh Yoga* của ông,

"The Lord of the mind, the perceiver. is ever aware of the constantly active mind stuff.

"Chúa tể của trí tuệ, người tri giác. luôn nhận biết về chất liệu trí tuệ hoạt động không ngừng.

"Because it can be seen or cognized it is apparent that the mind is not the source of illumination.

"Bởi vì nó có thể được nhìn thấy hoặc nhận thức, rõ ràng trí tuệ không phải là nguồn gốc của sự soi sáng.

"When the spiritual intelligence which stands alone and freed from objects, reflects itself in the mind stuff, then comes awareness of the Self.

"Khi trí thông minh tinh thần đứng một mình và giải thoát khỏi các đối tượng, tự phản chiếu trong chất liệu trí tuệ, thì nhận thức về Chân Ngã xuất hiện.

"Then the mind stuff, reflecting both the knower and the knowable, becomes omniscient.

"Khi đó chất liệu trí tuệ, phản chiếu cả người biết và cái có thể biết, trở nên toàn tri.

"The mind then tends towards discrimination and increasing illumination.

"Trí tuệ khi đó hướng tới sự phân biện và sự soi sáng ngày càng tăng.

"When the means to union have been steadily practised, and when impurity has been overcome, enlightenment takes place, leading up to full illumination.

"Khi các phương tiện đi đến sự hợp nhất đã được thực hành đều đặn, và khi sự không thanh khiết đã được khắc phục, sự giác ngộ diễn ra, dẫn đến sự soi sáng trọn vẹn.

"The knowledge (or illumination) achieved is seven-fold and is attained progressively."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", PP. 408, 409, 415, 416, 422, 178, 172.

Patanjali goes on later to point out that, after proper concentration, meditation and contemplation, [152] that which obscures the light is gradually removed, and he adds:

"When that which veils the light is done away with, then comes the state of being called discarnate (or disembodied) freed from the modification of the thinking principle. This is the state of illumination."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", PP. 118, 240.

It is perhaps possible, therefore, that when Christ enjoined upon His disciples that they should "let their light shine," He was not speaking symbolically at all, but was urging upon them the necessity of arriving at a state of freedom from the body consciousness in order that the light of the soul could pour through the mind into the brain and produce that illumination which enables a man to say: "In that Light shall we see light."

The way to that freedom has always been understood by the Christian Church and is called the "Way of Purification." It entails the purifying or rarefaction of the lower body nature, and the wearing away of the veil of matter, which hides the light within each human being. The veil must be pierced and there are many ways of doing it. Dr. Winslow Hall in *Illuminanda* (*Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", p. 93.)* tells us of three ways, — the way of Beauty the way

"Kiến thức (hay sự soi sáng) đạt được là thất phân và đạt được một cách lũy tiến."

BAILEY, ALICE A., "ÁNH SÁNG CỦA LINH HỒN", TR. 408, 409, 415, 416, 422, 178, 172.

Patanjali tiếp tục chỉ ra sau đó rằng, sau khi tập trung, tham thiền và chiêm ngưỡng đúng cách, [152] cái che khuất ánh sáng dần dần được loại bỏ, và ông nói thêm:

"Khi cái che khuất ánh sáng bị loại bỏ, thì trạng thái hiện tồn gọi là thoát xác (hay phi thân) đến, được giải thoát khỏi sự biến đổi của nguyên lý tư duy. Đây là trạng thái soi sáng."

BAILEY, ALICE A., "ÁNH SÁNG CỦA LINH HỒN", TR. 118, 240.

Do đó, có lẽ có khả năng là khi Đức Christ truyền cho các đệ tử của Ngài rằng họ nên "để ánh sáng của họ chiếu sáng," Ngài hoàn toàn không nói một cách tượng trưng, mà đang thúc giục họ về sự cần thiết phải đạt đến một trạng thái giải thoát khỏi tâm thức thân thể để ánh sáng của linh hồn có thể tuôn đổ qua trí tuệ vào bộ não và tạo ra sự soi sáng cho phép một người nói: "Trong Ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy ánh sáng."

Con đường dẫn đến sự tự do đó luôn được Giáo hội Cơ đốc giáo thấu hiểu và được gọi là "Con Đường Thanh Luyện." Nó đòi hỏi sự thanh lọc hay làm cho bản chất thân thể thấp trở nên thanh nhẹ hơn, và làm mòn đi bức màn vật chất, vốn che giấu ánh sáng bên trong mỗi con người. Bức màn phải bị xuyên thủng và có nhiều cách để làm điều đó. Tiến sĩ Winslow Hall trong cuốn *Illuminanda (Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", tr. 93.)* nói với chúng ta về ba cách, — con

of the Intellect, and the way of the Soul. Through beauty and the search for the reality which has produced it, the mystic forces himself behind the outer form and finds the good and the wonderful. Dr. Otto (*Otto, Rudolf, "The Idea of the Holy"*) deals with this in his [153] exegesis of the faculty of "divination," that capacity to recognize with awe and wonder the essential holy and beautiful behind all forms. His chapter is well worth careful consideration. Thus the mystic "divines" (through the divine within himself) the reality which the veil of matter hides. This is the way of the senses. Then there is the way of the intellect, of the intense focussing of the mind upon a problem and upon the form aspect in order to arrive at the cause of its being. In this way, the scientists have made so much progress and have penetrated so far within the veil that they have arrived at a something which they call "energy". Dr. W. Winslow Hall defines the third way, as follows:

đường của Vẻ Đẹp, con đường của Trí Năng, và con đường của Linh Hồn. Thông qua vẻ đẹp và việc tìm kiếm thực tại đã tạo ra nó, nhà thần bí buộc mình ra sau hình tướng bên ngoài và tìm thấy cái tốt đẹp và kỳ diệu. Tiến sĩ Otto (*Otto, Rudolf, "Ý Tưởng về Cái Thiêng Liêng"*) đề cập đến điều này trong [153] sự luận giải của ông về quan năng "trực nhận cái thiêng," khả năng nhận ra với sự kinh sợ và ngạc nhiên điều thiêng liêng và đẹp đẽ cốt yếu đằng sau mọi hình tướng. Chương của ông rất đáng để xem xét cẩn thận. Do đó, nhà thần bí "trực nhận" (thông qua điều thiêng liêng bên trong chính y) thực tại mà bức màn vật chất che giấu. Đây là con đường của các giác quan. Sau đó là con đường của trí năng, của sự tập trung mãnh liệt của trí tuệ vào một vấn đề và vào phương diện hình tướng để đi đến nguyên nhân tồn tại của nó. Bằng cách này, các nhà khoa học đã đạt được rất nhiều tiến bộ và đã thâm nhập rất sâu vào bên trong bức màn đến nỗi họ đã đi đến một cái gì đó mà họ gọi là "năng lượng". Tiến sĩ W. Winslow Hall định nghĩa con đường thứ ba, như sau:

"The way of the soul is at once the oldest and the widest of the three ways...for the soul does more than pierce the veil of matter; it identifies itself both with the veil and with the Reality behind the veil. Thereby soul and veil and Reality are felt to be one."

"Con đường của linh hồn đồng thời là con đường lâu đời nhất và rộng nhất trong ba con đường...vì linh hồn làm nhiều hơn là xuyên thủng bức màn vật chất; nó đồng nhất chính nó với cả bức màn và Thực Tại đằng sau bức màn. Nhờ đó linh hồn và bức màn và Thực Tại được cảm thấy là một."

HALL, W. WINSLOW, M.D., "ILLUMINANDA", P. 94.

HALL, W. WINSLOW, M.D., "ILLUMINANDA", TR. 94.

We are thus brought back to the idea of Wholeness and of Oneness with the Universe, which we touched upon earlier, and Dr. Hall adds that "I would define illumination as an overwhelming sense of oneness with The Whole." *(Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", p. 21.)*

Do đó, chúng ta được đưa trở lại với ý tưởng về Tính Toàn Vẹn và sự Hợp Nhất với Vũ Trụ, điều mà chúng ta đã đề cập trước đó, và Tiến sĩ Hall nói thêm rằng "Tôi sẽ định nghĩa sự soi sáng như một cảm giác tràn ngập về sự hợp nhất với Cái Toàn Thể." *(Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", tr. 21.)*

Let us attempt at this point to express as simply as possible where our conclusions have led us, and see what has happened to the man who has carried forward his education from the stage of memory training and the grasping of information to that of [154] a conscious use of the intellect and from then on into the realm of the conscious knower.

Tại điểm này, chúng ta hãy nỗ lực diễn đạt đơn giản nhất có thể nơi mà các kết luận của chúng ta đã dẫn dắt chúng ta, và xem điều gì đã xảy ra với người đã thực hiện việc giáo dục của mình từ giai đoạn rèn luyện ký ức và nắm bắt thông tin đến giai đoạn [154] sử dụng trí năng một cách có ý thức và từ đó trở đi vào cõi của thức giả có ý thức.

Through concentration and meditation he has achieved a large measure of mind control and learned how "to hold the mind steady in the light." The consciousness then slips out of the lower self (out of the realm of awareness of the brain and the mind) and the mystic passes into the contemplative state, wherein he functions as the soul, and realizes himself as a Knower. The nature of the soul is knowledge and light, and its realm of existence is the kingdom of God. All the time that this identification with the soul continues, the mind is held steady and refuses all response to contacts emanating from other states of awareness, such as those coming from the emotional and physical worlds. Absorbed in union with God, transported into the "Third Heaven" (like St. Paul) and contemplating the beatific vision of Reality, he knows nothing, sees nothing, hears nothing except the phenomena which are appropriate to the world in which he is living. But in that world, he hears, and sees, and knows; he becomes aware of Truth, unveiled and freed from the glamour which the veil of matter casts upon it; he listens to the Wisdom which is stored up in his own unfathomable soul, and is that Wisdom itself, for subject and object no longer exist for him: he is both and knows it. He enters into the Mind of God — that universal storehouse of knowledge whose door stands ever open to those individual minds which can be sufficiently

Thông qua tập trung và tham thiền, y đã đạt được một mức độ kiểm soát trí tuệ lớn và học được cách "giữ trí tuệ ổn định trong ánh sáng." Khi đó tâm thức trượt ra khỏi phàm ngã (ra khỏi cõi nhận biết của bộ não và trí tuệ) và nhà thần bí đi vào trạng thái chiêm ngưỡng, trong đó y hoạt động như linh hồn, và chứng nghiệm mình là một Thức Giả. Bản chất của linh hồn là tri thức và ánh sáng, và cõi tồn tại của nó là vương quốc của Thượng đế. Trong suốt thời gian sự đồng nhất với linh hồn này tiếp diễn, trí tuệ được giữ ổn định và từ chối mọi phản ứng với các tiếp xúc phát ra từ các trạng thái nhận biết khác, chẳng hạn như những tiếp xúc đến từ các thế giới cảm xúc và hồng trần. Chìm đắm trong sự hợp nhất với Thượng đế, được đưa vào "Cõi Trời Thứ Ba" (giống như Thánh Paul) và chiêm ngưỡng tầm nhìn diễm phúc về Thực Tại, y không biết gì, không thấy gì, không nghe gì ngoại trừ các hiện tượng thích hợp với thế giới mà y đang sống. Nhưng trong thế giới đó, y nghe, và thấy, và biết; y trở nên nhận biết về Chân Lý, được vén màn và giải thoát khỏi ảo cảm mà bức màn vật chất phủ lên nó; y lắng nghe Minh Triết được lưu trữ trong linh hồn sâu thẳm của chính y, và chính là Minh Triết đó, vì chủ thể và khách thể không còn tồn tại đối với y: y là cả hai và biết điều đó. Y đi vào Trí Tuệ của Thượng đế — kho tàng tri thức phổ quát đó mà cánh cửa luôn mở rộng cho những trí tuệ cá nhân nào có thể được làm tĩnh lặng và kiểm soát đủ để cho phép [155] thị kiến cánh

quieted and controlled to permit [155] of their visioning the door and passing through it. And still, throughout all this transcendental process, the mind has been held steady in the Light.

cửa và đi qua nó. Và tuy nhiên, trong suốt quá trình siêu việt này, trí tuệ vẫn được giữ ổn định trong Ánh Sáng.

Presently, however, the contemplative state comes to an end, and the mind is swept into a renewed activity, an activity based on its reaction to the light, and on its power to register and record the information with which the soul seeks to dower it. The energies of the soul have been outward-going into the world of divine realities. Now the focus of attention changes, and Deity turns its eyes upon the waiting instrument, and seeks to impress upon it as much of its Wisdom and Knowledge as it is capable of receiving and reflecting.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu, trạng thái chiêm ngưỡng đi đến hồi kết, và trí tuệ bị cuốn vào một hoạt động mới, một hoạt động dựa trên phản ứng của nó với ánh sáng, và trên sức mạnh của nó để ghi nhận và ghi lại thông tin mà linh hồn tìm cách ban tặng cho nó. Các năng lượng của linh hồn đã hướng ngoại vào thế giới của các thực tại thiêng liêng. Giờ đây tiêu điểm của sự chú ý thay đổi, và Thượng đế hướng mắt về công cụ đang chờ đợi, và tìm cách ghi ấn tượng lên nó nhiều Minh Triết và Tri Thức của mình hết mức mà nó có khả năng tiếp nhận và phản chiếu.

There is an aptitude among those writers on mysticism who are concerned with the purely mystic way, and have not studied adequately the technique of the East, to confound illumination with feeling. Evelyn Underhill, for instance, says "...The illuminated state entails a vision of the Absolute: a sense of the Divine Presence: but not true union with it." "It is," she says, "a state of happiness." *(Underhill, Evelyn, "Mysticism", p. 206.)* The illumination of the mind with knowledge and with a realization of union with Deity and its apprehension of the laws which govern the spiritual realm may, ultimately, produce happiness, but that happiness is an after effect and not a part of the illumined state. True illumination is related to the intellect, and should be — in its purest aspect — divorced from feeling altogether. It is a condition [156] of knowledge, it is a state wherein the mind is brought into relation with God, and the longer that condition can be held free from emotional reactions, the more direct will be

Có một khuynh hướng giữa các tác giả viết về thần bí học, những người quan tâm đến con đường thần bí thuần túy, và chưa nghiên cứu đầy đủ kỹ thuật của phương Đông, là nhầm lẫn sự soi sáng với cảm giác. Ví dụ, Evelyn Underhill nói "...Trạng thái được soi sáng đòi hỏi một tầm nhìn về Đấng Tuyệt Đối: một cảm giác về Sự Hiện Diện Thiêng Liêng: nhưng không phải sự hợp nhất thực sự với nó." "Đó là," bà nói, "một trạng thái hạnh phúc." *(Underhill, Evelyn, "Mysticism", tr. 206.)* Sự soi sáng trí tuệ bằng tri thức và bằng sự chứng nghiệm về sự hợp nhất với Thượng đế và sự lĩnh hội của nó về các quy luật chi phối cõi tinh thần, cuối cùng, có thể tạo ra hạnh phúc, nhưng hạnh phúc đó là một hậu quả và không phải là một phần của trạng thái được soi sáng. Sự soi sáng thực sự liên quan đến trí năng, và nên — trong phương diện thuần khiết nhất của nó — tách rời hoàn toàn khỏi cảm giác. Đó là một tình trạng [156] của tri thức, đó là một trạng thái trong đó trí tuệ được đưa vào mối quan hệ với Thượng đế, và tình trạng đó càng được

the communication between the soul and its instrument, and the freer from deterioration will be the imparted truths.

giữ tự do khỏi các phản ứng cảm xúc bao lâu, thì sự giao tiếp giữa linh hồn và công cụ của nó sẽ càng trực tiếp, và các chân lý được truyền đạt sẽ càng ít bị suy giảm.

A comparison of the way of the Knower and the way of the mystic might be of value here. The mystic, especially in the West, gains his flash of insight; he sees the Beloved; he touches heights of awareness, but his approach, in the majority of cases, has been the *heart* approach, and has involved feeling, sensory perception, and emotion. The result has been ecstasy. His technique has been that of devotion, discipline, an emotional striving forward, the "lifting up of the heart unto the Lord," the "vision of the Beloved," and "the marriage in the Heavens," the pouring out of the love nature at the feet of the Beloved, and consequent ecstasy. Afterwards, if we are to believe the writings of the mystics themselves, there has followed a period of readjustment to the life of every day, and, frequently, a sense of depression and disappointment that the high moment has passed, coupled with an inability to speak with clarity of that which has been experienced. Then a fresh cycle of devotion and discipline is initiated, until again the vision is seen and the Beloved contacted anew. From certain angles the self-centeredness of the Western mystic is notable, and his failure to use the intellect most remarkable. We must except, however, such mystics [157] as Boehme, Ruysbroeck, or Meister Eckhart, in whose writings the element of the intellect is strongly stressed, and the quality of knowledge most apparent. Note what Meister Eckhart himself says:

Một sự so sánh giữa con đường của Thức Giả và con đường của nhà thần bí có thể có giá trị ở đây. Nhà thần bí, đặc biệt là ở phương Tây, đạt được tia chớp thấu suốt của mình; y nhìn thấy Đấng Được Yêu Dấu; y chạm tới những đỉnh cao của nhận thức, nhưng cách tiếp cận của y, trong đa số trường hợp, là cách tiếp cận của *con tim*, và đã liên quan đến cảm giác, tri giác giác quan, và cảm xúc. Kết quả là sự xuất thần. Kỹ thuật của y là kỹ thuật của lòng sùng tín, kỷ luật, một sự phấn đấu cảm xúc về phía trước, "sự nâng tâm hồn lên Chúa," "tầm nhìn về Đấng Được Yêu Dấu," và "cuộc hôn nhân trên các Tầng Trời," sự tuôn đổ bản chất yêu thương dưới chân Đấng Được Yêu Dấu, và sự xuất thần tiếp theo. Sau đó, nếu chúng ta tin vào các bài viết của chính các nhà thần bí, đã diễn ra một giai đoạn điều chỉnh lại với cuộc sống hàng ngày, và, thường xuyên, một cảm giác trầm cảm và thất vọng vì khoảnh khắc cao độ đã qua, cùng với sự bất lực để nói rõ ràng về những gì đã được trải nghiệm. Sau đó, một chu kỳ sùng tín và kỷ luật mới được bắt đầu, cho đến khi tầm nhìn lại được nhìn thấy và Đấng Được Yêu Dấu được tiếp xúc một lần nữa. Từ những góc độ nhất định, sự tập trung vào bản thân của nhà thần bí phương Tây là đáng chú ý, và sự thất bại của y trong việc sử dụng trí năng là đáng ngạc nhiên nhất. Tuy nhiên, chúng ta phải ngoại trừ những nhà thần bí [157] như Boehme, Ruysbroeck, hoặc Meister Eckhart, trong các bài viết của họ yếu tố trí năng được nhấn mạnh mạnh mẽ, và phẩm tính của tri thức rõ ràng nhất. Hãy lưu ý những gì chính Meister Eckhart nói:

"There is one power in the soul: intellect, of prime importance to the soul for making her aware of, for detecting, God....The soundest arguments expressly state (what is the truth) that the kernel of eternal life lies rather in knowledge than in love....The soul is not dependent upon temporal things but in the exaltation of her mind is in communication with the things of God"

"Có một quyền năng trong linh hồn: trí năng, có tầm quan trọng hàng đầu đối với linh hồn để làm cho nó nhận biết về, để phát hiện, Thượng đế....Những lập luận đúng đắn nhất tuyên bố rõ ràng (điều là sự thật) rằng hạt nhân của sự sống vĩnh cửu nằm ở tri thức hơn là ở tình yêu....Linh hồn không phụ thuộc vào những điều thuộc thời gian mà trong sự thăng hoa của tâm trí, nó giao tiếp với những điều của Thượng đế"

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", PP. 114, 83, 288.

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", TR. 114, 83, 288.

The Knower has a different method from that of the mystic. His is the directing of the intellect to the object of its search; his is the way of the mind, and its discipline and control. He steadies the mind; he stops its versatility and focusses it; he seeks out after God; he divorces himself from feeling and is not interested in his own personal satisfaction, for the mind is the "common-sense," and in its highest use is dowered with the faculty of synthesis, of Wholeness. He will, as Dr. Müller-Freienfels puts it, "no longer speak of '*his*' soul, but of the universal soul which manifests itself in him, and unfolds itself in him as in all other creatures, and will endure even though this illusion of individuality perishes....He will live his life as 'life', that is, as self-realization and self-completion, with the consciousness that it is not merely his own self that is [158] being realized and perfected, but the universe, the deity, of whom this apparent self is a part." *(Müller-Freienfels, Richard, "Mysteries of the Soul", p. 336).*

Thức Giả có một phương pháp khác với phương pháp của nhà thần bí. Phương pháp của y là sự hướng dẫn trí năng đến đối tượng tìm kiếm của nó; của y là con đường của trí tuệ, và kỷ luật cùng sự kiểm soát của nó. Y làm ổn định trí tuệ; y ngừng sự chuyển đổi liên tục của nó và tập trung nó; y tìm kiếm Thượng đế; y tách mình khỏi cảm giác và không quan tâm đến sự thỏa mãn cá nhân của chính mình, vì trí tuệ là "giác quan chung," và trong cách sử dụng cao nhất của nó được ban cho khả năng tổng hợp, của Tính Toàn Vẹn. Như Tiến sĩ Müller-Freienfels diễn đạt, y sẽ "không còn nói về linh hồn '*của y*', mà về linh hồn phổ quát biểu hiện trong y, và khai mở trong y cũng như trong tất cả các sinh vật khác, và sẽ tồn tại ngay cả khi ảo tưởng về tính cá nhân này diệt vong....Y sẽ sống cuộc đời mình như 'sự sống', nghĩa là, như sự tự chứng nghiệm và tự hoàn thiện, với tâm thức rằng không chỉ cái ngã của riêng y đang [158] được chứng nghiệm và hoàn thiện, mà là vũ trụ, thượng đế, mà cái ngã bề ngoài này là một phần." *(Müller-Freienfels, Richard, "Những Bí Ẩn của Linh Hồn", tr. 336).*

Personal feeling is ruled out. The aspirant masters the mind, holds it steady in the light and then sees and knows. Then the stage of ILLUMINATION follows. Meister Eckhart sums

Cảm giác cá nhân bị loại trừ. Người chí nguyện làm chủ trí tuệ, giữ nó ổn định trong ánh sáng và sau đó thấy và biết. Sau đó giai

up the difference between the two ways as follows:

đoạn SOI SÁNG diễn ra. Meister Eckhart tóm tắt sự khác biệt giữa hai con đường như sau:

"Knowledge raises the soul to the rank of God; love unites the soul with God; use perfects the soul to God. These three transport the soul right out of time into eternity."

"Tri thức nâng linh hồn lên cấp độ của Thượng đế; tình yêu hợp nhất linh hồn với Thượng đế; sự sử dụng hoàn thiện linh hồn với Thượng đế. Ba điều này đưa linh hồn ra khỏi thời gian vào sự vĩnh cửu."

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", p. 286.

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", tr. 286.

These distinctions should be carefully noted. For many at this time, the achievement of knowledge of God is of greater importance than love of God. That they already possess; it is the background of their effort, but not of their present objective and discipline. For the vast and unthinking majority, it is perhaps true that the mystic way of love and devotion should be the goal, but for the thinkers of the world the attainment of illumination should be the goal of their endeavor.

Những sự phân biệt này cần được lưu ý cẩn thận. Đối với nhiều người vào lúc này, việc đạt được tri thức về Thượng đế quan trọng hơn tình yêu đối với Thượng đế. Tình yêu đó họ đã có; nó là nền tảng cho nỗ lực của họ, nhưng không phải là mục tiêu và kỷ luật hiện tại của họ. Đối với đại đa số đông đảo và không suy tư, có lẽ đúng là con đường thần bí của tình yêu và sùng tín nên là mục tiêu, nhưng đối với những nhà tư tưởng của thế giới, việc đạt được sự soi sáng nên là mục tiêu nỗ lực của họ.

In the truly illuminated man, we have that rare combination of the mystic and the knower; we have the product of the mystical methods of the East and of the West; we have the union of head and heart; of love and the intellect. This produces what, in the Orient, is called the Yogi (the knower of union) and, in the Occident, is termed the practical mystic — which is our rather unsatisfactory way of designating [159] that mystic who has combined the intellect with the feeling nature, and is, therefore, a co-ordinated human being — with brain, mind and soul functioning with the most perfect unity and synthesis.

Ở người thực sự được soi sáng, chúng ta có sự kết hợp hiếm hoi đó giữa nhà thần bí và thức giả; chúng ta có sản phẩm của các phương pháp thần bí của phương Đông và của phương Tây; chúng ta có sự hợp nhất của đầu óc và con tim; của tình yêu và trí năng. Điều này tạo ra cái mà, ở phương Đông, được gọi là Yogi (người biết về sự hợp nhất) và, ở phương Tây, được gọi là nhà thần bí thực hành — vốn là cách gọi khá không thỏa đáng của chúng ta để chỉ định [159] nhà thần bí đó, người đã kết hợp trí năng với bản chất cảm giác, và do đó, là một con người được phối hợp — với bộ não, trí tuệ và linh hồn hoạt động với sự thống nhất và tổng hợp hoàn hảo nhất.

The illumination of the mind by the soul, and the throwing down into the waiting and attentive "mind-stuff" of that knowledge

Sự soi sáng trí tuệ bởi linh hồn, và sự ném xuống vào "chất liệu trí tuệ" đang chờ đợi và chú ý kiến thức và minh triết vốn là đặc

and wisdom which is the prerogative of the soul, produce, in the truly unified and co-ordinated man, results which differ according to the part of his instrument with which contact is effected. Leaving the subject of Union and the growth of transcendental powers for later consideration, we will confine ourselves to the direct effects of illumination. We might, for the sake of clarity, sum up these results as follows:

quyền của linh hồn đó, tạo ra, trong con người thực sự thống nhất và được phối hợp, những kết quả khác nhau tùy thuộc vào phần công cụ của y mà sự tiếp xúc được thực hiện. Để lại chủ đề về Sự Hợp Nhất và sự phát triển của các quyền năng siêu việt để xem xét sau, chúng ta sẽ giới hạn mình vào các tác hiệu trực tiếp của sự soi sáng. Vì sự rõ ràng, chúng ta có thể tóm tắt các kết quả này như sau:

The effect on the mind is direct apprehension of truth and direct understanding of a knowledge which is so wide and synthetic in its grasps that we cover it by the nebulous term, the Universal Mind. This type of knowledge is sometimes called the Intuition, and is one of the main characteristics of illumination. A second effect on the mind is responsiveness to telepathic communication and a sensitiveness to other minds which have achieved an ability to function on soul levels. I do not here refer to so-called telepathic communication on psychic levels, or to that between brain and brain in the ordinary intercourse of daily life, with which we are all familiar. I refer to the interplay that can be set up between souls, divinely attuned, and which has resulted in [160] the past in the transmission of the inspired utterances of the world, in the world Scriptures, and in those divine pronouncements which have emanated from certain great Sons of God, such as the Christ and the Buddha. Intuition and telepathy in its purest form are, therefore, two results of illumination upon the mind.

Tác hiệu trên trí tuệ là sự lĩnh hội trực tiếp chân lý và sự thấu hiểu trực tiếp một kiến thức rộng lớn và tổng hợp trong sự nắm bắt của nó đến nỗi chúng ta bao trùm nó bằng thuật ngữ mơ hồ, Vũ Trụ Trí. Loại kiến thức này đôi khi được gọi là Trực giác, và là một trong những đặc điểm chính của sự soi sáng. Một tác hiệu thứ hai trên trí tuệ là sự đáp ứng với giao tiếp viễn cảm và sự nhạy cảm với các trí tuệ khác đã đạt được khả năng hoạt động trên các cấp độ linh hồn. Tôi không đề cập ở đây đến cái gọi là giao tiếp viễn cảm trên các cấp độ thông linh, hoặc sự giao tiếp giữa bộ não và bộ não trong sự giao thiệp bình thường của cuộc sống hàng ngày, mà tất cả chúng ta đều quen thuộc. Tôi đề cập đến sự tương tác có thể được thiết lập giữa các linh hồn, được hòa điệu một cách thiêng liêng, và đã dẫn đến trong [160] quá khứ sự truyền tải những lời phát biểu được truyền cảm hứng của thế giới, trong các Kinh điển thế giới, và trong những tuyên bố thiêng liêng phát ra từ một số Người Con vĩ đại của Thượng đế, chẳng hạn như Đức Christ và Đức Phật. Do đó, trực giác và viễn cảm ở dạng thuần khiết nhất của nó, là hai kết quả của sự soi sáng trên trí tuệ.

On the emotional nature, or, in the language of the esotericist, in the desire or feeling body, we have the registering of joy, of happiness, and the experience of ecstasy.

Trên bản chất cảm xúc, hay, theo ngôn ngữ của nhà bí truyền học, trong thể dục vọng hay thể cảm giác, chúng ta có sự ghi nhận niềm vui, hạnh phúc, và trải nghiệm xuất

There is a sense of completion, of satisfaction and a joyous expectancy, so that the world is seen in a new light and circumstances take on a happier coloring.

thần. Có một cảm giác hoàn tất, thỏa mãn và một sự mong đợi vui vẻ, để thế giới được nhìn thấy trong một ánh sáng mới và các hoàn cảnh mang một sắc thái hạnh phúc hơn.

"Heaven above is brighter blue,

Earth beneath is sweeter green,

Something lives in every hue

Christless eyes have never seen."

"Trời cao xanh thắm hơn,

Đất dưới xanh ngọt ngào hơn,

Một điều gì đó sống trong mỗi sắc màu

Mà đôi mắt chưa biết Christ chưa bao giờ thấy."

In the physical body there are certain most interesting reactions. These fall into two main groups: First, a stimulation to an intense activity, which has a definite effect upon the nervous system, and secondly, there is frequently the appearance of a light within the head, which can be seen even when the eyes are closed, or in the dark.

Trong thể xác có một số phản ứng thú vị nhất định. Những phản ứng này thuộc hai nhóm chính: Thứ nhất, một sự kích thích dẫn đến một hoạt động mãnh liệt, có tác động xác định lên hệ thần kinh, và thứ hai, thường xuyên có sự xuất hiện của một ánh sáng bên trong đầu, có thể được nhìn thấy ngay cả khi mắt nhắm, hoặc trong bóng tối.

Dr. W. Winslow Hall, in his book on illumination, deals with this aspect of the light, and says in one place that he wishes to prove that "Illumination is — not only a psychological, but also — a physiological fact." (*Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", p. 19.)*

Tiến sĩ W. Winslow Hall, trong cuốn sách của ông về sự soi sáng, đề cập đến phương diện này của ánh sáng, và nói ở một chỗ rằng ông muốn chứng minh rằng "Sự soi sáng là — không chỉ là một sự kiện tâm lý, mà còn là — một sự kiện sinh lý." (*Hall, W. Winslow, M.D., "Illuminanda", tr. 19.)*

[161]

[161]

These results on the triple instrument — mental, sensory and physical — which we designate as a human being, are only manifestations of the same basic energy as it is transferred from one vehicle to another. It is the same divine consciousness making its presence felt in different spheres of human awareness and behavior.

Những kết quả này trên công cụ ba phần — trí tuệ, giác quan và hồng trần — mà chúng ta chỉ định là một con người, chỉ là những biểu hiện của cùng một năng lượng cơ bản khi nó được chuyển từ vận cụ này sang vận cụ khác. Đó là cùng một tâm thức thiêng liêng làm cho sự hiện diện của nó được cảm

thấy trong các phạm vi nhận biết và hành vi khác nhau của con người.

Let us deal first with the mental reaction. What is this mysterious thing we call the intuition? It is interesting to note that the word is totally ignored in some books on psychology, and those often by the biggest men in the field. The intuition is not recognized. We might define it as direct apprehension of truth, apart from the reasoning faculty or from any process of intellection. It is the emergence into the consciousness of some truth or beauty never before sensed. It does not emerge from the subconscious, or from the stored up memory, racial or individual, but drops into the mind directly from the superconscious, or from the omniscient soul. It is immediately recognized as infallibly true and arouses no questioning. All sudden solutions of apparently insoluble or abstruse problems, and numbers of the great revolutionizing inventions, come under this category. Evelyn Underhill speaks of this in the following terms:

Chúng ta hãy giải quyết trước hết phản ứng trí tuệ. Điều bí ẩn mà chúng ta gọi là trực giác này là gì? Thật thú vị khi lưu ý rằng từ này hoàn toàn bị phớt lờ trong một số cuốn sách về tâm lý học, và thường là bởi những người tên tuổi nhất trong lĩnh vực này. Trực giác không được công nhận. Chúng ta có thể định nghĩa nó như là sự lĩnh hội trực tiếp chân lý, tách biệt khỏi quan năng lý luận hay khỏi bất kỳ quá trình tư duy nào. Đó là sự xuất hiện trong tâm thức của một chân lý hay vẻ đẹp nào đó chưa từng được cảm nhận trước đây. Nó không xuất hiện từ tiềm thức, hay từ ký ức được lưu trữ, thuộc chủng tộc hay cá nhân, mà rơi vào trí tuệ trực tiếp từ siêu thức, hay từ linh hồn toàn tri. Nó ngay lập tức được công nhận là đúng không thể sai lầm và không gợi lên sự nghi ngờ nào. Tất cả các giải pháp bất ngờ cho những vấn đề có vẻ không thể giải quyết hoặc thâm áo, và nhiều phát minh vĩ đại mang tính cách mạng, đều thuộc loại này. Evelyn Underhill nói về điều này bằng những thuật ngữ sau:

"...this illuminated apprehension of things, this cleansing of the doors of perception, is surely what we might expect to occur as man moves towards higher centres of consciousness. His surface intelligence, purified from the domination of the senses, is invaded more and more by [162] the transcendent personality, the 'New Man' who is by nature a denizen of the independent spiritual world, and whose destiny, in mystical language, is a 'return to his Origin'. Hence an inflow of new vitality, extended powers of vision, an enormous exaltation of his intuitive powers."

"...sự lĩnh hội sự vật được soi sáng này, sự làm sạch các cánh cửa tri giác này, chắc chắn là điều chúng ta có thể mong đợi xảy ra khi con người di chuyển về phía các trung tâm tâm thức cao hơn. Trí thông minh bề mặt của y, được thanh lọc khỏi sự thống trị của các giác quan, ngày càng bị xâm chiếm bởi [162] nhân cách siêu việt, 'Con Người Mới' vốn theo bản chất là cư dân của thế giới tinh thần độc lập, và định mệnh của y, theo ngôn ngữ thần bí, là một 'sự trở về Nguồn Gốc của mình'. Do đó, một dòng chảy vào của sinh lực mới, các quyền năng tầm nhìn mở rộng, một sự thăng hoa to lớn của các quyền năng trực giác của y."

UNDERHILL, EVELYN, "MYSTICISM", P. 311.

UNDERHILL, EVELYN, "THẦN BÍ HỌC", TR. 311.

This immediate access to Truth is the ultimate destiny of all human beings, and it seems probable that some day the mind itself will lie as much below the threshold of consciousness as the instincts now do. We shall then function in the realm of the intuition and shall talk in terms of the intuition with as much facility as we now talk in terms of the mind, and endeavor to function as mental beings.

Sự tiếp cận ngay lập tức này với Chân Lý là định mệnh cuối cùng của tất cả con người, và có vẻ như một ngày nào đó chính trí tuệ sẽ nằm dưới ngưỡng của tâm thức nhiều như các bản năng hiện nay. Khi đó chúng ta sẽ hoạt động trong cõi của trực giác và sẽ nói bằng các thuật ngữ của trực giác với sự dễ dàng như chúng ta hiện đang nói bằng các thuật ngữ của trí tuệ, và nỗ lực hoạt động như những con người hoạt động bằng trí tuệ.

Father Maréchal, in *Studies in the Psychology of the Mystics*, defines the intuitive perception in these terms:

Cha Maréchal, trong *Các Nghiên Cứu về Tâm Lý Học của Các Nhà Thần Bí*, định nghĩa tri giác trực giác bằng những thuật ngữ sau:

"Intuition — defined in a quite general manner — is the direct assimilation of a knowing faculty with its object. All knowledge is in some sort an assimilation; intuition is an immediate 'information,' without an objectively interposed intermediary; it is the only act by which the knowing faculty models itself, not on an abstract likeness of the object, but on the object itself; it is, if you will, the strict coincidence, the common line of contact of the knowing subject and the object."

"Trực giác — được định nghĩa theo một cách khá tổng quát — là sự đồng hóa trực tiếp của một quan năng hiểu biết với đối tượng của nó. Mọi sự hiểu biết theo một cách nào đó là một sự đồng hóa; trực giác là một 'thông tin' tức thời, không có một trung gian ngoại giới xen vào; đó là hành động duy nhất mà quan năng hiểu biết tự tạo hình, không phải trên một sự tương đồng trừu tượng của đối tượng, mà trên chính đối tượng đó; nếu bạn muốn, đó là sự trùng khớp nghiêm ngặt, đường tiếp xúc chung của chủ thể hiểu biết và đối tượng."

MARÉCHAL, JOSEPH, S.J. "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", P. 98.

MARÉCHAL, JOSEPH, S.J. "CÁC NGHIÊN CỨU VỀ TÂM LÝ HỌC CỦA CÁC NHÀ THẦN BÍ", TR. 98.

One of the most notable and suggestive books on the subject of the intuition, and one which gears in amazingly with both the eastern and western positions, is entitled *Instinct and Intuition*, by Dr. Dibblee [163] of Oriel College, Oxford. In it, he gives us several interesting definitions of the intuition. He remarks that "as sensation is to feeling, so intuition acts to thought, in presenting it with material," (*Diblee, George*

Một trong những cuốn sách đáng chú ý và gợi mở nhất về chủ đề trực giác, và một cuốn sách khớp một cách đáng ngạc nhiên với cả quan điểm phương Đông và phương Tây, có tựa đề *Bản Năng và Trực Giác*, của Tiến sĩ Dibblee [163] thuộc Đại học Oriel, Oxford. Trong đó, ông cung cấp cho chúng ta một số định nghĩa thú vị về trực giác. Ông nhận xét rằng "như cảm giác đối với cảm xúc, thì trực giác hành động đối với tư tưởng, trong việc

Binney, "Instinct and Intuition", p. 85) and he quotes Dr. Jung as saying that it is an extraconscious mental process of which we are from time to time dimly aware. He also gives us Professor H. Wildon Carr's definition: "Intuition is the apprehension by the mind of reality directly as it is and not under the form of a perception or conception, (nor as an idea or object of the reason), all of which by contrast are intellectual apprehension." *(Carr, H. Wildon, "Philosophy of Change", p. 21).* The intuition, he tells us "is interested in purely intangible results and, if it disregards time, it is also independent of feeling." (*Diblee, George Binney, "Instinct and Intuition", p. 132.)* In a particularly clear passage, he defines (perhaps unintentionally, for his theme is with other matters) the co-ordinated practical mystic or knower.

trình bày cho nó chất liệu," (*Diblee, George Binney, "Bản Năng và Trực Giác", tr. 85)* và ông trích dẫn Tiến sĩ Jung nói rằng đó là một quá trình trí tuệ ngoài ý thức mà chúng ta thỉnh thoảng nhận thức lờ mờ. Ông cũng cung cấp cho chúng ta định nghĩa của Giáo sư H. Wildon Carr: "Trực giác là sự lĩnh hội của trí tuệ về thực tại một cách trực tiếp như nó là và không dưới hình thức của một tri giác hay khái niệm, (cũng không phải như một ý tưởng hay đối tượng của lý trí), tất cả những điều đó ngược lại là sự lĩnh hội trí năng." *(Carr, H. Wildon, "Triết Học của Sự Thay Đổi", tr. 21).* Ông nói với chúng ta rằng trực giác "quan tâm đến những kết quả hoàn toàn phi vật thể và, nếu nó coi thường thời gian, nó cũng độc lập với cảm giác." (*Diblee, George Binney, "Bản Năng và Trực Giác", tr. 132.)* Trong một đoạn đặc biệt rõ ràng, ông định nghĩa (có lẽ không cố ý, vì chủ đề của ông là về các vấn đề khác) nhà thần bí thực hành hay thức giả được phối hợp.

"...intuitive inspiration and instinctive energy are finally tamed and unified in the complete self, which ultimately forms one single personality."

"...cảm hứng trực giác và năng lượng bản năng cuối cùng được thuần hóa và thống nhất trong cái ngã hoàn chỉnh, mà cuối cùng hình thành một phàm ngã duy nhất."

DIBLEE, GEORGE BINNEY, "INSTINCT AND INTUITION", P. 130.

DIBLEE, GEORGE BINNEY, "BẢN NĂNG VÀ TRỰC GIÁC", TR. 130.

Here we have the mechanism guided and directed in its physical relations and reactions by the apparatus of the instincts, working through the senses, and the brain, and the soul in its turn, guiding and directing the mind through the intuition, and having its physical point of contact in the higher brain. [164] This idea Dr. Dibblee sums up in the words: "The point at which I have arrived is the definite acceptance of two distinct organs of intelligence in human beings, the thalamus, which is the seat of instinct, and the cerebral cortex, which is the seat of the allied faculties of intellect and

Ở đây chúng ta có bộ máy được dẫn dắt và chỉ đạo trong các mối quan hệ và phản ứng vật lý của nó bởi bộ máy của các bản năng, hoạt động thông qua các giác quan, và bộ não, và đến lượt nó là linh hồn, dẫn dắt và chỉ đạo thể trí thông qua trực giác, và có điểm tiếp xúc vật lý của nó trong bộ não cao cấp. [164] Ý tưởng này được Tiến sĩ Dibblee tóm tắt trong các từ: "Điểm mà tôi đã đạt tới là sự chấp nhận dứt khoát hai cơ quan trí thông minh riêng biệt ở con người, đồi thị, vốn là chỗ dựa của bản năng, và vỏ não, vốn là chỗ dựa của các quan năng liên kết của trí năng và trực giác." *(Diblee, George Binney,*

intuition." *(Diblee, George Binney, "Instinct and Intuition", p. 165.)* This position is closely paralleled with that of the Oriental teaching, which posits the functioning co-ordinating centre of the entire lower nature to be in the region of the pituitary body, and the point of contact of the higher Self and the intuition to be in the region of the pineal gland.

"Instinct and Intuition", tr. 165.) Lập trường này song song chặt chẽ với lập trường của giáo huấn Phương Đông, vốn xác định trung tâm điều phối hoạt động của toàn bộ bản chất thấp kém nằm ở vùng của tuyến yên, và điểm tiếp xúc của Chân Ngã và trực giác nằm ở vùng của tuyến tùng.

The situation is, therefore, as follows: The mind receives illumination from the soul, in the form of ideas thrown into it, or of intuitions which convey exact and direct knowledge, for the intuition is ever infallible. This process is in turn repeated by the active mind, which throws down into the receptive brain the intuitions and knowledge which the soul has transmitted. When this is carried forward automatically and accurately, we have the illumined man, the sage.

Do đó, tình hình là như sau: Thể trí nhận được sự soi sáng từ linh hồn, dưới dạng các ý tưởng được phóng vào nó, hoặc các trực giác truyền tải kiến thức chính xác và trực tiếp, vì trực giác luôn luôn không thể sai lầm. Quá trình này đến lượt nó được lặp lại bởi thể trí đang hoạt động, vốn phóng xuống bộ não tiếp thu những trực giác và kiến thức mà linh hồn đã truyền đạt. Khi điều này được thực hiện một cách tự động và chính xác, chúng ta có con người được soi sáng, bậc hiền triết.

The second activity to which the mind responds as the result of illumination is telepathy. It has been said that "illumination itself may be regarded as the highest known example of telepathy; for throughout the blazing forth of that supreme enlightenment, the human soul is a percipient and the Father of Lights, the agent." The agent may work through the medium of many minds, for the world [165] of the soul is the world of group awareness, and that opens up a field of contacts which is wide indeed. Not only is the soul of man *en rapport* with the Universal Mind, but also with all minds through which that Divine Purpose we call God may be working. In this way we can account for the coming forth of the steady stream of illuminated writings and of the world messages down the ages, which have guided the thoughts and destiny of men and brought them forward along the

Hoạt động thứ hai mà thể trí đáp ứng như là kết quả của sự soi sáng là viễn cảm. Người ta đã nói rằng "bản thân sự soi sáng có thể được coi là ví dụ cao nhất được biết đến của viễn cảm; vì trong suốt sự bùng lên của sự khai sáng tối cao đó, linh hồn con người là người tri giác và Cha của Ánh Sáng là tác nhân." Tác nhân có thể hoạt động thông qua trung gian của nhiều thể trí, vì thế giới [165] của linh hồn là thế giới của nhận thức nhóm, và điều đó mở ra một lĩnh vực các tiếp xúc thực sự rộng lớn. Linh hồn con người không chỉ *có mối liên hệ* với Vũ Trụ Trí, mà còn với tất cả các thể trí mà qua đó Thiên Ý mà chúng ta gọi là Thượng đế có thể đang hoạt động. Theo cách này, chúng ta có thể giải thích cho sự xuất hiện của dòng chảy đều đặn các bài viết được soi sáng và các thông điệp thế giới qua các thời đại, vốn đã dẫn dắt tư tưởng và định mệnh của con người và đưa họ tiến lên dọc theo con đường chứng nghiệm từ giai

path of realization from the stage of animism and fetishism to that of our present concept of an immanent Deity. From the point of view of man and nature we have progressed to that of a divine Whole in which we live and move and have our being, and with which are identified in consciousness. We know ourselves to be divine. One after another the Sons of God have entered into their heritage and found themselves sensitive to the world plan. They have, through steadfastness in contemplation, equipped themselves to act as interpreters of the Universal Mind and as intermediaries between the non-telepathic multitude and the eternal fountain of wisdom. To the illuminates of the world, to the intuitive thinkers in all fields of knowledge, and to the telepathic and inspired communicators can be traced the best that man now knows, the origin of the great world religions, and the triumphs of science.

đoạn thuyết vật linh và bái vật giáo đến khái niệm hiện tại của chúng ta về một Thượng đế nội tại. Từ quan điểm của con người và tự nhiên, chúng ta đã tiến bộ đến quan điểm của một Tổng Thể thiêng liêng mà trong đó chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu, và chúng ta được đồng nhất với nó trong tâm thức. Chúng ta biết mình là thiêng liêng. Lần lượt từng người một, các Con của Thượng đế đã bước vào di sản của mình và thấy mình nhạy cảm với kế hoạch thế giới. Nhờ sự kiên định trong chiêm ngưỡng, họ đã tự trang bị để hành động như những người diễn giải Vũ Trụ Trí và như những trung gian giữa đám đông không có khả năng viễn cảm và suối nguồn minh triết vĩnh cửu. Đối với những người được soi sáng của thế giới, đối với những tư tưởng gia trực giác trong mọi lĩnh vực tri thức, và đối với những người truyền tin viễn cảm và đầy cảm hứng, ta có thể truy nguyên những gì tốt đẹp nhất mà con người hiện nay biết, nguồn gốc của các tôn giáo lớn thế giới, và những thành tựu của khoa học.

This telepathic communication must not be confused with mediumship, or with the mass of so-called inspirational writings, which are flooding our [166] markets at this time. Most of these communications are mediocre in character, and carry nothing new, or any message which will lead man on another step into the New Age, or guide his feet, as he mounts the stair towards the Heavenly Places. The tapping of the sub-conscious, the enunciations of a worthy and high-grade mentality, will account for ninety-eight percent of the material now appearing. They indicate that man has achieved much, and that he is becoming co-ordinated. They do not indicate the functioning of the intuition, nor the activity of the faculty of spiritual telepathy. People need most carefully to distinguish between the intuition and instinct; between the intellect in its lower aspects and the higher

Sự giao tiếp viễn cảm này không được nhầm lẫn với việc làm đồng tử, hoặc với hàng loạt các bài viết được gọi là đầy cảm hứng, đang tràn ngập [166] thị trường của chúng ta vào lúc này. Hầu hết các thông điệp này đều tầm thường về tính chất, và không mang lại điều gì mới mẻ, hay bất kỳ thông điệp nào sẽ dẫn dắt con người tiến thêm một bước vào Kỷ Nguyên Mới, hoặc hướng dẫn bước chân y khi y leo lên bậc thang hướng về các Chốn Thiên Thượng. Việc khai thác tiềm thức, những lời tuyên bố của một tâm trí xứng đáng và cao cấp, sẽ giải thích cho chín mươi tám phần trăm tài liệu hiện đang xuất hiện. Chúng chỉ ra rằng con người đã đạt được nhiều điều, và rằng y đang trở nên được phối kết. Chúng không chỉ ra sự hoạt động của trực giác, cũng như hoạt động của quan năng viễn cảm tinh thần. Mọi người cần cẩn thận phân biệt giữa trực giác và bản năng; giữa trí năng trong các phương diện thấp

or abstract mind. The line of demarcation must be preserved between the inspired utterances of a soul in touch with Reality, and with other souls, and the platitudes of a nice and cultured mentality.

của nó và thượng trí hay trí trừu tượng. Ranh giới phân định phải được giữ gìn giữa những lời thốt ra đầy cảm hứng của một linh hồn tiếp xúc với Thực Tại, và với các linh hồn khác, và những lời sáo rỗng của một tâm trí tốt đẹp và có văn hóa.

The effect of the illuminative process on the emotional nature takes two forms — and, paradoxical as it may seem — two exactly opposite forms. It will produce in some types the quieting of the nature, so that all anxieties and mundane worries cease and the mystic enters into the peace that passeth understanding. He can then say:

Tác động của quá trình soi sáng lên bản chất cảm xúc có hai dạng — và, dù có vẻ nghịch lý — là hai dạng hoàn toàn đối lập. Ở một số loại hình, nó sẽ tạo ra sự tĩnh lặng của bản chất, để mọi lo âu và phiền muộn trần thế chấm dứt và nhà thần bí bước vào sự bình an vượt quá mọi hiểu biết. Khi đó y có thể nói:

"There is a flame within me that has stood

"Có một ngọn lửa bên trong tôi đã đứng vững

Unmoved, untroubled through a mist of years,

Bất động, không vướng bận qua màn sương năm tháng,

Knowing nor love nor laughter, hope nor fears,

Không biết đến tình yêu hay tiếng cười, hy vọng hay nỗi sợ,

Nor foolish throb of ill, nor wine of good. [167]

Không nhịp đập ngu khờ của cái xấu, hay rượu nồng của cái tốt. [167]

I feel no shadow of the winds that brood,

Tôi không cảm thấy bóng dáng của những cơn gió ấp ủ,

I hear no whisper of a tide that veers,

Tôi không nghe lời thì thầm của thủy triều đổi hướng,

I weave no thought of passion, nor of tears,

Tôi không dệt tư tưởng nào về đam mê, hay nước mắt,

Unfettered I of time, of habitude.

Tôi không bị trói buộc bởi thời gian, bởi thói quen.

I know no birth, I know no death that chills;

Tôi không biết sự sinh, tôi không biết cái chết làm lạnh giá;

I fear no fate, nor fashion, cause nor creed,

I shall outdream the slumber of the hills,

I am the bud, the flower, I the seed;

For I do know that in whate'er I see

I am the part, and it the soul of me."

MUIRHEAD, JOHN SPENCER, "QUIET" ("THE OXFORD BOOK OF ENGLISH MYSTICAL VERSE"), P. 629.

Contrariwise, it may produce the mystical ecstasy — that uplifting and outpouring of the heart towards Divinity, to which our mystical literature bears constant witness. It is a condition of exaltation and of joyous certainty as to felt realities. It carries its possessor forward on the wings of bliss, so that temporarily, at any rate, nothing can touch or hurt. Figuratively, the feet are fleet to speed to the Beloved, and the interplay between the Lover and the Loved One is great, but always there is the sense of duality, of something other or beyond that which has been reached. This must be held in consciousness as long as possible or else the ecstatic vision will disappear, the clouds will veil the sun, and the world, with all its cares, will obscure the heavens. We are told in *Mysticism* that ecstasy, physically considered, is trance. It is a state of rapture, and can be either good or bad. Evelyn Underhill quotes Father Malaval as follows: [168]

Tôi không sợ số phận, hay kiểu cách, lý tưởng hay tín điều,

Tôi sẽ mơ lâu hơn giấc ngủ của những ngọn đồi,

Tôi là nụ, là hoa, tôi là hạt giống;

Vì tôi biết rằng trong bất cứ điều gì tôi thấy

Tôi là một phần, và nó là linh hồn của tôi."

MUIRHEAD, JOHN SPENCER, "QUIET" ("THE OXFORD BOOK OF ENGLISH MYSTICAL VERSE"), TR. 629.

Ngược lại, nó có thể tạo ra sự ngất ngây thần bí — sự nâng cao và tuôn đổ của con tim hướng về Thiên tính, điều mà văn học thần bí của chúng ta liên tục làm chứng. Đó là một trạng thái hân hoan và chắc chắn vui sướng về những thực tại được cảm nhận. Nó mang người sở hữu nó tiến lên trên đôi cánh của phúc lạc, để, ít nhất trong một thời gian, không gì có thể chạm vào hay làm tổn thương. Theo nghĩa bóng, đôi chân nhanh nhẹn lao về phía Đấng Dấu Yêu, và sự tương tác giữa Người Yêu và Đấng Được Yêu là tuyệt vời, nhưng luôn luôn có cảm giác về nhị nguyên tính, về một cái gì đó khác hoặc vượt ra ngoài cái đã đạt được. Điều này phải được giữ trong tâm thức càng lâu càng tốt nếu không linh ảnh ngất ngây sẽ biến mất, những đám mây sẽ che khuất mặt trời, và thế giới, với tất cả những lo toan của nó, sẽ che khuất các tầng trời. Chúng ta được bảo trong cuốn *Thần Bí Học* rằng sự ngất ngây, xét về mặt vật lý, là sự xuất thần. Đó là một trạng thái đê mê, và có thể tốt hoặc xấu. Evelyn Underhill trích dẫn Cha Malaval như sau: [168]

"The great doctors of the mystic life teach that there are two sorts of rapture which must be carefully distinguished. The first are produced in persons but little advanced in the Way, and still full of selfhood; either by the force of a heated imagination which vividly apprehends a sensible object, or by the artifice of the Devil....The other sort of Rapture is, on the contrary, the effect of pure intellectual vision in those who have a great and generous love for God. To generous souls who have utterly renounced themselves, God never fails in these raptures to communicate high things."

"Các bậc thầy vĩ đại của đời sống thần bí dạy rằng có hai loại ngất ngây cần phải được phân biệt cẩn thận. Loại thứ nhất được tạo ra ở những người chỉ mới tiến bộ chút ít trên Con Đường, và vẫn còn đầy ngã tính; hoặc bởi sức mạnh của một trí tưởng tượng nóng bỏng nắm bắt một cách sống động một đối tượng giác quan, hoặc bởi sự xảo quyệt của Ma Quỷ....Ngược lại, loại Ngất ngây kia là kết quả của linh thị trí tuệ thuần khiết ở những người có tình yêu vĩ đại và rộng lượng đối với Thượng đế. Đối với những linh hồn rộng lượng đã hoàn toàn từ bỏ chính mình, Thượng đế không bao giờ thất bại trong việc truyền đạt những điều cao cả trong những cơn ngất ngây này."

UNDERHILL, EVELYN, "MYSTICISM", P. 431.

UNDERHILL, EVELYN, "MYSTICISM", TR. 431.

The same writer goes on to tell us what, psychologically, is ecstasy. "The absorption of the self in the one idea, the one desire, is so profound — and in the case of the great mystics — so impassioned that everything else is blotted out." *(Underhill, Evelyn, "Mysticism", p. 434.)* It will be noted how the idea of desire, of feeling and of duality characterizes the ecstatic condition. Passion, devotion and a rapturous going-out to the source of the realization are ever present, and a careful distinction has to be made by the experiencer or they will degenerate into morbidity. With this condition of sensory awareness, we have basically nothing to do. Our goal is the high one of constant intellection and steady mental control, and it is only in the early stages of illumination that this condition will be found. Later it will be seen that true illumination automatically rules out all such reactions. The soul knows itself to be free from the pairs of opposites — pleasure as well as pain — and stands steadily in [169] spiritual being. The line or channel of

Cũng tác giả đó tiếp tục cho chúng ta biết, về mặt tâm lý, sự ngất ngây là gì. "Sự chìm đắm của cái tôi vào trong một ý tưởng, một ham muốn, là sâu sắc đến nỗi — và trong trường hợp của những nhà thần bí vĩ đại — là đam mê đến mức mọi thứ khác đều bị xóa mờ." *(Underhill, Evelyn, "Mysticism", tr. 434.)* Cần lưu ý rằng ý tưởng về ham muốn, về cảm giác và về nhị nguyên tính đặc trưng cho trạng thái ngất ngây như thế nào. Đam mê, lòng sùng tín và sự hướng ngoại đầy mê say đến nguồn cội của sự chứng nghiệm luôn hiện diện, và một sự phân biệt cẩn thận phải được thực hiện bởi người trải nghiệm nếu không chúng sẽ thoái hóa thành trạng thái bệnh hoạn. Với điều kiện nhận thức giác quan này, về cơ bản chúng ta không bàn đến. Mục tiêu của chúng ta là mục tiêu cao cả của sự tư duy liên tục và kiểm soát trí tuệ vững vàng, và chỉ trong những giai đoạn đầu của sự soi sáng thì điều kiện này mới được tìm thấy. Sau này người ta sẽ thấy rằng sự soi sáng thực sự sẽ tự động loại bỏ tất cả các phản ứng như vậy. Linh hồn biết mình tự do khỏi các cặp đối đãi — khoái lạc cũng như

communication eventually is direct and eliminative from the soul to the mind, and from the mind to the brain.

đau khổ — và đứng vững vàng trong [169] bản thể tinh thần. Đường dây hoặc kênh giao tiếp cuối cùng là trực tiếp và có tính loại bỏ từ linh hồn đến thể trí, và từ thể trí đến bộ não.

When we arrive at the physical level of consciousness and of the reaction to the illumination which is streaming down into the brain, we have two predominant effects, usually. There is a sense or an awareness of a light in the head, and frequently also a stimulation to an activity which is abnormal. The man seems driven by the energy pouring through him, and the days are all too short for what he seeks to accomplish. He finds himself so anxious to co-operate with the Plan which he has contacted that his judgment is temporarily impaired and he works, and talks, and reads and writes with a tireless vigor which does, nevertheless, wear out the nervous system, and affect his vitality. All who have worked in the field of meditation, and who have sought to teach people along these lines are well aware of this condition. The aspirant does enter the realm of divine energy, and finds himself intensely responsive to it; he senses his group relations and responsibilities and feels as if he must do his uttermost to live up to them. This registering of a constant pouring in of vital force is eminently characteristic, for the co-ordination between the soul and its instrument, and the subsequent reaction of the nervous system to the energy of the soul is so close and exact that it takes the man quite a little time to learn the necessary adjustments.

Khi chúng ta đi đến cấp độ tâm thức hồng trần và phản ứng với sự soi sáng đang tuôn đổ xuống bộ não, thông thường chúng ta có hai tác động chủ yếu. Có một cảm giác hoặc nhận thức về một ánh sáng trong đầu, và thường xuyên cũng có một sự kích thích đối với một hoạt động vốn bất bình thường. Con người dường như bị thúc đẩy bởi năng lượng tuôn chảy qua y, và ngày tháng quá ngắn ngủi cho những gì y tìm cách hoàn thành. Y thấy mình quá tha thiết muốn hợp tác với Thiên Cơ mà y đã tiếp xúc đến nỗi sự phán đoán của y tạm thời bị suy yếu và y làm việc, nói, đọc và viết với một sức mạnh không mệt mỏi, tuy nhiên, điều này làm hao mòn hệ thần kinh, và ảnh hưởng đến sinh lực của y. Tất cả những ai đã làm việc trong lĩnh vực tham thiền, và những ai đã tìm cách dạy mọi người theo những đường lối này đều nhận thức rõ về tình trạng này. Người chí nguyện thực sự bước vào vương quốc của năng lượng thiêng liêng, và thấy mình đáp ứng mãnh liệt với nó; y cảm nhận được các mối quan hệ và trách nhiệm nhóm của mình và cảm thấy như thể y phải làm hết sức mình để sống xứng đáng với chúng. Việc ghi nhận sự tuôn đổ liên tục của sinh lực này là đặc điểm nổi bật, vì sự phối kết giữa linh hồn và công cụ của nó, và phản ứng sau đó của hệ thần kinh đối với năng lượng của linh hồn là quá gần gũi và chính xác đến nỗi con người phải mất khá nhiều thời gian để học hỏi những điều chỉnh cần thiết.

A second effect, as we have seen, is the recognition [170] of the light in the head. This fact is so well substantiated that it

Một tác động thứ hai, như chúng ta đã thấy, là sự nhận biết [170] về ánh sáng trong đầu. Thực tế này đã được chứng minh rõ ràng đến

needs little reinforcing. Dr. Jung refers to it in the following manner:

"...the light-vision, is an experience common to many mystics, and one that is undoubtedly of the greatest significance, because in all times and places it appears as the unconditional thing, which unites in itself the greatest power and the profoundest meaning. Hildegarde von Bingen, a significant personality quite apart from her mysticism, expresses herself about her central vision in a quite similar way. 'Since my childhood,' she says, 'I always see a light in my soul, but not with the outer eyes, nor through the thoughts of my heart; neither do the five outer senses take part in this vision....The light I perceive is not of a local kind, but is much brighter than the cloud which bears the sun. I cannot distinguish in it height, breadth, or length....What I see or learn in such a vision stays long in my memory. I see, hear, and know at the same time, and learn what I know in the same moment....I cannot recognize any sort of form in this light, although I sometimes see in it another light that is known to me as the living light....While I am enjoying the spectacle of this light, all sadness and sorrow disappear from my memory....'

"I know a few individuals who are familiar with this phenomenon from personal experience. As far as I have ever been able to understand it, the phenomenon seems to have to do with an acute condition of consciousness as intensive as it is abstract, a 'detached' consciousness...,which, as Hildegarde pertinently remarks, brings up to consciousness regions of psychic events

mức nó cần ít sự củng cố. Bác sĩ Jung đề cập đến nó theo cách sau:

"...linh ảnh ánh sáng, là một trải nghiệm chung đối với nhiều nhà thần bí, và là một trải nghiệm chắc chắn có ý nghĩa to lớn nhất, bởi vì ở mọi thời đại và mọi nơi, nó xuất hiện như một điều vô điều kiện, hợp nhất trong chính nó quyền năng vĩ đại nhất và ý nghĩa sâu sắc nhất. Hildegarde von Bingen, một nhân vật quan trọng ngay cả khi không xét đến đời sống thần bí của bà, tự diễn đạt về linh ảnh trung tâm của mình theo một cách khá tương tự. 'Từ thời thơ ấu,' bà nói, 'tôi luôn nhìn thấy một ánh sáng trong linh hồn mình, nhưng không phải bằng mắt bên ngoài, cũng không phải qua những suy nghĩ của trái tim tôi; năm giác quan bên ngoài cũng không tham gia vào linh ảnh này....Ánh sáng tôi tri giác không phải là loại cục bộ, mà sáng hơn nhiều so với đám mây mang mặt trời. Tôi không thể phân biệt trong đó chiều cao, chiều rộng, hay chiều dài....Những gì tôi thấy hoặc học được trong một linh ảnh như vậy lưu lại lâu trong trí nhớ tôi. Tôi thấy, nghe, và biết cùng một lúc, và học những gì tôi biết trong cùng khoảnh khắc....Tôi không thể nhận ra bất kỳ loại hình tướng nào trong ánh sáng này, mặc dù đôi khi tôi thấy trong đó một ánh sáng khác được tôi biết đến như là ánh sáng sống động....Trong khi tôi đang tận hưởng quang cảnh của ánh sáng này, mọi nỗi buồn và đau khổ đều biến mất khỏi ký ức tôi....'

"Tôi biết một vài cá nhân quen thuộc với hiện tượng này từ trải nghiệm cá nhân. Theo những gì tôi có thể hiểu được, hiện tượng này dường như liên quan đến một trạng thái tâm thức sắc bén cũng mãnh liệt như tính trừu tượng của nó, một tâm thức 'tách rời'..., vốn, như Hildegarde nhận xét một cách thích đáng, mang lên tâm thức những vùng của các sự kiện tâm lý thường bị bao phủ bởi

ordinarily covered with darkness. The fact that, in connection with this, the general bodily sensations disappear, shows that their specific energy has been withdrawn from them, and has apparently gone toward heightening the clearness of consciousness. As a rule, [171] the phenomenon is spontaneous, coming and going on its own initiative. Its effect is astonishing in that it almost always brings about a solution of psychic complications, and thereby frees the inner personality from emotional and imaginary entanglements, creating thus a unity of being, which is universally felt as a 'release.'" *(Wilhelm, Richard, and Jung, C. G., "The Secret of the Golden Flower", pp. 104-105.)*

These words any experienced teacher of meditation can unequivocally endorse. The phenomenon is most familiar and goes to prove surely that there is a close physical correspondence to mental illumination. Hundreds of cases could be proved, were people willing to relate their experiences, but too many refrain from so doing because of the mockery and scepticism of the man who knows little. This light in the head takes various forms, and is often sequential in its development. A diffused light is first seen, sometimes outside the head and, later, within the brain, when in deep thought or meditation; then it becomes more focussed and looks, as some express it, like a radiant and very brilliant sun. Later, at the centre of the radiance, a point of vivid electric blue appears (perhaps the "living light" referred to above) and from this a golden pathway of light leads out. This has sometimes been called "the Path," and there is a possibility that the prophet was not speaking merely symbolically when he said that "the path of the just is as a shining light that shineth more and more until the day be with us."

bóng tối. Việc, liên quan đến điều này, các cảm giác thân thể nói chung biến mất, cho thấy rằng năng lượng đặc thù của chúng đã được rút khỏi chúng, và dường như đã đi về phía việc nâng cao sự rõ ràng của tâm thức. Theo quy luật, [171] hiện tượng này là tự phát, đến và đi theo sáng kiến riêng của nó. Tác động của nó thật đáng kinh ngạc ở chỗ nó hầu như luôn mang lại một giải pháp cho những vướng mắc tâm lý, và do đó giải phóng nhân cách bên trong khỏi những vướng mắc cảm xúc và tưởng tượng, từ đó tạo ra một sự nhất thể của bản thể, vốn được cảm nhận một cách phổ quát như là một 'sự giải thoát.'" *(Wilhelm, Richard, and Jung, C. G., "The Secret of the Golden Flower", các trang 104-105.)*

Những lời này bất kỳ giáo viên tham thiền có kinh nghiệm nào cũng có thể tán thành một cách dứt khoát. Hiện tượng này quen thuộc nhất và chứng minh chắc chắn rằng có một sự tương ứng vật lý chặt chẽ với sự soi sáng trí tuệ. Hàng trăm trường hợp có thể được chứng minh, nếu mọi người sẵn lòng kể lại kinh nghiệm của họ, nhưng quá nhiều người kiềm chế không làm vậy vì sự chế nhạo và hoài nghi của người ít hiểu biết. Ánh sáng trong đầu này có nhiều dạng khác nhau, và thường tuân theo trình tự trong sự phát triển của nó. Một ánh sáng khuếch tán được nhìn thấy đầu tiên, đôi khi bên ngoài đầu và, sau đó, bên trong bộ não, khi đang suy tư sâu sắc hoặc tham thiền; sau đó nó trở nên tập trung hơn và trông, như một số người diễn tả, giống như một mặt trời rực rỡ và rất chói lọi. Sau đó, tại trung tâm của sự rực rỡ, một điểm màu xanh điện sống động xuất hiện (có lẽ là "ánh sáng sống động" được đề cập ở trên) và

từ đây một con đường ánh sáng vàng dẫn ra ngoài. Điều này đôi khi được gọi là "Con Đường," và có khả năng là vị tiên tri đã không chỉ nói theo nghĩa biểu tượng khi ông nói rằng "con đường của người công chính giống như ánh sáng tỏa rạng, chiếu sáng ngày càng nhiều hơn cho đến khi ban ngày ở cùng chúng ta."

In this light in the head, which seems a universal accompaniment of the illuminative state, we have [172] probably also the origin of the halo depicted around the heads of the illuminati of the world.

Trong ánh sáng trong đầu này, vốn dường như là một sự đi kèm phổ quát của trạng thái soi sáng, có lẽ chúng ta [172] cũng có nguồn gốc của hào quang được mô tả quanh đầu của những người được soi sáng trên thế giới.

Much investigation remains to be done along this line, and much reticence and prejudice has to be overcome. But many are beginning to record their experiences and they are not the psychopathics of the race, but reputable and substantial workers in the varying fields of human endeavor. The time may shortly be with us when the fact of illumination may be recognized as a natural process, and the light in the head be regarded as indicating a certain definite stage of co-ordination and of interplay between the soul, the spiritual man, and the man on the physical plane. When this is the case, we shall have brought our human evolution to such a point that instinct, intellect and intuition can be used at will by the trained and fully educated man, and the "light of the soul" can be turned upon any problem. Thus the omniscience of the soul will be manifested on earth.

Còn nhiều điều tra cần phải được thực hiện theo hướng này, và nhiều sự dè dặt và định kiến cần phải được khắc phục. Nhưng nhiều người đang bắt đầu ghi lại những trải nghiệm của họ và họ không phải là những người bệnh tâm thần của nhân loại, mà là những người làm việc đáng kính và vững chắc trong các lĩnh vực nỗ lực khác nhau của con người. Thời gian có thể sẽ sớm đến với chúng ta khi sự thật của sự soi sáng có thể được công nhận như một quá trình tự nhiên, và ánh sáng trong đầu được coi là chỉ ra một giai đoạn phối kết và tương tác nhất định xác định giữa linh hồn, con người tinh thần, và con người trên cõi hồng trần. Khi trường hợp này xảy ra, chúng ta sẽ đưa sự tiến hóa của nhân loại đến một điểm mà bản năng, trí năng và trực giác có thể được sử dụng theo ý muốn bởi con người đã được huấn luyện và giáo dục đầy đủ, và "ánh sáng của linh hồn" có thể được chiếu vào bất kỳ vấn đề nào. Như vậy sự toàn tri của linh hồn sẽ được biểu lộ trên trái đất.

Let me close this chapter with some words written by a Hindu mystic and some by a modern Christian mystic, typical examples

Hãy để tôi kết thúc chương này với một vài lời được viết bởi một nhà thần bí Ấn giáo và một vài lời bởi một nhà thần bí Cơ đốc giáo hiện đại, những ví dụ điển hình về hai quan

of the two points of view of the mystic and the knower. The Hindu says:

điểm của nhà thần bí và thức giả. Người Hindu nói:

"They are called Brahmins only that have an inner light working in them...the human soul is a lamp not covered over with a bushel. The lamp emits not the rays of the flesh but the rays of mental light to illuminate all humanity and is therefore the channel for the world soul. The rays of mental light assist all humanity in its mental growth and expansion, and the lamp is therefore one of the Eternal [173] World Brahmins. It gives light unto the world but takes nothing that the world can give."

"Họ chỉ được gọi là Bà-la-môn khi có một ánh sáng bên trong hoạt động trong họ...linh hồn con người là một ngọn đèn không bị che phủ bởi cái thùng. Ngọn đèn không phát ra những tia sáng của xác thịt mà là những tia sáng của ánh sáng trí tuệ để soi sáng toàn thể nhân loại và do đó là kênh dẫn cho linh hồn thế giới. Các tia sáng của ánh sáng trí tuệ hỗ trợ toàn thể nhân loại trong sự tăng trưởng và mở rộng trí tuệ của nó, và ngọn đèn do đó là một trong những Bà-la-môn [173] Thế Giới Vĩnh Cửu. Nó ban ánh sáng cho thế giới nhưng không lấy gì mà thế giới có thể ban cho."

The Christian writes:

Người Cơ đốc giáo viết:

"I saw a life ablaze with God!

"Tôi đã thấy một cuộc đời rực cháy với Thượng đế!

My Father, give to me

Thưa Cha, xin ban cho con

The blessing of a life consumed by God

Phước lành của một cuộc đời được thiêu cháy bởi Thượng đế

That I may live for Thee.

Để con có thể sống cho Ngài.

A life of fire! a life ablaze with God.

Một cuộc đời của lửa! một cuộc đời rực cháy với Thượng đế.

Lighted by fires of pentecostal love!

Được thắp sáng bởi những ngọn lửa của tình yêu ngày lễ ngũ tuần!

A life on fire! on fire with love for men

Một cuộc đời rực lửa! rực lửa với tình yêu dành cho con người

Lit by divine compassion from above.

Được thắp lên bởi lòng từ bi thiêng liêng từ trên cao.

A burning life, which God can take and drop

In house, or street, or whereso'er He will,

To set some other life alight for Him

And thus to spread the fire on further still."

Một cuộc đời đang cháy, mà Thượng đế có thể cầm lấy và thả

Vào nhà, hay đường phố, hay bất cứ nơi đâu Ngài muốn,

Để thắp sáng một cuộc đời khác cho Ngài

Và như thế để lan truyền ngọn lửa đi xa hơn nữa."

Then we shall have evidenced the final stage of the meditation process which we call Inspiration. To the possibility of such a life the Great Ones of the ages testify. They knew themselves to be Sons of God and they carried that knowledge down into full realization in physical incarnation. They are inspired Declarers of the reality of truth, of the immortality of the soul, and of the fact of the kingdom of God. They are lights set in a dark place to light the way back to the Father's Home.

Khi đó chúng ta sẽ biểu lộ giai đoạn cuối cùng của quá trình tham thiền mà chúng ta gọi là Cảm Hứng. Các Đấng Cao Cả của mọi thời đại làm chứng cho khả năng của một cuộc đời như vậy. Các Ngài biết mình là những Người Con của Thượng đế và Các Ngài đã mang kiến thức đó xuống sự chứng nghiệm trọn vẹn trong kiếp sống hồng trần. Các Ngài là những Người Tuyên Bố đầy cảm hứng về thực tại của chân lý, về sự bất tử của linh hồn, và về sự thật của Thiên Giới. Các Ngài là những ngọn đèn được đặt ở nơi tối tăm để soi sáng con đường trở về Nhà Cha.

CHAPTER EIGHT - THE UNIVERSALITY OF MEDITATION—TÍNH PHỔ QUÁT CỦA THAM THIỀN

"To every man there openeth

A Way, and Ways, and a Way.

And the High Soul climbs the High Way

And the Low Soul gropes the Low;

And in between, on the misty flats,

The rest drift to and fro.

But to every man there openeth

A High Way and a Low,

And every man decideth

The Way his Soul should go."

JOHN OXENHAM

[177]

We have outlined the method through which the mystic can become the conscious knower, and have defined the sequence of the development which eventually brings about illumination of the physical brain, and the living of an inspired life upon earth. We started with the man who, having

"Đối với mọi người đều mở ra

Một Con Đường, và những Con Đường, và một Con Đường.

Và Linh Hồn Cao Cả leo lên Con Đường Cao

Và Linh Hồn Thấp Kém dò dẫm Con Đường Thấp;

Và ở giữa, trên những vùng đất bằng phẳng đầy sương mù,

Những người còn lại trôi dạt tới lui.

Nhưng đối với mọi người đều mở ra

Một Con Đường Cao và một Con Đường Thấp,

Và mỗi người tự quyết định

Con Đường Linh Hồn mình sẽ đi."

JOHN OXENHAM

[177]

Chúng ta đã phác thảo phương pháp mà qua đó nhà thần bí có thể trở thành thức giả có ý thức, và đã định nghĩa trình tự của sự phát triển mà cuối cùng mang lại sự soi sáng cho bộ não vật lý, và việc sống một cuộc đời đầy cảm hứng trên trái đất. Chúng ta đã bắt đầu với con người, người mà sau khi đã cạn kiệt

exhausted the resources and the satisfactions of physical living and facing the inevitability of a great transition to another dimension of living, seeks the way to knowledge and certainty. He discovers — when he investigates with impartiality — that there have been at all times those who knew, those who had penetrated to the heart of the mystery of being, and who have returned carrying the assurance of the immortality of the soul, and of the reality of the Kingdom of God. They speak, likewise, of a method by means of which they have arrived at this apprehension of divine Truth, and of a technique which has made possible their transition out of the fourth into the fifth kingdom in nature.

các nguồn lực và những thỏa mãn của cuộc sống hồng trần và đối mặt với sự tất yếu của một sự chuyển tiếp lớn sang một chiều đo khác của cuộc sống, tìm kiếm con đường đến tri thức và sự chắc chắn. Y khám phá ra — khi y điều tra với sự vô tư — rằng vào mọi thời đại đều có những người đã biết, những người đã thâm nhập vào trọng tâm của bí ẩn của sự hiện hữu, và những người đã trở về mang theo sự đảm bảo về sự bất tử của linh hồn, và về thực tại của Thiên Giới. Họ cũng nói về một phương pháp nhờ đó họ đã đạt tới sự lĩnh hội này về Chân Lý thiêng liêng, và về một kỹ thuật đã làm cho sự chuyển tiếp của họ từ giới thứ tư sang giới thứ năm trong tự nhiên trở nên khả thi.

We found that these illuminated men, right down the ages, testify to the same truth, and that they claim for this universal method that it brings them certain results that might be enumerated as follows: [178]

Chúng ta thấy rằng những người được soi sáng này, ngay trong suốt các thời đại, đều làm chứng cho cùng một chân lý, và rằng họ khẳng định cho phương pháp phổ quát này rằng nó mang lại cho họ những kết quả nhất định có thể được liệt kê như sau: [178]

First: They achieve direct experience of divine realities, of transcendental truths and of the supernatural world. These appear, when contacted, to be as much a natural process and as vitally a part of the evolutionary development as are any of the processes to which the sciences of biology, of physics or of chemistry bear witness. Just as these three great sciences are occult to, and practically unattainable by, the average grade school student, so the higher metaphysics is occult and unattainable, even to the academician who lacks the needed open-mindness, the definite training and the equipment.

Thứ nhất: Họ đạt được trải nghiệm trực tiếp về các thực tại thiêng liêng, về những chân lý siêu việt và về thế giới siêu nhiên. Những điều này xuất hiện, khi được tiếp xúc, như là một quá trình tự nhiên và là một phần thiết yếu của sự phát triển tiến hóa cũng giống như bất kỳ quá trình nào mà các ngành khoa học sinh học, vật lý hoặc hóa học làm chứng. Cũng giống như ba ngành khoa học lớn này vẫn ẩn kín đối với, và thực tế là không thể đạt được bởi, học sinh tiểu học trung bình, thì siêu hình học cao cấp cũng vẫn ẩn kín và không thể đạt được, ngay cả đối với học giả, người thiếu sự cởi mở cần thiết, sự huấn luyện xác định và trang thiết bị.

Second: Another development is the unveiling of the Self. Through the mental and spiritual education which advanced

Thứ hai: Một sự phát triển khác là sự vén màn của Chân Ngã. Thông qua sự giáo dục trí tuệ và tinh thần mà các thực hành tham

meditation practices confer, the problem of the psychologists as to the nature of the Self, the soul, the psyche, is solved, and the word can be resolved back into its original meaning — Psyche, the name of the soul. The process has been that of a gradual unveiling, and of a sequential approach nearer and nearer to the soul. The psyche emerges in its true being.

thiền nâng cao mang lại, vấn đề của các nhà tâm lý học về bản chất của Chân Ngã, linh hồn, psyche, được giải quyết, và từ này có thể được phân giải trở lại ý nghĩa ban đầu của nó — Psyche, tên gọi của linh hồn. Quá trình này là một sự vén màn dần dần, và một sự tiếp cận tuần tự ngày càng gần hơn với linh hồn. Psyche nổi lên trong bản thể chân thực của nó.

Back of matter, there can be found an immanent and potent factor which is responsible for the coherence of the form nature, and which constitutes the acting personality in the physical world. This can be regarded as the life aspect, and scholars are wrestling all the time with the problem of life, trying to arrive at its origin and its cause. More deeply seated still can be found the feeling, suffering, experiencing emotional aspect of the Self, working [179] through the nervous system and the brain, and governing most potently all activities in the world of human affairs. It feels pleasure and pain; it is engrossed with moods and emotional reactions to life, and with worries and desires of all kinds. This is the usual personal life for most of us, for we feel more than we think at this stage of human development. The reason for this is told us with clarity by Patanjali as follows:

Đằng sau vật chất, có thể tìm thấy một nhân tố nội tại và đầy mãnh lực chịu trách nhiệm cho sự gắn kết của bản chất hình tướng, và tạo thành phàm ngã đang hoạt động trong thế giới vật lý. Điều này có thể được coi là phương diện sự sống, và các học giả đang vật lộn suốt thời gian qua với vấn đề của sự sống, cố gắng đi đến nguồn gốc và nguyên nhân của nó. Sâu sắc hơn nữa vẫn có thể tìm thấy phương diện cảm xúc, đau khổ, trải nghiệm của Chân Ngã, hoạt động [179] thông qua hệ thần kinh và bộ não, và chi phối mạnh mẽ nhất mọi hoạt động trong thế giới của các vấn đề nhân loại. Nó cảm thấy khoái lạc và đau khổ; nó bị cuốn hút vào các tâm trạng và phản ứng cảm xúc với cuộc sống, và với những lo lắng và ham muốn thuộc mọi loại. Đây là đời sống cá nhân thông thường đối với hầu hết chúng ta, vì chúng ta cảm thấy nhiều hơn là chúng ta suy nghĩ ở giai đoạn phát triển này của nhân loại. Lý do cho điều này được Patanjali nói với chúng ta một cách rõ ràng như sau:

"The sense of personality is due to the identification of the knower with the instruments of knowledge....The illusion that the Perceiver and that which is perceived are one and the same is the cause of the pain-producing effects which must be warded off."

"Cảm giác về phàm ngã là do sự đồng hóa của người biết với các công cụ của tri thức....Ảo tưởng rằng Người Nhận Thức và cái được nhận thức là một và giống nhau là nguyên nhân của những tác động tạo ra đau khổ cần phải được ngăn chặn."

(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", pp. 115, 116.)

(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", các trang 115, 116.)

We are told by him in another place that life experience and the process of physical plane living and feeling come from "the inability of the soul to distinguish between the personal self and the spirit. The objective forms exist for the use and experience of the spiritual man. By meditation upon this, arises the intuitive perception of the spiritual nature." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", p. 239.)*

Chúng ta được ông cho biết ở một nơi khác rằng kinh nghiệm sống và quá trình sống và cảm nhận trên cõi hồng trần đến từ "sự bất lực của linh hồn trong việc phân biệt giữa cái ngã cá nhân và tinh thần. Các hình tướng khách quan tồn tại để cho con người tinh thần sử dụng và trải nghiệm. Nhờ tham thiền về điều này, nhận thức trực giác về bản chất tinh thần nảy sinh." *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", tr. 239.)*

Through this vital experience and through the process of sensory desire and subsequent awareness, the man exhausts that aspect of his nature and penetrates deeper until he arrives at a third factor, the mind. At this point of investigation man now stands, and the close consideration of the mental processes and the study of mind reactions, their causes and objectives, are engrossing the attention [180] of psychologists everywhere. Amongst them are many schools of thought, holding widely opposing views, but that a something called the mind exists, and that it is increasingly influencing the race, is now universally recognized.

Thông qua trải nghiệm sự sống này và thông qua quá trình ham muốn giác quan và nhận thức sau đó, con người làm cạn kiệt phương diện đó của bản chất mình và thâm nhập sâu hơn cho đến khi y đến được nhân tố thứ ba, thể trí. Tại điểm điều tra này, con người hiện đang đứng, và sự xem xét kỹ lưỡng các quá trình trí tuệ và việc nghiên cứu các phản ứng của tâm trí, nguyên nhân và mục tiêu của chúng, đang thu hút sự chú ý [180] của các nhà tâm lý học ở khắp mọi nơi. Trong số họ có nhiều trường phái tư tưởng, giữ những quan điểm đối lập rộng rãi, nhưng việc một cái gì đó được gọi là tâm trí tồn tại, và việc nó đang ngày càng ảnh hưởng đến nhân loại, hiện nay đã được công nhận một cách phổ quát.

Whither do we go from this point? It has been a steady progression down the ages of the evolving human consciousness, and a steady growth of awareness of nature, of the world in which men live, and an increasing grasp of the Whole, until now the entire world is knit together through the radio, the telegraph and television. Man is omnipresent, and the mind is the main factor in the bringing about of this apparent miracle. We have arrived at an understanding of the laws which govern the natural world, and some of those which govern the psychical. The laws of the spiritual realm, so-called, remain to be

Từ điểm này chúng ta đi đâu? Đó là một sự tiến triển đều đặn qua các thời đại của tâm thức nhân loại đang tiến hóa, và một sự tăng trưởng đều đặn của nhận thức về tự nhiên, về thế giới mà con người đang sống, và một sự nắm bắt ngày càng tăng về Tổng Thể, cho đến nay toàn bộ thế giới được đan kết lại với nhau thông qua đài phát thanh, điện báo và truyền hình. Con người hiện diện khắp nơi, và thể trí là nhân tố chính trong việc mang lại phép lạ rõ ràng này. Chúng ta đã đạt đến một sự hiểu biết về các định luật chi phối thế giới tự nhiên, và một số định luật chi phối thế giới thông linh. Các định luật của cõi tinh thần, cái gọi là như vậy, vẫn còn chờ

scientifically discovered and utilized. A few have known them and spoken to humanity about them, but they are only utilized by the pioneering spirits of our race. Among these few who stand out as the eminent Knowers, are the Buddha, the Christ, Plato, Aristotle, Pythagoras, Meister Eckhart, Jacob Boehme, Spinoza — the list is long. We are now beginning to ask the pertinent question: Is it not possible that many hundreds now are at the point where they can co-ordinate the brain, the mind and the soul, and so pass through the portal of mental awareness into the realm of light, of intuitive perception, and the world of causes? From the standpoint of the mental world into which we have now penetrated, [181] leaving behind us the veils of the physical body and the psychical nature, may we not be able now to pass on to our next evolutionary development? Having arrived at some understanding of the nature of humanity and the mind, can we not begin to grasp the nature of the intuition and to function in another kingdom in nature with as much realization and facility as we function as men? The Knowers say that we can, and they tell us of the way.

được khám phá và sử dụng một cách khoa học. Một số ít người đã biết chúng và nói với nhân loại về chúng, nhưng chúng chỉ được sử dụng bởi những tinh thần tiên phong của nhân loại chúng ta. Trong số ít người này, những người nổi bật như là các Thức giả lỗi lạc, là Đức Phật, Đức Christ, Plato, Aristotle, Pythagoras, Meister Eckhart, Jacob Boehme, Spinoza — danh sách còn dài. Giờ đây chúng ta bắt đầu đặt câu hỏi thích đáng: Liệu có khả thi không khi hàng trăm người hiện đang ở điểm mà họ có thể phối kết bộ não, thể trí và linh hồn, và do đó đi qua cánh cổng của nhận thức trí tuệ vào vương quốc của ánh sáng, của nhận thức trực giác, và thế giới của các nguyên nhân? Từ quan điểm của thế giới trí tuệ mà chúng ta hiện đã thâm nhập, [181] để lại sau lưng chúng ta những bức màn của thể xác và bản chất thông linh, liệu bây giờ chúng ta có thể chuyển sang sự phát triển tiến hóa tiếp theo của mình không? Đã đạt được một số hiểu biết về bản chất của nhân loại và thể trí, chúng ta không thể bắt đầu nắm bắt bản chất của trực giác và hoạt động trong một giới khác trong tự nhiên với mức độ nhận thức và thành thạo như chúng ta hoạt động như những con người sao? Các Thức giả nói rằng chúng ta có thể, và họ nói với chúng ta về con đường.

Third: In the language of some of the pioneers into the spiritual realm, the third result of meditation is that we find God. It is relatively unimportant what we mean in detail by that little word of three letters. It is but a symbol of Reality. Every world religion posits a Life that is immanent in form, and a Cause that has brought all things into being. Every human being is conscious within himself of the dim struggles (becoming more fierce as the intellect develops) to know, to understand, and answer the questions of Why and Wherefore. The majority of men, no matter what their theology, when they stand before the portal

Thứ ba: Theo ngôn ngữ của một số người tiên phong vào cõi tinh thần, kết quả thứ ba của tham thiền là chúng ta tìm thấy Thượng đế. Tương đối không quan trọng chúng ta ngụ ý gì một cách chi tiết bởi từ nhỏ bé gồm ba chữ cái đó. Nó chỉ là một biểu tượng của Thực Tại. Mọi tôn giáo thế giới đều xác định một Sự Sống vốn nội tại trong hình tướng, và một Nguyên Nhân đã đưa vạn vật vào hiện hữu. Mỗi con người đều ý thức bên trong mình về những cuộc đấu tranh mờ nhạt (trở nên khốc liệt hơn khi trí năng phát triển) để biết, để hiểu, và trả lời các câu hỏi Tại sao và Vì lẽ gì. Đa số con người, bất kể thần học của họ là gì, khi họ đứng trước cánh cổng của cái

of death, assert their belief in the Father of Beings and accept the implications of that Fatherhood. Let us regard God as that "High and Unknown Purpose" which can be recognized as the sum-total of all forms which express the Life, of all states of consciousness, and as the Life itself; let us regard Deity as that in which we live and move and have our being, and which is working out through every form in nature (including the human form), His own inclusive and [182] synthetic Plan. The Knowers tell us that when they have arrived, through a method at a Way, and through the following of that Way have entered into a new state of being, the Divine Purpose and Plan stands revealed to them. They can enter into active participation with it, and become conscious and intelligent workers on the side of evolution. They know what is happening, for they have seen the blue prints.

chết, đều khẳng định niềm tin của họ vào Cha của các Sinh Linh và chấp nhận những hàm ý của cương vị làm Cha đó. Chúng ta hãy xem Thượng đế như là "Mục Đích Cao Cả và Không Được Biết" đó, cái có thể được công nhận là tổng số của tất cả các hình tướng biểu hiện Sự Sống, của tất cả các trạng thái tâm thức, và như là chính Sự Sống; chúng ta hãy xem Thượng đế như là cái mà trong đó chúng ta sống và hoạt động và hiện hữu, và cái đang thực hiện thông qua mọi hình tướng trong tự nhiên (bao gồm cả hình tướng con người), Thiên Cơ bao quát và [182] tổng hợp của riêng Ngài. Các Thức giả nói với chúng ta rằng khi, nhờ một phương pháp, họ đã đến được một Con Đường, và thông qua việc đi theo Con Đường đó đã bước vào một trạng thái hiện hữu mới, Thiên Ý và Thiên Cơ đứng hiển lộ trước họ. Họ có thể tham gia tích cực với nó, và trở thành những người thợ có ý thức và thông minh ở phía của tiến hóa. Họ biết điều gì đang xảy ra, vì họ đã nhìn thấy các bản thiết kế.

Fourth: In the words of all schools of mystics in both hemispheres, these results are summed up in the words: Union with God, or At-one-ment with Divinity. God and man are at-one. The Self and Not-Self are unified. Tauler expresses it thus:

Thứ tư: Theo lời của tất cả các trường phái thần bí ở cả hai bán cầu, những kết quả này được tóm tắt trong các từ: Hợp nhất với Thượng đế, hay Sự hợp nhất với Thiên tính. Thượng đế và con người là một. Ngã và Phi Ngã được thống nhất. Tauler diễn đạt điều đó như sau:

"In this union...the man does not attain to God by images or meditations, nor by a higher mental effort, nor as a taste or a light. But it is *truly Himself* that he receives inwardly, and in a manner that greatly surpasses all the savour, all the light of created beings, all reason, all measure, all intelligence."

"Trong sự hợp nhất này...con người không đạt đến Thượng đế bằng các hình ảnh hay các bài thiền, cũng không bằng một nỗ lực trí tuệ cao hơn, hay như một hương vị hoặc một ánh sáng. Mà là *chính Ngài* mà y tiếp nhận vào bên trong, và theo một cách vượt xa mọi hương vị, mọi ánh sáng của các sinh linh được tạo ra, mọi lý trí, mọi thước đo, mọi trí thông minh."

QUOTED BY POULAIN, R. P., S.J., "THE GRACES OF INTERIOR PRAYER", P. 80

ĐƯỢC TRÍCH DẪN BỞI POULAIN, R. P., S.J., "THE GRACES OF INTERIOR PRAYER", TR. 80

All other factors below the spiritual reality are but ways to the centre, and must be entirely superseded in the contemplative state wherein the man slips out of the form consciousness into that of the spiritual reality, the soul. This, being a conscious indivisible part of the Universal Soul (paradoxical as those words may be), is devoid of all sense of separateness; hence the union with God is a realization of a fact in nature which has always been. The [183] soul consciously knows itself to be one with God. With this idea in our minds and with an understanding of the part that intellection has played, the words of St. Paul take on a new clarity, when he says: "Let this mind be in you which was also in Christ Jesus, Who, being in the form of God thought it not robbery to be equal with God."

Tất cả các yếu tố khác bên dưới thực tại tinh thần chỉ là những con đường dẫn đến trung tâm, và phải hoàn toàn được thay thế trong trạng thái chiêm ngưỡng, trong đó con người trượt ra khỏi tâm thức hình tướng vào tâm thức của thực tại tinh thần, linh hồn. Điều này, là một phần có ý thức không thể chia cắt của Linh Hồn Vũ Trụ (dù những từ đó có thể nghịch lý), không có mọi cảm giác về sự chia rẽ; do đó sự hợp nhất với Thượng đế là một sự chứng nghiệm về một sự kiện trong tự nhiên vốn đã luôn luôn tồn tại. [183] Linh hồn biết mình một cách có ý thức là hợp nhất với Thượng đế. Với ý tưởng này trong tâm trí chúng ta và với sự thấu hiểu về vai trò mà hoạt động trí tuệ đã đóng, những lời của Thánh Paul mang một sự rõ ràng mới, khi ngài nói: "Hãy để tâm trí này ở trong anh em, cái cũng đã ở trong Chúa Jesus Christ, Người, vốn trong hình tướng của Thượng đế đã nghĩ rằng không phải là cướp đoạt khi được bình đẳng với Thượng đế."

The results of this realized union (realized when in the contemplative state) is illumination of the mind and of the brain, provided that they have both been held positively steady and in a waiting condition. The illumination, when it has become frequent and, finally, when it can be drawn upon at will, produces eventually the life of inspiration.

Các kết quả của sự hợp nhất được chứng nghiệm này (được chứng nghiệm khi ở trong trạng thái chiêm ngưỡng) là sự soi sáng của thể trí và của bộ não, miễn là cả hai đều được giữ ổn định một cách tích cực và trong một điều kiện chờ đợi. Sự soi sáng, khi nó trở nên thường xuyên và, cuối cùng, khi nó có thể được vận dụng theo ý muốn, rốt cuộc tạo ra cuộc đời của cảm hứng.

If these stages are grasped and mastered and if the intelligent man or woman can be found willing to submit to the outlined technique, we shall have many coming forth as demonstrators of this divine science. The words that I used in my book, *The Soul and Its Mechanism*, will be found true that "there will emerge a new race, with new capacities, new ideals, new concepts about God and matter, about life and Spirit. Through that race and through the humanity of the future

Nếu các giai đoạn này được nắm bắt và làm chủ và nếu người nam hay người nữ thông minh có thể được tìm thấy sẵn sàng tuân theo kỹ thuật đã được phác thảo, chúng ta sẽ có nhiều người xuất hiện như những người thể hiện khoa học thiêng liêng này trong thực tế. Những lời mà tôi đã sử dụng trong cuốn sách của mình, *Linh Hồn và Cơ Chế của Nó*, sẽ được thấy là đúng rằng "sẽ xuất hiện một giống dân mới, với những năng lực mới, những lý tưởng mới, những khái niệm mới

there will be seen not only a mechanism and a structure, but a soul, an entity, who, using the mechanism, will manifest its own nature, which is love, wisdom and intelligence." *(Bailey, Alice A., "The Soul and Its Mechanism", p. 130.)*

về Thượng đế và vật chất, về sự sống và Tinh thần. Thông qua giống dân đó và thông qua nhân loại của tương lai sẽ được nhìn thấy không chỉ một cơ chế và một cấu trúc, mà là một linh hồn, một thực thể, người, sử dụng cơ chế, sẽ biểu lộ bản chất riêng của mình, đó là tình thương, minh triết và trí thông minh." *(Bailey, Alice A., "The Soul and Its Mechanism", tr. 130.)*

It is interesting here to note the uniformity of the teaching of all religions and races as to the technique of entrance into the kingdom of the soul. At a [184] certain point on the path of evolution, it would appear as if all ways converge and all pilgrims arrive at the same identical position on the Way. From this point of junction, they travel the same way, and employ the same methods, and use a curiously similar phraseology. That the time has come when this should be definitely realized becomes apparent when we note the wide study of comparative religion, and the interplay between the races. These two factors are steadily breaking down the old barriers, and demonstrating the oneness of the human soul.

Thật thú vị khi lưu ý ở đây sự đồng nhất trong giáo huấn của tất cả các tôn giáo và chủng tộc về kỹ thuật đi vào vương quốc của linh hồn. Tại một [184] điểm nhất định trên con đường tiến hóa, có vẻ như mọi ngả đường đều hội tụ và tất cả những người hành hương đều đến cùng một vị trí giống hệt nhau trên Con Đường. Từ điểm giao nhau này, họ đi cùng một con đường, và sử dụng cùng các phương pháp, và sử dụng một cách diễn đạt tương tự một cách kỳ lạ. Rằng thời gian đã đến khi điều này nên được nhận thức một cách dứt khoát trở nên rõ ràng khi chúng ta lưu ý đến sự nghiên cứu rộng rãi về tôn giáo so sánh, và sự tương tác giữa các chủng tộc. Hai yếu tố này đang đều đặn phá bỏ những rào cản cũ, và chứng minh sự nhất thể của linh hồn con người.

Speaking generally, this Way is almost universally divided into three main divisions, which are to be seen, for instance, in the three great religions, the Christian, the Buddhist and the Hindu faiths. In the Christian church, we speak of the Path of Probation, the Path of Holiness, and the Path of Illumination. Dr. Evans-Wentz of Oxford, in his introduction to *Tibet's Great Yogi, Milarepa*, quotes a Hindu teacher in the following terms:

Nói chung, Con Đường này gần như được chia thành ba bộ phận chính một cách phổ quát, có thể thấy, ví dụ, trong ba tôn giáo lớn, đức tin Cơ đốc, Phật giáo và Ấn giáo. Trong giáo hội Cơ đốc, chúng ta nói về Con Đường Dự Bị, Con Đường Thánh Thiện, và Con Đường Soi Sáng. Tiến sĩ Evans-Wentz của Oxford, trong phần giới thiệu cuốn *Tibet's Great Yogi, Milarepa*, trích dẫn một giáo viên Hindu theo các thuật ngữ sau:

"The three chief Tibetan schools, to my mind, mark three stages on the Path of Illumination or spiritual progress. In the

"Theo tôi, ba trường phái Tây Tạng chính đánh dấu ba giai đoạn trên Con Đường Soi Sáng hay tiến bộ tinh thần. Trong giai đoạn

first, the devotee is subject to injunctions and prohibitions...i.e., 'bound by the ordinances'. In the second, he adheres to traditional ways...wherein the ordinary restrictions are to a certain extent relaxed, although the devotee is not yet altogether free. In the third, the Ādi-Yoga, when through yoga practices the Light is seen, there are no longer any restrictions; for the state of Buddha...has been attained. These three stages correspond, roughly speaking, with what the Tantras mean by [185] the...State of the Animal-Man...State of the Hero, and State of the Divine or Enlightened."

đầu, người sùng tín chịu sự điều chỉnh của các lệnh truyền và cấm đoán...nghĩa là, 'bị ràng buộc bởi các sắc lệnh'. Trong giai đoạn thứ hai, y tuân thủ các con đường truyền thống...trong đó các hạn chế thông thường được nới lỏng ở một mức độ nhất định, mặc dù người sùng tín vẫn chưa hoàn toàn tự do. Trong giai đoạn thứ ba, Adi-Yoga, khi thông qua các thực hành yoga, Ánh Sáng được nhìn thấy, không còn bất kỳ hạn chế nào nữa; vì trạng thái của Phật...đã đạt được. Ba giai đoạn này tương ứng, nói một cách đại khái, với những gì các Mật Điển ngụ ý về [185]...Trạng thái của Người-Thú...Trạng thái của Anh Hùng, và Trạng thái của Người Thiêng Liêng hay Giác Ngộ."

EVANS-WENTZ, W. Y., "TIBET'S GREAT YOGI, MILAREPA", P. 5.

EVANS-WENTZ, W. Y., "TIBET'S GREAT YOGI, MILAREPA", TR. 5.

The Method in Tibetan Buddhism

Phương Pháp trong Phật Giáo Tây Tạng

In studying the life of Milarepa, the Holy One of Tibet, who lived in the eleventh and twelfth centuries, A.D., we find it claimed for him that he attained union through the method of discipline, meditation and practice, and, ultimately, Illumination. We read as follows:

Khi nghiên cứu cuộc đời của Milarepa, Đấng Thánh của Tây Tạng, người đã sống vào thế kỷ mười một và mười hai sau Công nguyên, chúng ta thấy điều được khẳng định cho ông là ông đã đạt được sự hợp nhất thông qua phương pháp kỷ luật, tham thiền và thực hành, và, cuối cùng, là Sự Soi Sáng. Chúng ta đọc như sau:

"He was one, who, having mastered the mystic and occult sciences, had communicated to him...continuously the four blissful states of ecstatic communion....

"Ngài là người, sau khi đã làm chủ các khoa học thần bí và huyền bí, đã được truyền đạt cho ngài...liên tục bốn trạng thái phúc lạc của sự giao cảm ngất ngây....

"He was one, who having attained to omniscience, all-pervading goodwill, and glowing love, together with the acquisition of transcendental powers and virtues, became a self-developed Buddha who towered above all conflicting opinions and arguments of the various sects and creeds....

"Ngài là người, sau khi đã đạt tới sự toàn tri, thiện chí lan tỏa khắp nơi, và tình thương rực rỡ, cùng với việc đạt được các quyền năng và đức hạnh siêu việt, đã trở thành một vị Phật tự phát triển, người vượt lên trên tất cả các ý kiến xung đột và các lập luận của các tông phái và tín ngưỡng khác nhau....

"He was a being most diligent and persevering in meditation upon the Rare Path....Having acquired full power over the mental states and faculties within, he overcame all dangers from the elements without....

"He was a being perfect in the practice of the four stages of meditation (analysis, reflection, fondness, bliss. These are the four progressive mental states, leading to complete concentration of mind, producing ecstatic illumination)....

"He was a most learned professor in the Science of the Mind, having proved the Mind to be, beyond dispute, the Beginning and End of all visible phenomena, both material and spiritual, the Rays whereof, being allowed to shine unobstructedly, develop themselves, as he knew, into the three-fold [186] manifestation of the Universal Divine Being, through their own free, inherent power."

Evans-Wentz, W. Y., "Tibet's Great Yogi, Milarepa", pp. 32, 33, 35, 38.

Thus we have the same procedure — mental activity, contemplation, union and illumination.

The Method in Chinese Buddhism

One of the main contributions to the process of enlightenment is an understanding of the way in which the Buddha found the Light. It demonstrates in a most remarkable way the use of the mind to overcome ignorance and its subsequent futility to carry a man on into the world of Light and spiritual being. Dr. Suzuki, Professor of Zen Buddhism at the Buddhist College at Kyoto, tells us about it in

"Ngài là một sinh mệnh siêng năng và kiên trì nhất trong việc tham thiền trên Con Đường Hiếm Có....Đã đạt được quyền năng trọn vẹn đối với các trạng thái và quan năng trí tuệ bên trong, ngài đã vượt qua mọi nguy hiểm từ các yếu tố thiên nhiên bên ngoài....

"Ngài là một sinh mệnh hoàn hảo trong việc thực hành bốn giai đoạn tham thiền (phân tích, suy ngẫm, yêu thích, phúc lạc. Đây là bốn trạng thái trí tuệ tiến triển tuần tự, dẫn đến sự tập trung hoàn toàn của tâm trí, tạo ra sự soi sáng ngất ngây)....

"Ngài là một bậc thầy hết sức uyên bác trong Khoa học về Tâm Trí, đã chứng minh Tâm Trí, không thể bàn cãi, là Sự Khởi Đầu và Kết Thúc của tất cả các hiện tượng hữu hình, cả vật chất và tinh thần, các Tia của nó, được phép chiếu sáng không bị cản trở, tự phát triển, như ngài đã biết, thành biểu hiện [186] tam phân của Đấng Thiêng Liêng Vũ Trụ, thông qua quyền năng tự do, vốn có của chính chúng."

Evans-Wentz, W. Y., "Tibet's Great Yogi, Milarepa", các trang 32, 33, 35, 38.

Như vậy chúng ta có cùng một quy trình — hoạt động trí tuệ, chiêm ngưỡng, hợp nhất và soi sáng.

Phương Pháp trong Phật Giáo Trung Hoa

Một trong những đóng góp chính cho quá trình giác ngộ là sự thấu hiểu về cách thức mà Đức Phật đã tìm thấy Ánh Sáng. Nó chứng minh một cách đáng chú ý nhất việc sử dụng thể trí để vượt qua vô minh và sự vô ích sau đó của nó trong việc đưa một người đi vào thế giới của Ánh Sáng và bản thể tinh thần. Tiến sĩ Suzuki, Giáo sư Thiền tông tại Đại học Phật giáo ở Kyoto, kể cho chúng ta về

the following illuminating paragraphs. He tells us that it was through "supreme perfect knowledge" that the Buddha arrived at the wisdom which changed him from a Bodhisattva into a Buddha. This knowledge is

điều đó trong các đoạn văn đầy soi sáng sau đây. Ông cho chúng ta biết rằng chính nhờ "trí huệ hoàn hảo tối thượng" mà Đức Phật đã đạt đến sự minh triết đã biến đổi Ngài từ một vị Bồ Tát thành một vị Phật. Kiến thức này là

"...a faculty both intellectual and spiritual, through the operation of which the soul is enabled to break the fetters of intellection. The latter is always dualistic inasmuch as it is cognisant of subject and object, but in the Prajña which is exercised 'in unison with one-thought-viewing' there is no separation between knower and known, these are all viewed in one thought, and enlightenment is the outcome of this....

"...một quan năng vừa trí tuệ vừa tinh thần, thông qua hoạt động của nó linh hồn được cho phép phá vỡ các xiềng xích của sự tư duy. Sự tư duy luôn mang tính nhị nguyên vì nó nhận thức chủ thể và khách thể, nhưng trong Bát Nhã vốn được thực hành 'hòa hợp với cái nhìn nhất niệm' thì không có sự tách biệt giữa người biết và cái được biết, tất cả đều được xem xét trong một tư tưởng, và giác ngộ là kết quả của điều này....

"Enlightenment we can thus see is an absolute state of mind in which no 'discrimination'...takes place, and it requires a great mental effort to realize this state of viewing [187] all things 'in one thought'. In fact our logical as well as practical consciousness is too given up to analysis and ideation; that is to say, we cut up realities into elements in order to understand them; but when they are put together to make the original whole, its elements stand out too conspicuously defined, and we do not view the whole 'in one thought'. And as it is only when 'one thought' is reached that we have enlightenment, an effort is to be made to go beyond our relative empirical consciousness....The most important fact that lies behind the experience of Enlightenment, therefore, is that the Buddha made the most strenuous attempt to solve the problem of Ignorance and his utmost will-power was brought forth to bear upon a successful issue of the struggle....Enlightenment therefore must involve *the will as well as the intellect*. It is an act of intuition born of the will....The

"Do đó chúng ta có thể thấy Giác ngộ là một trạng thái tâm trí tuyệt đối trong đó không có 'sự phân biện'...diễn ra, và nó đòi hỏi một nỗ lực trí tuệ to lớn để nhận ra trạng thái xem xét [187] mọi thứ 'trong một tư tưởng' này. Thực tế, tâm thức logic cũng như thực tiễn của chúng ta quá sa đà vào phân tích và hình thành ý niệm; nghĩa là, chúng ta cắt các thực tại thành các yếu tố để hiểu chúng; nhưng khi chúng được ghép lại với nhau để tạo thành cái toàn thể ban đầu, các yếu tố của nó nổi bật quá rõ ràng, và chúng ta không xem xét cái toàn thể 'trong một tư tưởng'. Và vì chỉ khi đạt được 'một tư tưởng' thì chúng ta mới có giác ngộ, nên một nỗ lực phải được thực hiện để vượt ra ngoài tâm thức kinh nghiệm tương đối của chúng ta....Do đó, thực tế quan trọng nhất nằm sau trải nghiệm Giác ngộ là Đức Phật đã thực hiện nỗ lực gian khổ nhất để giải quyết vấn đề Vô minh và sức mạnh ý chí tối đa của Ngài đã được đưa ra để tác động đến một kết quả thành công của cuộc đấu tranh....Do đó, Giác ngộ phải bao gồm *ý chí cũng như trí năng*. Đó là một hành động của trực giác sinh ra từ ý chí....Đức Phật đã đạt được mục

Buddha attained this end when a new insight came upon him at the end of his ever-circulatory reasoning from decay and death to Ignorance and from Ignorance to decay and death....But he had an indomitable will; he wanted, with the utmost efforts of his will, to get into the very truth of the matter; he knocked and knocked until the doors of Ignorance gave way; and they burst open to a new vista never before presented to his intellectual vision."

Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", pp. 113-115.

đích này khi một cái nhìn sâu sắc mới đến với Ngài ở cuối sự suy luận xoay vòng liên tục của Ngài từ già và chết đến Vô minh và từ Vô minh đến già và chết....Nhưng Ngài có một ý chí bất khuất; Ngài muốn, với những nỗ lực tối đa của ý chí mình, đi vào chính sự thật của vấn đề; Ngài đã gõ và gõ cho đến khi những cánh cửa của Vô minh nhường lối; và chúng bật mở ra một viễn cảnh mới chưa từng được trình bày trước tầm nhìn trí tuệ của Ngài."

Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", các trang 113-115.

Earlier he points out that the attainment of Nirvana is after all essentially the affirmation and realization of Unity. In the same essays we find the words:

Trước đó ông chỉ ra rằng việc đạt được Niết Bàn rốt cuộc về cơ bản là sự khẳng định và chứng nghiệm về Sự Hợp Nhất. Trong cùng các bài tiểu luận, chúng ta tìm thấy những lời:

"They (Buddhists) finally found out that Enlightenment was not a thing exclusively belonging to the Buddha, but that each one of us could attain it if he got rid of ignorance by abandoning the dualistic conception of life and of the world; they further concluded that Nirvana was not vanishing into a state of absolute non-existence which [188] was an impossibility as long as we had to reckon with the actual facts of life, and that Nirvana in its ultimate signification was an affirmation — an affirmation beyond opposites of all kinds."

Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", p. 47.

"Họ (các Phật tử) cuối cùng đã phát hiện ra rằng Giác ngộ không phải là thứ thuộc riêng về Đức Phật, mà mỗi người trong chúng ta đều có thể đạt được nó nếu y thoát khỏi vô minh bằng cách từ bỏ quan niệm nhị nguyên về cuộc sống và về thế giới; họ kết luận thêm rằng Niết Bàn không phải là sự biến mất vào một trạng thái hoàn toàn không tồn tại, điều [188] là một sự bất khả thi chừng nào chúng ta còn phải tính đến những thực tế của cuộc sống, và rằng Niết Bàn trong ý nghĩa tối hậu của nó là một sự khẳng định — một sự khẳng định vượt ra ngoài các cặp đối đãi thuộc mọi loại."

Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", tr. 47.

The term Prajñā used above is very interesting. It is "the presence in every individual of a faculty....This is the principle which makes Enlightenment possible in us as well as in the Buddha. Without Prajñā there could be no enlightenment, which is

Thuật ngữ Bát Nhã được sử dụng ở trên rất thú vị. Nó là "sự hiện diện trong mọi cá nhân của một quan năng....Đây là nguyên lý làm cho Giác ngộ trở nên khả thi ở chúng ta cũng như ở Đức Phật. Nếu không có Bát Nhã thì không thể có giác ngộ, vốn là quyền năng

the highest spiritual power in our possession. The intellect...is relative in its activity....The Buddha before his Enlightenment was an ordinary mortal, and we, ordinary mortals, will be Buddhas the moment our mental eyes open in Enlightenment." *(Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", pp. 52, 53.)*

tinh thần cao nhất thuộc sở hữu của chúng ta. Trí năng...là tương đối trong hoạt động của nó....Đức Phật trước khi Giác ngộ là một người phàm bình thường, và chúng ta, những người phàm bình thường, sẽ là những vị Phật ngay khi mắt trí tuệ của chúng ta mở ra trong Giác ngộ." *(Suzuki, Daistz Taitaro, "Essays in Zen Buddhism", các trang 52, 53.)*

Thus we have the mind focussed and used to its utmost capacity, and then the cessation of its work. Next comes the use of the will to hold the mind steady in the light, and then — the Vision, Enlightenment, Illumination!

Như vậy chúng ta có thể trí được tập trung và sử dụng đến khả năng tối đa của nó, và sau đó là sự chấm dứt công việc của nó. Tiếp theo là việc sử dụng ý chí để giữ thể trí ổn định trong ánh sáng, và sau đó — Linh Ảnh, Sự Giác Ngộ, Sự Soi Sáng!

The Method in Hindu Yoga

Phương Pháp trong Yoga Ấn Độ

The Hindus have analyzed the process of mental approach to Reality, and the part the mind should play, more clearly, perhaps, than any other group of thinkers. Shankarâchârya tells us that:

Người Hindu đã phân tích quá trình tiếp cận trí tuệ với Thực Tại, và vai trò mà thể trí nên đảm nhiệm, rõ ràng hơn, có lẽ, so với bất kỳ nhóm tư tưởng gia nào khác. Shankarâchârya cho chúng ta biết rằng:

"The Yogi, whose intellect is perfect, contemplates all things as dwelling within himself (in his own 'Self,' without [189] any distinction of outer and inner), and thus, by the eye of Knowledge (Jnâna-chaksus, an expression which might be rendered fairly accurately as 'intellectual intuition'), he perceives (or rather conceives, not rationally or discursively, but by a direct awareness and an immediate 'assent') that everything is Atma."

"Vị Yogi, người có trí năng hoàn hảo, chiêm ngưỡng vạn vật như đang an trú trong chính mình (trong 'Chân Ngã' của riêng mình, không có [189] bất kỳ sự phân biệt nào về bên ngoài và bên trong), và do đó, bằng con mắt Tri Thức (Jnâna-chaksus, một biểu thức có thể được diễn tả khá chính xác là 'trực giác trí tuệ'), y tri giác (hoặc đúng hơn là quan niệm, không phải theo lý trí hay lập luận, mà bằng một nhận thức trực tiếp và một 'sự tán thành' tức thì) rằng mọi thứ là Atma."

QUOTED BY GUÉNON, RENÉ, IN "MAN AND HIS BECOMING", P. 254.

ĐƯỢC TRÍCH DẪN BỞI GUÉNON, RENÉ, TRONG "MAN AND HIS BECOMING", TR. 254.

The Yogi, or the one who has achieved union (for Yoga is the science of union) knows

Vị Yogi, hay người đã đạt được sự hợp nhất (vì Yoga là khoa học về sự hợp nhất) biết

himself as he is in reality. He finds, when ignorance gives place to transcendental awareness, that he is identified with Brahma, the Eternal Cause, the One and the Alone. He knows himself to be, past all controversy, God — God immanent and God transcendent. The seer goes on to tell us that

chính mình như y là trong thực tại. Y thấy, khi vô minh nhường chỗ cho nhận thức siêu việt, rằng y được đồng nhất với Brahma, Nguyên Nhân Vĩnh Cửu, Đấng Duy Nhất và Độc Nhất. Y biết mình, vượt qua mọi tranh cãi, là Thượng đế — Thượng đế nội tại và Thượng đế siêu việt. Nhà tiên kiến tiếp tục nói với chúng ta rằng

"He is 'the supreme *Brahma* which is eternal, pure, free, alone (in Its absolute perfection), incessantly filled with Beatitude, without duality, (unconditioned) Principle of all existence, knowing (without this Knowledge implying any distinction of subject and object, which would be contrary to 'non-duality'), and without end'.

"Y là 'Brahma tối cao vốn vĩnh cửu, thuần khiết, tự do, cô độc (trong sự hoàn hảo tuyệt đối của Nó), không ngừng tràn đầy Phúc Lạc, không có nhị nguyên, Nguyên lý (vô điều kiện) của mọi sự tồn tại, hiểu biết (mà Tri Thức này không ngụ ý bất kỳ sự phân biệt nào về chủ thể và khách thể, điều sẽ trái ngược với 'phi nhị nguyên'), và không có kết thúc'.

"He is *Brahma*, by which all things are illumined (partaking of Its essence according to their degrees of reality), the Light of which causes the sun to shine and all luminous bodies, but which is not made manifest by their light.

"Y là *Brahma*, mà bởi đó vạn vật được soi sáng (tham dự vào bản chất của Nó tùy theo mức độ thực tại của chúng), Ánh Sáng của Nó làm cho mặt trời và tất cả các vật thể phát sáng chiếu rọi, nhưng Nó không được biểu lộ bởi ánh sáng của chúng.

"The 'Self' being enlightened by meditation...,then burning with the fire of Knowledge (realizing its essential identity with the Supreme Light), is delivered from all accidents,...and shines in its own splendour like gold which is purified in fire.

"'Chân Ngã' được khai sáng bởi tham thiền..., sau đó bùng cháy với ngọn lửa Tri Thức (chứng nghiệm sự đồng nhất bản chất của nó với Ánh Sáng Tối Cao), được giải thoát khỏi mọi thuộc tính ngẫu hữu,..., và tỏa sáng trong sự rực rỡ của chính nó giống như vàng được tinh luyện trong lửa.

"When the sun of spiritual Knowledge arises in the heart's heaven (that is to say at the centre of the being...), it dispels the darkness (of ignorance veiling the [190] single absolute Reality), it pervades all, envelops all, and illumines all."

"Khi mặt trời của Tri Thức tinh thần mọc lên trong bầu trời của trái tim (nghĩa là tại trung tâm của bản thể...), nó xua tan bóng tối (của vô minh che khuất [190] Thực Tại tuyệt đối duy nhất), nó thấm nhuần tất cả, bao bọc tất cả, và soi sáng tất cả."

Guénon, René, "Man and His Becoming", pp. 256, 258, 259, 260.

Guénon, René, "Man and His Becoming", các trang 256, 258, 259, 260.

Father Maréchal tells us that the

"... psychological experience lived by the contemplative passes through the two phases of mental concentration and unconsciousness described by M. Oltramare, according to the *Sarvadarsanasangraha:* 'It is in two successive phases that the Yogi saps by anticipation the basis of further existences and effaces the impressions that determine the present existence. In the first it is *conscious*...; thought, then, is exclusively attentive to its proper object, and all the modifications of the thinking principle are suspended in the degree that they depend on exterior things; the fruits it gains under this form are either visible — the cessation of suffering — or invisible — immediate perception of Being which is the object of the meditation....The second period of Yoga is that in which it is *unconscious*...the thinking organ is resolved into its cause...the feeling of personality is lost; the subject who is meditating, the object on which his thought dwells, the act of meditation itself, make but one thing...."

MARÉCHAL, JOSEPH, S.J. "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", PP. 312-313.

Patanjali, the greatest teacher of the science of Yoga in the world, has summed up the final stages in his fourth Book in the following words:

"The state of isolated unity (withdrawn into the true nature of the Self) is the reward of the man who can discriminate between the mind stuff and the Self, or spiritual man.

"The state of isolated unity becomes possible when the three qualities of matter

Cha Maréchal cho chúng ta biết rằng

"... trải nghiệm tâm lý mà người chiêm ngưỡng trải qua đi qua hai giai đoạn tập trung trí tuệ và vô thức được mô tả bởi M. Oltramare, theo *Sarvadarsanasangraha:* 'Chính trong hai giai đoạn kế tiếp nhau mà Yogi làm suy yếu từ trước nền tảng của những kiếp sống tiếp theo và xóa bỏ những ấn tượng xác định sự tồn tại hiện tại. Trong giai đoạn đầu, nó là *có ý thức*...; tư tưởng, khi đó, chỉ chú ý đến đối tượng riêng của nó, và tất cả các biến đổi của nguyên lý tư duy bị đình chỉ ở mức độ chúng phụ thuộc vào những thứ bên ngoài; những quả mà nó đạt được dưới hình thức này hoặc là hữu hình — sự chấm dứt đau khổ — hoặc là vô hình — sự tri giác tức thì về Bản Thể vốn là đối tượng của sự tham thiền....Giai đoạn thứ hai của Yoga là giai đoạn trong đó nó là *vô thức*...cơ quan tư duy được phân giải vào nguyên nhân của nó...cảm giác về phàm ngã bị mất đi; chủ thể đang tham thiền, đối tượng mà tư tưởng y an trú vào, hành động tham thiền tự nó, chỉ tạo thành một thứ...."

MARÉCHAL, JOSEPH, S.J. "STUDIES IN THE PSYCHOLOGY OF THE MYSTICS", CÁC TRANG 312-313.

Patanjali, người thầy vĩ đại nhất về khoa học Yoga trên thế giới, đã tóm tắt các giai đoạn cuối cùng trong Quyển thứ tư của ông bằng những lời sau:

"Trạng thái hợp nhất cô lập (rút lui vào bản chất chân thực của Chân Ngã) là phần thưởng của người có thể phân biện giữa chất liệu trí tuệ và Chân Ngã, hay con người tinh thần.

"Trạng thái hợp nhất cô lập trở nên khả thi khi ba đặc tính của vật chất (ba gunas hay

(the three gunas or potencies of [191] nature) no longer exercise any hold over the Self. The pure spiritual consciousness withdraws into the One.

"When the spiritual intelligence which stands alone and freed from objects, reflects itself in the mind stuff, then comes awareness of the Self....The mind then tends towards...increasing illumination..."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", IV., 25, 34, 22.

Here again the same idea. The use of the mind, final withdrawal from the mind consciousness, and the realization of unity. This tends to steady illumination.

The Method of Sufism

The writings of the Sufis are much veiled in imagery and symbolism and have a stronger sense of duality than perhaps any other religious esoteric system, except the Christian mystical writings. But there emerges even from them the same expression of truth and the same basic method. The following excerpts from the oldest Persian Treatise on Sufism will show. It is interesting to note that those writings persist the longest and show the most wide usefulness which come from those who are Knowers, and who can relate their experience of divinity in such a way that they can teach and outline, as well as declare and affirm.

"The first step in unification is the annihilation of separation because separation is the pronouncement that one has become separated from imperfections, while unification is the declaration of a thing's unity....Accordingly, the first step in

tiềm năng của [191] tự nhiên) không còn thực hiện bất kỳ sự kìm kẹp nào đối với Chân Ngã. Tâm thức tinh thần thuần khiết rút lui vào Đấng Duy Nhất.

"Khi trí thông minh tinh thần đứng một mình và được giải phóng khỏi các đối tượng, tự phản chiếu mình trong chất liệu trí tuệ, thì nhận thức về Chân Ngã đến....Khi đó thể trí hướng tới...sự soi sáng ngày càng tăng..."

BAILEY, ALICE A., "THE LIGHT OF THE SOUL", IV., 25, 34, 22.

Ở đây một lần nữa lại có cùng ý tưởng. Việc sử dụng thể trí, sự rút lui cuối cùng khỏi tâm thức trí tuệ, và sự chứng nghiệm về sự hợp nhất. Điều này dẫn đến sự soi sáng ổn định.

Phương Pháp của Sufi

Các tác phẩm của người Sufi bị che phủ nhiều trong hình tượng và biểu tượng và có cảm giác mạnh mẽ hơn về nhị nguyên tính so với có lẽ bất kỳ hệ thống huyền môn tôn giáo nào khác, ngoại trừ các tác phẩm thần bí Cơ đốc giáo. Nhưng ngay cả từ chúng cũng nổi lên cùng một sự diễn đạt về chân lý và cùng một phương pháp cơ bản. Những đoạn trích sau đây từ Luận thuyết Ba Tư cổ nhất về Sufi sẽ cho thấy. Thật thú vị khi lưu ý rằng những tác phẩm tồn tại lâu nhất và cho thấy sự hữu ích rộng rãi nhất đến từ những người là Thức giả, và những người có thể thuật lại trải nghiệm của họ về thiên tính theo cách mà họ có thể dạy và phác thảo, cũng như tuyên bố và khẳng định.

"Bước đầu tiên trong sự thống nhất là sự tiêu diệt chia rẽ bởi vì chia rẽ là sự tuyên bố rằng một người đã trở nên tách biệt khỏi những sự không hoàn hảo, trong khi sự thống nhất là sự tuyên bố về tính đơn nhất của một vật....Theo đó, bước đầu tiên trong sự thống

unification is to deny that God has a partner and to put admixture aside....[192]

nhất là phủ nhận rằng có một đấng ngang hàng với Thượng đế và gạt sự pha trộn sang một bên....[192]

"Our principles in unification are five; the removal of phenomenality, and the affirmation of eternity, and departure from familiar haunts, and separation from brethren and forgetfulness of what is known and unknown.

"Các nguyên tắc của chúng tôi trong sự thống nhất là năm; sự loại bỏ tính hiện tượng, và sự khẳng định tính vĩnh cửu, và sự rời bỏ những nơi chốn quen thuộc, và sự tách biệt khỏi huynh đệ và sự quên lãng những gì được biết và không được biết.

"The removal of phenomenality consists in denying that phenomena have any connection with unification or that they can possibly attain to His holy essence; and the affirmation of eternity consists in being convinced that God always existed...; and departure from familiar haunts means, for the novice, departure from the habitual pleasures of the lower soul and the forms of this world, and for the adept, departure from lofty stations and glorious states and exalted miracles; and separation from brethren means turning away from the society of mankind and turning towards the society of God, since any thought of other than God is a veil and an imperfection, and the more a man's thoughts are associated with other than God the more is he veiled from God, because it is universally agreed that unification is the concentration of thoughts, whereas to be content with other than God is a sign of dispersion of thought...."

"Sự loại bỏ tính hiện tượng bao gồm việc phủ nhận rằng các hiện tượng có bất kỳ sự kết nối nào với sự thống nhất hoặc rằng chúng có thể đạt tới bản thể thánh thiện của Ngài; và sự khẳng định tính vĩnh cửu bao gồm việc tin chắc rằng Thượng đế luôn luôn tồn tại...; và sự rời bỏ những nơi chốn quen thuộc nghĩa là, đối với người sơ cơ, sự rời bỏ những khoái lạc theo thói quen của linh hồn thấp kém và các hình tướng của thế giới này, và đối với người tu thành thạo, sự rời bỏ những địa vị cao quý và những trạng thái vinh quang và những phép lạ cao siêu; và sự tách biệt khỏi huynh đệ nghĩa là rời sự giao tiếp với loài người để hướng đến sự hiệp thông với Thượng đế, vì bất kỳ suy nghĩ nào về cái khác ngoài Thượng đế là một bức màn và một sự không hoàn hảo, và suy nghĩ của một người càng liên kết với cái khác ngoài Thượng đế thì y càng bị che khuất khỏi Thượng đế, bởi vì mọi người đều đồng ý rằng sự thống nhất là sự tập trung của những suy nghĩ, trong khi hài lòng với cái khác ngoài Thượng đế là một dấu hiệu của sự phân tán tư tưởng...."

Nicholson, Reynold A., "The Kashf Al-Mahjúb", pp. 281, 282

Nicholson, Reynold A., "The Kashf Al-Mahjúb", các trang 281, 282

Again we find these words:

Một lần nữa chúng ta tìm thấy những lời này:

"One of the Shaykhs says: 'Four things are necessary to him who prays: annihilation of the lower soul, loss of the natural powers, purity of the inmost heart, and perfect contemplation.' Annihilation of the lower soul is to be attained only by concentration of thought; loss of the natural powers only by affirmation of the Divine Majesty, which involves the destruction of all that is other than God; purity of the inmost heart only by love; and perfect contemplation only by purity of the inmost heart."

"Một trong những Shaykh nói: 'Bốn điều là cần thiết cho người cầu nguyện: sự tiêu diệt của linh hồn thấp kém, sự mất mát của các quyền năng tự nhiên, sự tinh khiết của trái tim sâu thẳm nhất, và sự chiêm ngưỡng hoàn hảo.' Sự tiêu diệt của linh hồn thấp kém chỉ có thể đạt được bằng sự tập trung tư tưởng; sự mất mát của các quyền năng tự nhiên chỉ bằng sự khẳng định về Sự Uy Nghi Thiêng Liêng, điều bao gồm sự phá hủy tất cả những gì khác ngoài Thượng đế; sự tinh khiết của trái tim sâu thẳm nhất chỉ bằng tình yêu; và sự chiêm ngưỡng hoàn hảo chỉ bằng sự tinh khiết của trái tim sâu thẳm nhất."

NICHOLSON, REYNOLD A., "THE KASHF AL-MAHJÚB", PP. 302-303.

NICHOLSON, REYNOLD A., "THE KASHF AL-MAHJÚB", CÁC TRANG 302-303.

Thus again we have the same truth. [193]

Như vậy một lần nữa chúng ta có cùng một chân lý. [193]

The Method in Christianity

Phương Pháp trong Cơ Đốc Giáo

It is, of course, easy to find many passages which link the way of the Christian Knower with that of his brother in the East. They bear witness to the same efficacy of method and they too use the intellect just as far as it will go and then suspend all effort whilst a new condition of being is instituted and a new state of awareness supervenes. St. Augustine says: "Just as that is ineffable out of which the Son leaps from the Father in the first procession, so there exists some occult thing behind the first procession, intellect and will." Meister Eckhart links himself with the Oriental Knowers in the following words:

Tất nhiên, thật dễ dàng để tìm thấy nhiều đoạn văn liên kết con đường của Thức giả Cơ đốc với con đường của người huynh đệ của y ở phương Đông. Họ làm chứng cho cùng một hiệu quả của phương pháp và họ cũng sử dụng trí năng đến chừng mực mà nó có thể đi và sau đó đình chỉ mọi nỗ lực trong khi một điều kiện hiện hữu mới được thiết lập và một trạng thái nhận thức mới xảy đến. Thánh Augustine nói: "Cũng như cái đó là không thể diễn tả, từ đó Chúa Con nhảy ra khỏi Chúa Cha trong sự phát xuất thứ nhất, thì cũng tồn tại một điều huyền bí nào đó đằng sau sự phát xuất thứ nhất, trí năng và ý chí." Meister Eckhart liên kết mình với các Thức giả Phương Đông trong những lời sau:

"Intellect is the highest power of the soul and therewith the soul grasps the divine

"Trí năng là quyền năng cao nhất của linh hồn và với nó linh hồn nắm bắt điều tốt lành

good. Free will is the power of relishing the divine good which intellect makes known to it. The spark of the soul is the light of God's reflection, which is always looking back to God. The arcanum of the mind is the sum-total, as it were, of all the divine good and divine gifts in the innermost essence of the soul, which is as a bottomless well of divine goodness.

thiêng liêng. Ý chí tự do là quyền năng thưởng thức điều tốt lành thiêng liêng mà trí năng làm cho nó biết. Tia lửa của linh hồn là ánh sáng phản chiếu của Thượng đế, vốn luôn nhìn lại về phía Thượng đế. Bí nhiệm của tâm trí là tổng số, có thể nói như vậy, của tất cả điều tốt lành thiêng liêng và những món quà thiêng liêng trong bản chất sâu thẳm nhất của linh hồn, vốn giống như một cái giếng không đáy của sự tốt lành thiêng liêng.

"The soul's lower powers should be ordered to her higher, and her higher ones to God; her outward senses to her inward, and her inward ones to reason; thought to intuition, and intuition and all to unity so that the soul may be alone with nothing flowing into her but sheer divinity, flowing here into itself.

"Các quyền năng thấp hơn của linh hồn nên được sắp xếp theo các quyền năng cao hơn của nó, và các quyền năng cao hơn của nó theo Thượng đế; các giác quan bên ngoài của nó theo các giác quan bên trong, và các giác quan bên trong của nó theo lý trí; tư tưởng theo trực giác, và trực giác và tất cả theo sự hợp nhất để linh hồn có thể ở một mình mà không có gì chảy vào nó ngoại trừ thiên tính thuần khiết, đang chảy ở đây vào chính nó.

"When a man's mind has lost touch with everything, then, and not till then, it comes in touch with God.

"Khi tâm trí của một người đã mất liên lạc với mọi thứ, thì khi đó, và chỉ khi đó, nó mới tiếp xúc với Thượng đế.

"In this inflowing grace there forthwith arises that light of the mind into which God is sending a ray of his unclouded splendour. In this powerful light a mortal is as far [194] above his fellows as a live man is above his shadow on the wall.

"Trong ân sủng đang chảy vào này ngay lập tức nảy sinh ánh sáng của tâm trí mà vào đó Thượng đế đang gửi một tia sáng rực rỡ không bị che phủ của Ngài. Trong ánh sáng mạnh mẽ này, một người phàm trần ở [194] xa trên các đồng loại của mình cũng như một người sống ở trên cái bóng của y trên tường.

"The man of the soul, transcending his angelic mode and guided by the intellect, pierces to the source whence flowed the soul. Intellect itself is left outside with all named things. So the soul is merged into pure unity."

"Con người của linh hồn, vượt qua phương thức thiên thần của mình và được dẫn dắt bởi trí năng, xuyên thấu đến nguồn cội nơi linh hồn đã chảy ra. Bản thân trí năng bị bỏ lại bên ngoài với tất cả những vật được đặt tên. Vì vậy linh hồn được hòa nhập vào sự hợp nhất tinh khiết."

Pfeiffer, Franz, "Meister Eckhart", pp. 338, 144, 66, 101.

Thus, the great schools of intellectual meditation (devoid in the final stages of feeling and emotion) all lead to the same point. From the standpoint of Buddhism, of Hinduism, of Sufism, and of Christianity, there is the same basic goal: Unification with Deity; there is the same transcendence of the senses, the same focussing of the mind at its highest point, the same apparent futility of the mind beyond that point to carry the aspirant to his objective; there is the same entering into the state of contemplation of Reality, the same assimilation into God, and awareness of identity with God, and the same subsequent Illumination.

All sense of separateness has disappeared. Unity with the Universe, realized Identity with the Whole, conscious awareness of the Self and assimilation in full waking consciousness with both interior and exterior Nature — this is the definite goal of the seeker after knowledge.

The self, the not-self, and the relation between the two, are known as one fact, without differentiation. God, the Father, God, the Son, and God, the Holy Ghost, are realized as working smoothly together as one Identity — the Three in One and the One in [195] Three. This is the objective of all the schools wherein the mystic transcends feeling, and even thought, in the last analysis, and becomes united with the ALL. Individuality, however, remains in consciousness, but it is so identified with the sum-total that all sense of separateness disappears. Naught is left but realized Unity.

PFEIFFER, FRANZ, "MEISTER ECKHART", CÁC TRANG 338, 144, 66, 101.

Như vậy, các trường phái lớn về tham thiền trí tuệ (ở các giai đoạn cuối không còn cảm giác và xúc cảm) đều dẫn đến cùng một điểm. Từ quan điểm của Phật giáo, của Ấn giáo, của Sufi giáo, và của Cơ đốc giáo, đều có cùng một mục tiêu cơ bản: Hợp nhất với Thượng đế; có cùng một sự vượt lên các giác quan, cùng một sự tập trung của thể trí tại điểm cao nhất của nó, cùng một sự vô dụng bề ngoài của thể trí bên kia điểm đó trong việc đưa người chí nguyện đến mục tiêu của y; có cùng một sự đi vào trạng thái chiêm ngưỡng Thực Tại, cùng một sự đồng hóa vào Thượng đế, và nhận thức về sự đồng nhất với Thượng đế, và cùng một Sự Soi sáng theo sau đó.

Mọi cảm giác về sự chia rẽ đã biến mất. Sự Hợp nhất với Vũ trụ, sự Đồng nhất được chứng nghiệm với Cái Toàn Thể, sự nhận thức hữu thức về Chân Ngã và sự đồng hóa trong tâm thức hoàn toàn tỉnh thức với cả Thiên nhiên bên trong và bên ngoài — đây là mục tiêu xác định của người tìm cầu tri kiến.

Ngã, phi ngã, và mối quan hệ giữa hai điều này, được biết đến như một sự kiện, không có sự phân biệt. Thượng đế, Chúa Cha, Thượng đế, Chúa Con, và Thượng đế, Chúa Thánh Thần, được nhận thức là đang làm việc êm thắm cùng nhau như một Bản sắc — Ba trong Một và Một trong [195] Ba. Đây là mục tiêu của tất cả các trường phái mà trong đó nhà thần bí vượt lên cảm xúc, và thậm chí cả tư tưởng, xét đến cùng, và trở nên hợp nhất với CÁI TẤT CẢ. Tuy nhiên, cá tính vẫn còn lại trong tâm thức, nhưng nó được đồng nhất với cái tổng thể đến mức mọi cảm giác về sự chia rẽ đều biến mất. Không còn gì

ngoại trừ Sự Hợp Nhất đã được chứng nghiệm.

CHAPTER NINE - THE PRACTICE OF MEDITATION—THỰC HÀNH THAM THIỀN

"It is to be noticed that the Doctrine of this Book instructs not all sorts of Persons, but those only who keep the Senses and Passions well mortified, who have already advanced and made progress in Prayer, and are called by God to the Inward Way, wherein He encourages and guides them, freeing them from the obstacles which hinder their course to perfect Contemplation."

MICHAEL DE MOLINOS, "THE SPIRITUAL GUIDE"

[199]

Up to this point our discussion has been academic and comparative, discursive and indicatory. The Way that many have trodden has been pointed out, and the Path to Illumination has been considered. Now it behoves us to apply ourselves to an understanding of the practical work that we ourselves can do. Otherwise the entire objective of our study of meditation will be lost, and we shall only have increased our responsibility, without having made any real advance upon the Way.

Two pertinent questions immediately arise and should receive attention.

First: Can anyone, who has the desire, profit by and master the technique of Meditation?

Second: The Knowers of the East gained Illumination by retiring from the world into seclusion and silence. Owing to conditions

"Cần lưu ý rằng Giáo lý của Sách này không hướng dẫn đủ mọi hạng Người, mà chỉ những ai giữ cho các Giác quan và Dục vọng được chế ngự tốt, những ai đã tiến bộ và đạt được tiến triển trong Cầu Nguyện, và được Thượng đế gọi vào Con Đường Nội Tại, nơi Ngài khuyến khích và dẫn dắt họ, giải phóng họ khỏi những trở ngại ngăn cản hành trình của họ đến sự Chiêm ngưỡng hoàn hảo."

MICHAEL DE MOLINOS, "THE SPIRITUAL GUIDE"

[199]

Đến điểm này cuộc thảo luận của chúng ta vẫn mang tính học thuật và so sánh, mang tính suy luận và chỉ dẫn. Con Đường mà nhiều người đã bước đi đã được chỉ ra, và Con Đường dẫn đến Sự Soi sáng đã được xem xét. Nay chúng ta cần phải chuyên chú vào việc thấu hiểu công việc thực hành mà chính chúng ta có thể làm. Nếu không, toàn bộ mục tiêu của việc nghiên cứu tham thiền của chúng ta sẽ bị mất, và chúng ta sẽ chỉ gia tăng trách nhiệm của mình mà không tạo ra bất kỳ tiến bộ thực sự nào trên Con Đường.

Hai câu hỏi thích đáng nảy sinh ngay lập tức và cần được chú ý.

Thứ nhất: Có phải bất kỳ ai, người có mong muốn, đều có thể hưởng lợi từ kỹ thuật Tham thiền và làm chủ nó không?

Thứ hai: Các Thức giả phương Đông đã đạt được Sự Soi sáng bằng cách rút lui khỏi thế gian vào nơi ẩn dật và im lặng. Do các điều

of life in our Occidental civilization, this is not possible. Can there be hope of success without this disappearance into the solitudes of the world, into the forests and jungles, and into monastic seclusion?

kiện sống trong nền văn minh phương Tây của chúng ta, điều này là không thể. Liệu có thể hy vọng thành công mà không cần sự biến mất này vào những nơi hoang vắng của thế giới, vào rừng rậm, và vào sự ẩn dật của tu viện không?

Let us take each question and deal with it. These two questions must be disposed of and answered before we can go on to outline meditation work and indicate the method which it is advisable to follow.

Chúng ta hãy xem xét từng câu hỏi và giải quyết nó. Hai câu hỏi này phải được xử lý và trả lời trước khi chúng ta có thể tiến hành phác thảo công việc tham thiền và chỉ ra phương pháp được khuyến khích tuân theo.

[200]

[200]

In replying to the first question, as to the general suitability of all aspirants for this arduous work, it should be remembered, at the outset, that the very urge itself to do so can be taken as indicating the call of the soul to the Path of Knowledge. No one should be deterred if he discovers that he lacks in certain essentials the needed qualifications. Most of us are bigger and wiser, and better equipped than we realize. We can all begin to concentrate at once if we choose. We possess a great deal of knowledge, mental power, and capacities, which have never been drawn forth from the realm of the subconscious into objective usefulness; anyone who has watched the effect of Meditation upon the beginner will substantiate this statement — often to the mental bewilderment of the beginner, who does not know what to do with his discoveries. The results of the first step in the Meditation discipline, i.e., of Concentration, are often amazing. People "find" themselves; they discover hidden capacities and an understanding never used before; they develop an awareness, even of the phenomenal world, which is, to them, miraculous; they suddenly register the fact of the mind, and that they can use it, and the

Khi trả lời câu hỏi thứ nhất, về sự phù hợp chung của tất cả những người chí nguyện đối với công việc gian khổ này, cần nhớ rằng, ngay từ đầu, chính sự thôi thúc thực hiện điều đó có thể được coi là dấu hiệu cho thấy tiếng gọi của linh hồn đến với Con Đường Tri Kiến. Không ai nên nản lòng nếu y phát hiện ra rằng mình thiếu một số phẩm chất cần thiết nhất định. Hầu hết chúng ta đều lớn lao hơn, khôn ngoan hơn, và được trang bị tốt hơn chúng ta nhận thấy. Tất cả chúng ta đều có thể bắt đầu tập trung ngay lập tức nếu chúng ta chọn. Chúng ta sở hữu rất nhiều kiến thức, quyền năng trí tuệ, và các năng lực, những thứ chưa bao giờ được lôi ra từ vương quốc của tiềm thức vào công dụng trong đời sống bên ngoài; bất kỳ ai đã quan sát tác động của Tham thiền lên người mới bắt đầu sẽ chứng minh cho tuyên bố này — thường là gây ra sự hoang mang về trí tuệ cho người mới bắt đầu, người không biết phải làm gì với những khám phá của mình. Các kết quả của bước đầu tiên trong kỷ luật Tham thiền, tức là sự Tập trung, thường đáng kinh ngạc. Mọi người "tìm thấy" chính mình; họ khám phá ra các năng lực tiềm ẩn và một sự thấu hiểu chưa từng được sử dụng trước đây; họ phát triển một sự nhận thức, ngay cả về thế giới hiện tượng, mà đối với họ

distinction between the knower and the instrument of knowledge becomes steadily and revealingly apparent. At the same time there is also registered a sense of loss. The old dreamy states of bliss and peace, with which the mystic prayer and meditation had dowered them, disappear; and, temporarily, they experience a sense of aridity, of lack and of an [201] emptiness which is frequently most distressing. This is due to the fact that the focus of attention is away from the things of the senses, no matter how beautiful. The things that the mind knows and can record are not yet registered, nor is the feeling apparatus making its familiar impacts upon the consciousness. It is a period of transition, and must be supported until such time as the new world begins to make its impress upon the aspirant. This is one reason why persistence and perseverance must play their part, particularly in the early stages of the meditation process.

là kỳ diệu; họ đột ngột ghi nhận sự thật về thể trí, và rằng họ có thể sử dụng nó, và sự phân biệt giữa thức giả và công cụ của tri kiến trở nên rõ ràng một cách đều đặn và đầy mặc khải. Đồng thời, cũng có một cảm giác mất mát được ghi nhận. Những trạng thái mơ màng cũ về phúc lạc và bình an, mà sự cầu nguyện và tham thiền thần bí đã ban tặng cho họ, biến mất; và, tạm thời, họ trải nghiệm một cảm giác khô khan, thiếu hụt và [201] trống rỗng thường gây đau khổ nhất. Điều này là do sự tập trung chú ý đã rời xa khỏi những thứ của giác quan, bất kể đẹp đẽ đến đâu. Những điều mà thể trí biết và có thể ghi lại vẫn chưa được ghi nhận, và bộ máy cảm giác cũng không tạo ra những tác động quen thuộc của nó lên tâm thức. Đó là một giai đoạn chuyển tiếp, và phải kiên nhẫn trải qua cho đến khi thế giới mới bắt đầu tạo dấu ấn của nó lên người chí nguyện. Đây là một lý do tại sao sự kiên trì và bền bỉ phải đóng vai trò của chúng, đặc biệt là trong các giai đoạn đầu của tiến trình tham thiền.

One of the first effects of the meditation work is usually an increased efficiency in the daily life, whether lived in the home, the office, or in any field of human endeavor. Mental application to the business of living is in itself a concentration exercise and brings notable results. Whether a man achieves final illumination or not through the practice of concentration and meditation, he will nevertheless have gained much, and greatly enriched his life; his usefulness and power will be enormously increased and his sphere of influence widened.

Một trong những hiệu quả đầu tiên của công việc tham thiền thường là sự gia tăng hiệu quả trong đời sống hàng ngày, dù là sống trong gia đình, văn phòng, hay trong bất kỳ lĩnh vực nỗ lực nào của con người. Sự vận dụng trí tuệ vào công việc sống chính là một bài tập tập trung và mang lại những kết quả đáng kể. Dù một người có đạt được sự soi sáng cuối cùng hay không thông qua việc thực hành tập trung và tham thiền, tuy vậy y sẽ thu được nhiều điều, và làm phong phú thêm cuộc sống của mình một cách to lớn; sự hữu dụng và quyền năng của y sẽ được gia tăng khổng lồ và phạm vi ảnh hưởng của y được mở rộng.

Therefore, from a purely mundane point of view, it is useful to learn to meditate. Who shall say whether an increased efficiency in

Vì vậy, từ một quan điểm hoàn toàn thế tục, việc học tham thiền là hữu ích. Ai dám nói rằng liệu sự gia tăng hiệu quả trong cuộc

living and in service is not just as much a step on the path of spiritual progress as any of the visions of the mystic? The spiritual results of the mental application which our Western business world demonstrates may, in the last analysis, be as vital a contribution [202] to the sum-total of spiritual endeavor as any effects which may be noted in the world of organized religious effort. Confucius taught us, centuries ago, that implements of civilization were highly spiritual in nature, for they were the results of *ideas*, and Hu Shih tells us in that interesting symposium, *Whither Mankind*, "...that civilization which makes the fullest possible use of human ingenuity and intelligence in search of truth in order to control nature and transform matter for the service of mankind, to liberate the human spirit from ignorance, superstition, and slavery to the forces of nature, and to reform social and political institutions for the benefit of the greatest number — such a civilization is highly idealistic and spiritual." *(Beard, Charles A., "Whither Mankind", p. 41.)*

sống và trong phụng sự lại không phải là một bước trên con đường tiến bộ tinh thần cũng nhiều như bất kỳ linh ảnh nào của nhà thần bí? Các kết quả tinh thần của sự vận dụng trí tuệ mà giới kinh doanh phương Tây của chúng ta thể hiện, xét đến cùng, có thể là một đóng góp thiết yếu [202] cho tổng thể nỗ lực tinh thần cũng như bất kỳ hiệu quả nào có thể được ghi nhận trong thế giới của nỗ lực tôn giáo có tổ chức. Đức Khổng Tử đã dạy chúng ta, từ nhiều thế kỷ trước, rằng các công cụ của văn minh mang tính tinh thần cao độ về bản chất, vì chúng là kết quả của các *ý tưởng*, và Hu Shih nói với chúng ta trong hội nghị chuyên đề thú vị đó, *Whither Mankind*, "...rằng nền văn minh tận dụng tối đa sự khéo léo và trí thông minh của con người để tìm kiếm chân lý nhằm kiểm soát thiên nhiên và chuyển đổi vật chất để phục vụ nhân loại, giải phóng tinh thần con người khỏi sự ngu dốt, mê tín, và nô lệ cho các lực tự nhiên, và cải cách các thể chế xã hội và chính trị vì lợi ích của số đông — một nền văn minh như vậy là mang tính lý tưởng và tinh thần cao độ." *(Beard, Charles A., "Whither Mankind", tr. 41.)*

Our idea as to what constitutes spirituality has steadily grown. Through the use of desire, feeling and the reactions of the emotional nature, we have seen many thousands of human beings arrive at the point where they have been driven to transmute desire into aspiration, feeling into sensitivity to the things of the spirit, and love of self into love of God. Thus the mystic emerges.

Ý tưởng của chúng ta về điều gì cấu thành tính tinh thần đã phát triển đều đặn. Thông qua việc sử dụng dục vọng, cảm giác và các phản ứng của bản chất cảm dục, chúng ta đã thấy hàng ngàn con người đạt đến điểm mà họ bị thúc đẩy phải chuyển hóa dục vọng thành khát vọng, cảm giác thành sự nhạy cảm với những điều của tinh thần, và tình yêu bản thân thành tình yêu Thượng đế. Do đó nhà thần bí xuất hiện.

Through the use of the mind in the business world, in professional work, in science and in art, we have seen two amazing things occur: Organized big business, with its selfish interests and material ideas, has, notwithstanding, been brought to a

Thông qua việc sử dụng trí tuệ trong thế giới kinh doanh, trong công việc chuyên môn, trong khoa học và trong nghệ thuật, chúng ta đã thấy hai điều đáng kinh ngạc xảy ra: Kinh doanh lớn có tổ chức, với những lợi ích ích kỷ và ý tưởng vật chất của nó, tuy nhiên,

condition where it is group-conscious; group interplay and the interests of the greatest number are being for [203] the first time seriously considered. These are purely spiritual results; they indicate a growing soul awareness, and are the faint indications of the coming brotherhood of souls. Applied science in all fields has now been so developed that it has entered the realm of energy and of pure metaphysics. The study of matter has landed us in the realm of mysticism and of transcendentalism. Science and Religion are joining hands in the world of the unseen and intangible.

đã được đưa đến một tình trạng mà nó có ý thức nhóm; sự tương tác nhóm và lợi ích của số đông đang [203] lần đầu tiên được xem xét một cách nghiêm túc. Đây là những kết quả hoàn toàn mang tính tinh thần; chúng chỉ ra một nhận thức linh hồn đang lớn mạnh, và là những dấu hiệu mờ nhạt của tình huynh đệ các linh hồn đang đến. Khoa học ứng dụng trong mọi lĩnh vực nay đã phát triển đến mức nó đã đi vào vương quốc của năng lượng và của siêu hình học thuần túy. Việc nghiên cứu vật chất đã đưa chúng ta vào vương quốc của thần bí học và của thuyết siêu việt. Khoa học và Tôn giáo đang bắt tay nhau trong thế giới của cái vô hình và phi vật thể.

These are steps in the right direction. When the mental faculties have been developed racially through our Occidental technique in the business world (a vast school of concentration), a transmutation analogous to that which occurs in the realm of the desire nature, must inevitably take place, and has frequently done so. The mind can then be reoriented to the truer and higher values, and focussed in a direction other than that of material living. Thus the knower will emerge.

Đây là những bước đi đúng hướng. Khi các năng lực trí tuệ đã được phát triển trên quy mô nhân loại thông qua kỹ thuật phương Tây của chúng ta trong thế giới kinh doanh (một trường học rộng lớn về sự tập trung), một sự chuyển hóa tương tự như sự chuyển hóa xảy ra trong vương quốc của bản chất dục vọng, chắc chắn phải diễn ra, và thường đã diễn ra. Thể trí sau đó có thể được tái định hướng đến các giá trị chân thực hơn và cao hơn, và được tập trung theo một hướng khác với hướng của đời sống vật chất. Do đó thức giả sẽ xuất hiện.

Therefore, any one who is not purely emotional, who has a fair education, and who is willing to work with perseverance, can approach the study of meditation with good courage. He can begin to organize his life so that the first steps can be taken on the path towards illumination, and this organization is one of the most difficult of steps. It is well to remember that all initial steps are hard, for the habits and rhythms of many years have to be offset. But once these have been taken and mastered, the work

Vì vậy, bất kỳ ai không hoàn toàn thiên về cảm xúc, người có một nền giáo dục khá, và sẵn lòng làm việc với sự kiên trì, đều có thể tiếp cận việc nghiên cứu tham thiền với lòng can đảm tốt. Y có thể bắt đầu tổ chức cuộc sống của mình sao cho các bước đầu tiên có thể được thực hiện trên con đường hướng tới sự soi sáng, và sự tổ chức này là một trong những bước khó khăn nhất. Cần nhớ rằng mọi bước khởi đầu đều khó, vì các thói quen và nhịp điệu của nhiều năm phải được hóa giải. Nhưng một khi những bước này đã được thực hiện và làm chủ, công việc [204]

[204] becomes easier. It is far harder to learn to read, than it is to master a difficult book.

The ancient science of Meditation, the "royal road to Union," as it has been called, might equally well be entitled the science of co-ordination. We have already, through the medium of the evolutionary process, learnt to co-ordinate the emotional-feeling-desire nature and the physical body, so much so that the states are automatic and often irresistible; the physical body is now simply an automaton, the creature of desire — high or low — good or bad — as the case may be. Many are now co-ordinating the mind with these two, and, through our present widespread educational systems, we are welding into a coherent unity that sum-total which constitutes a human being: the mental, emotional and physical natures. Through concentration and the earlier aspects of the meditation work, this co-ordination is rapidly hastened, and is followed later by the unifying with the trinity of man of another factor, — the factor of the soul. This has always been present, just as mind is always present in human beings (who are not idiots), but it is quiescent until the right time comes and the needed work has been done. It is all a question of consciousness. Professor Max Müller in his book *Theosophy or Psychological Religion* says that:

"We must remember that the fundamental principle of the Vedanta-philosophy was not 'Thou art *He*,' but 'Thou art *That*!' and it was not Thou *wilt be*, but Thou *art*. This 'Thou art' expresses something that is, that has been, and [205] always will be, not something that has still to be achieved, or is to follow, for instance, after death....By true knowledge the individual soul does not become Brahman, but is Brahman, as soon

trở nên dễ dàng hơn. Học đọc khó hơn nhiều so với việc nắm vững một cuốn sách khó.

Khoa học cổ xưa về Tham thiền, "con đường vương đạo dẫn đến Sự Hợp Nhất," như nó đã được gọi, cũng có thể được gọi là khoa học về sự phối kết. Thông qua trung gian của tiến trình tiến hóa, chúng ta đã học cách phối kết bản chất cảm xúc-cảm giác-dục vọng và thể xác, nhiều đến mức các trạng thái trở nên tự động và thường không thể cưỡng lại; thể xác giờ đây chỉ đơn giản là một bộ máy tự động, bị dục vọng chi phối — cao hay thấp — tốt hay xấu — tùy theo trường hợp. Nhiều người hiện đang phối kết thể trí với hai phương diện này, và, thông qua các hệ thống giáo dục rộng khắp hiện tại của chúng ta, chúng ta đang hàn gắn thành một thể thống nhất mạch lạc cái tổng thể cấu thành nên một con người: các bản chất trí tuệ, cảm xúc và thể xác. Thông qua sự tập trung và các phương diện sớm hơn của công việc tham thiền, sự phối kết này được đẩy nhanh chóng, và sau đó được theo sau bởi việc hợp nhất với bộ ba phương diện của con người một yếu tố khác, — yếu tố linh hồn. Yếu tố này luôn hiện diện, cũng như trí tuệ luôn hiện diện ở con người (những người không phải là kẻ ngốc), nhưng nó tĩnh lặng cho đến khi đúng thời điểm đến và công việc cần thiết đã được thực hiện. Tất cả là vấn đề của tâm thức. Giáo sư Max Müller trong cuốn sách *Theosophy or Psychological Religion* của ông nói rằng:

"Chúng ta phải nhớ rằng nguyên lý cơ bản của triết học Vedanta không phải là 'Ngươi là *Ngài*,' mà là 'Ngươi là *Cái Đó*!' và không phải là Ngươi *sẽ là*, mà là Ngươi *là*. Chữ 'Ngươi là' này diễn tả một điều gì đó đang hiện hữu, đã hiện hữu, và [205] sẽ luôn hiện hữu, không phải một điều gì đó còn phải đạt được, hay sẽ theo sau, ví dụ, sau cái chết....Bởi tri kiến chân thực, linh hồn cá thể không trở thành

as it knows what it really is, and always has been."

Müller, Max, "Theosophy or Psychological Religion", p. 284.

St. Paul emphasizes the same truth when he speaks of "Christ in me, the hope of glory." Through the trained and focussed mind this indwelling Reality is known, and the Three in One and the One in Three are proven facts in the natural evolution of the life of God in man.

It becomes apparent, therefore, that the answer to our first question is as follows:

First: We accept the hypothesis that there is a soul, and that soul can be cognized by the man who can train and control his mind.

Second: Upon the basis of this hypothesis, we begin to co-ordinate the three aspects of the lower nature, and to unify mind, emotion and physical body into an organized and comprehended Whole. This we do through the practice of concentration.

Third: As concentration merges into meditation (which is the act of prolonged concentration) the imposition of the will of the soul, upon the mind, begins to be felt. Little by little the soul, the mind and the brain are swept into a close rapport. First, the mind controls the brain and the emotional nature. Then the soul controls the mind. The first is brought about through concentration. The second through meditation.

Brahman, mà là Brahman, ngay khi nó biết nó thực sự là gì, và luôn luôn là gì."

Müller, Max, "Theosophy or Psychological Religion", tr. 284.

Thánh Paul nhấn mạnh cùng một chân lý khi ngài nói về "Đức Christ trong tôi, niềm hy vọng của vinh quang." Thông qua thể trí được trui rèn và tập trung, Thực Tại nội ngự này được biết đến, và Ba trong Một và Một trong Ba là những sự kiện được chứng minh trong sự tiến hóa tự nhiên của sự sống của Thượng đế trong con người.

Do đó, trở nên rõ ràng rằng câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên của chúng ta như sau:

Thứ nhất: Chúng ta chấp nhận giả thuyết rằng có một linh hồn, và linh hồn đó có thể được nhận biết bởi người có thể trui rèn và kiểm soát thể trí của mình.

Thứ hai: Trên cơ sở của giả thuyết này, chúng ta bắt đầu phối kết ba phương diện của bản chất thấp, và hợp nhất thể trí, cảm xúc và thể xác thành một Tổng Thể có tổ chức và được thấu hiểu. Chúng ta làm điều này thông qua việc thực hành sự tập trung.

Thứ ba: Khi sự tập trung hòa nhập vào tham thiền (vốn là hành động tập trung kéo dài), sự áp đặt ý chí của linh hồn lên thể trí bắt đầu được cảm nhận. Từng chút một linh hồn, thể trí và bộ não được cuốn vào một sự giao cảm chặt chẽ. Đầu tiên, thể trí kiểm soát bộ não và bản chất cảm xúc. Sau đó linh hồn kiểm soát thể trí. Điều thứ nhất được mang lại thông qua sự tập trung. Điều thứ hai thông qua tham thiền.

Out of this sequence of activities, the interested investigator will awaken to the realization that there is a real work to be done and that the primary qualification [206] that he needs is *perseverance*. Here it might be remarked that two things aid in the work of co-ordination: First, the endeavor to gain control of the mind, through the endeavor to live a concentrated life. The life of consecration and dedication, which is so distinctive of the mystic, gives place to the life of concentration and meditation — distinctive of the knower. The organization of the thought life at all times everywhere, and, secondly, the practice of concentration, regularly, every day, at some set time, if possible, make for the one-pointed attitude, and these two together spell success. The former takes some time, but it can be entered upon at once. The latter requirement of stated concentration periods, can also be entered upon, but its success depends upon two things: regularity and persistence. The success of the former depends upon persistence largely, but also upon the use of the imagination. Through the imagination, we assume the attitude of the Onlooker, the Perceiver. We imagine ourselves to be the One who is thinking (not feeling), and we steadily guide our thoughts at all times along certain chosen lines, making ourselves think what we choose to think and refusing entrance to those thoughts we choose to exclude, not by the method of inhibition, but by the method of a dynamic interest in something else. We refuse to permit our minds to range the world at will, or to be swung into activity by our feelings and emotions, or by the thought currents in the world around us. We force ourselves to pay attention to all that we do, whether [207] it is reading a book, going about our business in home or office, social life or profession, talking to a friend, or

Từ chuỗi các hoạt động này, nhà nghiên cứu quan tâm sẽ thức tỉnh với nhận thức rằng có một công việc thực sự phải làm và phẩm chất chính yếu [206] mà y cần là *sự kiên trì*. Ở đây có thể nhận xét rằng hai điều hỗ trợ trong công việc phối kết: Thứ nhất, nỗ lực giành quyền kiểm soát thể trí, thông qua nỗ lực sống một cuộc đời tập trung. Đời sống thánh hiến và dâng hiến, vốn rất đặc trưng của nhà thần bí, nhường chỗ cho đời sống tập trung và tham thiền — đặc trưng của thức giả. Việc tổ chức đời sống tư tưởng mọi lúc mọi nơi, và, thứ hai, việc thực hành sự tập trung, đều đặn, mỗi ngày, vào một thời điểm cố định, nếu có thể, tạo nên thái độ nhất tâm, và hai điều này cùng nhau tạo nên thành công. Điều trước cần một chút thời gian, nhưng có thể bắt đầu ngay lập tức. Yêu cầu sau về các giai đoạn tập trung quy định, cũng có thể bắt đầu, nhưng sự thành công của nó phụ thuộc vào hai điều: sự đều đặn và sự bền bỉ. Sự thành công của điều trước phụ thuộc phần lớn vào sự bền bỉ, nhưng cũng phụ thuộc vào việc sử dụng sự tưởng tượng. Thông qua sự tưởng tượng, chúng ta đảm nhận thái độ của Người Quan Sát, Người Nhận Thức. Chúng ta tưởng tượng mình là Người đang suy nghĩ (chứ không phải đang cảm thấy), và chúng ta kiên định dẫn dắt các tư tưởng của mình mọi lúc theo những dòng đã chọn nhất định, bắt bản thân suy nghĩ những gì chúng ta chọn suy nghĩ và từ chối lối vào đối với những tư tưởng chúng ta chọn loại trừ, không phải bằng phương pháp ức chế, mà bằng phương pháp quan tâm năng động đến một cái gì đó khác. Chúng ta từ chối cho phép thể trí của mình lang thang khắp thế giới

whatever may be the activity of the moment. Should the occupation be such that it can be carried forward instinctively and call for no active use of thought, we can choose a line of mental activity or chain of reasoning and follow it out understandingly, whilst our hands or eyes are busy with the work to be done.

theo ý muốn, hoặc bị cuốn vào hoạt động bởi các cảm giác và cảm xúc của mình, hoặc bởi các luồng tư tưởng trong thế giới xung quanh chúng ta. Chúng ta buộc bản thân chú ý đến tất cả những gì chúng ta làm, cho dù [207] đó là đọc một cuốn sách, làm công việc của mình ở nhà hay văn phòng, đời sống xã hội hay chuyên môn, nói chuyện với một người bạn, hay bất cứ hoạt động nào của thời điểm đó. Nếu công việc là loại có thể được thực hiện theo bản năng và không đòi hỏi sử dụng tư duy tích cực, chúng ta có thể chọn một dòng hoạt động trí tuệ hoặc chuỗi lý luận và theo đuổi nó một cách thấu hiểu, trong khi tay hoặc mắt của chúng ta bận rộn với công việc phải làm.

True concentration grows out of a concentrated, thought-governed life, and the first step for the aspirant is to begin to organize his daily life, regulate his activities, and become focussed and one-pointed in his manner of living. This is possible to all who care enough to make the needed effort and who can carry it forward with perseverance. This is the first and basic essential. When we can organize and rearrange our lives, we prove our mettle and the strength of our desire. It will be seen, therefore, that no neglect of duty is possible to the one-pointed man. His duties to family and friends and to his business or profession will be more perfectly and efficiently performed, and he will find time for the added duties that his spiritual aspiration confer, because he is beginning to eliminate the non-essentials out of his life. No obligation will be evaded, for the focussed mind will enable a man to do more in a shorter time than heretofore and to get better results from his efforts. People who are governed by their emotions

Sự tập trung thực sự nảy sinh từ một cuộc sống tập trung, được cai quản bởi tư tưởng, và bước đầu tiên cho người chí nguyện là bắt đầu tổ chức cuộc sống hàng ngày của mình, điều chỉnh các hoạt động của mình, và trở nên tập trung và nhất tâm trong cách sống. Điều này là có thể đối với tất cả những ai quan tâm đủ để thực hiện nỗ lực cần thiết và những ai có thể tiến hành nó với sự kiên trì. Đây là điều cốt yếu đầu tiên và cơ bản. Khi chúng ta có thể tổ chức và sắp xếp lại cuộc sống của mình, chúng ta chứng tỏ khí khái và sức mạnh mong muốn của mình. Do đó, sẽ thấy rằng không có sự lơ là nhiệm vụ nào là có thể đối với người nhất tâm. Nhiệm vụ của y đối với gia đình và bạn bè và đối với công việc kinh doanh hoặc chuyên môn của y sẽ được thực hiện hoàn hảo và hiệu quả hơn, và y sẽ tìm thấy thời gian cho các nhiệm vụ bổ sung mà khát vọng tinh thần của y mang lại, bởi vì y đang bắt đầu loại bỏ những điều không thiết yếu khỏi cuộc sống của mình. Không nghĩa vụ nào bị trốn tránh, vì thể trí tập trung sẽ cho phép một người

waste much time and energy, and accomplish less than the mentally focussed person; [208] it is far easier for an individual who has been trained in business methods and who has risen to the rank of an executive, to practise meditation, than it is for the unthinking mechanical worker, or for the woman who is living a purely social or family life. These last have to learn to organize their days and leave out the non-essential activities. They are the ones who are always too busy to do anything, and to whom the finding of twenty minutes each day for meditation or an hour for study presents insuperable difficulties. They are so busy with the social amenities, with the mechanics of housekeeping, with a multitude of petty activities and pointless conversations that they fail to realize that the practice of concentration will enable them to do all they have hitherto done and more, and do it better. The trained executive, with a busy and full life, seems to find it much easier to obtain the extra time required for the soul. He has always time for the one thing more. He has learned to concentrate, and, frequently, to meditate; all that he needs to do is to change the focus of attention.

làm nhiều hơn trong thời gian ngắn hơn so với trước đây và đạt được kết quả tốt hơn từ những nỗ lực của mình. Những người bị chi phối bởi cảm xúc của họ lãng phí nhiều thời gian và năng lượng, và hoàn thành ít hơn so với người tập trung về mặt trí tuệ; [208] đối với một cá nhân đã được đào tạo về các phương pháp kinh doanh và đã vươn lên cấp bậc quản lý, việc thực hành tham thiền dễ dàng hơn nhiều so với người lao động làm việc một cách máy móc, thiếu suy nghĩ, hoặc đối với người phụ nữ sống một cuộc sống hoàn toàn mang tính xã hội hoặc gia đình. Những người vừa nêu sau cùng phải học cách tổ chức ngày của họ và bỏ qua các hoạt động không thiết yếu. Họ là những người luôn quá bận rộn để làm bất cứ điều gì, và đối với họ việc tìm ra hai mươi phút mỗi ngày để tham thiền hoặc một giờ để nghiên cứu mang lại những khó khăn không thể vượt qua. Họ quá bận rộn với các lễ nghi giao tiếp xã hội, với các việc nhà thường ngày, với vô số hoạt động vụn vặt và những cuộc trò chuyện vô nghĩa đến mức họ không nhận ra rằng việc thực hành tập trung sẽ cho phép họ làm tất cả những gì họ đã làm cho đến nay và hơn thế nữa, và làm điều đó tốt hơn. Người quản lý được đào tạo, với một cuộc sống bận rộn và đầy đủ, dường như thấy dễ dàng hơn nhiều để có được thời gian thêm cần thiết cho linh hồn. Y luôn có thời gian cho một điều nữa. Y đã học cách tập trung, và, thường xuyên, tham thiền; tất cả những gì y cần làm là thay đổi tiêu điểm chú ý.

The answer to the second question as to the necessity to withdraw into the solitudes in order to evoke the soul opens up one or two interesting considerations. It would appear from the study of conditions that the modern western aspirant has either to forego the culture of the soul nature until such time as he can conform to the ancient rule of withdrawal, or he has to formulate a new method and take a new position. Few of

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai về sự cần thiết phải rút lui vào những nơi vắng vẻ để gợi lên linh hồn mở ra một hoặc hai xem xét thú vị. Từ việc nghiên cứu các điều kiện, dường như người chí nguyện phương Tây hiện đại hoặc phải từ bỏ việc tu dưỡng bản chất linh hồn cho đến khi y có thể tuân theo quy tắc cổ xưa về sự rút lui, hoặc y phải xây dựng một phương pháp mới và chiếm lĩnh một vị trí mới. Ít người trong chúng ta ở trong hoàn

us are so situated that we can renounce [209] our families and responsibilities and disappear from the world of men to meditate and seek illumination under our particular Bo tree. We live in the midst of a thronging multitude and a chaotic situation which makes all vision of environing peace and quiet utterly out of the question. Is the problem then insuperable? Is there no way of overcoming the difficulty? Have we to renounce all hope of illumination because we cannot (from circumstances and climate, and from economic causes) disappear from the world of men and seek the kingdom of the soul?

cảnh có thể từ bỏ [209] gia đình và trách nhiệm của mình và biến mất khỏi thế giới loài người để tham thiền và tìm kiếm sự soi sáng dưới cây Bồ đề riêng của mình. Chúng ta sống giữa một đám đông chen chúc và một tình trạng hỗn loạn khiến mọi viễn cảnh về sự bình an và yên tĩnh của môi trường hoàn toàn không thể có được. Vậy vấn đề có phải là không thể vượt qua không? Không có cách nào khắc phục khó khăn sao? Chúng ta có phải từ bỏ mọi hy vọng về sự soi sáng bởi vì chúng ta không thể (do hoàn cảnh và khí hậu, và do nguyên nhân kinh tế) biến mất khỏi thế giới loài người và tìm kiếm vương quốc của linh hồn?

Undoubtedly the solution does not lie in renunciation of the possibilities to which men in earlier races and centuries bear witness. It lies in a right understanding of our problem and of the privilege which is ours in demonstrating a newer aspect of the old truth. We belong, in the West, to a younger race. In the old, old East, the few adventurous pioneers sought seclusion and ascertained for us the opportunities, and safeguarded for us the rules. They held in safety for us the technique until such time as the masses of men were ready for a move forward in their numbers, and not in their ones and twos. That time has now come. In the stress and stir of modern living, in the jungles of our great cities, in the roar and bustle of daily life and intercourse, men and women everywhere can and do find the centre of peace within themselves, and they can and do enter into that state of silent positive concentration which enables them to reach the same goal, and attain the same knowledge, and enter into the same [210] Light to which the great Individuals of the race have borne witness. The secluded point to which a man withdraws, he finds to lie within himself; the silent place in which the life of the soul is contacted is that point

Chắc chắn giải pháp không nằm ở sự từ bỏ các khả năng mà con người trong các giống dân và thế kỷ trước làm chứng. Nó nằm ở sự hiểu biết đúng đắn về vấn đề của chúng ta và về đặc quyền của chúng ta trong việc thể hiện một phương diện mới hơn của chân lý cũ. Chúng ta, ở phương Tây, thuộc về một giống dân trẻ hơn. Ở phương Đông xa xưa, một vài người tiên phong mạo hiểm đã tìm kiếm sự ẩn dật và xác định cho chúng ta các cơ hội, và bảo vệ cho chúng ta các quy tắc. Họ đã giữ gìn an toàn cho chúng ta kỹ thuật cho đến khi quần chúng nhân loại sẵn sàng cho một bước tiến tới phía trước theo số đông của họ, chứ không phải theo từng người một hay hai người. Thời điểm đó nay đã đến. Trong sự căng thẳng và náo động của cuộc sống hiện đại, trong rừng rậm của các thành phố lớn của chúng ta, trong tiếng gầm rú và hối hả của cuộc sống và giao tiếp hàng ngày, những người nam và nữ ở khắp mọi nơi có thể và thực sự tìm thấy trung tâm bình an bên trong chính họ, và họ có thể và thực sự đi vào trạng thái tập trung dương tính tĩnh lặng cho phép họ đạt đến cùng một mục tiêu, và đạt được cùng một kiến thức, và đi vào cùng một [210] Ánh sáng mà các Cá Thể vĩ đại của nhân loại đã làm chứng. Điểm tách biệt mà một người rút lui vào, y thấy

within the head where soul and body meet, that region we earlier referred to where the light of the soul and the life of the body merge and blend. The man who can train himself to be sufficiently one-pointed can withdraw his thought at any time and in any place to a centre within himself, and in this centre within the head the great work of at-one-ment is carried forward. It involves a more dynamic attention and a more powerful meditation, but the race has progressed and grown in mental power and strength within the past three thousand years and can do what was not possible to the seers of old.

nằm bên trong chính mình; nơi tĩnh lặng trong đó sự sống của linh hồn được tiếp xúc là điểm đó bên trong đầu nơi linh hồn và xác thân gặp nhau, vùng mà chúng ta đã đề cập trước đó nơi ánh sáng của linh hồn và sự sống của xác thân hợp nhất và hòa quyện. Người có thể tự rèn luyện để trở nên đủ nhất tâm có thể rút tư tưởng của mình bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu vào một trung tâm bên trong chính mình, và trong trung tâm này bên trong đầu, công việc vĩ đại của sự hợp nhất được tiến hành. Nó đòi hỏi một sự chú ý năng động hơn và một sự tham thiền mạnh mẽ hơn, nhưng nhân loại đã tiến bộ và phát triển về quyền năng và sức mạnh trí tuệ trong ba ngàn năm qua và có thể làm những gì không thể đối với các nhà tiên kiến ngày xưa.

A third question arises at this point: What really happens to the aspirant, psychologically and physiologically, in meditation? The answer is: A great deal. Psychologically speaking, the mind becomes controlled, and passes under the domination of the soul; at the same time there is no negation of the ordinary mental faculties. They can be used more easily and the mind is keener than ever before. There is a capacity to think with clarity. The aspirant discovers that besides being able to record impressions from the phenomenal world, he is able to register also impressions from that of spirit. He is mental in two directions, and the mind becomes a cohering, unifying agency. The emotional nature, in [211] its turn is controlled by the mind, and is rendered still and untroubled, and, therefore, presents no barrier to the inflow of spiritual knowledge to the brain. When these two effects have been produced certain changes take place in the mechanism of thought and awareness in the human head — so the eastern knowers tell us, and so the evidence seems to indicate. Advanced

Một câu hỏi thứ ba nảy sinh tại điểm này: Điều gì thực sự xảy ra với người chí nguyện, về mặt tâm lý và sinh lý, trong khi tham thiền? Câu trả lời là: Rất nhiều. Về mặt tâm lý, thể trí trở nên được kiểm soát, và chuyển sang dưới sự thống trị của linh hồn; đồng thời không có sự phủ nhận các năng lực trí tuệ thông thường. Chúng có thể được sử dụng dễ dàng hơn và thể trí sắc bén hơn bao giờ hết. Có một năng lực suy nghĩ với sự rõ ràng. Người chí nguyện phát hiện ra rằng ngoài việc có thể ghi lại các ấn tượng từ thế giới hiện tượng, y còn có thể ghi nhận các ấn tượng từ thế giới tinh thần. Y có tính trí tuệ theo hai hướng, và thể trí trở thành một tác nhân kết dính, thống nhất. Bản chất cảm xúc, đến [211] lượt nó được kiểm soát bởi thể trí, và được làm cho tĩnh lặng và không bị xáo trộn, và, do đó, không tạo ra rào cản nào đối với dòng chảy của kiến thức tinh thần vào bộ não. Khi hai hiệu quả này đã được tạo ra, những thay đổi nhất định diễn ra trong cơ chế tư duy và nhận thức trong đầu con người — các thức giả phương Đông nói với chúng ta như vậy, và bằng chứng dường như chỉ ra như vậy. Các nhà tư tưởng tiên tiến ở

thinkers in the West, as we have seen earlier in this book, place the higher mental faculties and the seat of the intuition in the higher brain, and the lower mental faculties and the higher emotional reactions in the lower brain. This is in line with the eastern teaching that the soul (with the higher knowledge and the faculty of intuitional perception) has its seat in a centre of force in the region of the pineal gland, whereas the personality has its seat in a centre of force in the region of the pituitary body.

phương Tây, như chúng ta đã thấy trước đó trong cuốn sách này, đặt các năng lực trí tuệ cao hơn và chỗ ngự của trực giác ở não trên, và các năng lực trí tuệ thấp hơn và các phản ứng cảm xúc cao hơn ở não dưới. Điều này phù hợp với giáo lý phương Đông rằng linh hồn (với kiến thức cao hơn và năng lực nhận thức trực giác) có chỗ ngự của nó tại một trung tâm mãnh lực trong vùng của tuyến tùng, trong khi phàm ngã có chỗ ngự tại một trung tâm mãnh lực trong vùng của tuyến yên.

The hypothesis upon which the newer school in the educational field will eventually proceed (if the theories propounded in this book have any basis in fact) might be expressed in the following propositions:

Giả thuyết mà trường phái mới trong lĩnh vực giáo dục cuối cùng sẽ tiến hành dựa trên (nếu các lý thuyết được đề xuất trong cuốn sách này có bất kỳ cơ sở thực tế nào) có thể được diễn đạt trong các mệnh đề sau:

One: The centre of energy through which the soul works is in the upper brain. During meditation, if effective, energy from the soul pours into the brain, and has a definite effect upon the nervous system. If, however, the mind is not controlled and the emotional nature dominates (as in the case of the pure mystic) the effect makes itself felt primarily in the feeling apparatus, the emotional states of being. [212] When the mind is the dominant factor, then the thought apparatus, in the higher brain, is swung into an organized activity. The man acquires a new capacity to think clearly, synthetically and potently as he discovers new realms of knowledge.

Một: Trung tâm năng lượng mà qua đó linh hồn làm việc nằm ở não trên. Trong khi tham thiền, nếu hiệu quả, năng lượng từ linh hồn đổ vào bộ não, và có tác động xác định lên hệ thần kinh. Tuy nhiên, nếu thể trí không được kiểm soát và bản chất cảm xúc thống trị (như trong trường hợp của nhà thần bí thuần túy), hiệu quả làm cho nó được cảm nhận chủ yếu trong bộ máy cảm giác, các trạng thái tồn tại đầy cảm xúc. [212] Khi thể trí là yếu tố chủ đạo, thì bộ máy tư tưởng, trong não trên, được đưa vào một hoạt động có tổ chức. Con người có được một năng lực mới để suy nghĩ rõ ràng, tổng hợp và mạnh mẽ khi y khám phá những lĩnh vực kiến thức mới.

Two: In the region of the pituitary body, we have the seat of the lower faculties, when co-ordinated in the higher type of human being. Here they are co ordinated and synthesized, and — as we have been told by certain reputable schools of psychologists and endocrinologists — here are to be found

Hai: Trong vùng của tuyến yên, chúng ta có chỗ ngự của các năng lực thấp hơn, khi được phối kết trong loại người cao cấp hơn. Ở đây chúng được phối kết và tổng hợp, và — như chúng ta đã được kể bởi một số trường phái tâm lý học và nội tiết học có uy tín — ở đây tìm thấy các cảm xúc và các phương diện cụ

the emotions and the more concrete aspects of the mind (growing out of racial habits and inherited instincts, and, hence, calling for no exercise of the creative or higher mind). This was the theme of my earlier book, *The Soul and Its Mechanism*, and cannot be enlarged upon here.

thể hơn của thể trí (phát sinh từ các thói quen chủng tộc và bản năng di truyền, và, do đó, không đòi hỏi sự thực hành của thể trí sáng tạo hay cao hơn). Đây là chủ đề của cuốn sách trước đó của tôi, *Linh Hồn và Cơ Chế của Nó*, và không thể được mở rộng ở đây.

Three: When the personality — the sum-total of physical, emotional and mental states — is of a high order, then the pituitary body functions with increased efficiency, and the vibration of the centre of energy in its neighborhood becomes very powerful. It should be noted that according to this theory, when the personality is of a low order, when the reactions are mainly instinctual and the mind is practically non-functioning, then the centre of energy is in the neighborhood of the solar plexus, and the man is more animal in nature.

Ba: Khi phàm ngã — tổng thể của các trạng thái thể xác, cảm xúc và trí tuệ — thuộc một cấp độ cao, thì tuyến yên hoạt động với hiệu quả gia tăng, và rung động của trung tâm năng lượng trong vùng lân cận của nó trở nên rất mạnh mẽ. Cần lưu ý rằng theo lý thuyết này, khi phàm ngã thuộc cấp độ thấp, khi các phản ứng chủ yếu là bản năng và thể trí thực tế không hoạt động, thì trung tâm năng lượng nằm trong vùng lân cận của tùng thái dương, và con người mang bản chất thú vật nhiều hơn.

Four: The centre in the region of the pineal gland, and the higher brain, are brought into activity through learning to focus the attentive consciousness [213] in the head. In the Oriental books this is called by the interesting term “right withdrawal” or “right abstraction.” This means the development of the capacity to subjugate the outward-going tendencies of the five senses. So the aspirant is taught the right withdrawal or abstraction of the consciousness which is outgoing towards the world of phenomena, and must learn to centre his consciousness in the great central station in the head from whence energy can be consciously distributed as he participates in the great work, from whence he can make a contact with the realm of the soul, and in which he can receive the messages and impressions which emanate from that realm. This is a definite stage of

Bốn: Trung tâm trong vùng của tuyến tùng, và não trên, được đưa vào hoạt động thông qua việc học cách tập trung tâm thức chú ý [213] trong đầu. Trong các sách phương Đông, điều này được gọi bằng thuật ngữ thú vị là “sự rút lui đúng đắn” hoặc “sự thu rút đúng đắn.” Điều này có nghĩa là sự phát triển năng lực khuất phục các khuynh hướng hướng ngoại của năm giác quan. Vì vậy người chí nguyện được dạy sự rút lui hay thu rút đúng đắn của tâm thức vốn đang hướng ngoại về phía thế giới hiện tượng, và phải học cách tập trung tâm thức của mình vào trạm trung tâm lớn trong đầu từ đó năng lượng có thể được phân phối một cách có ý thức khi y tham gia vào công việc vĩ đại, từ đó y có thể thực hiện một sự tiếp xúc với vương quốc của linh hồn, và trong đó y có thể nhận được các thông điệp và ấn tượng phát ra từ vương quốc đó. Đây là một giai đoạn thành tựu xác định và không đơn giản

achievement and is not simply a symbolic way of expressing one-pointed interest.

là một cách diễn đạt mang tính biểu tượng về sự quan tâm nhất tâm.

The various avenues of sense perception are brought into a quiescent condition. The consciousness of the real man no longer surges outwards along its five avenues of contact. The five senses are dominated by the sixth sense, the mind, and all the consciousness and the perceptive faculty of the aspirant is synthesized in the head, and turns inward and upward. The psychic nature is thereby subjugated and the mental plane becomes the field of man's activity. This withdrawal or abstracting process proceeds in stages:

Các con đường nhận thức giác quan khác nhau được đưa vào một điều kiện tĩnh lặng. Tâm thức của con người thật sự không còn dâng trào ra ngoài dọc theo năm con đường tiếp xúc của nó. Năm giác quan bị thống trị bởi giác quan thứ sáu, thể trí, và tất cả tâm thức và năng lực nhận thức của người chí nguyện được tổng hợp trong đầu, và quay vào trong và lên trên. Bản chất thông linh nhờ đó bị khuất phục và cõi trí trở thành trường hoạt động của con người. Quá trình rút lui hay thu rút này tiến hành theo các giai đoạn:

1. The withdrawal of the physical consciousness, or perception through hearing, touch, sight, taste and smell. These modes of perception become temporarily dormant, and man's perception becomes simply [214] mental and the brain consciousness is all that is active on the physical plane.

1. Sự rút lui của tâm thức hồng trần, hay sự nhận thức qua thính giác, xúc giác, thị giác, vị giác và khứu giác. Các phương thức nhận thức này trở nên tạm thời ngủ yên, và sự nhận thức của con người trở nên đơn thuần [214] thuộc về trí tuệ và tâm thức bộ não là tất cả những gì đang hoạt động trên cõi hồng trần.

2. The withdrawal of the consciousness into the region of the pineal gland, so that man's point of realization is centralized in the region between the middle of the forehead and the pineal gland. *(Bailey, Alice A., "The Light of the Soul", pp.229, 230.)*

2. Sự rút lui của tâm thức vào vùng của tuyến tùng, sao cho điểm chứng nghiệm của con người được tập trung hóa trong vùng giữa trán và tuyến tùng. *(Bailey, Alice A., "Ánh Sáng của Linh Hồn", các trang 229, 230.)*

Five: When this has been done, and the aspirant is acquiring the ability so to focus in the head, the result of this process of abstraction is as follows:

Năm: Khi điều này đã được thực hiện, và người chí nguyện đang đạt được khả năng tập trung như vậy trong đầu, kết quả của quá trình thu rút này như sau:

The five senses are being steadily synthesized by the sixth sense, the mind. This is the co-ordinating factor. Later it is realized that the soul has an analogous function. The threefold personality is thus brought into a direct line of communication

Năm giác quan đang dần được tổng hợp bởi giác quan thứ sáu, thể trí. Đây là yếu tố phối kết. Sau đó người ta nhận ra rằng linh hồn có một chức năng tương tự. Phàm ngã tam phân do đó được đưa vào một đường dây liên lạc trực tiếp với linh hồn, và con người, vì

with the soul, and the man, therefore, in time becomes unconscious of the limitations of the body nature, and the brain can be directly impressed by the soul, via the mind. The brain consciousness is held in a positive waiting condition with all its reactions to the phenomenal world utterly, though temporarily, inhibited.

vậy, theo thời gian trở nên không ý thức về những hạn chế của bản chất thân thể, và bộ não có thể được linh hồn tạo ấn tượng trực tiếp, thông qua thể trí. Tâm thức bộ não được giữ trong một điều kiện chờ đợi dương tính với tất cả các phản ứng của nó đối với thế giới hiện tượng hoàn toàn, dù tạm thời, bị ức chế.

Sixth: The high grade intellectual personality, with its focus of attention in the region of the pituitary body, begins to vibrate in unison with the higher centre in the region of the pineal gland. Then a magnetic field is set up between the positive soul aspect and the waiting personality which is rendered receptive by the process of focussed attention. Then the light, we are told, breaks forth, and we have the illumined man, and the appearance of the phenomenal [215] light in the head. All this is the result of a disciplined life, and the focussing of the consciousness in the head. This is, in its turn, brought about through the attempt to be concentrated in the daily life, and also through definite concentration exercises. These are followed by the effort to meditate, and later — much later — the power to contemplate makes itself felt.

Sáu: Phàm ngã trí thức cao cấp, với tiêu điểm chú ý của nó trong vùng của tuyến yên, bắt đầu rung động đồng điệu với trung tâm cao hơn trong vùng của tuyến tùng. Sau đó một từ trường được thiết lập giữa phương diện linh hồn dương tính và phàm ngã đang chờ đợi vốn được làm cho trở nên tiếp thu bởi quá trình chú ý tập trung. Sau đó ánh sáng, chúng ta được bảo, bùng phát, và chúng ta có con người được soi sáng, và sự xuất hiện của ánh sáng [215] hiện tượng trong đầu. Tất cả điều này là kết quả của một cuộc sống kỷ luật, và sự tập trung tâm thức trong đầu. Điều này, đến lượt nó, được mang lại thông qua nỗ lực tập trung trong cuộc sống hàng ngày, và cũng thông qua các bài tập tập trung xác định. Những điều này được theo sau bởi nỗ lực tham thiền, và sau đó — rất lâu sau — quyền năng chiêm ngưỡng làm cho nó được cảm nhận.

This is a brief summation of the mechanics of the process, and is necessarily terse and incomplete. These ideas have to be accepted tentatively, however, before there can be an intelligent approach to the meditation work. It is as justifiable to accept such an hypothesis as the above as to accept any hypothesis, as a working basis for investigation and conduct. It is perhaps more justifiable, for so many thousands have proceeded upon these assumptions, have fulfilled the needed requirements, and — as a result — have changed assumption into

Đây là một bản tóm tắt ngắn gọn về cơ chế của quá trình, và nhất thiết phải ngắn gọn và không đầy đủ. Tuy nhiên, những ý tưởng này phải được chấp nhận một cách thăm dò, trước khi có thể có một sự tiếp cận thông minh đối với công việc tham thiền. Việc chấp nhận một giả thuyết như trên là chính đáng cũng như chấp nhận bất kỳ giả thuyết nào, như một cơ sở làm việc cho việc điều tra và hành xử. Có lẽ nó chính đáng hơn, vì rất nhiều ngàn người đã tiến hành dựa trên những giả định này, đã hoàn thành các yêu cầu cần thiết, và — kết quả là — đã thay đổi

certainty and reaped the reward of open-mindedness, persistence, and investigation.

Having formulated our hypothesis and accepted it temporarily we proceed with the work, until it proves false, or until our attention is no longer engaged. An hypothesis is not necessarily false because it fails to prove itself in the time we deem proper. People frequently give up their pursuit in this field of knowledge because they lack the needed perseverance, or their interest becomes engaged elsewhere. However, we are determined to go forward with our investigation and give the ancient [216] techniques and formulas time to prove themselves. We proceed, therefore, to comply with the first requirements and endeavor to bring to bear upon life a more concentrated attitude of mind, and to practice daily meditation and concentration. If we are beginners, or are possessed of an unorganized mind, fluidic, versatile and unstable, we start in to practice concentration. If we are trained intellectuals, or have the focussed attentiveness that business training confers, we need only to reorient the mind to a new field of awareness and begin truly to meditate. It is easy to teach meditation to the interested business executive.

Next, the regular meditation work is attempted, and a certain time is set apart each day for this particular work. At the beginning fifteen minutes is ample time, and no more should be attempted for a year at least. May it not be truly said, if any one claims not to be able to find fifteen minutes out of the one thousand four hundred and forty minutes which constitute a day, that they are not interested? Fifteen minutes can always be found, if the will is on the side of

giả định thành sự chắc chắn và gặt hái phần thưởng của sự cởi mở, kiên trì và điều tra.

Sau khi đã hình thành giả thuyết của mình và chấp nhận nó tạm thời, chúng ta tiến hành công việc, cho đến khi nó chứng minh là sai, hoặc cho đến khi sự chú ý của chúng ta không còn bị lôi cuốn nữa. Một giả thuyết không nhất thiết sai vì nó không chứng minh được chính nó trong thời gian chúng ta cho là thích hợp. Mọi người thường từ bỏ sự theo đuổi của họ trong lĩnh vực tri thức này bởi vì họ thiếu sự kiên trì cần thiết, hoặc sự quan tâm của họ bị lôi cuốn ở nơi khác. Tuy nhiên, chúng ta quyết tâm đi tới với cuộc điều tra của mình và cho các kỹ thuật [216] và công thức cổ xưa thời gian để chứng minh chính chúng. Do đó, chúng ta tiến hành tuân thủ các yêu cầu đầu tiên và nỗ lực mang lại cho cuộc sống một thái độ trí tuệ tập trung hơn, và thực hành tham thiền và tập trung hàng ngày. Nếu chúng ta là người mới bắt đầu, hoặc sở hữu một thể trí vô tổ chức, linh động, hay thay đổi và không ổn định, chúng ta bắt đầu thực hành sự tập trung. Nếu chúng ta là những người trí thức được đào tạo, hoặc có sự chú ý tập trung mà việc đào tạo kinh doanh mang lại, chúng ta chỉ cần tái định hướng thể trí sang một lĩnh vực nhận thức mới và bắt đầu thực sự tham thiền. Rất dễ để dạy tham thiền cho người quản lý kinh doanh có quan tâm.

Tiếp theo, công việc tham thiền đều đặn được thực hiện, và một thời gian nhất định được dành riêng mỗi ngày cho công việc cụ thể này. Lúc đầu mười lăm phút là thời gian dồi dào, và không nên cố gắng nhiều hơn trong ít nhất một năm. Có thể nào không nói đúng sự thật rằng, nếu bất kỳ ai tuyên bố không thể tìm thấy mười lăm phút trong số một nghìn bốn trăm bốn mươi phút cấu thành một ngày, thì họ không quan tâm không? Mười lăm phút luôn có thể được tìm

the effort; it is always possible to rise fifteen minutes earlier every morning, or to forego that early morning gossip with the family, or to take the needed time from a book, or the movies, or from another gossip later on in the day. Let us be truthful with ourselves, and recognize things for what they are. The plea, "I have no time," is an utterly futile one, and indicates simply lack of interest. Let [217] us consider now the rules upon which we will proceed.

thấy, nếu ý chí đứng về phía nỗ lực; luôn có thể dậy sớm hơn mười lăm phút mỗi sáng, hoặc bỏ qua chuyện phiếm đầu buổi sáng với gia đình, hoặc lấy thời gian cần thiết từ một cuốn sách, hoặc phim ảnh, hoặc từ một cuộc chuyện phiếm khác sau đó trong ngày. Chúng ta hãy trung thực với chính mình, và nhận ra mọi việc đúng như bản chất của chúng. Lời bào chữa, "Tôi không có thời gian," là hoàn toàn vô ích, và chỉ đơn giản chỉ ra sự thiếu quan tâm. Chúng ta [217] hãy xem xét bây giờ các quy luật mà chúng ta sẽ tiến hành dựa trên đó.

First of all, we shall endeavor to find time early in the morning for our meditation work. The reason for this is, that after we have participated in the happenings of the day and in the general give and take of life, the mind is in a state of violent vibration; this is not the case if the meditation is performed first thing in the morning. Then it is relatively quiet, and the mind can be more rapidly attuned to the higher states of consciousness. Again, if we start the day with the focussing of our attention on spiritual things and on the affairs of the soul, we shall live the day in a different manner. If this becomes a habit, we shall soon find our reactions to the affairs of life changing and that we are beginning to think the thoughts that the soul thinks. It then becomes the process of the working of a law, for "as a man thinketh so is he."

Trước hết, chúng ta sẽ cố gắng tìm thời gian vào sáng sớm cho công việc tham thiền của mình. Lý do cho điều này là, sau khi chúng ta đã tham gia vào các sự kiện trong ngày và trong sự cho và nhận chung của cuộc sống, thể trí ở trong một trạng thái rung động dữ dội; điều này không xảy ra nếu việc tham thiền được thực hiện đầu tiên vào buổi sáng. Khi đó nó tương đối yên tĩnh, và thể trí có thể được điều chỉnh nhanh chóng hơn với các trạng thái tâm thức cao hơn. Một lần nữa, nếu chúng ta bắt đầu ngày mới với việc tập trung sự chú ý của mình vào những điều thiêng liêng và vào các công việc của linh hồn, chúng ta sẽ sống ngày đó theo một cách khác. Nếu điều này trở thành thói quen, chúng ta sẽ sớm thấy các phản ứng của mình đối với các công việc của cuộc sống thay đổi và rằng chúng ta đang bắt đầu suy nghĩ những tư tưởng mà linh hồn suy nghĩ. Khi đó nó trở thành quá trình vận hành của một định luật, vì "người ta nghĩ sao thì y như vậy."

Next, we shall endeavor to find a place that is really quiet and free from intrusion. I do not mean quiet in the sense of freedom from noise, for the world is full of sounds and as we grow in sensitiveness we are apt to find it fuller than we thought, but free from

Tiếp theo, chúng ta sẽ cố gắng tìm một nơi thực sự yên tĩnh và không bị xâm phạm. Tôi không có ý nói yên tĩnh theo nghĩa không có tiếng ồn, vì thế giới đầy những âm thanh và khi chúng ta phát triển sự nhạy cảm, chúng ta có khuynh hướng thấy nó đầy hơn chúng

personal approach and the calls of other people. I should like here to point out an attitude which the beginner should assume. It is the attitude of *silence*. Aspirants to meditation talk much about the opposition they meet from their family and friends; the husband objects to his wife meditating, or vice versa; sons and daughters are [218] inconsiderate and thoughtless in interrupting the devotions of the parent; friends are unsympathetic at the attempts. In the majority of cases this is the fault of the aspirant himself, and women are the worst offenders in this respect. People talk too much. It is nobody's business what we do with fifteen minutes of our time every morning, and there is no need to talk about it to our households, or to enjoin upon them that they must be quiet because we want to meditate. This will inevitably evoke a wrong reaction. Let us say nothing about the way we are seeking to unfold the spiritual consciousness; that is entirely our own affair. Let us keep silent about what we are doing; let us keep our books and papers shut away from people, and not litter up the family sitting room with a lot of literature in which they are not the least interested. If it is impossible to get a moment for meditation before the family disperses for the day's work, or before we ourselves betake ourselves to our business, let us find some time for it later on in the day. There is always a way to be found out of a difficulty, if we want a thing badly enough, and a way that involves no omission of duty or of obligation. It simply involves organization and silence.

ta nghĩ, nhưng không có người khác tới gặp hay gọi chúng ta. Tôi muốn chỉ ra ở đây một thái độ mà người mới bắt đầu nên đảm nhận. Đó là thái độ *im lặng*. Những người chí nguyện tham thiền nói nhiều về sự phản đối mà họ gặp phải từ gia đình và bạn bè; người chồng phản đối vợ mình tham thiền, hoặc ngược lại; con trai và con gái [218] thiếu cân nhắc và thiếu suy nghĩ trong việc làm gián đoạn sự sùng tín của cha mẹ; bạn bè không thông cảm với các nỗ lực. Trong đa số các trường hợp, đây là lỗi của chính người chí nguyện, và phụ nữ là những người vi phạm tồi tệ nhất về mặt này. Mọi người nói quá nhiều. Không phải việc của ai về những gì chúng ta làm với mười lăm phút thời gian của mình mỗi sáng, và không cần phải nói về nó với người trong nhà, hoặc ra lệnh cho họ rằng họ phải giữ yên lặng vì chúng ta muốn tham thiền. Điều này chắc chắn sẽ gợi lên một phản ứng sai lầm. Chúng ta hãy không nói gì về cách chúng ta đang tìm kiếm để khai mở tâm thức tinh thần; đó hoàn toàn là việc riêng của chúng ta. Chúng ta hãy giữ im lặng về những gì chúng ta đang làm; chúng ta hãy cất sách và giấy tờ của mình tránh xa mọi người, và không làm bừa bộn phòng khách gia đình với rất nhiều văn liệu mà họ không quan tâm chút nào. Nếu không thể có được một chút thời gian để tham thiền trước khi gia đình giải tán cho công việc trong ngày, hoặc trước khi chính chúng ta bắt tay vào công việc của mình, chúng ta hãy tìm một khoảng thời gian cho nó sau đó trong ngày. Luôn có một cách được tìm thấy để thoát khỏi khó khăn, nếu chúng ta muốn một điều gì đó đủ nhiều, và một cách không liên quan đến việc bỏ sót nhiệm vụ hoặc nghĩa vụ. Nó chỉ đơn giản liên quan đến tổ chức và sự im lặng.

Then, having found the time and the place, we shall sit down in a comfortable chair and begin to meditate. The questions then arise: How shall we sit? Is the cross-legged attitude

Sau đó, khi đã tìm được thời gian và địa điểm, chúng ta sẽ ngồi xuống một chiếc ghế thoải mái và bắt đầu tham thiền. Các câu hỏi sau đó nảy sinh: Chúng ta sẽ ngồi như thế

the best, or shall we kneel, or sit, or stand? The easiest and most normal position is the best always. The cross-legged attitude [219] has been, and still is, much used in the Orient, and many books have been written upon the postures, of which there are approximately eighty. But because it has been done in the past, and in the East, is no indication that it is the best for us in the present and in the West. These postures are the remains of a day when the race was being trained psychologically and emotionally, and much resemble the discipline that we impose upon a child when we set it in a corner and tell it to keep quiet. Some of the postures have relation also to the nervous body and that inner structure of fine nerves, called by the Hindus, the nadis, which underlie the nervous system as recognized in the West.

nào? Tư thế bắt chéo chân có phải là tốt nhất, hay chúng ta sẽ quỳ, hay ngồi, hay đứng? Tư thế dễ nhất và bình thường nhất luôn là tốt nhất. Tư thế bắt chéo chân [219] đã, và vẫn đang, được sử dụng nhiều ở phương Đông, và nhiều cuốn sách đã được viết về các tư thế, trong đó có khoảng tám mươi tư thế. Nhưng bởi vì nó đã được thực hiện trong quá khứ, và ở phương Đông, không phải là dấu hiệu cho thấy nó là tốt nhất cho chúng ta trong hiện tại và ở phương Tây. Các tư thế này là tàn tích của một thời kỳ khi nhân loại đang được trui rèn về mặt tâm lý và cảm xúc, và rất giống với kỷ luật mà chúng ta áp đặt lên một đứa trẻ khi chúng ta đặt nó vào một góc và bảo nó giữ yên lặng. Một số tư thế cũng có liên quan đến bộ máy thần kinh và cấu trúc bên trong của các dây thần kinh vi tế đó, được người Hindu gọi là các nadi, nằm bên dưới hệ thống thần kinh như được công nhận ở phương Tây.

The trouble with such postures is that they lead to two rather undesirable reactions; they lead a man to concentrate the mind upon the mechanics of the process and not upon the goal, and, secondly, they frequently lead to a delightful sense of superiority, that has its basis in our attempt to do something that the majority is not doing, and which sets us apart as potential knowers. We become engrossed with the form side of meditation and not with the Originator of the form; we are occupied with the Not-self instead of with the Self. Let us choose that posture that enables us, the most easily, to forget that we have a physical body. This is probably for the Westerner the sitting attitude; the main requirements are that we should sit erect, with the spine in a straight line; that we should sit relaxed (without slumping) so that there is no tenseness [220] anywhere in the body, and that we should drop the chin somewhat, so as to release any tension in the back of the

Rắc rối với những tư thế như vậy là chúng dẫn đến hai phản ứng khá không mong muốn; chúng dẫn một người đến việc tập trung thể trí vào cơ chế của quá trình chứ không phải vào mục tiêu, và, thứ hai, chúng thường dẫn đến một cảm giác thú vị về sự ưu việt, có cơ sở trong nỗ lực của chúng ta để làm điều gì đó mà đa số không làm, và điều đó khiến chúng ta tách biệt như những thức giả tiềm năng. Chúng ta trở nên mải mê với phương diện hình tướng của tham thiền chứ không phải với Người Khởi Tạo hình tướng; chúng ta bận rộn với Phi ngã thay vì với Chân Ngã. Chúng ta hãy chọn tư thế cho phép chúng ta, dễ dàng nhất, quên rằng mình có một thể xác. Đây có lẽ đối với người phương Tây là tư thế ngồi; các yêu cầu chính là chúng ta nên ngồi thẳng, với cột sống trên một đường thẳng; rằng chúng ta nên ngồi thư giãn (không buông thõng) để không có sự căng thẳng [220] nào trong cơ thể, và rằng chúng ta nên hạ cằm xuống một chút, để giải phóng mọi căng thẳng ở phía sau cổ. Nhiều

neck. Many people sit, when meditating, gazing at the ceiling with tightly closed eyes, as if the soul was up above somewhere; they look as if they had swallowed the poker, and their teeth are often tightly clenched (perhaps to prevent some inspired utterance escaping them, which must have dropped from the soul). The whole body is poised and tense and tightly locked. They are then surprised when nothing occurs, except fatigue and headaches. The withdrawal of the consciousness from the channels of the senses does not involve the withdrawal of the blood in the body to the head, or the uncontrolled speeding up of the nervous reactions. Meditation is an interior act, and can only be performed successfully when the body is relaxed, rightly poised and then forgotten.

người ngồi, khi tham thiền, nhìn chằm chằm lên trần nhà với đôi mắt nhắm chặt, như thể linh hồn ở đâu đó phía trên; họ trông như thể họ đã nuốt phải thanh cời lò, và răng của họ thường nghiến chặt (có lẽ để ngăn chặn một lời thốt ra đầy cảm hứng nào đó thoát khỏi họ, vốn hẳn đã rơi xuống từ linh hồn). Toàn bộ cơ thể bị gò ép và căng thẳng và khóa chặt. Sau đó họ ngạc nhiên khi không có gì xảy ra, ngoại trừ sự mệt mỏi và đau đầu. Sự rút lui của tâm thức khỏi các kênh của giác quan không liên quan đến việc rút máu trong cơ thể lên đầu, hoặc sự tăng tốc không kiểm soát của các phản ứng thần kinh. Tham thiền là một hành động nội tâm, và chỉ có thể được thực hiện thành công khi cơ thể được thư giãn, định vị đúng đắn và sau đó bị lãng quên.

The hands should be folded in the lap, and the feet crossed. If the western scientist is right when he tells us that the human body is really an electric battery, then perhaps his Oriental brother is also right when he says that in meditation there is a bringing together of negative and positive energy, and that by this means we produce the light in the head. Therefore, it is wise to close the circuit.

Hai tay nên xếp trên đùi, và hai chân bắt chéo. Nếu nhà khoa học phương Tây đúng khi ông nói với chúng ta rằng thân thể con người thực sự là một pin điện, thì có lẽ người anh em phương Đông của ông cũng đúng khi ông nói rằng trong tham thiền có sự kết hợp năng lượng âm và dương, và rằng bằng phương tiện này chúng ta tạo ra ánh sáng trong đầu. Do đó, là khôn ngoan khi đóng mạch.

Having attained to physical comfort, relaxation, and having withdrawn ourselves from the body consciousness, we next note our breathing and ascertain whether it is quiet, even and rhythmic. I would like here to sound a note of warning as to the practice of [221] breathing exercises, except by those who have first given years to right meditation and to purification of the body nature. Where experience and purity are not present, the practice of breathing exercises entails very real dangers. It is impossible to put this too strongly. There are many

Sau khi đã đạt được sự thoải mái về thể xác, sự thư giãn, và đã rút lui khỏi tâm thức thân thể, tiếp theo chúng ta ghi nhận hơi thở của mình và xác định xem nó có yên tĩnh, đều và nhịp nhàng không. Tôi muốn ở đây gióng lên lời cảnh báo về việc thực hành [221] các bài tập hít thở, ngoại trừ bởi những người trước tiên đã dành nhiều năm cho việc tham thiền đúng đắn và thanh lọc bản chất thân thể. Nơi nào kinh nghiệm và sự tinh khiết không hiện diện, việc thực hành các bài tập hít thở kéo theo những nguy hiểm rất thực tế. Dù nhấn mạnh điều này đến đâu cũng không

schools giving breathing instruction at this time, and many exponents of breathing as a means to spiritual development. It has nothing whatever to do with spiritual development. It has much to do with psychical development, and its practice leads to much difficulty and danger. It is possible for instance, to become clairaudient or clairvoyant through the practice of certain breathing exercises, but where there is no true understanding of the process or right control by the mind of the "versatile psychic nature", the practicer has only succeeded in forcing entrance into new fields of phenomena. He has developed faculties he is totally unable to control, and he finds very often that he is unable to shut out sounds and sights which he has learned to register and being helpless to escape from the contacts of both the physical and the psychical, he is torn in two directions, and gets no peace. Physical sounds and sights are his normal heritage, and naturally make their impacts upon his senses, but when the psychic world — with its own sights and sounds — also makes an impact he is helpless; he cannot shut his eyes and remove himself from undesirable psychic surroundings.

quá mức. Có nhiều trường phái đang đưa ra hướng dẫn hít thở vào lúc này, và nhiều người ủng hộ việc hít thở như một phương tiện để phát triển tinh thần. Nó không liên quan gì đến sự phát triển tinh thần. Nó liên quan nhiều đến sự phát triển thông linh, và việc thực hành nó dẫn đến nhiều khó khăn và nguy hiểm. Ví dụ, có thể trở nên thông nhĩ hoặc thông nhãn thông qua việc thực hành một số bài tập hít thở nhất định, nhưng nơi nào không có sự hiểu biết chân thực về quá trình hoặc sự kiểm soát đúng đắn bởi thể trí đối với "bản chất thông linh biến đổi", người thực hành chỉ thành công trong việc cưỡng ép lối vào các lĩnh vực hiện tượng mới. Y đã phát triển các năng lực mà y hoàn toàn không thể kiểm soát, và y thường thấy rằng y không thể ngăn chặn những âm thanh và cảnh tượng mà y đã học cách ghi nhận và bất lực để thoát khỏi các tiếp xúc của cả cõi hồng trần và cõi thông linh, y bị xâu xé theo hai hướng, và không có được sự bình an. Âm thanh và cảnh tượng vật lý là di sản bình thường của y, và tự nhiên tạo ra những tác động của chúng lên các giác quan của y, nhưng khi thế giới thông linh — với những cảnh tượng và âm thanh riêng của nó — cũng tạo ra một tác động thì y bất lực; y không thể nhắm mắt và đưa mình ra khỏi những môi trường thông linh không mong muốn.

A Doctor of Divinity and pastor of a large church wrote me not long ago that he had been taking [222] breathing exercises, with the idea of improving his health, from a teacher who had come to his city. The result of his well-intentioned ignorance was that he opened up the inner hearing in the psychic sense. He said in his letter to me, "As I write to you upon my typewriter I can hear all sorts of voices and words and sounds which are not physical. I cannot stop them and I fear for my mind. Won't you please tell me what I ought to do to tune them out?"

Một Tiến sĩ Thần học và mục sư của một nhà thờ lớn đã viết cho tôi cách đây không lâu rằng ông đã thực hiện [222] các bài tập hít thở, với ý tưởng cải thiện sức khỏe, từ một giáo viên đã đến thành phố của ông. Kết quả của sự thiếu hiểu biết đầy thiện chí của ông là ông đã mở ra thính giác bên trong theo nghĩa thông linh. Ông nói trong thư gửi cho tôi, "Khi tôi viết cho bà trên máy đánh chữ của mình, tôi có thể nghe thấy đủ loại giọng nói và từ ngữ và âm thanh không phải vật lý. Tôi không thể ngăn chúng lại và tôi lo sợ cho tâm trí của mình. Bà làm ơn cho tôi biết tôi

During the past ten years, many hundreds of people have come to me, asking for help, owing to the effects of indiscriminate following of the advice of teachers of breathing. They are quite desperate and frequently are in a serious psychic condition. Some we can help. Some few for whom we can do nothing end in asylums for the insane or in sanatoriums for the unbalanced. Much experience of these cases leads me to sound this warning, for in the majority of cases of uncontrolled psychic troubles, the cause is breathing exercises.

nên làm gì để tắt chúng đi?" Trong mười năm qua, hàng trăm người đã đến với tôi, xin giúp đỡ, do hậu quả của việc tuân theo bừa bãi lời khuyên của các giáo viên dạy hít thở. Họ khá tuyệt vọng và thường xuyên ở trong một tình trạng thông linh nghiêm trọng. Một số người chúng tôi có thể giúp. Một số ít người mà chúng tôi không thể làm gì rốt cuộc vào các trại tâm thần hoặc vào các viện điều dưỡng cho người mất cân bằng. Nhiều kinh nghiệm về những trường hợp này khiến tôi gióng lên lời cảnh báo này, vì trong đa số các trường hợp rắc rối thông linh không kiểm soát, nguyên nhân là các bài tập hít thở.

In the ancient teachings of the East, the control of the breath was only permitted after the first three "means to union," as they are called, had been somewhat wrought out in the life. These "means" are: First, the five commandments. These are, harmlessness, truth to all beings, abstention from theft, from incontinence, and from avarice. Second, the five rules, which are internal and external purification, contentment, fiery aspiration, spiritual reading, and devotion. Third, right poise. When a person is harmless in thought and word and deed, [223] when he is unselfish and knows the meaning of poise — emotional as well as physical posture — then indeed he may practice breathing exercises, under proper instruction, and practice them with security. Even then he will only succeed in unifying the vital energies of the body, and in becoming a conscious psychic, but this may have its place and purpose, if he classes himself as a research experimenter.

Trong các giáo huấn cổ xưa của phương Đông, việc kiểm soát hơi thở chỉ được cho phép sau khi ba "phương tiện để hợp nhất" đầu tiên, như chúng được gọi, đã phần nào được thực hiện trong cuộc sống. Những "phương tiện" này là: Thứ nhất, năm điều răn. Đó là, tính vô tổn hại, chân thật với mọi chúng sinh, kiêng trộm cắp, kiêng sự không tiết độ, và kiêng lòng tham. Thứ hai, năm quy tắc, vốn là thanh lọc bên trong và bên ngoài, sự biết đủ, khát vọng mãnh liệt, đọc hiểu tinh thần, và lòng sùng tín. Thứ ba, tư thế đúng đắn. Khi một người vô tổn hại trong tư tưởng và lời nói và hành động, [223] khi y không ích kỷ và biết ý nghĩa của sự thăng bằng — tư thế cảm xúc cũng như thể xác — thì thực sự y có thể thực hành các bài tập hít thở, dưới sự hướng dẫn đúng đắn, và thực hành chúng với sự an toàn. Thậm chí sau đó y sẽ chỉ thành công trong việc hợp nhất các năng lượng sự sống của thân thể, và trong việc trở thành một người thông linh có ý thức, nhưng điều này có thể có chỗ đứng và mục đích của nó, nếu y tự xếp mình là một nhà thực nghiệm nghiên cứu.

Failure to conform to the necessary preliminary steps has landed many a worthy

Việc không tuân thủ các bước sơ bộ cần thiết đã đưa nhiều nhà điều tra xứng đáng vào rắc

investigator in trouble. It is dangerous for an emotional and weak person to take breathing exercises in order to hasten development, and any teacher who seeks to teach these exercises to large groups, as is frequently done, is laying up trouble for himself and his followers. It is only here and there that, in the ancient days, the teachers picked a man for this form of tuition, and it was added to a training which had produced a certain measure of soul contact, so that the soul could guide the energies evoked by the breath for the furtherance of its objectives and for world service.

rối. Thật nguy hiểm cho một người đầy cảm xúc và yếu đuối khi thực hiện các bài tập hít thở để thúc đẩy sự phát triển, và bất kỳ giáo viên nào tìm cách dạy những bài tập này cho các nhóm lớn, như thường được thực hiện, là đang chuốc lấy rắc rối cho chính mình và những người theo mình. Chỉ nơi này nơi kia, trong những ngày xưa cũ, các giáo viên mới chọn một người cho hình thức giảng dạy này, và nó được thêm vào một sự huấn luyện đã tạo ra một mức độ tiếp xúc linh hồn nhất định, để linh hồn có thể hướng dẫn các năng lượng được gợi lên bởi hơi thở cho sự thúc đẩy các mục tiêu của nó và cho việc phụng sự thế gian.

Therefore, we will do no more than see that our breathing is quiet and regular, and will then withdraw our thoughts from the body altogether and begin the work of concentration.

Do đó, chúng ta sẽ không làm gì hơn ngoài việc đảm bảo rằng hơi thở của chúng ta yên tĩnh và đều đặn, và sau đó sẽ rút tư tưởng của chúng ta khỏi thân thể hoàn toàn và bắt đầu công việc tập trung.

The next step in the practice of meditation is the use of the imagination; we picture to ourselves the threefold lower man, aligned or in direct communication with the soul. There are many ways in which this can be done. We call it work in visualization. It [224] would seem that visualization, imagination and will are three very potent factors in all creative processes. They are the subjective causes for many of our objective effects. At the beginning, visualization is mostly a matter of experimental faith. We know that through the reasoning process, we have arrived at an understanding that, within and beyond all manifested objects, there lies an Ideal Object or Ideal Pattern, which is seeking to become manifest upon the physical plane. The practice of visualization, imagination and the use of the will are activities that are calculated to hasten the manifestation of this Ideal.

Bước tiếp theo trong việc thực hành tham thiền là sử dụng sự tưởng tượng; chúng ta hình dung cho chính mình con người thấp hơn tam phân, được chỉnh hợp hoặc trong sự giao tiếp trực tiếp với linh hồn. Có nhiều cách để điều này có thể được thực hiện. Chúng ta gọi đó là công việc trong sự hình dung. Dường [224] như sự hình dung, sự tưởng tượng và ý chí là ba yếu tố rất mạnh mẽ trong tất cả các quá trình sáng tạo. Chúng là những nguyên nhân nội giới cho nhiều hiệu quả ngoại giới của chúng ta. Lúc đầu, sự hình dung chủ yếu là vấn đề của niềm tin thực nghiệm. Chúng ta biết rằng thông qua quá trình lý luận, chúng ta đã đạt đến một sự thấu hiểu rằng, bên trong và bên ngoài tất cả các đối tượng đã biểu lộ, có nằm một Đối Tượng Lý Tưởng hoặc Mô Hình Lý Tưởng, đang tìm cách trở nên biểu lộ trên cõi hồng trần. Việc thực hành sự hình dung, sự tưởng tượng và việc sử dụng ý chí là các hoạt

động được trù tính để thúc đẩy sự biểu lộ của Lý Tưởng này.

When we visualize, we use our highest conception of what that Ideal might be, clothed in some sort of material, usually mental, because we are not yet in a position to be able to conceive of higher forms or types of substance with which to envelop our Images. When we make a mental picture, the mental substance of our mind sets up a certain rate of vibration, which attracts to itself a corresponding grade of mental substance, in which the mind is immersed. It is the will which holds this image steady and which gives it life. This process goes on, whether we are, as yet, able to see it with the mental eye or not. It does not matter that we are not able to see it, as the creative work is going on just the same. Perhaps at some time we shall be able to follow and consciously perform that whole process.

Khi chúng ta hình dung, chúng ta sử dụng quan niệm cao nhất của mình về Lý Tưởng đó có thể là gì, được khoác trong một loại vật chất nào đó, thường là vật chất trí tuệ, bởi vì chúng ta chưa ở vị trí có thể quan niệm về các hình tướng hoặc loại chất liệu cao hơn để bao bọc các Hình ảnh của mình. Khi chúng ta tạo ra một bức tranh trí tuệ, chất liệu trí tuệ của thể trí chúng ta thiết lập một tốc độ rung động nhất định, thu hút về phía nó một cấp độ chất liệu trí tuệ tương ứng, mà trong đó thể trí được đắm mình. Chính ý chí giữ cho hình ảnh này ổn định và ban cho nó sự sống. Quá trình này tiếp diễn, cho dù chúng ta, cho đến nay, có thể nhìn thấy nó bằng con mắt trí tuệ hay không. Không quan trọng việc chúng ta không thể nhìn thấy nó, vì công việc sáng tạo vẫn diễn ra như nhau. Có lẽ vào một lúc nào đó chúng ta sẽ có thể theo dõi và thực hiện một cách có ý thức toàn bộ quá trình đó.

In connection with this work, at the stage of the [225] beginner, some people picture the three bodies (the three aspects of the form nature) as being linked with a radiant body of light, or they visualize three centres of vibrating energy receiving stimulation from a higher and more powerful centre; others imagine the soul as a triangle of force to which is linked the triangle of the lower nature — linked by the "silver cord" mentioned in the Christian Bible, the sutratma or thread soul of the Eastern Scriptures, the "life-line" of other schools of thought. Still others prefer to preserve the thought of a unified personality, linked to and hiding within itself the indwelling Divinity, Christ in us, the hope of glory. It is relatively immaterial what imagery we choose, provided that we start with the basic

Liên quan đến công việc này, ở giai đoạn của [225] người mới bắt đầu, một số người hình dung ba thể (ba phương diện của bản chất hình tướng) như được liên kết với một thể ánh sáng rạng rỡ, hoặc họ hình dung ba trung tâm năng lượng rung động đang nhận sự kích thích từ một trung tâm cao hơn và mạnh mẽ hơn; những người khác tưởng tượng linh hồn như một tam giác mãnh lực được liên kết với tam giác của bản chất thấp — được liên kết bởi "dây bạc" được đề cập trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo, sutratma hay hồn tuyến của các Kinh điển phương Đông, "sợi dây sự sống" của các trường phái tư tưởng khác. Vẫn còn những người khác thích giữ gìn tư tưởng về một phàm ngã thống nhất, liên kết với và ẩn giấu bên trong chính nó Thiên tính nội ngự, Đức Christ trong chúng ta, niềm hy vọng của vinh

idea of the Self seeking to contact and use the Not-self, its instrument in the worlds of human expression, and vice versa, with the thought of that Not-self being impelled to turn itself towards its source of being. Thus, through the use of the imagination and visualization, the desire body, the emotional nature, is brought into line with the soul. When this has been done we can continue with our meditation work. The physical body and the desire nature, in their turn, sink below the level of consciousness, we become centred in the mind and seek to bend it to our will.

quang. Tương đối không quan trọng chúng ta chọn hình ảnh nào, miễn là chúng ta bắt đầu với ý tưởng cơ bản về Chân Ngã đang tìm cách tiếp xúc và sử dụng Phi ngã, công cụ của nó trong các thế giới biểu hiện của con người, và ngược lại, với tư tưởng về việc Phi ngã đó được thúc đẩy để hướng chính nó về phía nguồn gốc tồn tại của nó. Như vậy, thông qua việc sử dụng sự tưởng tượng và sự hình dung, thể dục vọng, bản chất cảm xúc, được đưa vào sự chỉnh hợp với linh hồn. Khi điều này đã được thực hiện, chúng ta có thể tiếp tục với công việc tham thiền của mình. Thể xác và bản chất dục vọng, đến lượt chúng, chìm xuống dưới mức tâm thức, chúng ta trở nên tập trung trong thể trí và tìm cách uốn nắn nó theo ý chí của mình.

It is just here that we find our problem confronting us. The mind refuses to mould itself into the thoughts which we choose to think, and rushes all [226] over the world in its usual quest for material. We think of what we are going to do that day, instead of thinking upon our "seed-thought," we remember some one we must manage to see, or some line of action which calls for attention; we begin to think of some one we love, and immediately we drop back into the world of the emotions and have all our work to do over again. So we re-collect our thoughts and start afresh with much success for half a minute, and then we remember some appointment we have made, or some piece of business which some one is doing for us, and again we are back in the world of mental reactions, and our chosen line of thought is forgotten. Again we re-collect our scattered ideas and recommence our labor of reducing the wayward mind to submission.

Chính tại đây chúng ta thấy vấn đề của mình đang đối mặt với chúng ta. Thể trí từ chối đúc khuôn chính nó vào những tư tưởng mà chúng ta chọn suy nghĩ, và lao đi tất [226] cả mọi nơi trên thế giới trong cuộc tìm kiếm vật liệu thông thường của nó. Chúng ta nghĩ về những gì chúng ta sẽ làm ngày hôm đó, thay vì nghĩ về "tư tưởng hạt giống" của mình, chúng ta nhớ đến ai đó chúng ta phải tìm cách gặp, hoặc một hướng hành động nào đó đòi hỏi sự chú ý; chúng ta bắt đầu nghĩ về ai đó chúng ta yêu thương, và ngay lập tức chúng ta rơi trở lại vào thế giới của các cảm xúc và phải làm lại tất cả công việc của mình. Vì vậy, chúng ta thu thập lại các tư tưởng của mình và bắt đầu lại với nhiều thành công trong nửa phút, và sau đó chúng ta nhớ đến một cuộc hẹn nào đó chúng ta đã định, hoặc một công việc nào đó mà ai đó đang làm cho chúng ta, và một lần nữa chúng ta trở lại thế giới của các phản ứng trí tuệ, và dòng tư tưởng đã chọn của chúng ta bị lãng quên. Một lần nữa chúng ta thu thập lại các ý tưởng tản mát của mình và bắt đầu lại công việc lao động của mình là đưa thể trí ương ngạnh vào sự phục tùng.

Will Levington Comfort, in his 113th Letter, sums this up for us as follows:

"Our shattered attention — we do not dream how shattered until we begin to concentrate, until from the practice of concentration, a new fairness and fixity dawns, in the midst of the seething ineffectiveness of personal life. In our earlier attempts at meditation, we jumped over such commonplace instructions as choosing the subject, and holding the mind closely and faithfully to it; we rushed past all that, passion for ecstasy, for initiation, for means by which we could shine and lord it over others. We were permitted to pasture up in the boggy meadows of emotion, calling them the bright fields of spirit; we were permitted to think we think...until in the pinch of lack, or the droop of importance, the breath-taking uncertainties and instabilities of our ground-work were shown up. Convinced [227] at last, we became very eager to begin all over again at the bottom, and the word Stability looms."

COMFORT, WILL LEVINGTON, "LETTERS".

He goes on in the same letter to tell us that

"Our concentrations are breathless at first from the very effort we put into them. This rigidity fends off the results we seek for a time, but with practice we become skilful at length in holding a mental one-pointedness with a kind of effortless content which may safely be empowered."

Will Levington Comfort, trong Lá thư thứ 113, tóm tắt điều này cho chúng ta như sau:

"Sự chú ý tan tác của chúng ta — chúng ta không hình dung được nó tan tác đến mức nào cho đến khi chúng ta bắt đầu tập trung, cho đến khi từ việc thực hành tập trung, một sự công bằng và cố định mới ló dạng, giữa sự kém hiệu quả sôi sục của đời sống cá nhân. Trong những nỗ lực tham thiền sớm hơn của mình, chúng ta đã nhảy qua những hướng dẫn thông thường như chọn chủ đề, và giữ thể trí chặt chẽ và trung thành với nó; chúng ta đã lao qua tất cả những điều đó, đam mê sự ngây ngất, sự điểm đạo, những phương tiện mà nhờ đó chúng ta có thể tỏa sáng và thống trị người khác. Chúng ta đã được phép chăn thả trên những đồng cỏ lầy lội của cảm xúc, gọi chúng là những cánh đồng sáng ngời của tinh thần; chúng ta đã được phép nghĩ rằng chúng ta suy nghĩ...cho đến khi trong sự thúc bách của sự thiếu hụt, hay sự sụp đổ của tầm quan trọng, những sự không chắc chắn và không ổn định đến nghẹt thở của nền tảng của chúng ta đã lộ ra. Cuối cùng đã tin chắc [227], chúng ta trở nên rất háo hức bắt đầu lại tất cả từ đáy, và từ Ổn Định hiện ra rõ nét."

COMFORT, WILL LEVINGTON, "LETTERS".

Ông viết tiếp trong cùng lá thư để nói với chúng ta rằng

"Sự tập trung của chúng ta lúc đầu hụt hơi từ chính nỗ lực chúng ta đặt vào chúng. Sự cứng nhắc này đẩy lùi các kết quả chúng ta tìm kiếm trong một thời gian, nhưng với sự thực hành, cuối cùng chúng ta trở nên khéo léo trong việc giữ một sự nhất tâm trí tuệ với một sự mãn nguyện không cần gắng sức vốn có thể được trao quyền một cách an toàn."

How is this condition of empowering reached? By following a form or outline in our meditation work which automatically sets a ring-pass-not around the mind, and which says to the mind, "thus far shalt thou go, and no farther." We deliberately and with intelligent intent set the limits of our mental activity in such a form that we are forced to recognize when we stray beyond those limits. We know then that we must retire again within the sheltering wall we have defined for ourselves. This following of a form in meditation is necessary usually for several years, unless one has had previous practice, and usually even those who have arrived at the stage of contemplation test themselves out quite often by the use of a form in order to make sure that they are not dropping back into a negative emotional quiescent state.

I have used such forms as the following in working with approximately three thousand students of the meditation technique during the last seven years, [228] and it has proved itself in so many cases that I am including it here.

MEDITATION FORM

To Develop Concentration

Stages

1. The attainment of physical comfort and control.

COMFORT, WILL LEVINGTON, "LETTERS".

Làm thế nào để đạt được điều kiện trao quyền này? Bằng cách tuân theo một hình thức hoặc phác thảo trong công việc tham thiền của chúng ta vốn tự động thiết lập một vòng-giới-hạn xung quanh thể trí, và nói với thể trí, "ngươi chỉ được đi đến đây, và không xa hơn nữa." Chúng ta một cách có chủ ý và với ý định thông minh đặt ra các giới hạn cho hoạt động trí tuệ của mình trong một hình thức như vậy để chúng ta buộc phải nhận ra khi chúng ta đi lạc ra ngoài những giới hạn đó. Chúng ta biết sau đó rằng chúng ta phải rút lui trở lại bên trong bức tường che chở mà chúng ta đã xác định cho chính mình. Việc tuân theo một hình thức trong tham thiền này thường cần thiết trong vài năm, trừ khi một người đã có sự thực hành trước đó, và thường ngay cả những người đã đạt đến giai đoạn chiêm ngưỡng cũng tự kiểm tra mình khá thường xuyên bằng cách sử dụng một hình thức để đảm bảo rằng họ không rơi trở lại vào trạng thái cảm xúc tĩnh lặng thụ động.

Tôi đã sử dụng các hình thức như sau trong việc làm việc với khoảng ba ngàn học viên của kỹ thuật tham thiền trong bảy năm qua, [228] và nó đã chứng minh chính nó trong rất nhiều trường hợp đến nỗi tôi đưa nó vào đây.

MẪU THAM THIỀN

Để Phát Triển Sự Tập Trung

Các Giai Đoạn

1. Đạt được sự thoải mái và kiểm soát về thể xác.

2. The breathing is noted as rhythmic and regular.

2. Hơi thở được ghi nhận là nhịp nhàng và đều đặn.

3. Visualization of the threefold lower self (physical, emotional and mental) as

3. Hình dung phàm ngã tam phân (thể xác, cảm xúc và thể trí) như

a. In contact with the soul.

a. Trong sự tiếp xúc với linh hồn.

b. As a channel for soul energy, through the medium of the mind, direct to the brain. From thence the physical mechanism can be controlled.

b. Như một kênh dẫn năng lượng linh hồn, thông qua trung gian của thể trí, trực tiếp đến bộ não. Từ đó cơ chế vật lý có thể được kiểm soát.

4. Then a definite act of concentration, calling in the will. This involves an endeavor to keep the mind unmoving upon a certain form of words, so that their meaning is clear in our consciousness, and not the words themselves, or the fact that we are attempting to meditate.

4. Sau đó là một hành động tập trung dứt khoát, vận dụng ý chí. Điều này bao gồm một nỗ lực giữ cho thể trí bất động trên một hình thức từ ngữ nhất định, sao cho ý nghĩa của chúng rõ ràng trong tâm thức của chúng ta, chứ không phải bản thân các từ ngữ, hoặc thực tế là chúng ta đang cố gắng tham thiền.

5. Then say, with focussed attention —

5. Sau đó nói, với sự chú ý tập trung —

“More radiant than the sun, purer than the snow, subtler than the ether is the Self, The spirit within me. I am that Self. That Self am I.”

“Rạng rỡ hơn mặt trời, tinh khiết hơn tuyết, vi tế hơn dĩ thái là Chân Ngã, Tinh thần bên trong tôi. Tôi là Chân Ngã đó. Chân Ngã đó là tôi.”

6. Concentrate now upon the words: “Thou God seest me.” The mind is not permitted to falter in its concentration on their significance, meaning, and implications.

6. Bây giờ hãy tập trung vào các từ: “Lạy Thượng đế, Ngài thấu suốt con.” Thể trí không được phép chùn bước trong sự tập trung của nó vào tầm quan trọng, ý nghĩa, và hàm ý của chúng.

7. Then, with deliberation bring the concentration work to a close, and say — again with the mind re-focussed on the underlying ideas — the following concluding statement:

7. Sau đó, một cách có chủ ý kết thúc công việc tập trung, và nói — một lần nữa với thể trí được tái tập trung vào những ý tưởng cơ bản — tuyên bố kết luận sau đây:

“There is a peace that passeth understanding; it abides in the hearts of

“Có một sự bình an vượt quá mọi hiểu biết; nó ngự trị trong trái tim những ai sống trong

those who live in the Eternal. There is a power that maketh all things new; it lives and moves in those who know the Self as one."

Vĩnh cửu. Có một quyền năng làm mới mọi sự; nó sống và chuyển động trong những ai biết Chân Ngã là một."

[229]

[229]

This is definitely a beginner's meditation. It has several focal points in it where a re-collection process and a re-focussing method is employed. There are many other meditation outlines which can bring about the same results, and many more that are for advanced workers. There are meditation outlines which are drawn up to produce certain specific results in particular people, but it is obvious that they cannot be included in such a book as this. A safe and general meditation form is all that is possible. In all of them, however, the primary thing to bear in mind is that the mind *must be kept actively occupied with ideas* and not with the effort to be concentrated. Behind every word spoken, and every stage followed there must be the will to understand and a mental activity of a one-pointed nature.

Đây chắc chắn là bài tham thiền cho người mới bắt đầu. Nó có một số tiêu điểm trong đó nơi một quá trình thu thập lại và một phương pháp tái tập trung được sử dụng. Có nhiều phác thảo tham thiền khác có thể mang lại cùng kết quả, và nhiều hơn nữa dành cho những người làm việc nâng cao. Có những phác thảo tham thiền được soạn thảo để tạo ra những kết quả cụ thể nhất định ở những người cụ thể, nhưng rõ ràng là chúng không thể được đưa vào một cuốn sách như thế này. Một hình thức tham thiền an toàn và chung là tất cả những gì có thể. Tuy nhiên, trong tất cả chúng, điều chính yếu cần ghi nhớ là thể trí *phải được giữ bận rộn tích cực với các ý tưởng* chứ không phải với nỗ lực để được tập trung. Đằng sau mỗi từ được nói ra, và mỗi giai đoạn được tuân theo phải có ý chí để thấu hiểu và một hoạt động trí tuệ có bản chất nhất tâm.

In the sixth stage where the effort is made to meditate definitely upon a form of words, veiling a truth, there should be nothing automatic in the process. It is quite easy to induce in oneself an hypnotic condition by the rhythmic repetition of certain words. We are told that Tennyson induced in himself a heightened state of consciousness by the repetition of his own name. This is not our object. The trance or automatic condition is dangerous. The safe way is that of an intense mental activity, confined within the field of ideas opened up by any particular "seed-thought" or object in meditation. This activity excludes all extraneous thoughts, except those which the words under

Trong giai đoạn thứ sáu, nơi nỗ lực được thực hiện để tham thiền dứt khoát về một hình thức ngôn từ, che giấu một chân lý, không được có gì máy móc trong quá trình này. Rất dễ để tự đưa mình vào một trạng thái thôi miên bằng cách lặp đi lặp lại nhịp nhàng một số từ ngữ nhất định. Chúng ta được biết rằng Tennyson đã tự đưa mình vào một trạng thái tâm thức nâng cao bằng cách lặp lại tên của chính mình. Đây không phải là mục tiêu của chúng ta. Trạng thái xuất thần hoặc tự động là nguy hiểm. Con đường an toàn là hoạt động trí tuệ mãnh liệt, được giới hạn trong phạm vi các ý tưởng được mở ra bởi bất kỳ "tư tưởng hạt giống" hoặc đối tượng cụ thể nào trong tham thiền. Hoạt

consideration arouse. The words taken in this particular form can illustrate [230] this, and the process depicts a sequence of thought as follows:

động này loại trừ tất cả các suy nghĩ ngoại lai, ngoại trừ những suy nghĩ mà các từ ngữ đang được xem xét gợi lên. Các từ ngữ được lấy theo hình thức cụ thể này có thể minh họa [230] điều này, và quá trình này mô tả một chuỗi tư tưởng như sau:

Thou God seest me.

Lạy Thượng đế, Ngài thấu suốt con.

This God is the divine in me, the indwelling Christ, the Soul.

Thượng đế này là sự thiêng liêng trong tôi, Đức Christ nội ngự, Linh hồn.

For long ages this soul has perceived and observed me.

Trong bao thời đại, linh hồn này đã nhận biết và quan sát tôi.

Now for the first time I am in a position to see God.

Nay lần đầu tiên tôi ở vào vị thế để thấy Thượng đế.

Up till now, I have been negative to this divine Reality.

Cho đến nay, tôi vẫn thụ động đối với Thực tại thiêng liêng này.

The positive relation is becoming possible.

Mối quan hệ chủ động đang trở nên khả thi.

But — this seems to involve the idea of duality.

Nhưng — điều này dường như bao hàm ý niệm về nhị nguyên tính.

But I and God are one.

Nhưng tôi và Thượng đế là một.

I am God, and have been all the time.

Tôi là Thượng đế, và vẫn luôn là như vậy.

Therefore I have been seen by my Self.

Do đó tôi đã được nhìn thấy bởi Chân ngã của tôi.

I am that Self, That Self am I.

Tôi là Chân ngã đó, Chân ngã đó là tôi.

This is easily written down, but if the mind is kept actively intent upon the sense and meaning, much hard and focussed thinking will have to be done, and much difficulty will be found to eliminate all thoughts other than those having a bearing upon the subject. Sometimes I have found it helpful to

Điều này được viết ra dễ dàng, nhưng nếu thể trí được giữ chủ động chăm chú vào ý nghĩa và thâm nghĩa, thì sẽ phải thực hiện nhiều suy nghĩ tập trung và vất vả, và sẽ thấy rất khó khăn để loại bỏ tất cả các suy nghĩ khác ngoài những suy nghĩ có liên quan đến chủ đề. Đôi khi tôi thấy hữu ích khi

say to the puzzled beginner, who is discouraged by his inability to think when and as he chooses: “Imagine you have to give a lecture upon these words to an audience. Picture yourself as formulating the notes upon which you will later speak. Carry your mind on from stage to stage and you will find that five minutes [231] will have gone by without your attention wavering, so great will have been your interest.”

nói với người mới bắt đầu đang bối rối, người bị nản lòng bởi sự bất lực trong việc suy nghĩ khi nào và như thế nào theo ý mình chọn: “Hãy tưởng tượng bạn phải thuyết trình về những từ này cho một nhóm thính giả. Hãy hình dung bản thân đang soạn thảo các ghi chú mà sau đó bạn sẽ nói. Hãy dẫn dắt tâm trí của bạn đi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác và bạn sẽ thấy rằng năm phút [231] sẽ trôi qua mà sự chú ý của bạn không hề dao động, sự quan tâm của bạn sẽ lớn đến thế.”

Verses should be chosen which are positive in their effect. Those that induce a waiting and negative state of mind should be avoided. A certain amount of realization and experience is necessary before such words (so frequently chosen by well-meaning beginners) as “be still, and know that I am God,” can be safely carried into the meditation work. The call for too great a quiescence of the untrained personality, and the energy they evoke goes to the stimulation of the psychic nature. Mr. Comfort points this out most beautifully in the same letter.

Nên chọn những câu thơ có tác dụng tích cực. Những câu gây ra trạng thái tâm trí chờ đợi và thụ động nên tránh. Một lượng chứng nghiệm và kinh nghiệm nhất định là cần thiết trước khi những từ ngữ như vậy (thường được những người mới bắt đầu có thiện chí lựa chọn) như “hãy yên lặng, và biết rằng Ta là Thượng đế,” có thể được đưa vào công việc tham thiền một cách an toàn. Việc đòi hỏi một sự tĩnh lặng quá lớn của phàm ngã chưa được huấn luyện, và năng lượng mà chúng gợi lên sẽ đi đến việc kích thích bản chất thông linh. Ông Comfort chỉ ra điều này một cách tuyệt đẹp trong cùng bức thư.

“I believe that such meditations as ‘be still and know I am God,’ if strenuously indulged in may prove disastrous. More than one unripe personality has opened within itself receptivity to power which played upon its unfulfillments, arousing secret passions and ambitions beyond his power to cope with. The meditation ‘I am God’ might therefore, be said to be almost too direct and efficacious until such time as the workman knows exactly what he is about. One cannot play up to the Ego and continue long to act the part before men. The end of that is disease and desperate fatigue and loss of the way while shouting it to others. This is not a matter of getting something to show men. It

“Tôi tin rằng những bài tham thiền như ‘hãy yên lặng và biết Ta là Thượng đế’, nếu đắm mình vào đó một cách vất vả, có thể tỏ ra tai hại. Hơn một phàm ngã chưa chín chắn đã mở ra trong chính nó khả năng tiếp nhận quyền năng tác động lên những điều chưa trọn vẹn của nó, khơi dậy những dục vọng và tham vọng thầm kín vượt quá khả năng đối phó của y. Do đó, bài tham thiền ‘Tôi là Thượng đế’ có thể được cho là gần như quá trực tiếp và hiệu nghiệm cho đến khi người thợ biết chính xác mình đang làm gì. Người ta không thể đóng vai Chân ngã và tiếp tục diễn vai đó lâu dài trước mặt mọi người. Kết cục của điều đó là bệnh tật, sự mệt mỏi tuyệt vọng và lạc lối trong khi đang hô hào điều đó

is a matter of understanding what we are made of as personalities; of sensing the Key to a new potency altogether and of rendering with ardent entirety the whole human nature to the game of reaching and turning that Key. I realize that this paragraph touching the 'I am God' meditation contains a lure as well as a warning. It is quite true that the time must come for all of us when we shall operate from the office of the Ego, instead of from the personality, [232] but a fine integrity of the personality must be established before we can carry the power."

COMFORT, WILL LEVINGTON, "LETTERS".

The sequential method suggested above is a safe way for the neophyte. There are others that will occur to the mind of the intelligent student. Whole worlds of thought are open over which the mind can range at will (note those words) provided they have a bearing upon the seed-thought and have a definite relation to the chosen idea upon which we seek to concentrate. It is obvious that each person will follow the bent of his own mind — artistic, scientific or philosophical — and for them that will be the line of least resistance. We shall all formulate our own concepts in our own way. But the "Be still" attitude is not for us. We inhibit other mental activities by an intense interest, not by a mental stunning of ourselves into silence, or by the adoption of a method which induces trance or utter thoughtlessness. We are definitely thinking. Any person who is teaching meditation knows how difficult it is to induce the mystic to renounce his quiescent condition

với người khác. Đây không phải là vấn đề đạt được điều gì đó để khoe với mọi người. Đây là vấn đề thấu hiểu chúng ta được tạo thành từ gì với tư cách là những phàm ngã; là cảm nhận chiếc Chìa Khóa dẫn đến một tiềm năng hoàn toàn mới và dâng hiến trọn vẹn nồng nhiệt toàn bộ bản chất con người cho trò chơi của việc với tới và xoay chiếc Chìa Khóa đó. Tôi nhận ra rằng đoạn văn này đề cập đến bài tham thiền 'Tôi là Thượng đế' chứa đựng một sự cám dỗ cũng như một lời cảnh báo. Hoàn toàn đúng là thời điểm phải đến với tất cả chúng ta khi chúng ta sẽ hoạt động từ chức năng của Chân ngã, thay vì từ phàm ngã, [232] nhưng một sự chính trực tốt đẹp của phàm ngã phải được thiết lập trước khi chúng ta có thể mang giữ quyền năng."

COMFORT, WILL LEVINGTON, "CÁC BỨC THƯ".

Phương pháp tuần tự được gợi ý ở trên là một cách an toàn cho người sơ cơ. Có những phương pháp khác sẽ nảy sinh trong tâm trí của người môn sinh thông tuệ. Cả những thế giới tư tưởng rộng mở mà tâm trí có thể tự do đi lại (hãy lưu ý những từ đó) miễn là chúng có liên quan đến tư tưởng hạt giống và có mối quan hệ xác định với ý tưởng đã chọn mà chúng ta tìm cách tập trung vào. Rõ ràng là mỗi người sẽ theo khuynh hướng của riêng tâm trí mình — nghệ thuật, khoa học hay triết học — và đối với họ đó sẽ là con đường ít trở ngại nhất. Tất cả chúng ta sẽ hình thành các khái niệm của riêng mình theo cách riêng của mình. Nhưng thái độ "Hãy yên lặng" không dành cho chúng ta. Chúng ta ức chế các hoạt động trí tuệ khác bằng một sự quan tâm mãnh liệt, chứ không phải bằng cách làm cho trí tuệ choáng váng đến mức im lặng, hoặc bằng cách áp dụng một phương pháp gây ra trạng thái xuất thần hoặc hoàn toàn không suy nghĩ. Chúng ta đang suy nghĩ một cách dứt khoát. Bất cứ

(which is the result of an endeavor to make the emotional nature one-pointed) and force him to begin to use his mind. How often one hears the complaint: "I do not like this technique; it is too intellectual and mental and not a bit spiritual." What they really mean is something like this: "I am too lazy to use my mind; I suffer from mental inertia; I much prefer emotional rhapsodies, and the imposition of a peaceful state upon my emotional nature. I feel [233] better. This way involves too much hard work." Why should spirituality be confounded with emotions? Why should not knowledge be just as divine as feeling? Of course, this way does involve hard work, particularly at first. But it can be done, if the initial laziness can be overcome, and those who have achieved know of its supreme value.

ai đang dạy tham thiền đều biết khó khăn như thế nào để khiến nhà thần bí từ bỏ trạng thái tĩnh lặng của mình (vốn là kết quả của nỗ lực làm cho bản chất cảm xúc trở nên nhất tâm) và buộc y bắt đầu sử dụng trí tuệ của mình. Người ta thường nghe thấy lời phàn nàn: "Tôi không thích kỹ thuật này; nó quá trí thức và thuộc về trí tuệ và không có chút tinh thần nào." Điều họ thực sự muốn nói là một cái gì đó giống như thế này: "Tôi quá lười biếng để sử dụng trí tuệ của mình; tôi bị chứng trì trệ của trí tuệ; tôi thích những cơn cuồng nhiệt cảm xúc hơn, và việc áp đặt một trạng thái bình an lên bản chất cảm xúc của tôi. Tôi cảm thấy [233] tốt hơn. Cách này đòi hỏi quá nhiều công việc khó khăn." Tại sao tính chất tinh thần lại bị nhầm lẫn với cảm xúc? Tại sao kiến thức lại không thiêng liêng như cảm giác? Tất nhiên, cách này đòi hỏi công việc khó khăn, đặc biệt là lúc đầu. Nhưng nó có thể được thực hiện, nếu sự lười biếng ban đầu có thể được khắc phục, và những người đã đạt được đều biết giá trị tối thượng của nó.

In concluding this attempt to indicate the initial work that the aspirant to this way has to undertake, it should be noted that the key to success lies in constant and unremitting practice. Often, in our work with students all over the world, we find the brilliant mind coming out second, because it lacks persevering effort, and the more ordinary mind suddenly breaking through into the realm of ascertained knowledge and leaving its more brilliant brother behind, because it possesses the capacity to keep on going on. Sporadic efforts get the aspirant nowhere; in fact they are definitely harmful, inasmuch as they breed a constant sense of failure. A little consistent and faithful work done every day, over a long period of time, will bring results infinitely greater than enthusiastic but spasmodic efforts. A few minutes of concentration or meditation

Để kết luận nỗ lực này nhằm chỉ ra công việc ban đầu mà người chí nguyện đi theo con đường này phải thực hiện, cần lưu ý rằng chìa khóa dẫn đến thành công nằm ở sự thực hành liên tục và không ngừng nghỉ. Thường thì, trong công việc của chúng tôi với các môn sinh trên toàn thế giới, chúng tôi thấy trí tuệ lỗi lạc lại về nhì, bởi vì nó thiếu nỗ lực kiên trì, và trí tuệ bình thường hơn lại đột ngột bứt phá vào lĩnh vực của kiến thức đã được xác chứng và bỏ lại người huynh đệ lỗi lạc hơn của mình ở phía sau, bởi vì nó sở hữu khả năng tiếp tục đi tới. Những nỗ lực rời rạc không đưa người chí nguyện đến đâu cả; thực tế chúng chắc chắn có hại, vì chúng nuôi dưỡng cảm giác thất bại thường trực. Một chút công việc nhất quán và trung thành được thực hiện mỗi ngày, trong một thời gian dài, sẽ mang lại kết quả lớn hơn vô hạn so với những nỗ lực nhiệt tình nhưng

work done with regularity, will carry the aspirant much farther than hours of effort given three or four times a month. It has been truly said that "meditation to be effective in producing results must not be merely a sporadic effort in which we engage when we feel inclined, but it is a steady unremitting pressure of the will." [234]

thất thường. Một vài phút tập trung hoặc công việc tham thiền được thực hiện đều đặn, sẽ đưa người chí nguyện đi xa hơn nhiều so với hàng giờ nỗ lực được thực hiện ba hoặc bốn lần một tháng. Người ta đã nói rất đúng rằng "tham thiền để có hiệu quả trong việc tạo ra kết quả không được chỉ là một nỗ lực rời rạc mà chúng ta tham gia khi cảm thấy thích, mà nó là một áp lực ổn định không ngừng nghỉ của ý chí." [234]

Another point to be remembered is that the last person to appreciate the results of his work is the student himself. The goal he has set himself is so wonderful, that he is more apt to be discouraged than satisfied. The only wise thing to do is to put all thought of eventual results and their phenomenal effects entirely out of the mind definitely, once and for all, and simply follow the ancient rules. This must be done without a constant plucking of oneself up by the roots to see how one is growing. Those around us will know surely and truly what progress we are making by our increased efficiency, self-control, stability and helpfulness. We have found it wise to gauge the growth of a student in the meditation work by the extension of his field of service and by the things his friends say of him, rather than by his own reports about himself. Our work is to go steadily forward, doing the demanded task "without attachment" as the Hindu aspirant calls it.

Một điểm khác cần ghi nhớ là người cuối cùng đánh giá được kết quả công việc của mình chính là bản thân người môn sinh. Mục tiêu mà y đặt ra cho mình tuyệt vời đến mức y dễ bị nản lòng hơn là hài lòng. Điều khôn ngoan duy nhất cần làm là loại bỏ hoàn toàn mọi suy nghĩ về kết quả cuối cùng và những hiệu quả hiện tượng của chúng ra khỏi tâm trí một cách dứt khoát, một lần và mãi mãi, và đơn giản là tuân theo các quy luật cổ xưa. Điều này phải được thực hiện mà không cần liên tục tự bới móc bản thân lên để xem mình đang phát triển như thế nào. Những người xung quanh chúng ta chắc chắn sẽ biết rõ ràng và trung thực những tiến bộ mà chúng ta đang đạt được qua sự gia tăng hiệu quả, sự tự chủ, sự ổn định và tính hay giúp đỡ của chúng ta. Chúng tôi nhận thấy thật khôn ngoan khi đánh giá sự phát triển của một môn sinh trong công việc tham thiền bằng sự mở rộng lĩnh vực phụng sự của y và bằng những điều bạn bè nói về y, hơn là bằng những báo cáo của chính y về bản thân mình. Công việc của chúng ta là tiến bước vững chắc, thực hiện nhiệm vụ được yêu cầu "không luyến ái" như người chí nguyện Ấn Độ giáo gọi nó.

If success is to be achieved, there must be a genuine and persistent desire, a clear picture of the value of the results, a realization that the goal can be achieved and definite knowledge of the technique of the method.

Nếu muốn đạt được thành công, phải có một khát vọng chân thành và kiên trì, một hình dung rõ ràng về giá trị của các kết quả, sự nhận thức rằng mục tiêu có thể đạt được và kiến thức xác định về kỹ thuật của phương

This, with the unremitting pressure of the will is all that is needed, and this is possible for every reader of this book.

pháp. Điều này, cùng với áp lực không ngừng nghỉ của ý chí là tất cả những gì cần thiết, và điều này là khả thi đối với mọi độc giả của cuốn sách này.

CHAPTER TEN - THE NEED FOR CARE IN MEDITATION—SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẨN TRỌNG TRONG THAM THIỀN

"A clean life, an open mind, a pure heart, an eager intellect, an unveiled spiritual perception, a brotherliness for one's co-disciple, a readiness to give and receive advice and instruction,...a willing obedience to the behests of Truth,...a courageous endurance of personal injustice, a brave declaration of principles, a valiant defence of those who are unjustly attacked, and a constant eye to the ideal of human progression and perfection which the secret science depicts; these are the golden stairs up the steps of which the learner may climb to the Temple of Divine Wisdom."

H. P. BLAVATSKY

[237]

The meditation work outline in the previous chapter constitutes a good concentration exercise for the beginner and will eventually lead him — if he possesses persistence — to the genuine practice of meditation. A concentration that lasts one minute is difficult to achieve but is a real step upon the way to meditation, which is the act of prolonged concentration. The outline will help to produce the condition of active attention. Many such outlines are available, and can be drawn up, by those who know the rules and who are good psychologists, to suit the needs of differing types of people. A few such outlines will be found at the close of the book, but it is obvious that in a book of this description the more advanced practices

"Một đời sống trong sạch, một trí tuệ cởi mở, một trái tim thanh khiết, một trí năng hăm hở, một nhận thức tinh thần không bị che phủ, một tình huynh đệ dành cho đệ tử đồng môn, một sự sẵn sàng cho và nhận lời khuyên và chỉ dẫn,... một sự vâng lời tự nguyện đối với các mệnh lệnh của Chân Lý,... một sự chịu đựng can đảm trước bất công cá nhân, một sự tuyên bố dũng cảm về các nguyên tắc, một sự bảo vệ anh dũng cho những người bị tấn công bất công, và một con mắt luôn hướng về lý tưởng tiến bộ và hoàn thiện của con người mà khoa học bí truyền mô tả; đây là những bậc thang vàng mà người học đạo có thể leo lên đến Đền thờ của Minh Triết Thiêng Liêng."

H. P. BLAVATSKY

[237]

Phác thảo công việc tham thiền trong chương trước cấu thành một bài tập tập trung tốt cho người mới bắt đầu và cuối cùng sẽ dẫn y — nếu y sở hữu sự kiên trì — đến việc thực hành tham thiền chân chính. Sự tập trung kéo dài một phút rất khó đạt được nhưng là một bước thực sự trên con đường dẫn đến tham thiền, vốn là hành động tập trung kéo dài. Phác thảo này sẽ giúp tạo ra trạng thái chú ý chủ động. Nhiều phác thảo như vậy hiện có sẵn, và có thể được soạn thảo, bởi những người biết các quy luật và là những nhà tâm lý học giỏi, để phù hợp với nhu cầu của các loại người khác nhau. Một vài phác thảo như vậy sẽ được tìm thấy ở cuối cuốn sách, nhưng rõ ràng là trong một cuốn sách mô tả loại này, các thực

and the more intensive work have no place. They can be wisely carried forward only when the earlier stages have been mastered.

hành nâng cao hơn và công việc chuyên sâu hơn không có chỗ. Chúng chỉ có thể được tiến hành một cách khôn ngoan khi các giai đoạn trước đó đã được làm chủ.

It should be noted that any thought process, followed with undeviating attention, which leads "inward" from the outer form to the energy or life aspect of that form and which enables the thinker to be identified with it, will serve a purpose similar to a technical outline. Any noun, for instance, when properly understood as the name of a thing and, [238] therefore, of a form, will serve as a seed thought in meditation. The form will be studied as to its quality and purpose, and all can in time be traced back to an idea, and all true ideas emanate from the realm of the soul. If the right attitude, therefore is assumed and the processes outlined in Chapter Five are followed, the thinker will find himself led out of the phenomenal world into the world of Divine Realities. As practice in concentration is gained, the consideration of the outer form, and of its quality and aspect can be omitted, and the act of concentration, having become (through persistence and practice) automatic and instantaneous, the student can start with the *purpose* aspect, or with the underlying idea which brought the outer form into being. This entire concept has been expressed for us by Plutarch in these words:

Cần lưu ý rằng bất kỳ quy trình tư duy nào, được theo đuổi với sự chú ý không xao nhãng, dẫn dắt "vào bên trong" từ hình tướng bên ngoài đến phương diện năng lượng hoặc sự sống của hình tướng đó và cho phép người suy tư đồng nhất với nó, sẽ phục vụ một mục đích tương tự như một phác thảo kỹ thuật. Ví dụ, bất kỳ danh từ nào, khi được hiểu đúng là tên của một vật và, [238] do đó, của một hình tướng, sẽ phục vụ như một tư tưởng hạt giống trong tham thiền. Hình tướng sẽ được nghiên cứu về phẩm tính và mục đích của nó, và tất cả theo thời gian đều có thể được truy nguyên về một ý tưởng, và tất cả các ý tưởng chân thực đều xuất lộ từ cõi của linh hồn. Vì vậy, nếu giữ thái độ đúng đắn và các quy trình được phác thảo trong Chương Năm được tuân theo, người suy tư sẽ thấy mình được dẫn ra khỏi thế giới hiện tượng vào thế giới của các Thực Tại Thiêng Liêng. Khi đạt được sự thực hành trong tập trung, việc xem xét hình tướng bên ngoài, và phẩm tính cũng như phương diện của nó có thể được bỏ qua, và hành động tập trung, đã trở nên (thông qua sự kiên trì và thực hành) tự động và tức thời, người môn sinh có thể bắt đầu với phương diện *mục đích*, hoặc với ý tưởng nền tảng đã đưa hình tướng bên ngoài vào hiện hữu. Toàn bộ khái niệm này đã được Plutarch diễn đạt cho chúng ta qua những lời sau:

"An idea is a Being incorporeal, which has no subsistence of itself, but gives figure and form unto shapeless matter and becomes the cause of the manifestation." (*De Placit. Philos.*)

"Một ý tưởng là một Bản Thể phi vật chất, không có sự tồn tại của riêng nó, nhưng mang lại hình dáng và hình tướng cho vật chất chưa có hình dạng và trở thành nguyên nhân của sự biểu hiện." (*De Placit. Philos.*)

These are significant words and hold much information for the student of this ancient technique of meditation.

Đây là những lời đầy ý nghĩa và chứa đựng nhiều thông tin cho người môn sinh của kỹ thuật tham thiền cổ xưa này.

The goal of meditation, from the angle of the mind, might therefore, be stated to be the attainment of the world of ideas; from the angle of the soul, it is the identification of the individual soul with the world originator of all ideas. Through mind control, we become aware of the ideas which lie back of our [239] world evolution, and the manifestation (through matter) of the form that they take. Through meditation, we contact a part of the Plan; we see the blue prints of the Great Architect of the Universe, and are given opportunity to participate in their emergence into objective being through our contact with, and right interpretation of, the ideas we succeed in contacting in meditation.

Do đó, mục tiêu của tham thiền, từ góc độ của thể trí, có thể được coi là sự đạt tới thế giới của các ý tưởng; từ góc độ của linh hồn, đó là sự đồng nhất hóa của linh hồn cá nhân với Đấng khởi nguyên của mọi ý tưởng trong thế giới. Thông qua việc kiểm soát thể trí, chúng ta trở nên nhận thức được các ý tưởng nằm đằng sau sự tiến hóa của thế giới [239] chúng ta, và sự biểu hiện (thông qua vật chất) của hình tướng mà chúng đảm nhận. Thông qua tham thiền, chúng ta tiếp chạm với một phần của Thiên Cơ; chúng ta thấy các bản thiết kế của Kiến Trúc Sư Vĩ Đại của Vũ Trụ, và được trao cơ hội tham gia vào sự xuất hiện của chúng vào hiện hữu ngoại giới thông qua sự tiếp chạm của chúng ta với, và sự diễn giải đúng đắn về, các ý tưởng mà chúng ta thành công trong việc tiếp chạm trong tham thiền.

It will, therefore, be apparent how necessary it is that the aspirant should be possessed of a well trained and well-stocked mind, if he is to interpret with accuracy that which he sees; it is evident that he should be able to formulate with clarity the thoughts with which he seeks to clothe the nebulous ideas, and in turn, through this clear thinking, impress the waiting brain. It may be true that “God” works out, in many cases, His plans through the agency of human beings, but He needs intelligent agents; He needs men and women who are not more stupid than those chosen by the leaders of the race to participate in their endeavors. Just to love God is not entirely sufficient. It is a step in the right direction, but devotion, unbalanced by good sense and brains, leads to much stupid action and much unconsidered effort. God looks for those who

Vì vậy, sẽ thấy rõ ràng việc người chí nguyện cần phải sở hữu một thể trí được huấn luyện kỹ lưỡng và trang bị đầy đủ là cần thiết như thế nào, nếu y muốn diễn giải chính xác những gì y thấy; hiển nhiên là y phải có khả năng hình thành một cách rõ ràng các suy nghĩ mà y tìm cách dùng để khoác lên các ý tưởng mơ hồ, và lần lượt, thông qua tư duy rõ ràng này, in dấu lên bộ não đang chờ đợi. Có thể đúng là “Thượng đế” thực hiện, trong nhiều trường hợp, các kế hoạch của Ngài thông qua trung gian của con người, nhưng Ngài cần những tác nhân thông tuệ; Ngài cần những người nam và nữ không ngu ngốc hơn những người được các nhà lãnh đạo của nhân loại chọn để tham gia vào các nỗ lực của họ. Chỉ yêu mến Thượng đế thôi là chưa hoàn toàn đủ. Đó là một bước đi đúng hướng, nhưng lòng sùng tín, không được cân bằng bởi lương tri và đầu óc, dẫn đến nhiều

have trained and highly developed minds, and fine brains (to act as sensitive recorders of the higher impressions), so that the work may be carried forward rightly. Perhaps it might be said that the saints and mystics have revealed to us the nature of the Divine Life, and the quality of the ideas which govern His [240] activities in the world of phenomena, and that the knowers of the world and the intellectuals of the race must, in their turn, reveal to the world the synthetic Plan and the Divine Purpose. Thus shall we find the thread of gold which will guide us out of the maze of our present chaotic world condition into the light of truth and of understanding.

hành động ngu ngốc và nhiều nỗ lực thiếu cân nhắc. Thượng đế tìm kiếm những người có thể trí được huấn luyện và phát triển cao, và bộ não tốt (để hoạt động như những máy ghi nhạy bén các ấn tượng cao hơn), để công việc có thể được tiến hành đúng đắn. Có lẽ có thể nói rằng các vị thánh và các nhà thần bí đã tiết lộ cho chúng ta bản chất của Sự sống Thiêng liêng, và phẩm tính của các ý tưởng chi phối các [240] hoạt động của Ngài trong thế giới hiện tượng, và rằng các thức giả của thế giới và các trí thức của nhân loại, đến lượt mình, phải tiết lộ cho thế giới Thiên Cơ tổng hợp và Thiên Ý. Như vậy, chúng ta sẽ tìm thấy sợi chỉ vàng dẫn dắt chúng ta ra khỏi mê cung của tình trạng thế giới hỗn loạn hiện tại của chúng ta vào ánh sáng của chân lý và của sự thấu hiểu.

It should be remembered that we live in a world of energies and of forces. The power of public opinion (emotional as it usually is, and frequently set in motion by some basic ideas, formulated by thinkers, good, bad and indifferent) is well known, and is a form of energy, producing big results. The devastating effect of uncontrolled emotion, for instance, is equally well known, and is again a demonstration of force. The expression, so constantly used, "the forces of nature," shows us that since man began to think at all he has known that all is energy. The scientists tell us that everything is a manifestation of energy. There is nothing but energy, pouring through us, and working in us, and in it we are immersed. All forms are built of atoms, we are told, and atoms are units of energy. Man, therefore, is himself energy, formed of energy units, living in a world similarly constituted and working with energy all the time.

Cần nhớ rằng chúng ta sống trong một thế giới của các năng lượng và các mãnh lực. Sức mạnh của dư luận công chúng (vốn thường mang tính cảm xúc, và thường xuyên được khởi động bởi một số ý tưởng cơ bản, được hình thành bởi các nhà tư tưởng, tốt, xấu và thờ ơ) đã được biết đến nhiều, và là một dạng năng lượng, tạo ra những kết quả lớn. Ví dụ, tác động tàn phá của cảm xúc không kiểm soát cũng được biết đến rõ ràng, và một lần nữa là một sự biểu hiện của mãnh lực. Cách diễn đạt, được sử dụng thường xuyên như vậy, "các mãnh lực của tự nhiên," cho chúng ta thấy rằng kể từ khi con người bắt đầu suy nghĩ, y đã biết rằng tất cả là năng lượng. Các nhà khoa học nói với chúng ta rằng mọi thứ là một biểu hiện của năng lượng. Không có gì ngoài năng lượng, tuôn đổ qua chúng ta, và hoạt động trong chúng ta, và chúng ta đắm mình trong đó. Chúng ta được biết tất cả các hình tướng được xây dựng từ các nguyên tử, và các nguyên tử là các đơn vị năng lượng. Do đó, bản thân con người là năng lượng, được hình thành từ các đơn vị năng lượng, sống trong một thế giới được

The fundamental law governing all meditation work is the ancient one formulated by the seers in India centuries ago, that "energy follows thought." From the realm of ideas (or of soul knowledge) energy pours through. The "public opinion" of the [241] soul realm seeps little by little into the dense minds of men, and to it can be traced all the forward movements of the present time, all organization of general welfare and of group betterment; all religious concepts and all outer knowledge of the Causes which produce objectivity. These ideas assume a mental form, first of all, and some mind grasps them and ponders upon them, or passes them on to some group of thinkers, and the work of "thinking through" goes forward. Then the quality of desire begins to enter in, and there is an emotional reaction to the thoughts which the ideas have evoked, and the form is gradually built. Thus the work goes on and the energy of the soul and of the mind and of the desire nature correlate with the energy of matter, and a definite form comes into being. Every form, whether it be the form of a sewing machine, of a social order or of a solar system, can be posited as the materialization of the thought of some thinker, or of some group of thinkers. It is a form of creative work, and the same laws of emergence into being have governed the entire process, and all the work has been concentrated with energy of some type or another. The student of meditation must, therefore, remember that he is always working with energies, and that these varying energies will have a definite effect upon the energies of which he himself is composed (if such an expression is permissible).

cấu tạo tương tự và làm việc với năng lượng mọi lúc.

Định luật cơ bản chi phối mọi công việc tham thiền là định luật cổ xưa được các bậc kiến giả ở Ấn Độ hình thành từ nhiều thế kỷ trước, rằng "năng lượng tuân theo tư tưởng". Từ cõi của các ý tưởng (hoặc kiến thức linh hồn) năng lượng tuôn đổ qua. "Dư luận công chúng" của [241] cõi linh hồn thấm dần từng chút một vào tâm trí đậm đặc của con người, và có thể truy nguyên tất cả các phong trào tiến bộ của thời điểm hiện tại, tất cả tổ chức vì phúc lợi chung và sự cải thiện nhóm; tất cả các khái niệm tôn giáo và tất cả kiến thức bên ngoài về các Nguyên Nhân tạo ra sự biểu hiện ngoại giới đều bắt nguồn từ đó. Những ý tưởng này đảm nhận một hình tư tưởng, trước hết, và một tâm trí nào đó nắm bắt chúng và suy ngẫm về chúng, hoặc chuyển chúng cho một nhóm các nhà tư tưởng, và công việc "suy nghĩ thấu đáo" tiến triển. Sau đó, phẩm tính của dục vọng bắt đầu tham gia vào, và có một phản ứng cảm xúc đối với những suy nghĩ mà các ý tưởng đã gợi lên, và hình tướng dần dần được xây dựng. Như vậy công việc tiếp diễn và năng lượng của linh hồn và của thể trí và của bản chất dục vọng tương quan với năng lượng của vật chất, và một hình tướng xác định đi vào hiện hữu. Mọi hình tướng, cho dù đó là hình tướng của một chiếc máy khâu, của một trật tự xã hội hay của một hệ mặt trời, đều có thể được xác định là sự hiện hình hóa tư tưởng của một nhà tư tưởng nào đó, hoặc của một nhóm các nhà tư tưởng nào đó. Đó là một hình thức công việc sáng tạo, và cùng các định luật về sự xuất hiện vào hiện hữu đã chi phối toàn bộ quá trình, và tất cả công việc đã được tập trung với năng lượng thuộc loại này hay loại khác. Do đó, người môn sinh tham thiền phải nhớ rằng y luôn làm việc với các năng lượng, và rằng những năng lượng khác nhau này sẽ có một tác động xác định lên các năng

lượng mà chính y được cấu tạo thành (nếu một cách diễn đạt như vậy là được phép).

It will be apparent, therefore, that the man who is learning to meditate must endeavor to do two things:

Do đó, sẽ thấy rõ rằng người đang học tham thiền phải nỗ lực thực hiện hai điều:

First: He must learn to "bring through" into his [242] mind and then interpret correctly what he has seen and contacted, and later transmit it correctly and accurately to the attentive and impressionable brain. Thus the man, in physical waking consciousness becomes aware of the things of the Kingdom of God.

Thứ nhất: Y phải học cách "đưa xuống" vào [242] tâm trí mình và sau đó diễn giải chính xác những gì y đã thấy và tiếp chạm, và sau đó truyền đạt nó một cách chính xác và đúng đắn đến bộ não chú ý và dễ tiếp thu. Như vậy con người, trong tâm thức tỉnh thức ở cõi trần trở nên nhận biết về những điều của Thiên Giới.

Second: He must learn the nature of the energies he is contacting, and train himself to utilize them correctly. A practical illustration of this can be given here, and one universally recognized. We are swept by anger or irritation. Instinctively we begin to shout. Why? Emotional energy has us in its grip. By learning to control the energy of the spoken word we begin to master that particular type of emotional energy.

Thứ hai: Y phải tìm hiểu bản chất của các năng lượng mà y đang tiếp chạm, và tự rèn luyện để sử dụng chúng một cách chính xác. Một minh họa thực tế về điều này có thể được đưa ra ở đây, và được công nhận rộng rãi. Chúng ta bị cuốn theo cơn giận dữ hoặc sự cáu kỉnh. Theo bản năng, chúng ta bắt đầu la hét. Tại sao? Năng lượng cảm xúc đang kìm kẹp chúng ta. Bằng cách học cách kiểm soát năng lượng của lời nói, chúng ta bắt đầu làm chủ loại năng lượng cảm xúc cụ thể đó.

In these two ideas of right interpretation and right transmission, and of right use of energy, the whole story of the meditation work is summed up. It becomes apparent also what is the problem confronting the student, and why all wise teachers of the technique of meditation urge upon their pupils the need of care and slow procedure.

Trong hai ý niệm về diễn giải đúng và truyền đạt đúng, và về việc sử dụng năng lượng đúng đắn này, toàn bộ câu chuyện về công việc tham thiền được tóm tắt. Cũng trở nên rõ ràng vấn đề đối mặt với người môn sinh là gì, và tại sao tất cả các huấn sư khôn ngoan về kỹ thuật tham thiền đều thúc giục học trò của họ về sự cần thiết phải cẩn trọng và tiến hành chậm rãi.

It is essential that we realize that meditation can be very dangerous work and may land a man in serious difficulty. It can be destructive and disrupting; it can do more harm than good and lead a man towards

Điều cốt yếu là chúng ta nhận ra rằng tham thiền có thể là công việc rất nguy hiểm và có thể đưa một người vào khó khăn nghiêm trọng. Nó có thể mang tính phá hoại và gây rối loạn; nó có thể gây hại nhiều hơn lợi và

catastrophe if he enters upon the Way of the Knower without a proper understanding of what he is doing and where it will lead him. At the same time, it can be, indeed, the "work of salvation" and lead a man out of all his difficulties; it can be constructive and liberating, and guide the man by right [243] and sane methods along the way that leads from darkness to light, from death to immortality, and from the unreal to the Real.

dẫn một người đến thảm họa nếu y bước vào Con Đường của Thức Giả mà không có sự thấu hiểu đúng đắn về những gì mình đang làm và nơi nó sẽ dẫn dắt y. Đồng thời, nó thực sự có thể là "công việc cứu rỗi" và dẫn một người ra khỏi tất cả những khó khăn của mình; nó có thể mang tính xây dựng và giải phóng, và hướng dẫn con người bằng các phương pháp [243] đúng đắn và lành mạnh dọc theo con đường dẫn từ bóng tối đến ánh sáng, từ cái chết đến sự bất tử, và từ cái không thực đến Thực Tại.

It might be of value here if we considered these two points a little more closely.

Sẽ có giá trị ở đây nếu chúng ta xem xét hai điểm này kỹ hơn một chút.

We have seen that the deep need of the aspirant is to see that he succeeds in bringing through into his physical brain-consciousness, with accuracy, the phenomena of the spiritual world which he may succeed in contacting. The probability is, however, that it will be a long time before he can penetrate into that world at all. Therefore, he has to learn to discriminate between the fields of awareness which may open up before him as he becomes more sensitive, and know the nature of what he is seeing and hearing. Let us look for a moment at some of the phenomena of the lower mind which students are so constantly misinterpreting.

Chúng ta đã thấy rằng nhu cầu sâu sắc của người chí nguyện là đảm bảo rằng y thành công trong việc đưa xuống tâm thức bộ não vật lý của mình, một cách chính xác, các hiện tượng của thế giới tinh thần mà y có thể thành công trong việc tiếp chạm. Tuy nhiên, khả năng là sẽ mất một thời gian dài trước khi y có thể thâm nhập vào thế giới đó. Do đó, y phải học cách phân biện giữa các lĩnh vực nhận thức có thể mở ra trước mắt y khi y trở nên nhạy cảm hơn, và biết bản chất của những gì y đang nhìn thấy và nghe thấy. Chúng ta hãy xem xét trong giây lát một số hiện tượng của hạ trí mà các môn sinh thường xuyên diễn giải sai.

They record, for instance, a rapturous encounter with the Christ or with some Great Soul, who appeared to them when meditating, smiled at them, and told them to "be of good cheer. You are making good progress. You are a chosen worker and to you truth shall be revealed," or something equally fatuous. They thrill to the event; they record it in their diary and they write joyously to me that the occurrence is a most momentous happening in their lives. It may

Ví dụ, họ ghi lại một cuộc gặp gỡ đầy mê say với Đức Christ hoặc với một Linh hồn Vĩ đại nào đó, người đã xuất hiện với họ khi tham thiền, mỉm cười với họ và bảo họ "hãy vui lên. Bạn đang tiến bộ tốt. Bạn là một người hoạt động được chọn và chân lý sẽ được tiết lộ cho bạn," hoặc điều gì đó ngớ ngẩn tương tự. Họ hồi hộp trước sự kiện đó; họ ghi lại nó trong nhật ký và vui mừng viết cho tôi rằng sự việc đó là một sự kiện trọng đại nhất trong cuộc đời họ. Có thể là vậy, nếu họ xử lý

be, if they handle it right, and learn its lesson. What has really happened? Has the student really seen the Christ? Here we remember the truism that "thoughts are things" and that all [244] thoughts take form. Two things have produced the occurrence, if it has really happened and is not the result of a vivid and overstimulated imagination. The power of the creative imagination is only just beginning to be sensed, and it is quite possible to see just what we desire to see, even if it is not there at all. The desire of the aspirant to make progress, and his strenuous effort, has forced him to become awake or aware upon the psychic plane, the plane of vain imaginings, of desire and its illusory fulfillments. In that realm, he contacts a thought-form of the Christ or of some great and revered Teacher. The world of illusion is full of these thought-forms, constructed by the loving thoughts of men down the ages, and the man, working through his own psychic nature (the line of least resistance for the majority) comes in touch with such a thought-form, mistakes it for the real, and imagines it saying to him all the things he wants said. He wants encouragement; he seeks, like so many, the justification of phenomena for his endeavour; he quiets the brain and gently slips into a psychic and negative condition. Whilst in that condition, his imagination begins to function, and he sees what he wants to see, and he hears the magnificent words of recognition for which he hankers. It does not occur to him that the Guides of the race are too busy with group activities and with the training of the advanced thinkers and leaders of humanity, through whom They *can* work, to spend any time with the children of the race. The latter may be left, with complete success, to the tuition of [245] less highly evolved beings. Nor does it occur to them that, should they be so advanced and so highly evolved as to

nó đúng, và học được bài học của nó. Điều gì đã thực sự xảy ra? Người môn sinh có thực sự nhìn thấy Đức Christ không? Ở đây chúng ta nhớ lại chân lý hiển nhiên rằng "tư tưởng là sự vật" và rằng tất cả [244] tư tưởng đều mang lấy hình tướng. Hai điều đã tạo ra sự việc, nếu nó thực sự xảy ra và không phải là kết quả của một trí tưởng tượng sống động và bị kích thích quá mức. Quyền năng của sự tưởng tượng sáng tạo chỉ mới bắt đầu được cảm nhận, và hoàn toàn có thể nhìn thấy chính xác những gì chúng ta mong muốn nhìn thấy, ngay cả khi nó hoàn toàn không có ở đó. Mong muốn tiến bộ của người chí nguyện, và nỗ lực vất vả của y, đã buộc y phải trở nên thức tỉnh hoặc nhận biết trên cõi thông linh, cõi của những tưởng tượng hư ảo, của dục vọng và những sự thỏa mãn ảo tưởng của nó. Trong lĩnh vực đó, y tiếp chạm với một hình tư tưởng của Đức Christ hoặc của một vị Huấn sư vĩ đại và đáng kính nào đó. Thế giới ảo tưởng đầy rẫy những hình tư tưởng này, được xây dựng bởi những ý nghĩ yêu thương của con người qua bao thời đại, và con người, làm việc thông qua bản chất thông linh của chính mình (con đường ít trở ngại nhất đối với đa số) tiếp xúc với một hình tư tưởng như vậy, nhầm lẫn nó với cái thực, và tưởng tượng nó đang nói với y tất cả những điều y muốn được nghe. Y muốn được khuyến khích; y tìm kiếm, giống như rất nhiều người, sự biện minh của các hiện tượng cho nỗ lực của mình; y làm dịu bộ não và nhẹ nhàng trượt vào một trạng thái thông linh và thụ động. Trong khi ở trạng thái đó, trí tưởng tượng của y bắt đầu hoạt động, và y nhìn thấy những gì y muốn thấy, và y nghe thấy những lời công nhận tráng lệ mà y khao khát. Y không nghĩ ra rằng Các Đấng Dẫn dắt nhân loại quá bận rộn với các hoạt động nhóm và với việc huấn luyện các nhà tư tưởng tiến bộ và các nhà lãnh đạo của nhân loại, những người mà thông qua họ Các Ngài *có thể* làm việc, để dành bất kỳ thời gian nào cho những đứa trẻ

have won the privilege of making such a contact, the Master would not waste His time and theirs by patting them on the back and pronouncing high sounding but inane platitudes. He would improve the brief moment by pointing out some weakness to be eliminated, or some constructive work to be undertaken.

của nhân loại. Những người sau có thể được để lại, với sự thành công hoàn toàn, cho sự dạy dỗ của [245] những thực thể kém tiến hóa hơn. Họ cũng không nghĩ rằng, nếu họ tiến bộ và phát triển cao đến mức giành được đặc quyền thực hiện một cuộc tiếp chạm như vậy, Chân sư sẽ không lãng phí thời gian của Ngài và của họ bằng cách vỗ vai họ và tuyên bố những lời sáo rỗng vô nghĩa nhưng nghe có vẻ cao siêu. Ngài sẽ tận dụng khoảnh khắc ngắn ngủi đó bằng cách chỉ ra một số điểm yếu cần loại bỏ, hoặc một số công việc mang tính xây dựng cần thực hiện.

Again, some "force" — a word frequently used — or some entity comes to the student, as he meditates, and outlines to him some great work that he has been chosen to do; some world message that he has to give and to which the entire world is to listen, or some great invention he is to present some day to a waiting world if he continues to be good. Gladly he grasps the mantle of the prophet, and with unshaken belief in his capacity, his ability to influence thousands, even if he is relatively impotent to influence those around him at present, he prepares to carry out his divine mission. In one year, three "World Teachers," who have been studying meditation in some school or other, made application to the group with whom I am associated. This they did, not because they wanted to carry their meditation forward, but because they felt we would be happy to have them "feed" into the group some of the many hundreds they were to be instrumental in saving. I had to decline the honor, and they disappeared, and nothing has since been heard of them. The world still awaits them. Of their sincerity there is absolutely [246] no doubt. They believed what they said. Neither is there any doubt of their being hallucinated. All of us are in danger of being deluded in just this way, when we start to meditate, if the

Một lần nữa, một số "mãnh lực" — một từ thường được sử dụng — hoặc một thực thể nào đó đến với người môn sinh, khi y tham thiền, và phác thảo cho y một công việc vĩ đại nào đó mà y đã được chọn để làm; một thông điệp thế giới nào đó mà y phải đưa ra và toàn thế giới phải lắng nghe, hoặc một phát minh vĩ đại nào đó mà y sẽ trình bày vào một ngày nào đó cho một thế giới đang chờ đợi nếu y tiếp tục ngoan ngoãn. Y vui vẻ nắm lấy chiếc áo choàng của nhà tiên tri, và với niềm tin không lay chuyển vào năng lực của mình, khả năng ảnh hưởng đến hàng ngàn người, ngay cả khi y tương đối bất lực trong việc ảnh hưởng đến những người xung quanh vào lúc này, y chuẩn bị thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình. Trong một năm, ba "Đức Chưởng Giáo Thế Giới", những người đã nghiên cứu tham thiền ở một trường phái nào đó, đã nộp đơn vào nhóm mà tôi liên kết. Họ làm điều này, không phải vì họ muốn tiếp tục việc tham thiền của mình, mà vì họ cảm thấy chúng tôi sẽ rất vui khi để họ "đưa" vào nhóm một số trong hàng trăm người mà họ sẽ là phương tiện để cứu rỗi. Tôi đã phải từ chối vinh dự này, và họ biến mất, và kể từ đó không còn nghe thấy gì về họ nữa. Thế giới vẫn đang chờ đợi họ. Về sự chân thành của họ thì hoàn toàn [246] không có nghi ngờ gì. Họ tin vào những gì họ nói. Cũng không có nghi ngờ gì về việc họ bị

discriminating mind is not on the watch, or if we have a secret longing for spiritual prominence, or suffer from an inferiority complex which must be offset. Another cause for the delusion lies in the fact that these people have perhaps made a real contact with the soul. They have had a flash of its omniscience and are swept off their feet by the very wonder of the contacted vision and knowledge. But they overestimate their capacity; the instrument of the soul is totally unable to measure up to requirements; there are aspects of their life upon which the light may not shine; there are secret faults which they know but cannot break; there is the desire for fame and power; there is ambition. They are not yet the soul in functioning activity. They have simply had a vision of a possibility. Hence they crash through their failure to see the personality as it is.

ảo giác. Tất cả chúng ta đều có nguy cơ bị lừa dối theo đúng cách này, khi chúng ta bắt đầu tham thiền, nếu trí tuệ phân biện không cảnh giác, hoặc nếu chúng ta có một khao khát thầm kín về sự nổi bật tinh thần, hoặc mắc phải một mặc cảm tự ti cần được bù đắp. Một nguyên nhân khác cho sự ảo tưởng nằm ở thực tế là những người này có lẽ đã thực hiện một cuộc tiếp chạm thực sự với linh hồn. Họ đã có một tia chớp về sự toàn tri của nó và bị cuốn đi bởi chính sự kỳ diệu của linh ảnh và kiến thức đã tiếp chạm. Nhưng họ đánh giá quá cao năng lực của mình; công cụ của linh hồn hoàn toàn không thể đáp ứng được các yêu cầu; có những khía cạnh trong cuộc sống của họ mà ánh sáng có thể không chiếu tới; có những lỗi lầm thầm kín mà họ biết nhưng không thể phá vỡ; có sự ham muốn danh tiếng và quyền lực; có tham vọng. Họ chưa phải là linh hồn trong hoạt động chức năng. Họ chỉ đơn giản là đã có một linh ảnh về một khả năng. Do đó, họ sụp đổ vì thất bại trong việc nhìn thấy phàm ngã như nó vốn là.

Yet, in spite of the truth of the above, let us always remember that it *is* the privilege of the true knower to work in the closest co-operation with the Guides of the race, but that the method of co-operation is not the one which deceived the aspirant. Only when we have begun consciously to function as souls, and only when we are busy with self-forgetting service — a service that is self-initiated, and carried forward because the soul is group conscious, and it is in the nature of the soul to serve — will we make such a contact. [247] The Christ is the Son of God in full functioning activity, the "Eldest in a great family of brothers." He has a consciousness which is universal in its scope, and through Him the love of God pours, and the purposes of God are working to fruition. He is the Master of all the Masters, and the Teacher alike of Angels and

Tuy nhiên, bất chấp sự thật của những điều trên, chúng ta hãy luôn nhớ rằng đặc quyền của thức giả chân chính *là* làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ nhất với Các Đấng Dẫn dắt nhân loại, nhưng phương pháp hợp tác không phải là phương pháp đã lừa dối người chí nguyện. Chỉ khi chúng ta đã bắt đầu hoạt động một cách có ý thức như những linh hồn, và chỉ khi chúng ta bận rộn với sự phụng sự quên mình — một sự phụng sự tự khởi xướng, và được tiến hành vì linh hồn có tâm thức nhóm, và bản chất của linh hồn là phụng sự — thì chúng ta mới thực hiện một cuộc tiếp chạm như vậy. [247] Đức Christ là Con của Thượng đế trong hoạt động chức năng trọn vẹn, là "Người anh cả trong một gia đình lớn của các huynh đệ." Ngài có một tâm thức phổ quát trong phạm vi của nó, và thông qua Ngài, tình thương của Thượng đế tuôn đổ, và các mục đích của Thượng đế

of men. When He and those associated with Him find an aspirant who is engrossed with the work to be done in self-discipline, who is faithful and conscientious in his endeavor, they look to see if the light within him has reached the point of "the shining forth." If they find one who is so anxious to serve his fellowmen that he is looking for no phenomenal contacts for himself and is not interested in being patted on the back and having his pride and self-satisfaction fed in this manner, then they may reveal to him the work that he can do in his own sphere of influence to further the Divine Plan. But he will have to begin where he is; he will have to make his demonstration first of all in his home or office; he will have to prove himself in the small things before he can be safely trusted with the big. The ludicrous arrogance of some of the writings which record the psychic contacts of the writers is almost beyond belief. They certainly lack a sense of humor at least.

đang hoạt động để đơm hoa kết trái. Ngài là Chân sư của tất cả các Chân sư, và là Huấn sư của cả Thiên thần và con người. Khi Ngài và những người liên kết với Ngài tìm thấy một người chí nguyện mải mê với công việc cần làm trong việc tự kỷ luật, người trung thành và tận tâm trong nỗ lực của mình, các Ngài nhìn xem liệu ánh sáng bên trong y đã đạt đến điểm "tỏa sáng" hay chưa. Nếu các Ngài tìm thấy một người tha thiết phụng sự đồng loại đến mức y không tìm kiếm các tiếp chạm hiện tượng cho bản thân và không quan tâm đến việc được vỗ vai và được nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh và sự tự mãn theo cách này, thì các Ngài có thể tiết lộ cho y công việc mà y có thể làm trong phạm vi ảnh hưởng của riêng mình để thúc đẩy Thiên Cơ. Nhưng y sẽ phải bắt đầu từ nơi y đang đứng; y sẽ phải thể hiện điều đó trong thực tế trước hết trong gia đình hoặc văn phòng của mình; y sẽ phải chứng tỏ bản thân trong những việc nhỏ trước khi có thể được tin cậy giao phó những việc lớn một cách an toàn. Sự kiêu ngạo lố bịch của một số bài viết ghi lại các tiếp chạm thông linh của các tác giả gần như không thể tin được. Ít nhất họ chắc chắn thiếu khiếu hài hước.

The point that every student of meditation should always bear in mind is that all knowledge and instructions are conveyed to the mind and brain by a man's own soul; it is the soul that illumines his way. The Teachers and Masters of the race work through [248] souls. This cannot be too often reiterated. Therefore, the prime duty of every aspirant should be the perfect performance of meditation and service and discipline, and not the making of contact with some great Soul. It is less interesting, but preserves him from illusion. If he does this, the higher results will take care of themselves. Should an apparition appear to him, therefore, and should such an entity make platitudinous comments, he will use

Điểm mà mọi môn sinh tham thiền phải luôn ghi nhớ là tất cả kiến thức và chỉ dẫn được truyền đến thể trí và bộ não bởi chính linh hồn của người đó; chính linh hồn soi sáng con đường của y. Các Huấn sư và Chân sư của nhân loại làm việc thông qua [248] các linh hồn. Dù nhắc lại điều này bao nhiêu lần cũng không quá nhiều. Do đó, nhiệm vụ chính của mọi người chí nguyện phải là thực hiện hoàn hảo việc tham thiền, phụng sự và kỷ luật, chứ không phải là tạo ra sự tiếp chạm với một Linh hồn vĩ đại nào đó. Điều này ít thú vị hơn, nhưng giữ cho y khỏi bị ảo tưởng. Nếu y làm điều này, các kết quả cao hơn sẽ tự lo liệu. Do đó, nếu một sự hiện hình xuất hiện với y, và nếu một thực thể như vậy đưa ra những bình luận sáo rỗng, y

the same judgment as he would in business or ordinary life with a man who came and said to him, “A great work lies in your hands, you are doing well. We see and know, etc., etc.” He would probably laugh and continue with the activity or duty of the moment.

sẽ sử dụng sự phán đoán tương tự như y sẽ làm trong kinh doanh hoặc cuộc sống bình thường với một người đến và nói với y, “Một công việc vĩ đại nằm trong tay anh, anh đang làm tốt. Chúng tôi thấy và biết, v.v., v.v.” Y có lẽ sẽ cười và tiếp tục với hoạt động hoặc nhiệm vụ của thời điểm hiện tại.

Another effect of meditation, and a very prevalent one at this time, is the flood of so-called inspirational writings which are coming out, with high claims made for them, everywhere. Men and women are busily writing automatically, inspirationally, and prophetically, and giving to the public the result of their labors. These writings are distinguished by certain uniform features and can be explained in several ways. They emanate from many different interior sources. They are curiously alike; they indicate a lovely aspirational spirit; they say no new thing, but repeat what has often been said before; they are full of statements and phrases which link them up with the writings of the mystics or with the Christian teaching; they may contain prophecies as to future events (usually dire and dreadful, and seldom, if ever, of a happy nature) they carry much [249] comfort to the writer and make him feel he is a great and wonderful soul; and, fortunately, they are generally innocuous. Their name is legion, and they become exceedingly tiresome after one has toiled through a few of the manuscripts. Some few are definitely destructive. They foretell great and immediate cataclysms, and breed fear in the world. Even suppose these predictions are true, one is tempted to ask whether anything is gained by frightening the public and whether it is not more constructive to build the realization of their immortal destiny into people than to tell them they are going down in a tidal wave, or will be submerged in the catastrophe which is going

Một hiệu quả khác của tham thiền, và rất phổ biến vào thời điểm này, là làn sóng của những bài viết được gọi là đầy cảm hứng đang xuất hiện, với những tuyên bố cao siêu được đưa ra cho chúng, ở khắp mọi nơi. Những người nam và nữ đang bận rộn viết một cách tự động, đầy cảm hứng và mang tính tiên tri, và đưa ra cho công chúng kết quả lao động của họ. Những bài viết này được phân biệt bởi một số đặc điểm thống nhất và có thể được giải thích theo nhiều cách. Chúng bắt nguồn từ nhiều nguồn nội tại khác nhau. Chúng giống nhau một cách kỳ lạ; chúng chỉ ra một tinh thần khát vọng đáng yêu; chúng không nói điều gì mới, mà lặp lại những gì thường được nói trước đây; chúng đầy những tuyên bố và cụm từ liên kết chúng với các bài viết của các nhà thần bí hoặc với giáo lý Cơ Đốc giáo; chúng có thể chứa những lời tiên tri về các sự kiện tương lai (thường là thảm khốc và đáng sợ, và hiếm khi, nếu có, mang tính hạnh phúc) chúng mang lại nhiều [249] sự an ủi cho người viết và khiến y cảm thấy mình là một linh hồn vĩ đại và tuyệt vời; và, may mắn thay, chúng thường vô hại. Số lượng của chúng rất đông, và chúng trở nên cực kỳ nhàm chán sau khi người ta đã vất vả đọc qua một vài bản thảo. Một số ít chắc chắn mang tính phá hoại. Chúng báo trước những đại biến động lớn sắp xảy ra, và nuôi dưỡng nỗi sợ hãi trên thế giới. Ngay cả khi giả sử những dự đoán này là đúng, người ta cũng bị cám dỗ để hỏi liệu có đạt được gì không bằng cách làm công chúng sợ hãi và liệu có mang tính xây dựng hơn không khi giúp con người nhận thức về định mệnh bất tử của mình hơn là nói với họ rằng

to wipe their particular city off the map. What are these writings — good and innocuous, or harmful and destructive and subversive of public order? They fall roughly into two classes. First, there are the writings of those sensitive souls who can tune in — again on psychic levels — with the mass of aspirations, longings and ideas of the mystics of all times, or, equally, them can tune in on the fears of the ages, the racial and hereditary fears, or the fears engendered by world conditions prevailing at this time. These they record and write down and hand around to their friends. Under this category come the writings of those who are sensitive in a more mental manner, and can tune in telepathically with the mental world; they are responsive to the mind of some powerful thinker, or to the massed concepts of the religious world; they register, on mental levels, the fear and hatred and separativeness [250] of the masses. Whether the material they record is good or bad, whether it is happy, which it seldom is, or unhappy in nature, and whether it carries a vibration of fear and foreboding, it is all psychic stuff, and it in no way indicates the revealing quality of the soul. The prophecies in the Books of Daniel and Revelations have been responsible for the building up of a thought-form of fear and of terror which has led to much writing of a psychic nature, and the exclusiveness of organized religion has led many to separate themselves off from the rest of humanity and to regard themselves as the elect of the Lord, with the mark of the Christ on their foreheads and, therefore, to take the position that they are safe and the rest of the world must perish, unless they can be brought to interpret truth and the future in the exclusive terms of the anointed and select.

họ sẽ chìm trong một cơn sóng thần, hoặc sẽ bị nhấn chìm trong thảm họa sẽ xóa sổ thành phố cụ thể của họ khỏi bản đồ. Những bài viết này là gì — tốt và vô hại, hay có hại và phá hoại và lật đổ trật tự công cộng? Chúng đại khái rơi vào hai loại. Thứ nhất, có những bài viết của những linh hồn nhạy cảm có thể bắt sóng — một lần nữa trên các cấp độ thông linh — với khối lượng các khát vọng, mong mỏi và ý tưởng của các nhà thần bí thuộc mọi thời đại, hoặc, cũng như vậy, họ có thể bắt sóng với những nỗi sợ hãi của các thời đại, những nỗi sợ hãi chủng tộc và di truyền, hoặc những nỗi sợ hãi do điều kiện thế giới đang thịnh hành vào thời điểm này gây ra. Họ ghi lại và viết xuống những điều này và truyền tay cho bạn bè của họ. Trong loại này có các bài viết của những người nhạy cảm theo cách trí tuệ hơn, và có thể bắt sóng viễn cảm với thế giới trí tuệ; họ đáp ứng với tâm trí của một nhà tư tưởng mạnh mẽ nào đó, hoặc với các khái niệm tập trung của thế giới tôn giáo; họ ghi nhận, trên các cấp độ trí tuệ, nỗi sợ hãi, hận thù và sự chia rẽ [250] của quần chúng. Cho dù tài liệu họ ghi lại là tốt hay xấu, cho dù nó hạnh phúc, điều mà hiếm khi xảy ra, hay bất hạnh về bản chất, và cho dù nó mang một rung động sợ hãi và điềm báo, tất cả đều là những thứ thuộc về thông linh, và nó không hề chỉ ra phẩm tính tiết lộ của linh hồn. Những lời tiên tri trong Sách Daniel và Khải Huyền đã chịu trách nhiệm cho việc xây dựng một hình tư tưởng sợ hãi và kinh hoàng dẫn đến nhiều bài viết có tính chất thông linh, và sự độc tôn của tôn giáo có tổ chức đã khiến nhiều người tự tách mình ra khỏi phần còn lại của nhân loại và coi mình là những người được chọn của Chúa, với dấu ấn của Đức Christ trên trán và do đó, giữ lập trường rằng họ an toàn và phần còn lại của thế giới phải chết, trừ khi họ có thể được đưa đến để diễn giải chân lý và tương lai theo các thuật ngữ độc quyền của những người được xức dầu và tuyển chọn.

Secondly, these writings can indicate a process of self unfoldment, and a method whereby the introverted mystic can become the extrovert. The writer may be tapping the wealth of the subconscious knowledge which is his, and which he has accumulated through his reading, thinking and contacts. This mind has recorded and stored up much of which he remains for years totally unaware. Then he begins to meditate and suddenly taps the depths of his own nature and penetrates to the resources of his own subconsciousness and to information which has dropped below the threshold of his ordinary consciousness. He begins to write assiduously. Why he should regard these thoughts as emanating from the [251] Christ, or from some great Teacher is a puzzle. It probably feeds his pride — again quite unconsciously — to feel he is a channel through which the Christ can communicate. I am not referring here to the mass of automatic writings which are so popular now. I am supposing that the student of meditation refuses to have anything to do with this kind of dangerous work. No true aspirant, in his efforts to be master of himself, will hand over the reins of government and submit to the control of any entity, incarnate or discarnate; neither will he render up his hand blindly for any force to use. The dangers of this kind of work are becoming too well known and have landed so many people in the psychopathic wards, or necessitated their being freed from obsessions or from "idées fixes", that there is no need for me to enlarge upon it.

Thứ hai, những bài viết này có thể chỉ ra một quá trình khai mở bản thân, và một phương pháp theo đó nhà thần bí hướng nội có thể trở thành người hướng ngoại. Người viết có thể đang khai thác sự phong phú của kiến thức tiềm thức thuộc về y, và những gì y đã tích lũy qua việc đọc, suy nghĩ và các tiếp chạm của mình. Thể trí này đã ghi lại và lưu trữ nhiều điều mà y hoàn toàn không hay biết trong nhiều năm. Sau đó, y bắt đầu tham thiền và đột nhiên khai thác được chiều sâu bản chất của chính mình và thâm nhập vào các nguồn lực của tiềm thức chính mình và vào thông tin đã rơi xuống dưới ngưỡng tâm thức bình thường của y. Y bắt đầu viết một cách siêng năng. Tại sao y lại coi những suy nghĩ này là bắt nguồn từ [251] Đức Christ, hoặc từ một Huấn sư vĩ đại nào đó là một câu đố. Nó có lẽ nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh của y — một lần nữa hoàn toàn vô thức — khi cảm thấy y là một kênh mà qua đó Đức Christ có thể giao tiếp. Tôi không đề cập ở đây đến hàng loạt các bài viết tự động đang rất phổ biến hiện nay. Tôi đang giả sử rằng người môn sinh tham thiền từ chối dính dáng bất cứ điều gì đến loại công việc nguy hiểm này. Không một người chí nguyện chân chính nào, trong nỗ lực làm chủ bản thân, lại trao quyền cai quản và phục tùng sự kiểm soát của bất kỳ thực thể nào, dù đang nhập thế hay thoát xác; y cũng sẽ không giao phó bàn tay của mình một cách mù quáng cho bất kỳ mãnh lực nào sử dụng. Những nguy hiểm của loại công việc này đang trở nên quá nổi tiếng và đã đưa rất nhiều người vào các trại tâm thần, hoặc buộc họ phải được giải phóng khỏi các sự ám ảnh hoặc khỏi những "ý tưởng cố định", đến nỗi tôi không cần phải nói thêm về nó.

How, it might be pertinently asked, can one can distinguish between the truly inspired writings of the true knower, and this mass of literature which is flooding the minds of

Có thể hỏi một cách thích đáng rằng, làm thế nào người ta có thể phân biệt giữa các bài viết thực sự được truyền cảm hứng của thức giả chân chính, và khối lượng văn học đang

the public at this time? First, I should say that the true inspirational writing will be entirely without self-reference; it will sound a note of love and will be free from hatreds and racial barriers; it will convey definite knowledge and carry a note of authority by its appeal to the intuition; it will respond to the law of correspondences, and fit into the world picture; above all, it will carry the impress of Divine Wisdom and lead the race on a little further. As to its mechanics; the writers of such a type of teaching will have a real understanding [252] of the methods they employ. They will have mastered the technique of the process; they will be able to guard themselves from illusion, and from the intrusion of personalities, and will have a working knowledge of the apparatus with which they are working. If they are receiving teachings from discarnate entities, and from great Masters, they will know how to receive it, and will then know all about the agent transmitting the teaching.

tràn ngập tâm trí công chúng vào lúc này? Thứ nhất, tôi phải nói rằng bài viết truyền cảm hứng thực sự sẽ hoàn toàn không tham chiếu đến bản thân; nó sẽ gióng lên một âm hưởng của tình thương và sẽ không có hận thù và các rào cản chủng tộc; nó sẽ truyền tải kiến thức xác định và mang một âm hưởng thẩm quyền bằng sự hấp dẫn của nó đối với trực giác; nó sẽ đáp ứng với định luật tương ứng, và phù hợp với bức tranh thế giới; trên hết, nó sẽ mang dấu ấn của Minh Triết Thiêng Liêng và dẫn dắt nhân loại tiến thêm một chút nữa. Về cơ chế của nó; những người viết loại giáo huấn như vậy sẽ có một sự thấu hiểu thực sự [252] về các phương pháp họ sử dụng. Họ sẽ làm chủ kỹ thuật của quá trình; họ sẽ có thể tự bảo vệ mình khỏi ảo tưởng, và khỏi sự xâm nhập của các phàm ngã, và sẽ có kiến thức thực hành về bộ máy mà họ đang làm việc cùng. Nếu họ đang nhận các giáo huấn từ các thực thể thoát xác, và từ các Chân sư vĩ đại, họ sẽ biết cách nhận nó, và sau đó sẽ biết tất cả về tác nhân truyền tải giáo huấn.

True servers of the race and those who have contacted the world of the soul, through meditation, have no time for platitudes; these can safely be left to the parrots of the world; they are too busy serving constructively to care to pick up mantles which are only a veil to pride; they are not interested in the good opinion of any person, incarnate or discarnate, and care only for the approval of their own soul, and are vitally interested in the pioneering work of the world. They will do nothing to feed hatred and separativeness or to foster fear. There are numbers of people in the world only too ready to do that. They will fan the flame of love wherever they go; they will teach brotherhood in its true inclusiveness, and not a system which will teach brotherhood to a few and leave the rest outside. They will recognize all men as sons of God and will not

Những người phụng sự chân chính của nhân loại và những người đã tiếp chạm với thế giới của linh hồn, thông qua tham thiền, không có thời gian cho những lời sáo rỗng; những điều này có thể an toàn để lại cho những con vẹt của thế giới; họ quá bận rộn phụng sự một cách xây dựng để quan tâm đến việc nhặt những chiếc áo choàng chỉ là tấm màn che cho lòng kiêu hãnh; họ không quan tâm đến ý kiến tốt của bất kỳ người nào, dù đang nhập thế hay thoát xác, và chỉ quan tâm đến sự chấp thuận của linh hồn chính họ, và quan tâm sâu sắc đến công việc tiên phong của thế giới. Họ sẽ không làm gì để nuôi dưỡng hận thù và sự chia rẽ hoặc để thúc đẩy nỗi sợ hãi. Có rất nhiều người trên thế giới chỉ chực chờ để làm điều đó. Họ sẽ thổi bùng ngọn lửa tình thương bất cứ nơi nào họ đến; họ sẽ dạy về tình huynh đệ trong tính bao gồm thực sự của nó, chứ không phải

set themselves upon a pedestal of righteousness and knowledge from whence they proclaim the truth as they see it and consign those to destruction who do not see as they do, or do not act as they feel they should, placing them outside the pale; they will not [253] regard one race as better than another, though they may recognize the evolutionary plan and the work that each race has to do. They will, in short, occupy themselves by building up the characters of men, and not waste their time in tearing down personalities, and dealing with effects and with results. They work in the world of causes, and enunciate principles. The world is full of those who tear down, and who feed the present hatreds, and who widen the divisions between races and groups, between rich and poor. Let the true student of meditation remember that when he makes a contact with his soul, and becomes at-one with Reality, he is entering into a state of group awareness, which breaks down all barriers, and leaves none of the sons of God outside its field of knowledge.

một hệ thống dạy tình huynh đệ cho một số ít và bỏ những người còn lại bên ngoài. Họ sẽ nhận ra tất cả mọi người là các con của Thượng đế và sẽ không đặt mình lên bệ thờ của sự công chính và kiến thức từ đó họ tuyên bố chân lý theo cách họ thấy và đày đọa những người không thấy như họ, hoặc không hành động như họ cảm thấy nên làm, vào sự hủy diệt, loại họ ra ngoài cộng đồng; họ sẽ không [253] coi chủng tộc này tốt hơn chủng tộc khác, mặc dù họ có thể nhận ra kế hoạch tiến hóa và công việc mà mỗi chủng tộc phải làm. Tóm lại, họ sẽ bận rộn với việc xây dựng tính cách của con người, và không lãng phí thời gian vào việc phá bỏ các phàm ngã, và giải quyết các hệ quả và kết quả. Họ làm việc trong thế giới của các nguyên nhân, và phát biểu các nguyên tắc. Thế giới đầy rẫy những kẻ phá bỏ, và những kẻ nuôi dưỡng hận thù hiện tại, và những kẻ nới rộng sự chia rẽ giữa các chủng tộc và các nhóm, giữa giàu và nghèo. Hãy để người môn sinh chân chính của tham thiền nhớ rằng khi y thực hiện một cuộc tiếp chạm với linh hồn mình, và trở nên hợp nhất với Thực Tại, y đang bước vào một trạng thái nhận thức nhóm, phá vỡ mọi rào cản, và không để lại bất kỳ người con nào của Thượng đế bên ngoài phạm vi kiến thức của nó.

It is possible to mention other forms of illusion, for the first world the aspirant contacts seems usually to be the psychic world, and that is the world of illusion. This world of illusion has its uses, and entering it is a most valuable experience, provided that the rule of love and of non-self-reference is carried there, and that all contacts made are subjected to the discriminating mind and ordinary commonsense. So many aspirants lack a sense of humor, and take themselves far too seriously. They seem to leave behind them their good sense, when they enter a new field of phenomena. It is useful to record what is seen and heard and then to

Có thể đề cập đến các hình thức ảo tưởng khác, vì thế giới đầu tiên mà người chí nguyện tiếp chạm thường dường như là thế giới thông linh, và đó là thế giới của ảo tưởng. Thế giới ảo tưởng này có những công dụng của nó, và việc bước vào đó là một trải nghiệm quý giá nhất, miễn là quy luật của tình thương và sự không tham chiếu đến bản thân được mang vào đó, và tất cả các tiếp chạm được thực hiện đều phải chịu sự phán xét của trí tuệ phân biện và lương tri thông thường. Rất nhiều người chí nguyện thiếu khiếu hài hước, và coi mình quá nghiêm trọng. Họ dường như bỏ lại lương tri của mình phía sau, khi họ bước vào một lĩnh

forget about it until such time as we have begun to function in the kingdom of the soul; then we will be no longer interested [254] in its recollection. We must also avoid personalities and pride, for they have no place in the life of the soul, which is governed by principles and love to all beings. If these things are developed, there is no danger of any student of meditation being side-tracked, or delayed; he will inevitably enter some day into that world of which it is said "eye hath not seen or ear heard, the things which God hath revealed to them that love him", the time being dependent upon his persistence and patience.

vực hiện tượng mới. Ghi lại những gì được nhìn thấy và nghe thấy là hữu ích và sau đó quên nó đi cho đến khi chúng ta bắt đầu hoạt động trong vương quốc của linh hồn; sau đó chúng ta sẽ không còn quan tâm [254] đến việc hồi tưởng lại nó nữa. Chúng ta cũng phải tránh các vấn đề cá nhân và lòng kiêu hãnh, vì chúng không có chỗ trong đời sống của linh hồn, vốn được chi phối bởi các nguyên tắc và tình thương đối với tất cả chúng sinh. Nếu những điều này được phát triển, sẽ không có nguy cơ bất kỳ môn sinh tham thiền nào bị lạc lối, hoặc bị trì hoãn; y chắc chắn sẽ bước vào một ngày nào đó trong thế giới mà người ta nói rằng "mắt chưa thấy hoặc tai chưa nghe, những điều mà Thượng đế đã tiết lộ cho những ai yêu mến Ngài", thời gian phụ thuộc vào sự kiên trì và kiên nhẫn của y.

The second type of difficulty which we should consider is the one that can be interpreted in terms of energy.

Loại khó khăn thứ hai mà chúng ta nên xem xét là loại có thể được diễn giải theo khía cạnh năng lượng.

Students frequently complain of over-stimulation and of such an increased energy that they find themselves unable to cope with it. They tell us that, when attempting to meditate, they have an inclination to weep, or to be unduly restless; they have periods of intense activity wherein they find themselves running hither and thither serving, talking, writing and working so that they end by undergoing a violent reaction, sometimes to the point of nervous collapse. Others complain of pains in the head, of headaches immediately after meditating, or of an uncomfortable vibration in the forehead, or the throat. They also find themselves unable to sleep as well as heretofore. They are, in fact, over-stimulated. The nervous system is being affected through the medium of fine and subtle "nadis" which underly the nerves and

Các môn sinh thường xuyên phàn nàn về sự kích thích quá mức và về một năng lượng gia tăng đến mức họ thấy mình không thể đối phó với nó. Họ nói với chúng tôi rằng, khi cố gắng tham thiền, họ có khuynh hướng khóc, hoặc bồn chồn quá mức; họ có những giai đoạn hoạt động mãnh liệt trong đó họ thấy mình chạy ngược chạy xuôi phụng sự, nói chuyện, viết lách và làm việc để rồi kết thúc bằng việc trải qua một phản ứng dữ dội, đôi khi đến mức suy nhược thần kinh. Những người khác phàn nàn về những cơn đau ở đầu, đau đầu ngay sau khi tham thiền, hoặc một rung động khó chịu ở trán, hoặc cổ họng. Họ cũng thấy mình không thể ngủ ngon như trước đây. Thực tế là họ bị kích thích quá mức. Hệ thần kinh đang bị ảnh hưởng thông qua trung gian của các "nadi" tinh tế và vi tế nằm dưới các dây thần kinh và mà chúng ta đã đề cập trước đó. Những

to which we earlier referred. These troubles are the troubles of the neophyte in the science of meditation [255] and must be dealt with carefully. Rightly handled, they will soon disappear, but if they are ignored they may lead to serious trouble. The earnest and interested aspirant, at this stage, is himself a difficulty, for he is so anxious to master the technique of meditation, that he ignores the rules given him and drives himself, in spite of all the teacher may say or the warnings he may receive. Instead of adhering to the fifteen minute formula which is given him, he endeavors to force the pace and do thirty minutes; instead of following his outline, which is so arranged that it takes about fifteen minutes to complete, he tries to hold the concentration as long as possible, and at the height of his effort, forgetting that he is learning to *concentrate*, and not to meditate, at this stage of his training. So he suffers, and has a nervous breakdown, or a spell of insomnia, and his teacher gets the blame and the science is regarded as dangerous. Yet all the time, he himself is the one in fault.

rắc rối này là những rắc rối của người sơ cơ trong khoa học tham thiền [255] và phải được xử lý cẩn thận. Nếu được xử lý đúng cách, chúng sẽ sớm biến mất, nhưng nếu bị phớt lờ, chúng có thể dẫn đến rắc rối nghiêm trọng. Người chí nguyện tha thiết và quan tâm, ở giai đoạn này, chính y là một khó khăn, vì y quá nóng lòng làm chủ kỹ thuật tham thiền, đến nỗi y phớt lờ các quy tắc được đưa ra cho mình và thúc ép bản thân, bất chấp tất cả những gì giáo viên có thể nói hoặc những cảnh báo mà y có thể nhận được. Thay vì tuân thủ công thức mười lăm phút được đưa ra cho mình, y nỗ lực đẩy nhanh tốc độ và thực hiện ba mươi phút; thay vì tuân theo phác thảo của mình, vốn được sắp xếp sao cho mất khoảng mười lăm phút để hoàn thành, y cố gắng giữ sự tập trung càng lâu càng tốt, và ở đỉnh điểm nỗ lực của mình, quên rằng y đang học cách *tập trung*, chứ không phải tham thiền, ở giai đoạn huấn luyện này. Vì vậy y đau khổ, và bị suy nhược thần kinh, hoặc một đợt mất ngủ, và giáo viên của y bị đổ lỗi và khoa học này bị coi là nguy hiểm. Tuy nhiên, trong suốt thời gian đó, chính y là người có lỗi.

When some of these primary troubles occur, the meditation work should be temporarily stopped, or slowed down. If the condition is not sufficiently serious to warrant the complete cessation of the work, a close observation should be made of where (in the human body) the inflowing energy seems to go. Energy is tapped in meditation, and it will find its way to some part or other of the mechanism.

Khi một số rắc rối ban đầu này xảy ra, công việc tham thiền nên được tạm dừng, hoặc làm chậm lại. Nếu tình trạng không đủ nghiêm trọng để cần ngừng hoàn toàn công việc, cần thực hiện quan sát kỹ lưỡng xem (trong thân thể con người) năng lượng đang tuôn vào dường như đi đến đâu. Năng lượng được khai thác trong tham thiền, và nó sẽ tìm đường đến một phần nào đó của bộ máy.

In *mental* types, or in the case of those who have already some facility in "centering the consciousness" in the head, it is the brain cells which become [256] over-stimulated, leading to headaches, to sleeplessness, to a sense of fulness, or to a disturbing vibration

Ở những người thuộc loại *trí tuệ*, hoặc trong trường hợp những người đã có một số khả năng trong việc "tập trung tâm thức" vào trong đầu, chính các tế bào não trở nên [256] bị kích thích quá mức, dẫn đến đau đầu, mất ngủ, cảm giác đầy ứ, hoặc một rung động

between the eyes or at the very top of the head. Sometimes there is a sense of blinding light, like a sudden flash of lightning or of electricity, registered when the eyes are closed, and in the dark equally as in the light.

gây khó chịu giữa hai mắt hoặc ngay trên đỉnh đầu. Đôi khi có cảm giác về ánh sáng chói lòa, giống như một tia chớp bất ngờ hoặc điện, được ghi nhận khi mắt nhắm lại, và trong bóng tối cũng như trong ánh sáng.

When this is the case, the meditation period should be reduced from fifteen minutes to five, or meditation should be practiced on alternate days, until such time as the brain cells have adjusted themselves to the new rhythm and the increased stimulation. There is no need for anxiety, if wise judgment is used, and obedience to the advice of the teacher is present, but should the student at this time begin to push his meditation, or to increase the time period, he may lay up for himself a good deal of trouble. Again common-sense comes into play, and with the reduction of the time, and with the practice of a little meditation every day, it should soon be possible to bring the work back again to normal. We have had students who have suffered this way, but who, by obedience to suggested rules, and the use of common-sense, are now doing their thirty minutes' or an hour's meditation daily.

Khi trường hợp này xảy ra, thời gian tham thiền nên được giảm từ mười lăm phút xuống còn năm phút, hoặc tham thiền nên được thực hành cách ngày, cho đến khi các tế bào não đã tự điều chỉnh với nhịp điệu mới và sự kích thích gia tăng. Không cần phải lo lắng, nếu sự phán đoán khôn ngoan được sử dụng, và sự vâng lời đối với lời khuyên của giáo viên hiện diện, nhưng nếu người môn sinh vào lúc này bắt đầu thúc đẩy việc tham thiền của mình, hoặc tăng khoảng thời gian, y có thể tích trữ cho mình rất nhiều rắc rối. Một lần nữa lương tri phát huy tác dụng, và với việc giảm thời gian, và với việc thực hành một chút tham thiền mỗi ngày, sẽ sớm có thể đưa công việc trở lại bình thường. Chúng tôi đã có những môn sinh chịu đựng theo cách này, nhưng nhờ vâng lời các quy tắc được gợi ý, và sử dụng lương tri, hiện đang thực hiện tham thiền ba mươi phút hoặc một giờ hàng ngày.

In *emotional* types, the trouble is first sensed in the region of the solar plexus. The student finds himself prone to irritation and to anxiety and worry; also, particularly in the case of women, there may be found a disposition to cry easily. Sometimes there is a tendency to nausea, for there is a close [257] relation between the emotional nature and the stomach, as is evidenced by frequency of vomiting in moments of shock, or fright, or intense emotion. The same rules apply as in the first set of cases: common-sense and a careful and slower use of the meditation process.

Ở những người thuộc loại *cảm xúc*, rắc rối đầu tiên được cảm nhận ở vùng tùng thái dương. Người môn sinh thấy mình dễ bị kích thích và lo lắng và phiền muộn; ngoài ra, đặc biệt là trong trường hợp phụ nữ, có thể tìm thấy khuynh hướng dễ khóc. Đôi khi có khuynh hướng buồn nôn, vì có một mối quan hệ [257] chặt chẽ giữa bản chất cảm xúc và dạ dày, bằng chứng là tần suất nôn mửa trong những khoảnh khắc sốc, hoặc sợ hãi, hoặc cảm xúc mãnh liệt. Các quy tắc tương tự cũng áp dụng như trong nhóm trường hợp đầu tiên: lương tri và việc sử

dụng cẩn thận và chậm hơn quy trình tham thiền.

Another result of over-stimulation might be mentioned. People find themselves becoming over-sensitive. The senses work overtime and all their reactions are more acute. They "take on" the conditions, physical or psychic, of those with whom they live; they find themselves "wide open" to the thoughts and moods of other people. The cure for this is not to lessen the meditation periods — these should be continued as per schedule, — but to become more mentally interested in life, in the thought world, in some subject which will tend to develop the mental capacity and so bring about the ability to live in the head and not in the emotional region. Focussed attention to life and its problems, and some potent mental occupation will effect a cure. It is for this reason that wise teachers of meditation parallel the meditation work with some course of reading and study, so as to preserve the balance of their students. A rounded out development is needed always, and a trained mind should accompany growth in the spiritual life.

Một kết quả khác của sự kích thích quá mức có thể được đề cập. Mọi người thấy mình trở nên quá nhạy cảm. Các giác quan làm việc quá giờ và tất cả các phản ứng của họ đều gay gắt hơn. Họ "nhận lấy" các điều kiện, vật lý hoặc thông linh, của những người mà họ sống cùng; họ thấy mình "mở toang" trước những suy nghĩ và tâm trạng của người khác. Cách chữa trị cho điều này không phải là giảm bớt các giai đoạn tham thiền — những giai đoạn này nên được tiếp tục theo lịch trình, — mà là trở nên quan tâm đến cuộc sống một cách trí tuệ hơn, đến thế giới tư tưởng, đến một chủ đề nào đó có xu hướng phát triển năng lực trí tuệ và do đó mang lại khả năng sống trong đầu và không phải trong vùng cảm xúc. Sự chú ý tập trung vào cuộc sống và các vấn đề của nó, và một số bận rộn trí tuệ mạnh mẽ sẽ mang lại sự chữa lành. Chính vì lý do này mà các giáo viên tham thiền khôn ngoan song hành công việc tham thiền với một khóa đọc và nghiên cứu nào đó, để giữ gìn sự cân bằng cho các môn sinh của họ. Một sự phát triển toàn diện luôn luôn cần thiết, và một thể trí được huấn luyện nên đi kèm với sự tăng trưởng trong đời sống tinh thần.

There is a third category of undesirable results which should not be omitted. Many students of meditation complain that their sex life has been tremendously stimulated and is giving them much trouble. [258] We have come across such cases. On investigation, it will usually be found that these students are people whose animal nature is very strong, who have led an active and ill-regulated sex life, or whose thoughts are much engrossed with sex, even if the physical life is controlled. A strong mental complex as to sex is often discovered, and

Có một loại kết quả không mong muốn thứ ba không nên bỏ qua. Nhiều môn sinh tham thiền phàn nàn rằng đời sống tình dục của họ đã bị kích thích khủng khiếp và đang gây cho họ nhiều rắc rối. [258] Chúng tôi đã gặp những trường hợp như vậy. Khi điều tra, thường sẽ thấy rằng những môn sinh này là những người có bản chất thú tính rất mạnh, những người đã có một đời sống tình dục hoạt động và không điều độ, hoặc những người có suy nghĩ quá mải mê với tình dục, ngay cả khi đời sống thể xác được kiểm soát. Một mặc cảm tâm lý mạnh mẽ về tình dục

people who would regard it as wrong to lead an abnormal sex life, or to practice perversions, are mentally occupying themselves with sex or are discussing it all the time and letting it play an undue part in their thought life.

thường được phát hiện, và những người coi việc có một đời sống tình dục bất thường, hoặc thực hành các hành vi lệch lạc là sai trái, lại đang bận rộn về mặt tâm trí với tình dục hoặc đang thảo luận về nó mọi lúc và để nó đóng một vai trò quá lớn trong đời sống tư tưởng của họ.

Some most worthy people have also a settled conviction that celibacy must always accompany the life of the spirit. May it not be possible that the true celibacy to which the ancient rules are intended to refer concerns the attitude of the soul, or spiritual man, to the world, the flesh and the devil, as our Christian Scriptures put it? May not the true celibacy have reference to our abstaining from all appearance of evil? This may in one man involve his abstaining from all sex relations in order to demonstrate to himself his control over the animal nature; in other cases, it may, for instance, involve refraining from all gossip and idle speech. There is nothing sinful in marriage and it is probably the way out for many who would otherwise lead an unduly active mental life where sex is concerned. It is needless, surely, to add here that the true student of meditation should not tolerate in his life promiscuous or illegitimate sexual relations. The aspirant to the [259] life of the spirit conforms not only to the laws of the spiritual kingdom but to the legalized customs of his age and time. He, therefore, regularizes his physical every day life so that the man in the street recognizes the morality, the uprightness and the correctness of his presentation to the world. A home that is based upon a true and happy relation between a man and a woman, upon mutual trust, co-operation and understanding, and in which the principles of spiritual living are emphasized, is one of the finest aids that can be given to the world at this time. A relation that is based on

Một số người xứng đáng nhất cũng có niềm tin kiên định rằng đời sống độc thân phải luôn đi kèm với đời sống tinh thần. Phải chăng đời sống độc thân thực sự mà các quy luật cổ xưa có ý định đề cập đến liên quan đến thái độ của linh hồn, hay con người tinh thần, đối với thế gian, xác thịt và ma quỷ, như Kinh thánh Cơ Đốc giáo của chúng ta đã nói? Phải chăng đời sống độc thân thực sự có liên quan đến việc chúng ta kiêng tránh mọi biểu hiện của cái ác? Điều này ở một người có thể bao gồm việc y kiêng tránh mọi quan hệ tình dục để chứng minh với bản thân về sự kiểm soát của mình đối với bản chất thú tính; trong các trường hợp khác, ví dụ, nó có thể bao gồm việc kiềm chế mọi chuyện ngồi lê đôi mách và lời nói phù phiếm. Không có gì tội lỗi trong hôn nhân và nó có lẽ là lối thoát cho nhiều người nếu không sẽ có một đời sống trí tuệ hoạt động quá mức về vấn đề tình dục. Chắc chắn không cần phải nói thêm ở đây rằng người môn sinh chân chính của tham thiền không nên dung thứ trong cuộc sống của mình những quan hệ tình dục bừa bãi hoặc bất hợp pháp. Người chí nguyện đối với [259] đời sống tinh thần tuân thủ không chỉ các định luật của giới tinh thần mà còn cả các phong tục được hợp pháp hóa của thời đại và thời gian của mình. Do đó, y điều chỉnh đời sống thường ngày về mặt thể xác của mình để người bình thường nhận ra đạo đức, sự ngay thẳng và sự đúng đắn trong sự trình hiện của y trước thế giới. Một mái ấm dựa trên mối quan hệ chân thực và hạnh phúc giữa một người nam và một người nữ, dựa trên sự tin tưởng, hợp tác và thấu hiểu lẫn nhau, và trong đó các nguyên tắc của đời

physical attraction and the gratification of the sex nature, and which has, as its primary objective, the prostitution of the physical nature to animal desire, is evil and wrong. If the goal of our effort is to demonstrate God immanent in form, then no level of consciousness is more intrinsically divine than another, and divinity can be expressed in all human relations. If a married man or woman cannot attain illumination and achieve the goal, then there is something wrong and divinity cannot express itself on one plane, at least, of expression; to put in terms that may sound blasphemous but which will enable us to grasp the futility of these reasonings: God is defeated in one part of His Kingdom.

sống tinh thần được nhấn mạnh, là một trong những sự trợ giúp tốt nhất có thể được trao cho thế giới vào lúc này. Một mối quan hệ dựa trên sự hấp dẫn thể xác và sự thỏa mãn bản chất tình dục, và có mục tiêu chính là sự bán rẻ bản chất thể xác cho dục vọng thú tính, là xấu xa và sai trái. Nếu mục tiêu nỗ lực của chúng ta là biểu hiện Thượng đế nội tại trong hình tướng, thì không có cấp độ tâm thức nào thiêng liêng về bản chất hơn cấp độ nào khác, và thiên tính có thể được biểu hiện trong tất cả các mối quan hệ của con người. Nếu một người đàn ông hoặc phụ nữ đã kết hôn không thể đạt được sự soi sáng và đạt được mục tiêu, thì có điều gì đó sai trái và thiên tính không thể tự biểu hiện trên một cõi, ít nhất, của sự biểu hiện; nói theo những thuật ngữ có thể nghe có vẻ báng bổ nhưng sẽ cho phép chúng ta nắm bắt được sự vô ích của những lý luận này: Thượng đế bị đánh bại trong một phần của Vương quốc Ngài.

This point has been enlarged upon because so many people, and particularly men, find that the animal nature requires attention when they begin to meditate. They discover within themselves uncontrolled desires, plus physiological effects which [260] cause them acute trouble and discouragement. A person may have a high aspiration and a strong urge towards spiritual living and yet have aspects of his nature still uncontrolled. The energy that pours in during meditation pours down through the mechanism and stimulates the entire sex apparatus. The weak point is always discovered and stimulated. The cure for this situation can be summed up in the words: — control of the thought life and transmutation. An intense mental preoccupation and interest should be cultivated in other directions than the line of least resistance — sex. There should be an endeavor at all times to keep the energy contacted in the head and to permit it to

Điểm này đã được mở rộng vì rất nhiều người, và đặc biệt là nam giới, thấy rằng bản chất thú tính đòi hỏi sự chú ý khi họ bắt đầu tham thiền. Họ phát hiện ra bên trong mình những dục vọng không kiểm soát được, cộng với những hiệu ứng sinh lý [260] gây ra cho họ rắc rối nghiêm trọng và sự nản lòng. Một người có thể có khát vọng cao cả và sự thôi thúc mạnh mẽ hướng tới đời sống tinh thần nhưng vẫn có những khía cạnh trong bản chất của mình chưa được kiểm soát. Năng lượng tuôn vào trong khi tham thiền tuôn xuống qua bộ máy và kích thích toàn bộ bộ máy tình dục. Điểm yếu luôn được phát hiện và kích thích. Cách chữa trị cho tình huống này có thể được tóm tắt trong các từ: — kiểm soát đời sống tư tưởng và sự chuyển hóa. Một sự bận tâm và quan tâm trí tuệ mãnh liệt nên được trau dồi theo các hướng khác ngoài con đường ít trở ngại nhất — tình dục. Cần phải có nỗ lực mọi lúc để giữ năng lượng được tiếp chạm ở trong đầu và cho phép nó

work out through creative activity of some kind. The eastern teaching tells us that energy, usually directed to the functioning of the sex life, has to be raised and carried to the head and throat, particularly the latter, as it is, we are told, the centre of creative work. To put it in western terms, this means that we learn to transmute the energy utilized in the procreative process or in sex thoughts and use it in the work of creative writing, in artistic endeavor, or in some expression of group activity. The tendency in modern times to find the one-pointed thinker and purely mental type evading marriage and as he frequently does leading a purely celibate life, may be a demonstration of the truth of the eastern position. It is causing a good deal of concern among those who study our falling birth rate. Transmutation is not surely the [261] death of an activity or a cessation of functioning on any level of consciousness for the sake of a higher. It is the right utilization of the various aspects of energy wherever the Self feels they should be used for the furthering of the ends of evolution, and the helping of the Plan. The mind, illumined by the soul, should be the controlling factor, and when we think straight, live straight, and raise all thoughts and energies into the "Heavenly places" we shall solve our problems through the development of a spiritual normality which is greatly needed at this time, particularly among aspirants and esoteric students.

hoạt động thông qua hoạt động sáng tạo thuộc loại nào đó. Giáo lý phương Đông nói với chúng ta rằng năng lượng, thường được hướng đến hoạt động của đời sống tình dục, phải được nâng lên và đưa đến đầu và cổ họng, đặc biệt là cổ họng, vì như chúng ta được biết, đó là trung tâm của công việc sáng tạo. Để diễn đạt theo thuật ngữ phương Tây, điều này có nghĩa là chúng ta học cách chuyển hóa năng lượng được sử dụng trong quá trình sinh sản hoặc trong những suy nghĩ tình dục và sử dụng nó trong công việc viết lách sáng tạo, trong nỗ lực nghệ thuật, hoặc trong một biểu hiện nào đó của hoạt động nhóm. Xu hướng trong thời hiện đại tìm thấy nhà tư tưởng nhất tâm và loại người thuần túy trí tuệ trốn tránh hôn nhân và như y thường làm, sống một cuộc sống hoàn toàn độc thân, có thể là một minh chứng cho sự thật của lập trường phương Đông. Nó đang gây ra khá nhiều lo ngại cho những người nghiên cứu tỷ lệ sinh đang giảm của chúng ta. Sự chuyển hóa chắc chắn không phải là cái [261] chết của một hoạt động hoặc sự chấm dứt hoạt động trên bất kỳ cấp độ tâm thức nào vì lợi ích của một cấp độ cao hơn. Đó là sự sử dụng đúng đắn các khía cạnh khác nhau của năng lượng bất cứ nơi nào Chân ngã cảm thấy chúng nên được sử dụng cho việc thúc đẩy các mục đích của tiến hóa, và giúp đỡ Thiên Cơ. Thể trí, được soi sáng bởi linh hồn, nên là yếu tố kiểm soát, và khi chúng ta suy nghĩ ngay thẳng, sống ngay thẳng, và nâng tất cả các suy nghĩ và năng lượng vào "Những nơi thuộc về Thiên đường", chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề của mình thông qua sự phát triển của một sự bình thường tinh thần vốn rất cần thiết vào lúc này, đặc biệt là giữa các người chí nguyện và các môn sinh huyền môn.

It might be well also, before this chapter comes to a close, to refer to the dangers to which many are liable if they respond to the appeal of teachers for pupils to "sit for

Cũng có thể là tốt, trước khi chương này khép lại, đề cập đến những nguy hiểm mà nhiều người dễ mắc phải nếu họ đáp lại lời kêu gọi của các giáo viên tìm kiếm học trò để

development." They are then taught to meditate upon some centre of energy, usually the solar plexus, sometimes the heart, curiously enough never the head. Meditating upon a centre is based upon the law that energy follows thought, and leads to the direct stimulation of that centre and the resultant demonstration of the particular characteristics for which these focal points — scattered throughout the human body — are responsible. As the majority of people function primarily through the collected energies that lie below the diaphragm (the sex energies and the emotional energies) their stimulation is most dangerous. In view of this, why take risks? Why not be warned by the experience of others? Why not learn to function as the spiritual [262] man from that point, so quaintly described by the Oriental writers, as "the throne between the eyebrows," and from that high place control all aspects of the lower nature, and guide the daily life in the ways of God.

"ngồi thiền cho sự phát triển." Sau đó, họ được dạy tham thiền về một trung tâm năng lượng nào đó, thường là tùng thái dương, đôi khi là tim, kỳ lạ thay không bao giờ là đầu. Tham thiền về một trung tâm dựa trên quy luật rằng năng lượng tuôn theo tư tưởng, và dẫn đến sự kích thích trực tiếp của trung tâm đó và sự biểu hiện kết quả của các đặc điểm cụ thể mà các tiêu điểm này — nằm rải rác khắp thân thể con người — chịu trách nhiệm. Vì đa số mọi người hoạt động chủ yếu thông qua các năng lượng tập hợp nằm dưới cơ hoành (các năng lượng tình dục và các năng lượng cảm xúc), sự kích thích của chúng là nguy hiểm nhất. Theo quan điểm này, tại sao phải mạo hiểm? Tại sao không được cảnh báo bởi kinh nghiệm của người khác? Tại sao không học cách hoạt động như con người [262] tinh thần từ điểm đó, được các tác giả phương Đông mô tả một cách kỳ lạ, là "ngai tòa giữa hai lông mày," và từ nơi cao đó kiểm soát mọi khía cạnh của bản chất thấp kém, và hướng dẫn cuộc sống hàng ngày theo những con đường của Thượng đế.

CONCLUSION—KẾT LUẬN

"The Spirit within is the long-lost Word,

Besought by the world of the soul in pain

Through a world of words which are void and vain.

O never while shadow and light are blended

Shall the world's Word-Quest or its woe be ended,

And never the world of its wounds made whole

Till the Word made flesh be the Word made soul!"

ARTHUR EDWARD WAITE

[265]

What is to be the result of all our effort? Personal satisfaction or a joyous heaven of endless rest and beatitude? God forbid! The search in the world goes on; the cry of humanity rises from the depths and mounts to the very throne of God Himself. From the heart of the Temple of God, to which we may have fought and wrestled our way, we turn back and work on earth. We rest not in our endeavor till the last of the world's seekers has found his way home.

"Tinh thần bên trong là Linh từ thất lạc từ lâu,

Được cầu khẩn bởi thế giới của linh hồn trong đau đớn

Qua một thế giới của ngôn từ trống rỗng và phù phiếm.

Ôi không bao giờ khi bóng tối và ánh sáng còn hòa quyện

Cuộc Tìm kiếm Linh từ của thế giới hay nỗi thống khổ của nó sẽ chấm dứt,

Và không bao giờ thế giới được chữa lành các vết thương

Cho đến khi Linh từ hóa thành xác thịt trở thành Linh từ hóa thành linh hồn!"

ARTHUR EDWARD WAITE

[265]

Kết quả của tất cả nỗ lực của chúng ta sẽ là gì? Sự thỏa mãn cá nhân hay một thiên đường vui vẻ của sự nghỉ ngơi và phúc lạc bất tận? Tuyệt đối không! Cuộc tìm kiếm trên thế giới vẫn tiếp diễn; tiếng khóc của nhân loại vang lên từ vực thẳm và thấu đến tận ngai tòa của chính Thượng đế. Từ trái tim của Đền thờ của Thượng đế, nơi chúng ta có thể đã chiến đấu và vật lộn để đến được, chúng ta quay trở lại và làm việc trên trái đất. Chúng ta không nghỉ ngơi trong nỗ lực

của mình cho đến khi người tìm kiếm cuối cùng của thế giới tìm được đường về nhà.

What is going to save this world from its present agony, economic distress, and chaos? What is going to usher in the New Age of brotherhood and group living? Who, or what, will save the world? May it not be the emergence into active being of a group of practical mystics, who, banded together in the sense of a divine unity, work in practical ways on earth? They will not retire into monasteries or to the silent places of the world, no matter how alluring that may appear, but they will participate in the normal life of the planet. They will be the business executives in our great cities; they will carry forward our political programs; they will lead the young along the paths of right education; they will control our economic, social and national destinies. They will do all this from the centre of their being and from [266] the standpoint of the soul; they will know the secret of illumination; they will know how to submit all problems to the omniscience of the soul; they will know the secret of the life that makes all men brothers.

Điều gì sẽ cứu thế giới này khỏi nỗi thống khổ hiện tại, sự đau khổ về kinh tế, và sự hỗn loạn? Điều gì sẽ mở ra Kỷ Nguyên Mới của tình huynh đệ và đời sống nhóm? Ai, hoặc cái gì, sẽ cứu thế giới? Phải chăng đó là sự xuất hiện và hoạt động của một nhóm các nhà thần bí thực hành, những người, liên kết với nhau trong ý thức về một sự hợp nhất thiêng liêng, làm việc theo những cách thiết thực trên trái đất? Họ sẽ không lui vào các tu viện hoặc đến những nơi yên tĩnh của thế giới, bất kể điều đó có vẻ hấp dẫn đến mức nào, nhưng họ sẽ tham gia vào cuộc sống bình thường của hành tinh. Họ sẽ là những giám đốc điều hành kinh doanh tại các thành phố lớn của chúng ta; họ sẽ thúc đẩy các chương trình chính trị của chúng ta; họ sẽ dẫn dắt giới trẻ đi theo những con đường giáo dục đúng đắn; họ sẽ kiểm soát vận mệnh kinh tế, xã hội và quốc gia của chúng ta. Họ sẽ làm tất cả những điều này từ trung tâm của bản thể họ và từ [266] quan điểm của linh hồn; họ sẽ biết bí quyết của sự soi sáng; họ sẽ biết cách đệ trình mọi vấn đề lên sự toàn tri của linh hồn; họ sẽ biết bí quyết của cuộc sống khiến tất cả mọi người trở thành anh em.

They will recognize all those they meet as Sons of God, but they will know also the signs of the illumined man and with him they will seek to work for the good of the whole. Telepathically they will find each other, and work, therefore, in the closest co-operation.

Họ sẽ nhận ra tất cả những người họ gặp là Các Con của Thượng đế, nhưng họ cũng sẽ biết các dấu hiệu của người đã được soi sáng và cùng với người đó, họ sẽ tìm cách làm việc vì lợi ích của cái toàn thể. Bằng viễn cảm, họ sẽ tìm thấy nhau, và do đó, làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ nhất.

This group is already in existence and the members of it are in the closest touch with one another. They are to be found in every country in the world, yet daily they meet in the Kingdom of the soul. They speak the

Nhóm này đã hiện hữu và các thành viên của nó đang liên lạc chặt chẽ nhất với nhau. Họ được tìm thấy ở mọi quốc gia trên thế giới, nhưng hàng ngày họ gặp nhau trong Vương quốc của linh hồn. Họ nói cùng một

same language; they have the same ideals; they know no barriers or divisions; they have no hatreds or class distinction; they set up no racial barriers; they see things as they are. They are not wild idealists, but they concentrate on the next step that humanity must take, and not upon the final stages of their own development. They work with worldly wisdom as well as spiritual insight. Above all, they work together and come into touch with one another through the power of a unified realization.

ngôn ngữ; họ có cùng lý tưởng; họ không biết đến rào cản hay sự chia rẽ; họ không có hận thù hay phân biệt giai cấp; họ không dựng lên rào cản chủng tộc; họ nhìn mọi việc như chúng vốn là. Họ không phải là những người lý tưởng hóa điên rồ, nhưng họ tập trung vào bước tiếp theo mà nhân loại phải thực hiện, chứ không phải vào các giai đoạn cuối cùng của sự phát triển của riêng họ. Họ làm việc với sự khôn ngoan thế gian cũng như sự thấu suốt tinh thần. Trên hết, họ làm việc cùng nhau và tiếp xúc với nhau thông qua sức mạnh của một sự chứng nghiệm thống nhất.

This integrating group of mystics and knowers is the hope of the world and constitutes the World Savior. They are above and beyond all creeds and theologies; they work in all fields of human achievement — the scientific field, the political, the religious, the educational and the philosophical. They are not [267] interested in terminologies, nor do they waste time seeking to impose on others their pet theories, their peculiar terms, or their particular approach to truth. They recognize the truth underlying all presentations and are only interested in the principles of brotherhood, in the emphasizing of essentials and in living the life of the spirit in the world of every day.

Nhóm các nhà thần bí và các thức giả đang tích hợp này là hy vọng của thế giới và cấu thành Đấng Cứu Thế Giới. Họ ở trên và vượt ra ngoài mọi tín điều và thần học; họ làm việc trong mọi lĩnh vực thành tựu của con người — lĩnh vực khoa học, chính trị, tôn giáo, giáo dục và triết học. Họ không [267] quan tâm đến các thuật ngữ, cũng không lãng phí thời gian tìm cách áp đặt lên người khác những lý thuyết yêu thích, những thuật ngữ đặc biệt, hay cách tiếp cận chân lý cụ thể của họ. Họ nhận ra chân lý nằm dưới tất cả các sự trình hiện và chỉ quan tâm đến các nguyên tắc của tình huynh đệ, đến việc nhấn mạnh những điều cốt yếu và đến việc sống đời sống tinh thần trong thế giới hàng ngày.

They know the meaning of meditation and they are with us now. Ours is the privilege of joining their ranks by submitting ourselves to the technique of meditation, to the discipline of right daily living and to the influence of the pure motive of SERVICE.

Họ biết ý nghĩa của tham thiền và họ đang ở cùng chúng ta ngay lúc này. Đặc quyền của chúng ta là gia nhập hàng ngũ của họ bằng cách tuân theo kỹ thuật tham thiền, vào kỷ luật của đời sống hàng ngày đúng đắn và vào ảnh hưởng của động cơ PHỤNG SỰ trong sáng.

ARCANE SCHOOL TRAINING—HUẤN LUYỆN TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship is provided

Huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới được cung cấp

by the *Arcane School*. The principles of the

bởi *Trường Arcane*. Các nguyên tắc của

Ageless Wisdom are presented through esoteric

Minh Triết Ngàn Đời được trình bày thông qua

meditation, study and service as a *way of life.*

tham thiền huyền môn, học tập và phụng sự như một *lối sống.*

Contact the publishers for information

Liên hệ với nhà xuất bản để biết thông tin

www.lucistrust.org/arcane school